

Tác Giả và Tác Phẩm

Tô Hoài (I)

Tiểu sử

(Xem Vài hàng về tác giả)

Tác phẩm

(Xem Vài hàng về tác giả)



Tô Hoài - tranh Nguyễn Hữu Khoa

Mục Lục

Vợ chồng A Phủ – 2

O chuột – 10

Tô Hoài - nhìn từ một khoảng cách gần – Vương Trí Nhàn – 14

Di sản người kể chuyện – Nguyễn Ngọc - 33

Nàng ba Châu Long – 35

Lấy chồng làng khác – 38

Phụ đính I:

Một kiếp bên trời – Phạm Xuân Nguyên - 41

Tô Hoài trước 1945 - Hoàng Yên Lưu - 43

Lại thịt chó - 47

Cái điều quê ta - 48

Ba bài viết ngắn về Tô Hoài - Vương Trí Nhàn – 50

Tô Hoài – Nguyễn Đăng Mạnh - 58

Nhà nghèo – 66

Bắt rượu - 70

Tô Hoài trước 1945 – Hoàng Yên Lưu – 73

Ký của Tô Hoài - 77

Phụ đính II:

Tùy bút Hà Nội băm sáu phố phường - Đọc chuyện cũ Hà Nội

Phố Hàng Đào - Chim trời Hà Nội – Tên phố tên đường

Phụ đính III:

Giai thoại về Tô Hoài

(Tim bài đọc: ở “Keyboard”, nhấn nút “F5”, đánh số trang, rồi “Enter”)

Vợ chồng A Phủ

Nhân vật A Phủ

Câu chuyện kể lại bây giờ đã ngót năm mươi năm về trước. Mùa thu 1952, khi Nghĩa Lộ đã được giải phóng, tôi lên huyện Văn Chấn là vùng trạm Tấu, sang huyện Phù Yên là Bản Thái, khu người Mông.

Bấy giờ đương Tết cả của người Mông trên núi. Tết không một ngày mà hàng tháng. Gặt hái đã xong, trời rét, lại đợi mưa để làm mùa, thế là nghỉ ngơi, ăn chơi. Từng nhà làm tết, hôm nay cả xóm chén ở nhà này, mai nhà khác mổ lợn, tiết canh cả chậu xắn từng miếng cứ linh đình, ăn tết lần lượt mỗi nhà một hôm cho đến hết mọi nhà. Rộn rã khắp núi, trai gái ném pa pao – một kiểu bóng chuyền thô sơ. Trẻ em đánh quay, con quay gỗ to bằng cái bát. Hay là đuổi bắt chim sẻ, chim sâu, con chim nhỏ bay trên bạt ngàn núi đá chỉ một lúc đã mỏi cánh ngã lăn xuống, chỉ việc nhặt về nướng ăn.

Ở trạm Tấu, tôi gặp A Phủ cùng vợ sắp về ăn tết bên Tà Sùa ở Phù Yên. (Tiếng Mông nói lơ lớ Phủ tôi viết là Phủ cho dễ đọc). Tiếng Mông nhiều chữ gốc Hán. Con trai thường tên là Páo (do chữ Bảo), cô gái là Mỹ hoặc Mỹ (do chữ Mỹ). Tôi đương muốn sang Phù Yên rồi vào các khu du kích Sơn La lên Điện Biên trên Lai Châu. Thế là tôi cùng sang Phù Yên với vợ chồng A Phủ. Từ trạm Tấu đi Tà Sùa đường núi chỉ một hai ngày. Chúng tôi đã đi lâu cả hai phiên chợ. Vì gặp nhiều nhà nương, đến nhà nương nào có người cũng nán lại ăn tết. Làng kháng chiến trên núi, cai đồn Pháp hay lùng lên đốt phá. Cho nên mỗi nhà đều làm nương bí mật trong rừng sâu. Những cái nhà nương một gian vũng chái xinh xắn, nhỏ như cái nhà của trẻ con chơi. Những chân cột ngoàm nâng sàn đứng con – con hổ, con gấu không trèo lên được. áp mái, kho đựng ngô. Ngoài nương trước mặt các thức ăn hàng ngày. Rau cải, đậu răng ngựa, bụi chuối. Cây ớt, bụi gừng, cụm hành, họ, lá sả... Sắn con chuột, con nhím đã có bẫy, nỏ. Thịt khô phơi xẹp trên sàn bếp, hiêm muối, thịt ướp rễ chanh đậm mà chát.

Những cái nhà nương, lều nương này đều có ở suốt truyện *Vợ chồng A Phủ*. Năm 1970 tôi có dịp đi lâu vùng Luang Prabang – bên Thượng Lào, những cái nhà nương quyền luyến tôi vẫn thấy nhiều trong tiểu thuyết *Họ Giàng ở Phìn Sa*.

A Phủ không phải là sự tích một người thật việc thật. Tất cả tai nghe mắt thấy và những trải biết của tôi từ những sự thật ấy tổng hợp vào sáng tạo. Dọc đường A Phủ đã kể những gian truân của vợ chồng anh và mọi sinh hoạt, khó khăn ở khu du kích đã bao năm. Tôi đã đến dự một đêm xử người bẻ trộm ngô, hết như đám xử kiện khủng khiếp đã miêu tả trong truyện và trong phim *Vợ chồng A Phủ* mà nhà văn Kim Lân đã đóng vai phụ pạng (thằng mõ) rất xuất sắc. Chỉ có điều là người đứng ra xử kẻ trộm ngô không phải là thống lý Pá Tra mà là cán bộ ta. Mới giải phóng, địa phương có chủ trương giữ mọi phong tục tập quán không phân biệt là tốt hay là lạc hậu, dã man.

Người cán bộ kết nghĩa anh em với A Phủ là những hoạt động thật của cán bộ địch hậu Chi Mai, cán bộ phụ trách khu du kích Phù Yên. Chi Mai quê ở Hà Đông đã xung phong công tác Tây Bắc. Và phần nào trong tinh thần người cán bộ địch hậu có cả tôi. Tôi đi với Chi Mai, nhiều xóm muốn giữ tôi lại làm thầy giáo. Trong bữa rượu, người ta hay đọ cánh tay, nếu dài bằng nhau mà lại bằng tuổi thì nhất định chúng tôi phải kết làm anh em. Phong tục “ăn sùng” này gốc của người Tày, người Thái, một nếp sống vui và có ý nghĩa, nhiều dân tộc khác đã bắt chước.

Câu chuyện A Phủ kể, tôi đã ngẫm nghĩ mọi mặt tư tưởng, tình cảm của đối tượng và của tôi, tất cả đã sáng tạo nên Vợ chồng A Phủ mà các bạn đã đọc. Có một quang cảnh khác là khu du kích trạm Tấu và bên bản Thái đều ở sâu trong rừng không trông được xuống núi như trong truyện kể. Cũng chuyển đi ấy, tôi đã sang nhà lão du kích Triệu Văn Khìn người Dao, ở mường Cơi. Đồn Tây dưới cánh đồng đã đánh lên núi, mấy lần bị bố con ông Khìn lặn đá xuống, chết

mấy đũa, không dám lên nữa. Ở chỗ nương nhà ông Khìn trông xuống thung lũng, đồn mường Cơi rõ mồn một. Hôm ấy uống rượu ủ bột báng nhắm thịt phượng hoàng đất ông Khìn vừa đi bắn được, tôi nhìn xuống và quyết định đưa cái động trông thấy ở mường Cơi sang cánh đồng dưới chân núi nhà nương của vợ chồng A Phủ.

Câu chuyện này nếu không nói bạn đọc có thể khó hiểu. Truyện Vợ chồng A Phủ, những lần in đầu – năm 1954, có nhân vật thống lý Chổng Lầu. Các lần in sau và bây giờ, tôi đổi tên là thống lý Pá Tra. Tại sao vậy? Chổng Lầu là tên ông thống lý ở Háng Chu, tôi đã nhiều lần đến chơi, ông thết khách thịt ngựa không muối. Tên ông Chổng Lầu cũng điển hình tên con người ở tầng lớp trên. Ông không biết chữ, lại ở khu du kích hẻo lánh thế này, ông biết đâu tôi mượn tên ông. Năm 1954, ông Chổng Lầu được cử ra làm phó chủ tịch khu tự trị Tây Bắc, cơ quan ở thủ phủ Sơn La. Anh Hoàng Nó bấy giờ là bí thư tỉnh ủy Sơn La đã nhắn tôi viết hồng rồi. Nếu đưa nào xấu mách ông Chổng Lầu là thằng nhà báo năm ấy đã viết sách bảo Mo Chổng Lầu là phản động thì nguy quá. Các buổi phát thanh tiếng Mường ở Sơn Dương đọc *Vợ chồng A Phủ* đều phải bỏ. Một lần đi huyện Than Uyên, tôi mượn quyển sổ ghi tên các người tù đang bị giam ở đây. Tôi nhặt ra tên một người tù là Pá Tra. Tôi đổi là thống lý Pá Tra từ ngày ấy, chắc không lo trùng tên. - (T.H.)

Ai ở xa về, có việc vào nhà thống lý (1) Pá Tra thường trông thấy có một cô gái ngồi quay sợi gai bên tảng đá trước cửa, cạnh tàu ngựa. Lúc nào cũng vậy, dù quay sợi, thái cỏ ngựa, dệt vải, chẻ củi hay đi cõng nước dưới khe suối lên, cô ấy cũng cúi mặt, mặt buồn rười rượi. Người ta nói: nhà Pá Tra làm thống lý, ăn của dân nhiều, đồn Tây lại cho muối về bán, giàu lắm, nhà có nhiều nương, nhiều bạc, nhiều thuốc phiện nhất làng. Thế thì con gái nó còn bao giờ phải xem cái khổ mà biết khổ, mà buồn. Nhưng rồi hỏi ra mới rõ cô ấy không phải con gái thống lý: cô ấy là vợ A Sử, con trai thống lý. Mẹ về làm dâu nhà Pá Tra đã mấy năm. Từ năm nào, không nhớ, cũng không ai nhớ. Những người nghèo ở Hồng Ngài thì vẫn còn kể lại câu chuyện Mẹ về làm người nhà quan thống lý. Ngày xưa bố Mẹ lấy mẹ Mẹ không đủ tiền cưới, phải đến vay nhà thống lý, bố của thống lý Pá Tra bấy giờ. Mỗi năm đem nộp lãi cho chủ nợ một nương ngô. Đến tận khi hai vợ chồng về già mà cũng chưa xong nợ. Người vợ chết, cũng chưa trả hết nợ. Cho tới năm ấy Mẹ đã lớn, Mẹ là con gái đầu lòng. Thống lý đến bảo bố Mẹ:
- Cho tao đưa con gái này về làm dâu thì tao xóa hết nợ cho.
Ông lão nghĩ năm nào cũng phải trả một nương ngô cho người ta, tiếc ngô, nhưng cũng lại thương con quá. Ông chưa biết nói thế nào thì Mẹ bảo bố rằng:
- Con đã biết cuộc nương làm ngô, con làm nương ngô trả nợ thay cho bố. Bố đừng bán con cho nhà giàu.
Tết năm ấy, tết vui chơi, trai gái đánh pao, đánh quay rồi đêm đêm rủ nhau đi chơi. Những nhà có con gái, bố mẹ không thể ngủ được vì tiếng chó sủa. Suốt đêm, con trai đến nhà người mình yêu, đứng thối sáo xung quanh vách.
Trai đứng hẳn cả chân vách đầu buồng Mẹ.
Một đêm khuya Mẹ nghe tiếng gõ vách. Tiếng gõ vách hện của người yêu. Mẹ hỏi hộp lặng lẽ quờ tay lên, gập hai ngón tay lách vào khe gỗ. Một ngón đeo nhẫn. Người yêu Mẹ đeo nhẫn ngón tay ấy. Mẹ nhấc tấm ván gỗ. Một bàn tay dất Mẹ bước ra.
Mẹ vừa bước ra, lập tức có mấy người choàng đến, nhét áo vào miệng Mẹ rồi bịt mắt cõng Mẹ đi.
Sáng hôm sau, Mẹ mới biết mình đang ngồi trong nhà thống lý. Họ nhốt Mẹ vào buồng. Ngoài vách kia, tiếng nhạc sinh tiền cúng ma rập rờn nhảy múa.
A Sử đến nhà bố Mẹ.
A Sử nói:

- Tôi đã đem con gái bố về cúng trình ma nhà tôi. Bây giờ tôi đến cho bố biết. Tiền bạc để cưới, bố tôi bảo đã đưa cả cho bố rồi (2).

Rồi A Sử về. Ông lão nhớ câu nói của thống lý dạo trước: cho con gái về nhà thống lý thì trừ được nợ. Thế là cha mẹ ăn bạc nhà giàu kiếp trước, bây giờ người ta bắt con trừ nợ. Không làm thế nào khác được rồi.

Có đến mấy tháng, đêm nào My cũng khóc.

Một hôm, My trốn về nhà, hai tròng mắt còn đỏ hoe. Trông thấy bố, My quỳ, úp mặt xuống đất, nức nở. Bố My cũng khóc, đoán biết lòng con gái:

- Mày về chào lạy tao để mày đi chết đấy à? Mày chết nhưng nợ tao vẫn còn, quan lại bắt trả nợ. Mày chết rồi không lấy ai làm nương ngô, trả được nợ, tao thì ốm yếu quá rồi. Không được con ơi!

My chỉ bưng mặt khóc. My ném nắm lá ngón (một thứ thuốc độc) xuống đất. Nắm lá ngón My đã đi tìm hái trong rừng. My vẫn giấu trong áo. Thế là My không đành lòng chết. My chết thì bố My còn khổ hơn bao nhiêu lần bây giờ.

My lại trở lại nhà thống lý.

Lần lần, mấy năm qua, mấy năm sau, bố My chết. Nhưng My cũng không còn nghĩ đến My có thể ăn lá ngón tự tử. ở lâu trong cái khổ, My cũng quen khổ rồi. Bây giờ My tưởng mình cũng là con trâu, mình cũng là con ngựa. Con ngựa chỉ biết ăn cỏ, biết đi làm mà thôi.

My cúi mặt, không nghĩ ngợi nữa, lúc nào cũng nhớ lại những việc giống nhau, mỗi năm một mùa, mỗi tháng lại làm đi làm lại: Tết xong lên núi hái thuốc phiện; giữa năm thì giặt đay; đến mùa đi nương bẻ bắp. Và dù đi hái củi, bung ngô, lúc nào cũng gài một bó đay trong cánh tay để tước sợi. Bao giờ cũng thế, suốt năm, suốt đời thế. Con ngựa, con trâu làm có lúc, đêm còn được đứng gãi chân, nhai cỏ, đàn bà con gái nhà này vùi vào việc cả đêm cả ngày.

Mỗi ngày My càng không nói, lúi lúi như con rùa nuôi trong xó cửa. ở buồng My nằm, kín mít, có một chiếc cửa sổ một lỗ vuông ấy mà trông ra. Đến bao giờ chết thì thôi.

Trên đầu núi, các nương ngô, nương lúa gặt xong, ngô lúa đã xếp yên các nhà kho.

Trẻ em đi hái bí đỏ, tinh nghịch, đốt những lều quanh nương để sưởi lửa. ở Hồng Ngai, người ta thành lệ, cứ ăn tết thì gặt hái vừa đoạn, không kể ngày tháng. 1n tết thế cho kịp mưa xuân xuống, đi vỡ nương mới.

Hồng Ngai năm ấy ăn Tết giữa lúc gió thổi vào cỏ gianh vàng ửng, rét càng dữ.

Nhưng trong các làng Mông Đò, những chiếc váy hoa đã được phơi ra mỏm đá, xòe như con bướm sặc sỡ. Hoa thuốc phiện nở trắng lại nở màu đỏ hau, đỏ thắm, rồi nở màu tím man mát.

Đám trẻ đợi Tết, chơi quay, cười ầm trên sân chơi trước nhà.

Ngoài đầu núi, đã có tiếng ai thổi sáo rủ bạn đi chơi. My nghe tiếng sáo vọng lại, thiết tha bồi hồi.

"Mày có con trai con gái

Mày đi làm nương

Ta không có con trai con gái

Ta đi tìm người yêu".

Tiếng chó sủa xa xa. Những đêm tình mùa xuân đã tới.

ở mỗi đầu làng đều có một mỏm đất phẳng làm sân chơi chung ngày tết. Trai gái, trẻ con ra sân ấy tụ tập đánh pao, đánh quay, thổi sáo, thổi kèn và nhảy.

Cả nhà thống lý ăn xong bữa cơm tết cúng ma. Xung quanh chiêm đánh âm ỹ, người ộp đồng vẫn nhảy lên xuống, run bần bật. Vừa hết bữa cơm tiếp ngay cuộc rượu bên bếp lửa.

Ngày tết, My cũng uống rượu. My lén lấy hũ rượu, uống ực từng bát. Rồi say, My lịm mặt ngồi đấy nhìn người nhảy đồng, người hát. Nhưng lòng My đang sống về ngày trước, tai văng vẳng tiếng sáo gọi bạn đầu làng. Ngày trước My thổi sáo giỏi. Mùa xuân đến, My uống rượu bên bếp và thổi sáo. My uốn chiếc lá trên môi, thổi lá cũng hay như thổi sáo. Có biết bao nhiêu người mê, cứ ngày đêm thổi sáo đi theo My hết núi này sang núi khác.

Rượu tan lúc nào. Người về, người đi chơi đã vãn cả, My không biết. My vẫn ngồi trơ một mình giữa nhà. Mãi sau My mới đứng dậy. Nhưng My không bước ra đường. My từ từ vào buồng.

Chẳng năm nào A Sử cho My đi chơi Tết.

Bấy giờ My ngồi xuống giường, trông ra cửa sổ lỗ vuông mờ mờ trắng trắng. Từ nãy My thấy phơi phơi trở lại, trong lòng đột nhiên vui như những đêm Tết ngày trước. My trẻ. My vẫn còn trẻ. My muốn đi chơi. Bao nhiêu người có chồng cũng đi chơi Tết. Huống chi A Sử với My, không có lòng với nhau mà vẫn phải ở với nhau. Nếu có nắm lá ngón trong tay lúc này, My sẽ ăn cho chết ngay, chứ không buồn nhớ lại nữa. Nhớ lại, chỉ thấy nước mắt ứa ra.

Mà tiếng sáo gọi bạn vẫn lừng lơ bay ngoài đường.

"Anh ném pao

Em không bắt

Em không yêu

Quả pao rơi rồi..."

A Sử vừa ở đâu về, lại sửa soạn đi chơi. A Sử thay áo mới, khoác thêm hai vòng bạc vào cổ rồi bịt cái khăn trắng lên đầu. Có khi nó đi mấy ngày mấy đêm. Nó còn đương rình bắt nhiều người con gái nữa về làm vợ. Cũng chẳng bao giờ My nói.

Bây giờ My cũng không nói. My đến góc nhà, lấy ống mỡ, xắn một miếng, bỏ thêm vào đĩa đèn cho sáng.

Trong đầu My đang rập rờn tiếng sáo. My muốn đi chơi. My cũng sắp đi chơi. My quấn lại tóc.

My với tay lấy cái váy hoa vắt phía trong vách. A Sử sắp bước ra, bỗng quay lại, lấy làm lạ. A Sử nhìn quanh thấy My rút thêm cái áo.

A Sử hỏi:

- Mà muốn đi chơi à?

My không nói. A Sử cũng không hỏi thêm. A Sử bước lại, nắm My, lấy thất lưng trói hai tay My. Nó xách cả một thúng sợi đay ra trói đứng My vào cột nhà. Tóc My xoắn xuống. A Sử quấn luôn tóc lên cột, My không cúi, không nghiêng được đầu nữa. Trói xong, A Sử thắt cái thất lưng xanh ra ngoài áo rồi phẩy tay tắt đèn, đi ra khép cửa buồng lại.

Trong bóng tối, My đứng im, như không biết mình đang bị trói. Hơi rượu còn nồng nàn. My vẫn nghe thấy tiếng sáo đưa My đi theo những cuộc chơi. "Em không yêu, quả pao rơi rồi. Em yêu người nào, em bắt pao nào...". My vùng bước đi. Nhưng chân đau không cựa được. My không nghe tiếng sáo nữa. Chỉ còn nghe tiếng chân ngựa đạp vào vách. Ngựa vẫn đứng yên, gãi chân, nhai cỏ. My thổn thức nghĩ mình không bằng con ngựa.

Chó sủa xa xa. Chùng đã khuya. Lúc này, lúc trai đang đến gõ vách làm hiệu, rủ người yêu dỡ vách ra rừng chơi. My nín khóc, My lại bò hỏi.

Cả đêm My phải trói đứng như thế. Lúc thì khắp người bị dây trói thít lại, đau nhức. Lúc lại tràn trề tha thiết nhớ. Hơi rượu tỏa. Tiếng sáo. Tiếng chó sủa xa xa. My lúc mê, lúc tỉnh. Cho tới khi trời tang tảng rồi không biết sáng từ bao giờ.

My bàng hoàng tỉnh. Buổi sáng âm âm trong cái nhà gỗ rộng. Vách bên cũng im ắng. Không nghe tiếng lửa réo trong lò nấu lợn. Không một tiếng động. Không biết bên buồng quanh đấy, các chị vợ anh, vợ chú của A Sử có còn ở nhà, không biết tất cả những người đàn bà khốn khổ sa vào nhà quan đã được đi chơi hay cũng đang phải trói như My. My không thể biết.

Đời người đàn bà lấy chồng nhà giàu ở Hồng Ngải, một đời người chỉ biết đi theo đuôi con ngựa của chồng. My chợt nhớ lại câu chuyện người ta vẫn kể: đời trước, ở nhà thống lý Pá Tra có người trói vợ trong nhà ba ngày rồi đi chơi, khi về nhìn đến, vợ chết rồi. My sợ quá, My cựa quậy. Xem mình còn sống hay chết. Cổ tay, đầu, bắp chân bị dây trói xiết lại, đau đứt từng mảnh thịt.

Có tiếng xô xao phía ngoài. Rồi một đám đông vào nhà. Thống lý Pá Tra xuống ngựa vút cương cho "thị sống" (một chức việc đi hầu thống lý như người làm mồi thời trước) dắt ngựa vào tàu. Nghe như bọn họ khiêng theo con lợn, hoặc một người phải trói, vừa vút huých xuống đất, cứ thở phò phò.

A Sử chệnh choạng vào buồng. áo rách toạc một mảnh vai. Cái khăn xéo trắng loang lổ máu, xụp xuống quanh trán. A Sử nằm lãn ra giường. Thống lý Pá Tra bước vào. Theo sau thống lý, một lũ "thống quán" (một chức việc như phó lý) "xéo phải" (như trường thôn) và bọn thị sống

vẫn thường ra vào hầu hạ, ăn thịt uống rượu, hút thuốc phiện nhà thống lý. Có người bấy giờ mới nhìn thấy My phải trói đứng trong cột. Nhưng cũng không ai để ý. Họ xúm lại quanh giường A Sử.

Pá Tra, tay vẫn cầm cái roi ngựa, lại từ từ đi ra. My nhắm mắt lại, không dám nhìn. My chỉ nghe hình như có tiếng ông thống lý gọi người ra ngoài.

My hé nhìn ra, thấy chị dâu bước tới. Người chị dâu ấy chưa già, nhưng cái lưng quanh năm phải đeo thồ nặng quá, đã cong rạp xuống. Người chị dâu đến cởi trói cho My. Sợi dây gai bấp chần vừa lỏng ra, My ngã sụp xuống.

Chị dâu khẽ nói vào tai My:

- My! đi hái thuốc cho chồng mày.

My quên cả đau đứng lên. Nhưng không nhích chân lên được. My phải ôm vai chị dâu. Hai người khỗ sở diu nhau bước ra. Vào rừng tìm lá thuốc, My nghe nói lại, mới biết chuyện A Sử đi chơi bị đánh vỡ đầu.

Nửa đêm qua, A Sử vào làng tìm đến đám tiếng sáo, tiếng khèn. Nhiều chàng trai làng ấy và các làng khác, chơi quay, thổi sáo suốt ngày, chập tối vừa tan xong chầu rượu trong nhà, bây giờ vẫn còn chưa chịu tan về.

Lúc A Sử và chúng bạn kéo đến, không còn ai chơi trong nhà. Nhưng người ra người vào còn dập diu quanh ngõ.

A Sử đứng ngoài, tức lắm. Nó bàn với lũ khác, dọa đánh bọn trai lạ bám quanh nhà, khiến bọn A Sử bị vướng không thể vào được.

Bọn A Sử ném vào vách. Ông bố trong nhà ra chửi. Vẫn ném. Ông lão vào trong cửa, bắn ra hai phát súng. Thế là tan những đám hẹn.

Nhưng cũng chưa người trai nào vội về. Họ tản vào các nhà quen trong xóm. Đợi sáng mai lại lên sân đánh pao với con gái trong xóm.

Bọn A Sử cũng không chịu để cánh kia yên. Sáng sớm, khi họ vừa ra đầu ngõ, bọn A Sử đã kéo đến gây sự. A Sử đi trước, nạm vòng bạc rủ xuống tua chỉ xanh đỏ, chỉ riêng con cái nhà quan trong làng mới được đeo. A Sử hùng hổ bước ra. Bọn kia đứng dõn cả lại, xôn xao.

- Lũ phá đám ta hôm qua đây rồi.

- A Phủ đâu? A Phủ đánh chết nó đi!

Một người to lớn chạy vụt ra, vung tay ném con quay thẳng vào mặt A Sử. Con quay gỗ ngát lảng vào giữa mặt. Nó vừa kịp bung tay lên, A Phủ đã xộc tới, nắm vòng cổ, kéo dập đầu xuống, xé vai áo, đánh tới tấp. Người làng nghe tiếng hò hét đổ ra. Bọn trai làng lạ tản hết lên rừng. Mấy người đuổi đón đầu A Phủ.

A Phủ bị bắt sống, trói gô chân tay lại. Vừa lúc thống lý Pá Tra tới. Chúng nó xọc ngang cái gậy, khiêng A Phủ mang về ném xuống giữa nhà thống lý.

My đi hái được lá thuốc về, thấy trong nhà càng đông hơn lúc nãy. Ngoài sân, dưới gốc đào lại buộc thêm mấy con ngựa lạ.

My đi cửa sau vào, lé mắt nhìn thấy một người to lớn quỳ trong góc nhà. My đoán đấy là A Phủ. Bọn chức việc cả vùng Hồng Ngài đến nhà thống lý dự đám kiện.

Các lý dịch, quan làng thống quán, xéo phải, đội mũ quần khăn, xách gậy, cưỡi ngựa kéo đến xử kiện và ăn cỗ.

Trong nhà thống lý đã bày ra năm bàn đèn. Khói thuốc phiện tuôn ra các lỗ cửa sổ tun hút xanh như khói bếp. Cả những người chức việc bên làng A Phủ cũng tới. Chỉ bọn trai làng ấy phải ngồi khoanh tay cạnh A Phủ, vì họ bị gọi sang hầu kiện. Bọn chức việc nằm dài cả bên khay đèn.

Suốt từ trưa cho tới hết đêm, mấy chục người hút. Trên nhất là thống lý Pá Tra. Thống lý hút xong một đợt năm điếu, đến người khác, lại người khác, cứ thế lần lượt xuống tới bọn đi gọi người về dự kiện.

Chỉ có đàn bà ngồi trong buồng và đi bên ngoài dòm ngó đám xử kiện và A Phủ quỳ chịu tội ở xó nhà, không được dự tiệc hút ấy.

Một loạt người vừa hút xong, Pá Tra ngồi dậy, vuốt ngược cái đầu trọc dài, kéo đuôi tóc ra

đăng trước, cất giọng lè nhè gọi:

- Thằng A Phủ ra đây.

A Phủ ra quỳ giữa nhà. Lập tức, bọn trai làng xô đến, trước nhất, chấp tay lia lịa lên thống lý rồi quay lại đánh A Phủ.

A Phủ quỳ chịu đòn, chỉ im như cái tượng đá...

Cứ mỗi đợt bọn chức việc hút thuốc phiện xong, A Phủ lại phải ra quỳ giữa nhà, lại bị người xô đến đánh. Mặt A Phủ sưng lên, môi và đuôi mắt giập cháy máu. Người đánh, người quỳ lạy, kể lể, chửi bới. Xong một lượt đánh, kể, chửi, lại hút. Khói thuốc phiện ngào ngạt tuôn qua các lỗ cửa sổ. Rồi Pá Tra lại ngóc cổ lên, vuốt tóc, gọi A Phủ... Cứ như thế, suốt chiều, suốt đêm, càng hút, càng tỉnh, càng đánh, càng chửi, càng hút.

Trong buồng bên cạnh, My cũng thức suốt đêm, im lặng ngồi xoa thuốc dầu cho A Sử. Lúc nào My mỏi quá, cựa mình, những chỗ lằn trói trong người lại đau ê ẩm. My lại gục đầu nằm thiếp. A Sử đạp chân vào mặt My. My choàng thức, lại nhặt nắm lá thuốc xoa đều đều trên lưng chồng.

Ngoài nhà vẫn rên lên từng cơn kéo thuốc phiện, như những con mọt nghiêng gỗ kéo dài, giữa tiếng người khóc, tiếng người kể lào xào, và tiếng đấm đánh huỳnh huých.

Sáng hôm sau, đám kiện đã xong. Mấy người, chẳng biết từ bao giờ, ngủ ngáy ngay bên khay đèn. Bọn xéo phải đang bắc cái chảo đồng và xách ấm nước ra nấu thêm lạng thuốc để hút ban ngày cho các quan làng thật tỉnh, các quan làng còn một tiệc ăn cỗ nữa.

Thống lý mở tráp, lấy ra một trăm đồng bạc hoa xòe bày lên mặt tráp, rồi nói:

- Thằng A Phủ kia, mày đánh người thì làng xử mày phải nộp vạ cho người phải mày đánh là hai mươi đồng, nộp cho thống quán năm đồng, mỗi xéo phải hai đồng, mỗi người đi gọi các quan làng về hầu kiện năm hào. Mày phải mất tiền mời các quan hút thuốc từ hôm qua tới nay. Lại mất con lợn hai mươi cân, chóc nửa mỗ để các quan làng ăn vạ mày. A Phủ, mày đánh con quan làng, đáng lẽ làng xử mày tội chết, nhưng làng tha cho mày được sống mà nộp vạ. Cả tiền phạt, tiền thuốc, tiền lợn, mày phải chịu một trăm bạc trắng. Mày không có trăm bạc thì tao cho mày vay để mày ở nợ. Bao giờ có tiền trả thì tao cho mày về, chưa có tiền trả thì tao bắt mày làm con trâu cho nhà tao. Đòi mày, đòi con, đòi cháu mày tao cũng bắt thế, bao giờ hết nợ tao mới thôi. A Phủ! Lại đây nhận tiền quan cho vay.

A Phủ lê hai cái đầu gối sưng bạnh lên như mặt hổ phù. A Phủ cúi sờ lên đồng bạc trên tráp, trong khi Pá Tra đốt hương, lầm rầm khấn gọi ma về nhận mặt người vay nợ. Pá Tra khấn xong, A Phủ cũng nhặt xong bạc, nhưng chỉ nhặt làm phép lên như thế rồi lại để ngay xuống mặt tráp. Rồi Pá Tra lại trút cả bạc vào trong tráp.

Con lợn vừa bắt về cho A Phủ thết làng ăn vạ đã kêu eng éc ngoài sân. Đếm tiền rồi, A Phủ không phải quỳ, phải đánh nữa.

A Phủ đứng lên cầm con dao, chân đau bước tập tễnh, cùng với trai làng ra chọc tiết làm thịt lợn hầu làng.

Trong nhà, thuốc phiện vẫn hút rào rào.

Thế là từ đấy A Phủ phải ở trừ nợ cho nhà quan thống lý. Đốt rừng, cày nương, cuốc nương, săn bò tót, bẫy hổ, chăn bò chăn ngựa, quanh năm một thân một mình rong ruổi ngoài gò rừng.

A Phủ đương tuổi sức lực. Đi làm hay đi săn cái gì cũng phẳng phẳng. Không còn có lúc nào trở về làng bên. Nhưng A Phủ cũng chẳng muốn trở về làm gì bên ấy.

A Phủ cũng không phải người bên ấy. Bỏ mẹ đẻ A Phủ ở Háng Bì. Năm xưa, làng Háng Bì phải một trận bệnh đậu mùa, nhiều trẻ con, cả người lớn chết, có nơi chết cả nhà. Còn sót lại một mình A Phủ. Có người làng đói bắt A Phủ đem xuống bán đổi lấy thóc của người Thái dưới cánh đồng. A Phủ mới mười một tuổi, nhưng A Phủ gan bướng, không chịu ở cánh đồng thấp. A Phủ trốn lên núi, lưu lạc đến Hồng Ngài. Đi làm cho nhà người, lần nữa mùa này sang mùa khác. Chẳng bao lâu A Phủ đã lớn, biết đúc lưỡi cày, biết đục cuốc, lại cày giỏi và đi săn bò tót rất bạo.

A Phủ khỏe, chạy nhanh như ngựa. Con gái trong làng nhiều cô mê. Nhiều người nói: "Đứa nào được A Phủ cũng bằng được con trâu tốt trong nhà. Chẳng mấy lúc mà giàu". Người ta ao

ước đùa thể thôi chứ phép rượu cũng chẳng to hơn phép làng, còn tục lệ cưới xin, mà A Phủ không có bố mẹ, không có ruộng, không có bạc, A Phủ không thể lấy nổi vợ.

Tuy nhiên, đang tuổi chơi, trong ngày Tết đến, A Phủ chẳng có quần áo mới như nhiều trai khác, A Phủ chỉ có độc một chiếc vòng bằng sợi dây đồng vĩa lằn trên cổ. A Phủ cứ cùng trai làng đem sáo, khèn, đem con quay và quả pao, quả yến đi tìm người yêu ở các làng trong vùng.

Vì thế mà sinh sự đánh nhau ở Hồng Ngài.

Một năm kia, phải khi đang đốt rừng. Hồ gấu từng đàn ra phá nương, bắt mất nhiều bò ngựa. Nhà thống lý lúc nào cũng đầy ngựa trong tàu trước cửa, đầy lưng bò đứng chen chân trong cột cửa, và dê, chó, lợn nằm quanh nhà. Ngày nào cũng lũ lượt hàng mấy chục con đi nương ăn. Bây giờ gặp khi rừng đói, mỗi lần bò ngựa đi nương, A Phủ phải ở lại trông.

A Phủ ở lều hàng tháng ngoài nương. Đêm đến, dồn bò ngựa về nằm chầu nhau ngủ quanh lều.

Mấy ngày A Phủ mê mãi đi bẫy dím, không đếm được ngựa. Hôm ấy vào rừng thấy vết chân hổ. A Phủ vội phóng ngựa chạy vòng quanh đàn, dồn chúng quanh lại để đếm. A Phủ đếm lại mấy lần. Thiếu một con bò. A Phủ nhào vào rừng, lần theo lối chân hổ, tìm được con bò đã bị hổ ăn thịt, chỉ còn lại một nửa mình nằm ngay dưới cây thông cụt.

A Phủ nhặt mấy miếng thịt rơi quanh đấy rồi vác nốt nửa con bò về. Nghĩ bụng: "Con hổ này to lắm. Hãy còn người thấy mùi hôi quanh đây. Ta về lấy súng đi tìm, thế nào cũng bắn được".

Về đến nhà, A Phủ lẳng vai ném nửa con bò xuống gốc đào trước cửa. Pá Tra bước ra hỏi:

- Mất mấy con bò?

A Phủ trả lời tự nhiên:

- Tôi về lấy súng. Thế nào cũng bắn được. Con hổ này to lắm.

Pá Tra hást tay, nói:

- Quân ăn cướp mất bò tao. A Sử đâu! Đem súng đi lấy con hổ về.

Rồi Pá Tra quay lại, bảo A Phủ:

- Mày ra ngoài kia, lấy vào đây một cái cọc, một cuộn dây mây. Tao trói mày đứng chỗ kia. Bao giờ chúng nó bắn được con hổ về thì mày khỏi phải chết. Nếu không được con hổ thì tao cho mày đứng chết ở đấy.

A Phủ cãi:

- Tôi được con hổ ấy còn nhiều tiền hơn con bò.

Pá Tra cười:

- Lấy cọc dây mây vào đây!

Không nói nữa, như con trâu đã đóng lên tròng. A Phủ lẳng lặng ra vác chiếc cọc gỗ rồi lấy cuộn dây mây trên gác bếp xuống. Tự tay A Phủ đóng cọc xuống bên cột, Pá Tra đẩy A Phủ vào chân cột, hai tay bắt ôm quặt lên. Rồi dây mây cuốn từ chân lên vai, chỉ còn cổ và đầu lúc lắc được.

Đàn bà trong nhà, mỗi khi đi qua đều cúi mặt. Không một ai dám hỏi. Cũng không một ai dám nhìn ngang mắt.

Đến đêm, A Phủ cúi xuống, nhay đứt hai vòng mây, nhích dần dây trói một bên tay. Nhưng trời cũng vừa sáng. Pá Tra quẳng thêm một vòng tròng lọng vào cổ. Thế là A Phủ không cúi, không còn lắc được nữa.

A Sử và lính đồng của thống lý đi đuổi, mấy ngày không lùng bắt được con hổ. Thì cũng mấy ngày A Phủ phải trói đứng góc nhà. Đàng kia, bếp lò bung ngô cao ngang đầu người vẫn hừng hực đỏ rực. Mỗi hôm hai buổi, người ra người vào ăn uống tấp nập. A Phủ đứng nhắm mắt, cho tới khuya.

Những đêm mùa đông trên núi cao dài và buồn. Nếu không có bếp lửa sưởi kia thì My cũng đến chết héo. Mỗi đêm, My dậy ra thổi lửa hơ tay, hơ lưng, không biết bao nhiêu lần.

Thường khi đến gà gáy, My dậy ra bếp sưởi một lúc thật lâu, các chị em trong nhà mới bắt đầu ra dóm lò bung ngô, nấu cháo lợn.

Mỗi đêm, nghe tiếng phũ phũ thổi bếp, A Phủ lại mở mắt. Ngọn lửa bùng lên, cùng lúc ấy My

cũng nhìn sang, thấy mắt A Phủ trừng trừng. Mới biết nó còn sống. Mấy đêm nay như thế. Nhưng My vẫn thản nhiên thổi lửa, hơ tay. Nếu A Phủ là cái xác chết đứng chết đấy, cũng thế thôi. My vẫn trở dậy, vẫn sưởi. My chỉ biết, chỉ còn ở với ngọn lửa. Có đêm A Sử chợt về thấy My ngồi đấy, A Sử ngửa tay đánh My ngã xuống cửa bếp. Nhưng đêm sau My vẫn ra sưởi như đêm trước.

Lúc ấy đã khuya. Trong nhà ngủ yên. My trở dậy thổi lửa, ngọn lửa bập bùng sáng lên. My trông sang thấy hai mắt A Phủ cũng vừa mở. Dòng nước mắt lấp lánh bò xuống hai hõm má đã xám đen. Thấy tình cảnh thế, My chợt nhớ đêm năm trước, A Sử trói My, My cũng phải trói đứng thế kia. Nước mắt chảy xuống miệng, xuống cổ, không biết lau đi được. Trời ơi nó bắt trói đứng người ta đến chết. Nó bắt mình chết cũng thôi. Nó đã bắt trói đến chết người đàn bà ngày trước ở cái nhà này. Chúng nó thật độc ác. Chỉ đêm mai là người kia chết, chết đau, chết đói, chết rét, phải chết. Ta là thân đàn bà, nó đã bắt về trình ma rồi, chỉ còn biết đợi ngày rũ xương ở đây thôi... Người kia việc gì mà phải chết. A Phủ... My phảng phất nghĩ như vậy.

Đám than đã vạc hẳn lửa. My không thổi cũng không đứng lên. My nhớ lại đời mình. My tưởng tượng như có thể một lúc nào, biết đâu A Phủ chẳng trốn được rồi, lúc đó bố con thống lý sẽ đổ là My đã cởi trói cho nó, My liền phải trói thay vào đấy. My chết trên cái cọc ấy. Nghĩ thế, nhưng làm sao My cũng không thấy sợ...

Trong nhà tối bừng, My rón rén bước lại, A Phủ vẫn nhắm mắt. Nhưng My tưởng như A Phủ biết có người bước lại... My rút con dao nhỏ cắt lúa, cắt nút dây mây. A Phủ thở phè từng hơi, như rần thờ, không biết mê hay tỉnh.

Lần lần, đến lúc gỡ được hết dây trói ở người A Phủ thì My cũng hết hoảng. My chỉ thì thào được một tiếng "Đi đi..." rồi My nghẹn lại. A Phủ khuyu xuống không bước nổi.

Nhưng trước cái chết có thể đến nơi ngay, A Phủ lại quật sức vùng lên, chạy.

My đứng lặng trong bóng tối.

Trời tối lắm. My vẫn băng đi. My đuổi kịp A Phủ, đã lặn, chạy xuống tới lưng dốc.

My thở trong hơi gió thốc lạnh buốt:

- A Phủ cho...

A Phủ chưa kịp nói, My lại vừa thở vừa nói:

- ở đây chết mất.

A Phủ chợt hiểu.

Hai người đỡ nhau lao xuống dốc núi.

Hai người đi rông rã hơn một tháng. Họ chèo trên những triền núi cao ngất, lóm đóm nhà, thấp thoáng ruộng, đất đỏ, suối trắng tinh, trông thấy trước mặt mà đi mấy ngày chưa tới. Từ Hồng Ngài xuống qua vùng ruộng ở Mường Quài của người Thái, từ Nậm Cắt sang Chông Chia, từ Chông Chia qua dốc Lũng Chùng Phủng lại trở về bờ sông Đà phía giữa châu Phìn Yên sang châu Mai Sơn, chỗ đầu mối giao thông của ngoài vùng tự do vào khu du kích của các dân tộc Thái, Dao, Mèo bên kia sông. Rồi họ về trong những làng Mông Đỏ hẻo lánh vùng Phìn Sa. Xa lắm rồi, thống lý không đuổi được nữa... họ nghĩ thế.

Rông rã, ăn rau rừng, củ nâu, mộc nhĩ, vừa hết mùa mưa, tới Phìn Sa.

Hai người tới Phìn Sa, ở đấy không ai biết đấy là A Phủ, người ở nợ nhà thống lý. Người ta ngỡ đây là hai vợ chồng trong một nhà đông anh em ở bên kia dốc Lũng Chùng Phủng, nương vỡ được ít mà miệng ăn thì nhiều, anh em, vợ chồng phải chia ra, đem nhau đi tìm ăn nơi khác... Hai người nhận là vợ chồng. Mà thật thì A Phủ và My đã thành vợ chồng.

1. Tổ chức cai trị của thực dân Pháp trước đặt chức thống lý cho bọn chức việc người Mông, cũng như chánh tổng, lý trưởng ở xuôi, phía ở làng Thái.
2. Người Mông có tục cướp vợ trai gái yêu nhau, bằng lòng nhau (có khi chỉ anh con trai muốn người con gái. Nhưng trường hợp này hiếm). Người con trai giữa đêm cùng một số bạn trai khác, đến nhà người yêu, bí mật "cướp" đi. Hôm sau, người trai trở lại báo tin cho bố người gái ấy là tôi đã cướp được con gái ông làm vợ. Thế là phong tục bắt bố phải nhận lời. Cưới lổi

"cướp" như thế, người trai mất rất ít tiền. Thường mùa xuân ăn Tết, con trai hay đi "cướp" vợ. Đó là phong tục vui, thanh niên rất thích. Bây giờ vẫn thường xảy ra.

O chuột

Trong nhà, trừ người, chó và mèo làm chúa tể. Chó giữ về mặt bộ, mặt thủy. Hấn có phận sự chạy không khắp chốn để đánh hơi, để hỏi han và để mắng những người lạ đi tơ mơ vào trong ngõ. Có khi cao hứng hấn lội xuống ao, tắm; hoặc nếu có ai cầm hòn gạch ném vào nước và huyết mấy tiếng còi, hấn cũng động cõn mà nhảy tùm xuống. Một đôi bận, sự đùa cợt của hấn cũng được việc. ấy là khi hấn bơi ở trong ao để dồn vịt về chuồng. Chó hay lèm bèn, ửng oảng, sinh sự nhỏ nhen. Nhưng tính tình hấn lại phôi bò, dễ dãi và thường chóng quên. Con mèo rất khác. Mèo lờ đờ và nghiêm nghị tựa một thầy giáo nhà dòng, trên mình có khoác bộ áo thâm. Hấn có cái cốt cách quý phái và trưởng giả. Lúc nào hấn cũng ra vẻ nghĩ ngợi như sắp mưa toan một việc gì ghe gớm lắm. Có phải thế chẳng, hỏi cái gã lừ đừ và nghiêm nghị kia? Gã lại càng làm ra vẻ khó hiểu tợn. Nhưng ngoài cái vỏ ngoài chưa thể đủ để nói rõ được bề trong. Biết đâu, mèo ta không khó chịu như mình tưởng. Mà vốn hấn lại hiền lành cũng nên?

Hôm nay, tôi kể chuyện một gã mèo, một gã mèo trẻ tuổi. Y sống lặng lẽ trong một nếp nhà ngói cổ kính, giữa một vườn cây rộng, ở làng Nghĩa Đô, cùng một sân với bọn chó, bọn gà ri, bọn ngỗng...

Y là một chàng mèo mướp. Giống đó, nhà quê người ta nuôi nhiều. Cái bộ lông mèo mướp thực là dị kỳ. Nó vừa trắng màu lụa, vừa xám màu tro lại vừa đen xín. Khắp mình, ba màu ấy trộn lẫn với nhau, mà tròn rất nhỏ, hoà hợp lại thành một màu đặc biệt như màu cái chần dạ của các chú lính tập. Chỉ ở dưới bụng mới có một mảng lông trắng mềm mềm. Màu mướp ấy trông bản, vì đen ngòm ngòm, nhưng chính ra sạch lắm. Nó sạm như đất, mà không phải là có đất bám. Nó lại mờ mịn như có tro là chỗ ngủ tốt nhất của loài mèo - mà thực ra cái bờm lông xấu xí đó chẳng vấn một chút bụi tro. Ngắm thì không đẹp mắt, nhưng nếu sờ tay vào, nó muốt như sờ tay trên tấm nhung tơ.

Hai mắt mèo tròn và quắc như hai hòn bi ve để dưới ánh mặt trời. Hấn không có môi, song hấn có cái mũi đo đờ, đẹp như môi son hồng của các cô con gái đương thì. Đàn bà không ưa cái mũi đo ấy. Người ta bảo mèo mũi đo là mèo hay ăn vụng. Hai bên mép hấn có hai hàng ria cứng nhắc như ria làm bằng thép nước. Lũ trẻ con, có lúc nghịch, đè giữa hấn xuống, lấy kéo cắt trụi cả đôi hàng ria xuôm đuột. Nhưng chỉ qua ít ngày, nó lại trở ra như thường.

Gã mèo mướp ăn ở thì giờ như một người đúng mực. Ban ngày hấn ngủ hoài, cái dáng mèo nằm, dáng êm, dáng thanh, dáng lang, đẹp biết bao! Lúc bấy giờ, cái thân hấn nhẹ muốt, chỉ như một chút gợn gió phẩy bay một nắm bông gạo nở.

Mà giá ban ngày hấn có thức cũng không làm gì; hấn chỉ nằm gù gù. Để đến đêm, trong cái bóng tối mung lung, hấn mới ra tay hoạt động. Hấn đi rà rà thâu canh như người trương tuần. Gã mèo có cái vẻ đạo mạo như một ông đứng tuổi, đương bắt đầu để râu. Hấn hiền hiền mà lại ang ác. Nghĩa là trông hấn thì không tài nào đoán được trong óc hấn nghĩ ngợi gì. Mà chùng hấn chẳng tự tưởng chi ráo! Hấn chỉ là một người rong chơi lông bông.

Chẳng có những bác trông mặt thì ra dáng đăm chiêu tự lự mà thực ra trong đầu không chứa đựng một ý nhỏ định nào.

Gã ngồi đấy, ở trên mặt đại bể. Hai chân trước đứng thẳng, đôi chân sau gấp lại, y như lối ngồi xôm. Đôi mắt nhìn xa xôi... Thỉnh thoảng, theo thói quen, hắn đưa cẳng chân phải lên gãi mép, cũng như người ta đưa tay lên vuốt râu cho nó oai vậy. Trời đã xế chiều rồi. Một chiều thu êm ả. Vài gợn nắng vàng nhạt đọng trên những tàu cau rách rưới màu xanh om. Bên nhà ngang, tiếng guồng tơ quay đều đều. Trên đường cái, lũ trẻ con đi học về, vừa chạy thi nhau vừa la, nghe vang động xa vời vợi. Ngoài giếng khơi, người ta kéo nước rào rào. Cái gáo mo lạt sạt đựng vào thành giếng đá. Trong bếp lạng tờ. Bây giờ là sau bữa cơm chiều, người ta không dùng đến bếp nữa. Gã mèo mướp ngồi ngắm trời, ngắm đất mãi thì cũng chán. Gã bèn đứng lên, uốn cong cái lưng và nhuôi bốn chân ra để vươn vai, rồi đi về căn nhà hiu quạnh. Hắn bước từ tốn và uyển chuyển như một con hổ nhỏ. Khi qua gốc cau, chẳng biết ý định sao, hắn leo tót ngay lên, quào quào mấy móng sắc vào cái vỏ cây cau điệp trắng, rồi lại tụt xuống, rồi đi lều đều, đạo mạo như trước. Hắn thường có những cử chỉ đột nhiên. Hắn làm bất ngờ như trong lòng đang khoan khoái một điều mà hắn thường nghĩ đến. Luôn luôn gã mèo mang một nét tự lự.

Y ngồi vào thì lì bên bếp tro. y nghiêng mang tai để rũi vào một ông đồ rau, to bằng hòn gạch vồ lớn. Lúc nào y cũng ngửa và cần gãi.

Bống y đứng im. Y ghéch đầu lên. Hai cái tai mỏng vênh ra để nghe ngóng. Hình như có tiếng lịch kịch ở sau đồng củi. Nhưng khi bước lại thì không thấy động gì nữa. Gã quay đầu ra, ngược mắt nhìn lên đám mạng nhện có mắc bò hóng đen xạm, bị gió đưa lúc lắc trên trần bếp.

Có tiếng động thực. Lần này gã mèo dúm bốn chân lại, bước từng bước rất nhẹ về phía đồng củi. Đồng củi đó người ta để phiền quá, vừa chướng bếp, vừa làm cái rừng bùm tum, chỉ tiện ch quân gian núp nấu.

Giống mèo là một giống, đứng ở chỗ nào, không thể chịu có được một tiếng động nhỏ. Đã có khi gã mèo mướp nằm ngủ suốt đêm ở trên một đồng củi. Đấy là chỗ ra vào của lũ chuột ngày, cái lũ chuột con rất tinh ranh, hễ tha được một hạt cơm nhỏ cũng chạy thọt ngay vào đó để nhấm nháp.

Mèo và chuột là đôi loài có thù không đội trời chung với nhau. Mèo ghét chuột quá, ghét kịch liệt. ý giả mèo ta tin rằng giống mình giỏi nhất thiên hạ; những tên chuột, tất cả lò nhà chuột, chỉ đáng đem thân làm nô lệ cho loài mèo thần thánh. Thế mà cái giống thấp hèn ấy không biết điều mà lại hay tất mắt, táy máy, bặng nặng làm nghịch mắt và rác tai bề trên.

Hai cái tai mèo mướp hơi động đậy. ấy là khi anh hết sức lắng nghe. Tai mèo mỏng tanh, gần soi bóng qua được, dong lên như chiếc tai lừa tỳ hon. Cái vòng tai rộng mở và loe ra. Chả trách gã nghe rõ lắm.

Gã khum hai chân trước xuống nhìn vào gầm đồng củi. Rõ ràng gã trông thấy một chiếc đuôi nhỏ và dài thò lò dưới một mẩu gỗ. Đứng cái đuôi chuột. Gã nép về một bên, thon người lại. Lúc này trông gã mèo quái ác dị thường, thoát hẳn cái dáng lừ đừ, hiền hậu hàng ngày. Y quờ quờ cái chân. Sau y biết làm thế hấp tấp quá. Phải chờ cho cái đuôi chuột lúi ra nửa mới được.

Lại có tiếng rúc rích ở trong. à có hai thằng chuột rừng mõ đang đùa nhau. Chúng nó hẳn đến ngày tận số. Ai đời chuột lại dám đánh đu ở miệng mèo!

Tuy cáu nhưng mèo cũng đủ kiên nhẫn để chờ cơ hội tốt đến. Trong kia, hai con chuột vô tình, vẫn đùa cợt vui vẻ. Nhiều lúc, có nhách lại chạy ra tận ngoài. Thò cái mõ nhọn ngửi xung quanh. Lộn tiết, gã mèo đã toan chộp, nhưng chuột lại ngay vào mắt. Con mèo lại yên lặng,

chịu khó ngồi rình.

Bóng tối chum xuống mau nhẹ. Vừa với nhọ mặt người, bây giờ đã đêm hẳn. Đêm nay là đêm rằm. Mặt trăng đã nhô tròn ở đầu đường. Một mảnh sáng nhòn nhọt in trước sân bếp. Trên nhà, người đã quẹt diêm để châm sáng đèn cho trẻ học. Tiếng những đứa trẻ ra ao rửa chân, vừa đi vừa khua guốc lóc cóc.

Hai chú chuột ở trong gائن đồng củi hẳn thấy trời tối rồi thì muốn ra ngoài chơi lắm. Cái thằng mèo mướp ốm bệnh hen cò cửi quinh năm mà không chết ấy, bữa nay chắc đi chơi đâu vắng; nếu nó có nhà tắt đã thấy nó rên gừ gừ ở trên đầu ông đầu rau. Chúng mình ra ngoài kia đùa một tí hoặc kiếm chác một cái gì ăn thì hay quá.

Hai cái đầu ló ra. Rồi hai gã chuột bước hẳn ra đồng củi đi lần về phía bếp. Chúng vui vẻ cãi nhau chơe chơe.

Hai cái bóng bé nhỏ quá, chụm lại với nhau chưa bằng một ngón chân người lớn ta. Đây là hai con chuột nhất. Chuột nhất bé hơn chuột chù. Nhưng nó nhanh và hoạt bát hơn nhiều. Anh chuột chù có cái mõm dài nghêu - cứ vác cái mõm đã đủ mệt - đi đến đâu cũng rụt rụt, rề rề. Hễ hơi có cái gì đáng sợ là vội hốt hoảng chạy cuống lên, vãi cả đá và kêu rối rít. Đã thế còn chậm và không biết leo tường, leo cột, chỉ luẩn quẩn sát mặt đất. Thật là một thứ chuột cùng dân, thấp kém nhất trong xã hội chuột. Vậy mà thiên hạ lại ưa thứ chuột đó. Không phải là ưa cái thân hôi hám của nó - chẳng đã có câu mỉa "Hôi như chuột chù" - nhưng người ta chỉ ưa có tiếng kêu "chuúc...chuuúc...". Các cụ ta nói: " ầy chuột chù bảo: túc, túc, ắt nhà ầy hẳn sắp có việc đại phát tài".

Và đây chỉ là hai con chuột nhất. Thân chúng nhỏ nhắn, mõm chúng xinh xinh vừa phải. Về sự nhanh nhẹn, phải biết rằng nhờ ở cái thân hình bé bỏng, chúng leo vun vút, chúng chạy nhoăn nhoắt như có phép biến hoá.

Thoạt thấy bôn đôi chuột lúi húi ra khỏi đồng củi, gã mèo mướp mừng khắp khởi. Nhưng rồi chàng chán đờ ra ngay. Nó tưởng chuột chiếc to tát thế nào, chứ nếu biết chỉ là hai chuột nhất tép ranh ấy thì nó đã bước từ nãy, không phải tốn công, tốn sức mà rình nấp vô ích. Mèo ta cũng khá đại lượng. Song thực cũng tại cái tính lười nhác cổ hữu chả muốn cất đại công trình mà được chỉ có một tí tí kết quả đó thôi.

Nhưng đã thế này thì cứ bắt chơi. Hầy! Đùa một mảy vậy. Nghĩ vậy, mèo ta co lưng lại để lấy thế rồi vươn hai chân ra chộp cả hai bóng đen ngo nguậy ở trước mặt. Có tiếng kêu "chí...i...". Một con thoát được, còn một bị nắm lại. Mèo gầm gừ để thị uy và dọa dẫm. Chú chuột khốn nạn bị túm lại, nằm ngất trong hai bàn tay sắt đầy vuốt cong và sắc của ông mèo, y như cái cảnh rúm ró của chị của nhà quê mà bị cụ ếch đại vương lấy một bàn tay mà vỗ vào vai.

Chú chuột nhất bị mèo tha ra đến cửa bếp và được thả xuống đất. Mèo không hề chú ý đến sự nhắm chú chuột nọ. Để thường chàng ta ví mình như một người anh hùng cái thế, có thềm sát hại lũ trẻ oắt bao giờ đâu! Sinh phúc cho chúng sống, còn hơn là túm lấy chúng mà nhai. Chưa bỏ dính răng. Nhưng vốn mèo vẫn ác tính. Gã không ăn mà gã cũng không thả chuột ra. Cái mùi hôi ở lông chuột khiến cho gã mèo nhớ rằng thịt chuột ngon và loài chuột là loài đáng ghét lắm.

Mèo nhả chú chuột xuống đất, rồi ngồi ngậy ra mà nhìn. Con vật khổ sở nằm co ro. Mèo ta đắc chí, lấy một chân vờn vờn vào mặt chuột. Bất tỉnh nhân sự từ nãy giờ mới lại hoàn hồn, chuột khe khẽ thoi thóp thở. Mèo yên lặng, dáng ngẫm nghĩ. Gã không để ý đến chú chuột đương

giương đôi mắt lồi như hai hột chàng ràng ra nhìn gã. Chỉ tí hí mắt lương mà ranh thượng hạng.

Bống, thoáng một cái, chú chuột chạy vọt vào phía trong. Nhưng chàng mèo vẫn nhanh hơn. Chàng vươn tay ra. Lại chộp liền ngay lấy gáy chú nhỏ. Ôi chao! Chàng ta mới chộp cho chú nhỏ một cái nhá! Chú nhỏ kêu "chí...chí..." rầm cả lên.

Có lẽ nhân cuộc chạy trốn ấy, gã mèo bày ra một trò chơi tiêu khiển qua thì giờ. Gã đem chuột ra chỗ ánh trăng, giả vờ để yên chú ra đây. Rồi mèo yên lặng. Chú chuột sợ hãi không nhúc nhích.

Nhưng chính ra chuột vẫn rình mèo và mèo cũng lại rình chuột. Để hề khác ý là chuột lại chuồn biến. Còn mèo, mèo cũng chỉ chờ chuột chạy là vồ ngay lấy. Gã mèo giương oai thả lỏng và chắc chắn chẳng khi nào chú chuột chạy thoát nổi đôi bàn chân nanh móng của gã.

Mà cũng thế thật. Chú chuột tưởng bác mèo hác lờ, cứ xềnh một chút lại chạy. Có đến mười lần. Nhưng cũng không lần nào khỏi bị tóm lại. Mỗi bận chuột động chân, mèo ta chỉ nhoi lên một tí, đã tóm được dễ dàng. Mãi rồi con chuột hoá một lử. Nó chạy chậm dần và cuộc chơi cũng dần mất thú vị.

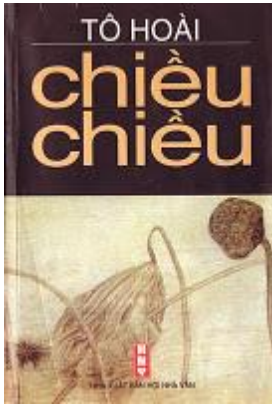
Khi đó, trong đồng cũi, bống lại có tiếng rúc rích. Lại có tiếng lao xao của lũ chuột nào khác. Chẳng biết là chúng đùa nhau hay chúng định chơi cái lối chó cậ gần nhà, đứng trong ấy mà chửi đồng ra. Toan nhảy vào vồ cho chúng chết một mẻ, nhưng mèo vướng có con chuột tù binh ở dưới chân. Đã thế, phải mắng cho chúng một trận mới được. Mèo liền gầm gừ, gầm gừ làm như sắp lẩn ngay vào chiến tranh với những quan thù cỏ rác kia. Lũ chuột nhép cầm ngay. Song chúng cũng không cầm hẳn. Hễ mèo mà ngắt tiếng là chúng nó lại "chiiii" rầm rầm. Làm điệu như xỉ vả bác mèo.

Bực mình, mèo ta nhảy một bước. Chú chuột nhất đang nằm yên như chết vọt vùng chạy. Mèo hoảng hốt thò dài chân ra, nắm lấy nó. Nhưng chỉ nắm hụt được bóng cái lưng của chú chuột in thoáng trên nền đất dài đầy ánh trăng. Hai mắt mèo long lanh, sáng quắc! Cũng không thể đủ sáng để chọc thủng bóng tối dày ra, mà tìm thấy chú chuột nhất tí hon.

Gã mèo sục vào đồng cũi. Giá gã đâm đến vỡ đầu ra cũng chẳng tóm được một nỡm chuột. Mà những tiếng chí...chí quái ác, rất khó chịu vẫn văng vẳng đâu hai bên lỗ tai.

Chàng mèo mướp - mà chàng nào cũng thế - không cố ý ăn thịt chuột nhất bao giờ. Mèo chỉ bắt những con chuột tiểu yêu đó để đùa nghịch và để hả cơn cáu kỉnh; vì loài chuột nhép cứ bặng nặng, rúc rích trong xó bếp, là chỗ nghỉ ngơi của mèo. Chính những con chuột lớn lại đứng đắn, không ầm ĩ đến thế. Chỉ vì bực mình mà mèo bắt chuột nhất. Nhưng chú chuột nhỏ khôn ngoan vẫn hay chạy trốn được. Đờ đờ, cái giống chuột nhất tai quái cứ làm rức tai loài mèo. Suốt đêm hôm đó, gã mèo mướp kia chỉ đi quanh đi quẩn để tìm, để lũng bắt chuột nhất. Và có những đêm sau, hẳn cũng đi tìm chuột, nhưng - vẫn khờ dại như thường - hẳn chỉ tìm để đùa chơi một chút. Rồi nó có rông mắt, hẳn lại khó chịu, bực dọc, hậm hực mà đi lũng bắt những con khác. Cái loài chuột nhái cứ làm ta rối đầu và ngứa mắt quá. Cơ chừng gã mèo mướp phải dành tất cả cái hoa niên của mình để mà chỉ luẩn quẩn đi o chuột.

Tô Hoài - nhìn từ một khoảng cách gần Vương Trí Nhàn



Lâu nay, chúng ta mới chỉ quen với loại chân dung nhân vật hoặc là rất đẹp hoặc là bị biếm họa mà trở nên méo mó nhếch nhác. Đặt các bức chân dung văn học ấy cạnh những tác phẩm trắng đen rõ ràng, ta tốt nó xấu sẽ thấy một sự trùng hợp không về vang gì. Bức chân dung Tô Hoài nhìn gần của Vương Trí Nhàn cho thấy những nét khác lạ và độc đáo. Vẫn tràn đầy các gam màu ấm áp, không yêu quý nhau không thể có gam màu ấy; nhưng nhân vật hiện ra với khá nhiều mảng tối, mới trông tưởng bị nhạt, nhìn lâu hoá ra đó là những tương phản để thấy một chiều sâu đầy đặn vạm vỡ; vừa có tính khác lạ vừa rất đổi thân thuộc với con người. Không phải tất cả những nét vẽ của Vương Trí Nhàn đều đúng, chỉ có sự công phu hết lòng thì rất đáng nể trọng và điều đó bất ngờ lại cho thấy một chiều kích mới của nhà văn Tô Hoài - viết đến 14.000 chữ mà vẫn chưa hết về ông!

1986

Những suy nghĩ khi nhớ lại *Tự truyện*

Một xuất phát tốt là thiên hồi ức *Cổ đại*. Hình như thời thơ ấu không may mắn đã giúp cho người trai ấy có sự tỉnh táo, biết vị thế của mình trong đời. Cái gốc của Tô Hoài là một linh hồn bơ vơ. Một người thợ thủ công “cổ đại” chính cống. Sau mới có một con người cán bộ - cán bộ viết văn - trù ra ngoài.

Cái giọng riêng của Tô Hoài bắt đầu từ đâu? Câu văn như bước chân người kéo lê đi, lại như tiếng thủ thi để chứng tỏ là con người đó vẫn sống, không bao giờ chấp nhận sự cùng đường. Văn Tô Hoài không gọi cảm giác sang trọng mà thường ăn ở cái vẻ miên man không cùng; sinh động tự tin, nhưng lại vẫn có chút hậm hùi, tội tội như thế nào đó. Một câu trong *Xóm giếng ngày xưa* “Tôi vẫn quen với những nhem nhạt”.

Như nhiều người đã nói (trong đó có Hoàng Tiến), Tô Hoài mạnh nhất khi tả phong cảnh, tả những ấn tượng của người viết. Từ đoạn này sang đoạn khác, nhiều khi chuyển rất đột ngột, không đếm xỉa gì đến người đọc. Nhưng vì cái duyên, người ta bị hút ngay vào những đoạn rẽ ngang rẽ dọc đó.

Tôi nghĩ rằng Tô Hoài không biết rõ nhân vật. Nhân vật của ông như người qua đường không hiện lên như những tính cách mãnh liệt muốn thể hiện ý mình, mà chỉ để làm cơ cho tác giả kể chuyện.

Luôn luôn, tôi khâm phục cái ngổn ngang nhiều vẻ mà tầng tầng lớp lớp của Tô Hoài. Hình như con người đó vào đâu có cái “tử” ở đây để đối phó. Và thật lắm mặt hàng!

Ông là nhân vật tiêu biểu của sự tha hoá với các nhà văn và cũng tiêu biểu cho khả năng của con người đối phó với sự tha hoá đó, khả năng vẫn là chính mình, không chịu hỏng, không chịu chết.

Sức sống, là tài năng, trong sức sống bao gồm khả năng thích ứng, và khả năng vẫn là mình. Đại khái nó cũng giống như cái cây, nắng gió mây vẫn sống được, và vẫn cho quả. Chứ không phải là khả năng làm ra thứ quả ngọt hơn ngon hơn quả những cây khác. (Trong các bản tin thời sự hàng ngày tôi vẫn được nghe người ta nói là đơn vị nọ, đơn vị kia, không đủ điều kiện làm việc, thiếu tiền... song vẫn hoàn thành nhiệm vụ). Luôn luôn trước mặt chúng tôi, là cái công thức của Pavel Korsaguin, hãy biết sống khi cuộc đời trở nên không thể chịu được nữa. Tô Hoài giỏi sống kiểu này nhất.

Bảo con người Việt Nam làm được cái gì to lớn, họ không làm nổi. Nhưng bảo họ làm một việc gì cần thú vui vui, lại cần cho cuộc sống của họ nữa, họ dám làm và thường là làm được.

Tô Hoài là người Việt Nam theo kiểu ấy. Có cái duyên dáng thân thuộc riêng, nó là cái phúc cái phận mà người nào cũng có, mà ông có đẹp hơn người khác.

Một hôm tôi hỏi Tô Hoài:

- Có phải ông Tuấn không chơi với Nguyễn Công Hoan?

- Phải. Vì cụ Tuấn thích trưng mình ra, mà cụ Hoan thì lại sống lẩn, chỉ bằng lòng làm một kẻ đạo mạo.

Tôi chợt nhận ra một điều, hoá ra Tô Hoài là một gạch nối giữa Nguyễn Tuấn và Nguyễn Công Hoan. Mà có vẻ nghiêng về Nguyễn Công Hoan nhiều hơn. Cũng bằng lòng ba la, bắt cần đời, nhạt được cái gì thì nhạt. Chỉ có khác ở chỗ Tô Hoài có phần chơi rộng hơn, biết cái gì rộng hơn ở người mình. Đằm hơn, kín hơn, đỡ thô hơn. Và cũng còn biết nhiều kiểu làm dáng nữa.

16/2/93

Ngày 5/2, hội thảo Tô Hoài văn và đời, tôi bận không đi được. Ân kể là Vũ Quần Phương rất biết nói phải chăng về Tô Hoài - Tìm hiểu Tô Hoài là niềm say mê của thế hệ chúng tôi.

Hân ở dưới ngồi kể với Ân rằng bao nhiêu lần, Tô Hoài qua Liên Xô, bọn ở đấy được tổ chức mời ông nói chuyện, Tô Hoài đều từ chối. Con người chỉ giỏi lẩn thôi.

Ngô Văn Phú đang ngồi trong cơ quan ông giữa xe với chai rượu. Thấy Tô Hoài vào, Phú cũng mời.

- Có uống thì uống loại nào cơ chứ loại này uống làm quái gì - Tô Hoài trả lời, thật là hách.

Ông Tế Hanh kể:

- Hôm mừng Tô Hoài, mình nói rất ngắn. Tô Hoài có chút gì đó như Picasso. Picasso có cái bút trong tay là vẽ. Tô Hoài là viết. Ông viết như một bản năng bẩm sinh.

Trong *Truyện Tây Bắc*, nhiều người thích *Vợ chồng A Phủ*, tôi lại thích *Mường Giôn*. Vì *Mường Giôn* buồn. Cuộc đời đẹp mà cứ thế lặng đi.

Tô Hoài bảo mình chỉ thích viết chuyện buồn. Và Tô Hoài còn thích viết những chuyện xa mình nữa cho nó đỡ phờ ra vẻ nhếch nhác. Theo mình (Tế Hanh) trong *O chuột*, tác giả có ý khi đặt thêm một truyện về người, cụ Lặc. Nhiều nhà phê bình chê nhưng tôi bảo đấy là hiện đại, là phương Tây thế kỷ XX, nhìn con người như một thực thể gần con vật.

Trần Độ: Đọc *Bố mìn mệ mìn* của ông, mình chỉ phục có nhiều chuyện, ông rất nhớ.

Tô Hoài: Cái cảm tưởng ấy có ở anh, là do truyện của tôi dùng được nhiều chữ của hồi ấy. Nếu không có chữ, không tạo được không khí.

Lê Đạt kể hồi kháng chiến, ông Tường là người phụ trách cơ quan văn nghệ, Tường thì tốt thôi, nhưng hách lắm. Tô Hoài phê bình.

- Tôi chỉ thấy khi nào cậu X (công vụ cơ quan) đi giặt quần áo cho anh Tường, trông có vẻ vênh vang lắm, như là được làm một việc rất oách.

Tường cười gượng.

- Nó chửi mình, nhưng không chửi thẳng, lại mang chuyện công vụ ra, thế mới xỏ lá.

Vấn lời kể của Lê Đạt: Mình hỏi Tô Hoài đọc mấy bài thơ mới của Văn Cao chưa

- Chưa. Nhưng mình nghĩ những bài hay của Văn Cao mình đọc cả rồi. Với lại mình không có thói quen đọc thơ tay trái.

Một nhận xét của Lê Đạt:

Đúng Tô Hoài, cùng với Nguyễn Khải, là những cây bút chuyện nghiệp. Những cây bút bao giờ

cũng nghĩ ra việc để làm, ra cách viết để viết, chứ không đầu hàng bao giờ. Sự gia công chữ nghĩa của Tô Hoài cũng đã ghê đấy chứ. Chỉ lạ một nỗi là viết xuôi viết ngược thế, nhưng vẫn không đạt tới cái đỉnh như Nam Cao.

5/1/1994

Tô Hoài khoe với bọn tôi, ông nhận được một lá thư của Vụ Văn hoá Pháp, xin dịch tất cả các tác phẩm của Tô Hoài đã viết, có liên quan đến làng Nghĩa Đô, và xin Tô Hoài cử cho một đại diện đang sống ở Tây Âu để tiện làm việc. Tô Hoài sẽ nhờ Đặng Tiến làm việc này. Tô Hoài cũng vừa được Đặng Tiến gửi cho 1000 đô, do nhà Hồng Lĩnh trả, sau khi in *Cát bụi chân ai*. Nghe vậy, Nguyễn Huy Thiệp buồn lắm.

- Lão ấy được đủ mọi thứ. Còn mình, nó gửi cho có 500, cũng bị cướp mất.

Tôi đã viết trong một bài báo, *Cát bụi chân ai* đạt tới cái mức cổ điển của *Hồn bướm mơ tiên*, *Quê mẹ*, *O chuột*.

12/2/1994

Tại buổi họp nhóm KX 06-17 trước Tết, Tô Hoài bảo với mọi người:

- Thôi nhé, mừng 4 Tết ta gặp nhau. Tết các vị khỏi phải đến tôi. Nói chung là tết tôi không tiếp khách. Giá người khác nói chuyện vậy, ông ta sẽ cho là kiêu ngạo là xa mọi người. Nhưng ông Tô Hoài nói được. ở chỗ người ta tưởng ông bừa bãi thật, ông lại rất nguyên tắc (chẳng hạn ông thường đi họp đúng giờ, cần duyệt một bài báo ông cũng nguyên tắc). Nhưng ở chỗ người ta gắng sức ông lại nhõn nhỡ làm bậy. Trong lúc họp ông hay ngồi viết các bài báo vặt. Ông cũng bia rượu, gái gái không kém ai.

Thái Bá Vân kể là đến chơi Nguyễn Tuân, thỉnh thoảng vẫn gặp Tô Hoài, nhưng thường Tô Hoài không nói năng gì.

Một ý của Tô Hoài: Tôi cho là chả làm gì có nhà văn lớn với tác phẩm lớn. Cho nên cứ viết đi, viết làm tài liệu cho các thế hệ sau.

Tô Hoài thường không đi dự các buổi sinh hoạt Hội Nhà văn. Ông kể với tôi là ông không đóng cả Hội phí nữa, ông đã trả lời ông Vũ Tú Nam bằng thư rằng ông không đóng. Tôi không việc gì mà phải đóng cả. ở nước nào cũng vậy, đến một tuổi nhất định là được miễn các việc nữa là tôi. Chúng nó thấy tôi khỏe, lại tưởng tôi bằng vai với chúng nó, như thế là láo.

Có nhiều việc khiến ông bất mãn ra mặt. Từ chuyện vợ vẫn : Cấp trên cho các ông già ít tiền.

Cho 50 người thì lại bị xẻ ra, thành cho độ 150 người. Tô Hoài cũng bị xẻ.

Tôi cảm thấy Tô Hoài để ý từng tí một. Ví như cái chuyện nhà cửa bên Nguyễn Đình Chiểu, cho thuê như thế nào, bọn thuê có họ hàng với ai, Tô Hoài biết hết. Làm thế nào để có thông tin tỉ mỉ như vậy. Tô Hoài kể: một lần ngồi chơi cả bọn. Tôi chỉ cần làm ra vẻ nhân tiện rủ bây giờ tất cả đi uống bia. Bia gì anh, bia tôi khao, thế là cười ầm lên, kéo nhau đi. Chuyện ở đấy mà ra chứ ở đâu nữa.

Cuối năm 1993, Trọng Hứa chết. Tôi đến viếng, xong, hỏi Linh Chi (em trai anh Trọng Hứa)

- Anh Tô Hoài có đến?

- Chưa thấy, chắc chiều anh đến.

Chiều có buổi họp. Tôi đoán chắc Tô Hoài nghĩ. Nhưng vẫn thấy tò tò kéo đến họp rất thân nhiên. Tôi hỏi anh không đi đám ma? Lặng đi một lúc, sau Tô Hoài mới cho biết.

- Anh ấy (Trọng Hứa) làm Chánh Văn phòng Hội từ kháng chiến chống Pháp. Về sau, chán Đài phát thanh lại quay về với Hội. Người ấy tự trọng lắm. Đến tuổi là về hưu thôi. Không có tiền, xin đi gác đêm ở một xí nghiệp, tưởng già thì tha hồ thức đêm, hóa ra phải thôi không làm được. Gặp, tôi vẫn cho tiền. Lâu rồi, mấy năm trước, tôi còn viết cả một bài dài về Trọng Hứa. Chả đâu in, tôi lại mang về in ở báo *Người Hà Nội*.

Đấy, tôi với Trọng Hứa có cái tình từ ngày xưa như thế. Nhưng đến Hội thì tôi không. Đợi đám ma xong, tôi đến Linh Chi sau.

1/5/1994

Những ý chính Tô Hoài phát biểu trong hội nghị những người viết trẻ:

- Tôi viết văn từ năm 20 tuổi, đến nay vẫn tiếp tục viết. Mấy truyện ngắn của tôi mới viết cũng có may mắn gì. *Con ma* gửi báo *Lao động* họ không in, tôi mang về in báo nhà. Nghĩa là tôi có được hưởng quyền gì đâu, có cây đa cây đề gì đâu. Nhưng mà tôi vẫn yêu nghề, thấy nghề là khó. Vẫn cho rằng chưa viết được gì hơn *Đế mèn phiêu lưu ký*.

- Tôi sống như thế nào? Đi thực tế có lẽ không ai đi hơn tôi. Tôi làm tổ trưởng khu phố mấy năm. Mà học chính trị, cũng không ai hơn tôi. Tôi đã học Nguyễn ái Quốc 2 năm. Theo tôi hiểu, có nhiều người không học. Nhưng tôi cảm thấy trước sau tôi vẫn là tôi.

- Cách đây 12 năm, một đêm ở Krưm chia tay với các bạn Tbilixi tôi có đọc mấy câu thơ Nguyễn Bính. Nguyễn Bính là người viết chữ đẹp. Tôi chả yêu thơ Nguyễn Bính, cũng cứ để đầu giường và nhớ mấy câu chữ quá đẹp.

Huyền Trân Huyền Trân Huyền Trân ơi

Mùa xuân, mùa xuân, mùa xuân rồi

Giờ đây chín vạn bông trời nở

Riêng có tình ta khép lại thôi

Rồi chúng tôi ôm nhau khóc, không rõ khóc vì sao, vì buồn vì phải xa nhau, hay vì nghĩ rằng nghề này khó quá, không bao giờ đi đến cùng.

Trong chuyến đi Sơn Tây.

Nhàn - Anh còn được đọc, vì có trong thời gian trước, nhiều khi anh như đứng ngoài chuyện thời sự, những cái anh viết ra thường có tính cách phong tục.

Tô Hoài - Mình viết cái gì mà không có tính chất phong tục không viết được.

Cũng như nhà văn của mình bao giờ cũng phải có một nghề gì đó. Và cái nghề đó ám vào ý nghĩ của anh ta, có mặt trong trang viết của anh ta.

Một lần nào đó, tôi hỏi rằng Tô Hoài làm sao có thể thượng vàng hạ cám gì cũng đọc

- Đó là thói quen của người tự học.

Bí quyết sống của Tô Hoài là trừ việc viết ngoài ra, không bao giờ làm gì, mà cũng không bao giờ bỏ việc gì.

Mặc dù chuyển đi không làm Tổng biên tập tờ *Người Hà Nội* nữa, nhưng Tô Hoài vẫn nhận làm chủ tịch Hội đồng Biên tập cho báo.

Khi tôi nhờ báo này đăng hộ mấy bài thơ cũ của ông cụ, bố ông Nguyễn Thao Lược, thì tự tay Tô Hoài chữa mực đỏ cẩn thận gửi cho báo. Và ông hứa, thể nào họ cũng đăng.

Tô Hoài hay nói với tôi.

- Nếu không có Cách mạng, ông Thi ông ấy đi làm quan huyện, ông Bồng đi làm giáo sư. Còn tôi, tôi vẫn là người viết văn.

Lê Đạt kể về Tô Hoài: Có lần bàn chuyện gì đó, về Nguyễn Đình Thi. Mình mới bảo đối với Thi, mình hơi khó, không dám nói đến cùng. Vì hồi kháng chiến bọn mình rất thân với nhau. Có cái gì nó cũng kể với mình. Thi thường đọc thơ cho mình nghe.

Tô Hoài cãi: Sao tôi cũng thân với nó, mà nó không đọc. Có gì đâu, ông lúc ấy là thư ký của mấy ông to. Thi nó đọc ông nghe, để ông về ông nói giúp cho nó, đơn giản thế thôi.

Một chi tiết lặt vặt ở miệng Lê Đạt:

- Có lần, hồi kháng chiến, phải họp để phê bình Tô Hoài đánh vợ. Tô Hoài cho một câu gọn lỏn, các cậu không biết chữ đánh vợ xong, vợ nó chiều lắm. Hình như, cũng Lê Đạt nói, cái lão Tô Hoài ấy từ thuở trai tráng, đã sống nhờ đàn bà, và sự thật là đã có nhiều bà lắm.

- Bởi lẽ -- tôi nghĩ -- ông Tô Hoài có cái thiết thực của đàn bà.

16/10/94

Đọc bài Vũ Quần Phương: Tô Hoài - văn và người trên tạp chí Văn học, số 8-1994. Tô Hoài đối xử giỏi. Người được yêu thì biết, mà người bị ghét, không thấy là cần báo thù. Có mặt Tô Hoài trong các buổi họp, người ta không cảm thấy bị lái. Không có mặt người ta không cảm thấy bị trống. Anh em làm việc với Tô Hoài thấy có thể hợp tác được.

4/11/94

Đi Điện Biên với nhóm Đề cương văn hoá.

Ai đó định rủ đến nhà Lương Quy Nhân, nhưng Tô Hoài gạt đi.

- Đừng đến. Đến bây giờ, các anh ấy hay buồn, vì thấy mình cũng bằng tuổi các anh ấy, mà mình còn đi lại tung tủy được.

Một cô soát vé máy bay gọi một cô khác đến xem mặt Tô Hoài, người đã viết *Dé mèn* mà bọn mình đọc hồi bé. Đi một quãng, Tô Hoài bảo:

- Không những nó, mà ông nó, cụ nó cũng đọc chứ chả biết chừng.

Nhân ai cũng nói *Dé mèn*, tôi bảo một tác phẩm như thế, tính bằng nửa sự nghiệp của anh, bằng tất cả các tác phẩm còn lại chứ chưa biết chừng.

- Điều đó, vừa là một niềm vui, vừa là một nỗi buồn của mình.

Có một nhận xét chung là đến đâu Tô Hoài cũng có nhớ như in ngay mọi chuyện. Sau này, nói với mọi người, ông cũng chỉ lặp đi lặp lại những chi tiết cũ. Chứng tỏ sức nhớ của ông rất ổn định.

Tô Hoài kể về gia đình Nguyễn Tuân:

- Tôi gửi biểu quyết *Cát bụi chân ai*, gia đình cũng chẳng có một lời cảm ơn!

Bởi tôi không thể là cái loại mà mang sách đến, rồi đặt lên bàn thờ, rồi khóc lóc. Tôi chỉ đưa tay cho bà cụ.

Sau khi cụ Tuân chết, ngày giỗ đầu, tôi đã bảo với bà cụ ngày này hàng năm, nên ngồi với nhau để tưởng nhớ cụ. Gia đình đứng ra gọi, còn mọi chuyện để bọn tôi lo. Nhưng có bao giờ gọi đâu.

Nghe chuyện này, Nguyễn Đăng Mạnh bảo:

- Gia đình Nguyễn Tuân không muốn để Tô Hoài dính vào cái việc bàn di sản Nguyễn Tuân, cho nên mới có chuyện ban này không thành.

28/12/94

Chắc chắn phải nói Tô Hoài là một con người có đến hàng chục bộ mặt.

- Người thợ cửi cần mẫn và người ngoại thành thớ lợ.

- Anh văn nghệ chuyên nghiệp và ông quan cách mạng, biết tất cả đòn phép

- Kẻ trọng đời và kẻ khinh bạc.

11/1/1995

Báo *Văn nghệ* cuối năm 1994 mở cuộc hội thảo về cuốn *Đổi mới và văn hoá* của Phạm Văn Đồng. Mời cả Nguyễn Đình Thi, Vũ Tú Nam, Tô Hoài, Hoàng Ngọc Hiến. Nhưng Tô Hoài không đi. Từ năm ngoái năm kia, khi Phạm Văn Đồng đang viết cuốn này, nghe nói Tô Hoài có viết *Đề cương văn hoá*, Phạm Văn Đồng đã mời Tô Hoài lên gặp nhưng Tô Hoài không lên và Tô Hoài bảo với Trần Việt Phương là giá anh Đồng mời tôi lên ăn cơm thì tôi lên, nhưng chuyện này thì thôi, anh miễn cho.

Nhân đây, thử làm một sự thay đổi tính cách theo hoàn cảnh.

Tại hội nghị về văn hoá và đổi mới (sách của ông Đồng), Nguyễn Đình Thi cũng có dự, và ông Thi phát biểu rất hăng. Đây là lần thứ hai ông Thi dự buổi "sinh hoạt khoa học" kiểu này (trước đó, ông ở Sài Gòn, người ta đã làm, đã mời ông Thi) ông Thi bảo nghe được nhiều ý rất hay. Ông Nguyễn Kiên còn nói là tại hội nghị này, ông Thi bảo có những người sinh ra đã là nhà văn hoá, trong đó có anh Tô (tức Phạm Văn Đồng).

Nhưng thử nhớ lại chuyện cũ.

Năm đó, ở Liên Xô, đang chế độ Breznhev, và người ta cho in ra mấy cuốn *Đất nhỏ, Hồi sinh*. Chính Bùi Văn Hòa - có vợ làm ở báo Nhân Dân - kể với tôi rằng báo này đặt một bài về cuốn sách, ông Thi không nhận, còn ông Tô Hoài thì nhận và viết luôn. Hồi ấy, bọn tôi vẫn sợ cái lối bất cần của Tô Hoài. Thế nhưng hai mươi năm sau. Có sự đổi vai.

Một chuyện khác, liên quan đến Tô Hoài. Gần đây, sách ông ra nhiều, ở đó, có sự ngẫu nhiên mà cũng có bàn tay tạm gọi là chịu xoay xở của ông.

Ví dụ như 3 tập *Tuyển tập Tô Hoài*. Trừ tập một là truyện ngắn trước đây, đến hai tập sau toàn là truyện vừa, truyện dài, hồi ký (*Quê nhà, Tự truyện, Cát bụi chân ai...*) Tôi đoán: đó là vì ông muốn để truyện ngắn sang khu vực sách riêng. Đã có người in cho ông một tuyển tập truyện ngắn trước 1945. Giờ lại có người chọn cho sau 45 (2 tập). Vậy thì, với cái tính bầm sinh, Tô Hoài tất phải làm thế. Nhưng khi tôi hỏi, có phải ý anh để tuyển tập cho truyện vừa, còn cái tập về cho truyện ngắn không, Tô Hoài lại bảo tất cả những việc này là do Hà Minh Đức tính cả, tôi phó mặc cho Đức mà không có ý kiến gì hết.

Có cảm tưởng Tô Hoài thấy cần thì hợp thấy không cần thì vắng, cố quên chuyện nào thì quên chứ thật ra chẳng quên chuyện gì - tôi bảo:

- Anh còn chưa lẫn.

- Lẫn thì sống sao được.

- Như cụ Nguyễn Công Hoan, cụ ấy không những lẫn trong đời sống mà là lẫn trong văn học

- Anh Hoan khác.

Mở lại sổ tay, một câu của Tô Hoài lúc nói chuyện ở Văn nghệ quân đội: Nghề văn là một nghề phải biết huy động sức mình một cách đúng đắn nhất.

Lại chuyện Nguyễn Xuân Sanh. Buổi quay ti vi Vũ Đình Liên 70 hay 80 gì đó. Quay xong Tế Hanh, thì đã 11h30, tay quay phim nó đề nghị vậy thôi, trong kịch bản còn có mấy lời về Nguyễn Xuân Sanh, nhưng xin cũng thôi. Thế là Nguyễn Xuân Sanh kêu ầm lên.

- Tôi phản đối. Không thể gạt tôi ra ngoài được. Nếu thế này, tôi sẽ...

Mọi người sợ quá, phải bảo vậy thì chiều làm xong.

21/2/95

Một cán bộ ở Hội Văn nghệ Hà Nội khoe:

- Cụ Tô Hoài vừa gửi cho một phong bì tương. Hoá ra hơn một tháng tết, cụ tương ra đến hơn hai chục bài. Khối điều đáng đọc chứ tưởng.

Về sau Tô Hoài bảo tôi:

- Trong khi 3 cuốn tuyển tập được hơn năm triệu, thì 6 bài báo ở Sài Gòn đã được 6 triệu. Mà nó phải giả thế chứ. Nó yêu cầu tôi viết chứ tôi có gửi cho nó đâu.

Nhân chuyện báo *Người Hà Nội*, bị phê bình vì đăng một bài liên quan đến pháo, rồi Vũ Quần Phương có ý kiến như thế nào đó, Tô Hoài hơi bực, bảo với bọn tôi: Thăng Vũ Quần Phương nó không giống như anh em mình ở đây đâu, nó nhắm lắm.

Ngọc Trai: Anh em họ đồn anh Tô Hoài duyệt bài đợt này để hại Vũ Quần Phương.

Bà Hoàng Ngọc Hà kể về việc báo *Người Hà Nội* bị phê bình. Ban đầu ông Tô Hoài định chống, nhưng sau bọn mình phải nói, ông ấy mới nhận. Tại hội nghị, ông ấy bảo tôi nhận là tôi khuyết điểm nghiêm trọng. Vì lúc nhập tôi chỉ nghĩ đến cái Đường Tăng. Tôi chỉ nghĩ đến Phật, hoá cái pháo nó hại tôi.

8/3/1995

Tô Hoài kể: Mấy hôm trước Đại hội Nhà văn, Nguyễn Quang Thân, Cao Tiến Lê, gọi điện đến bảo phen này sẽ bầu Tô Hoài làm Tổng thư ký, Tô Hoài cười ruồi: Mình già rồi, làm sao được.

Tôi khái quát non: Anh Tô Hoài rất phù hợp với tình hình bây giờ, lúc mọi chuyện đang rã, giống như chiếc xe hỏng, vặn chặt quá không đi được. Ông Tô Hoài mà làm thì ông ấy cũng chỉ lo tạm tạm một ít việc chính, còn mặc kệ, cái đó lại hay.

(Nhớ có lần, Nguyễn Khải kể Tô Hoài rủ Khải làm một cặp lãnh đạo Hội. Khải nói đùa: Thế thì ra hội Ba Giai Tú Xuất đích thực)

17/3/95

Trong Đại hội nhà văn kỳ này, Tô Hoài được mời vào chủ tịch đoàn.

Ban chấp hành bảo Tô Hoài tham luận, ông bảo: chỉ tham luận về văn nghệ Hà Nội.

Hữu Vinh khái quát, Tô Hoài, đó là tài năng, là sức bật, nhưng trước tiên, là một ông già thực dụng. Cũng không có gì lọt qua mắt ông cả.

18/7/95

Tô Hoài, đó là văn xuôi, một thứ văn xuôi tự phát, cứ chảy ra, rỉ ra, lan ra chung quanh lan ra trong cuộc sống hàng ngày, mạch văn đó không bao giờ cạn. Giống như con người đó sống vui chơi viết văn không bao giờ biết mệt.

27/12/1995

Từ sau khi “bảo vệ” cái Đề cương văn hoá thất bại (Đình Quang làm chủ tịch Hội đồng nghiệm thu), Tô Hoài không sờ đến cái bản đề cương này nữa thì phải.

Tháng 7-8, ông kêu nóng. Giờ thì lại kêu bận. Lại nhớ ý của Ma Văn Kháng: Lão này hay tạo ra cái sự già của mình, bán già, cật già, thì làm gì được nữa.

Có một lần, tự nhiên Tô Hoài bảo tôi:

- Bọn *Sài Gòn giải phóng* nó biểu báo mình thường xuyên, mình không đến lấy được, ông ở gần đấy đến lấy đọc, rồi quẳng vào nhà mình lúc nào thì quẳng.

May quá, lần ấy tôi nghĩ ra kế từ chối.

- Chỉ mang đến nhà anh, tôi đã ngại rồi, cửa đóng im ỉm mà lại cửa phen, gõ không kêu, trong nhà không nghe tiếng, lấm lúc đứng mỗi cả chân ở ngoài.

Tô Hoài lảng ngay.

Nhưng quả thật, trong thâm tâm, tôi không bằng lòng, ông này coi thường mình quá, ai đi làm cái trò khi ấy hộ ông được.

Nguyễn Kiên kể, có một việc ông Tô Hoài tôi (N.K) không phục. Đó là sau khi mất chức ở Hội, ông ấy lại gửi thư đến Thành uỷ, xin tiếp tục làm Tổng biên tập tờ *Người Hà Nội*.

Hỏi lại Bằng Việt thì đúng là có chuyện đó thật.

Đầu năm Bính Tý, ông Tô Hoài gửi thư đến Nhà xuất bản Hội Nhà văn, trách là sao không in cái nợ cái kia của ông và đòi lại mấy bản thảo.

Mọi người chạy cuống cả lên, nhưng tôi cứ ì ra. Sau hãy hay, tôi bảo Ân.

- Ông ta nói vậy để dọa thôi, nhưng người như thế, chỉ giờ cao đánh khế.

Tối nay 4-3-96, gặp nhau (= họp) ở chỗ Ngọc Trai về, tôi đi bộ với Tô Hoài một quãng. Trong buổi tối cuối đông, đường phố xao xác, Tô Hoài nhớ mấy câu thơ Tản Đà đề ở đầu bản dịch Liêu Trai:

Nói láo mà chơi, nghe láo chơi

Vườn dưa lùn phún hạt mưa rơi

...

Tôi tự nhiên cảm động, cũng nhắc những chuyện biển dâu lạ lùng quanh mình. Ông Hoàng Ngọc Hiến nói về văn hoá, đã được mời đi Mỹ. Bằng Việt chết vợ, người vợ trụ cột của gia đình. Ông Văn Tâm đề cao Đoàn Phú Tứ đến mây xanh, và được báo ở Sài Gòn gọi là học giả. Cái lối nói của một người như P.N, ông ta tự nhiên trở thành nhà tư tưởng của đổi mới. Ở Thư viện, những người thủ thư trò chuyện như ngoài chợ, bất chấp chung quanh bọn tôi mầy mò trên từng trang sách. Những con chuột cắn nát nhiều ô phích và tha cả vỏ quýt lên phích để ăn. Dưới nhà tôi ở, mỗi buổi sáng người ta quạt lò khiến tôi không thở nổi nữa. Chiều 3-3, dẫn con đi trên chuyến tàu hoả của trẻ con, ở Công viên Bảy Mẫu, nhìn hai bên đường, thấy cỏ cây cũng gợi ý trong lòng nhiều bịn rịn, như những lúc khác đi trên chuyến tàu hoả thực sự.

.. Lúc này, trong buổi tối này rằm tháng giêng, nhớ lại 20 năm qua, những buổi đi chùa, thấy như một kiếp nào khác, mình không còn là con người hôm qua, thời gian đã huỷ hoại mình tới mức không sao lấy trở lại được nữa.

Tô Hoài là người rất hiểu cái phôi pha của kiếp người, Tô Hoài có cái chất nghệ sĩ riêng, mà khi vứt cái phần cán bộ bon chen đi, thì nó vẫn còn nguyên vẹn.

9/5/1996

Ngày 24-4, đề tài KX- 06-17 bảo vệ thành công cuộc nghiệm thu ở cấp cơ sở. Gặp tôi lần nào Tô Hoài cũng chỉ nói là ông oản ra mà làm, chán lắm. Cứ ghép ghép bài của mọi người vào

thành bài của mình, chỉ được cái - Tô Hoài cười mỉm - bây giờ tôi cũng vẫn không ngại viết, tôi chép tất cả bằng chữ tôi, nên không ai nghi ngờ được. Cứ nói mạnh về Cụ Hồ.

Nhân bàn về tình hình Hội, Tô Hoài kể tôi nhận được cái thư của Ban tổ chức sáng tác rồi. Trả lời ngay thôi. Nhưng các ông ấy lại bảo là trả lời của mình ngắn quá. Tô Hoài cười ranh mãnh.

- Nói về tình hình Hội, Tô Hoài bảo buồn lắm. Văn chương phải có cây cao bóng cả, chứ cứ cá mè một lứa thế này không được - xuất phát từ sự chán nản trước tôi kêu phụ họa.

Nhưng Tô Hoài phản ứng theo cách khác, và phản ứng cũng rất đúng.

- Cây cao bóng cả thế nào. Ngày trước Thế Lữ lưng lầy là thế, mà khi Xuân Diệu xuất hiện, là Thế Lữ thôi hẳn. Bài thơ cuối cùng của Thế Lữ là bài *Khói huyền lên*, người tự tay chép để làm kỷ niệm.

Còn như Tản Đà, sau này người ta quý hoá Tản Đà thế nào không biết, nhưng lúc bấy giờ thơ Tản Đà không báo nào đăng. Tản Đà phải mở cửa hàng đoán số và đi dịch thuê. Tại sao không đăng thơ, vì, với người ta, mấy năm ấy, không còn là thơ của Tản Đà nữa, báo nào đăng người ta cười cho. Ở ta bây giờ một số ông cứ chiếm chỗ sang trọng nhất ở các báo, như thế còn ra cái nghĩa lý gì nữa.

23/5/96

Đọc lại báo chí kháng chiến, báo *Cứu quốc*, thấy Tô Hoài lúc nào cũng có mặt viết cho thiếu nhi, viết cho người lớn, viết bài ngắn, viết bài dài, đủ cả.

Nguyễn Kiên kể về cách mắng mỏ của Tô Hoài. Chẳng hiểu sao, Xuân Tùng cũng lại dở dúi ra in *Cát bụi chân ai* 800 bản. Ông Tô Hoài viết thư cho Nguyễn Kiên.

Ông Kiên

In lại *Cát bụi chân ai* 800 bản thì in làm gì? Tôi xấu hổ.

Ký tên Tô Hoài

Nguyễn Kiên biết như thế là Tô Hoài giận lắm, phải trả lời thư đầy đủ.

Bà Phương phát hành thì bảo: Chính ông Tô Hoài này là to mồm nhất (về chuyện nhuận bút).

Tìm lại ghi chép về Tô Hoài thấy mấy ý của Nguyễn Minh Châu:

- Đọc Tô Hoài, cứ có cảm tưởng người lớn mà còn chơi bi.

- Đọc văn tôi thấy không ai xa rời đời sống như lão ta mà không ai tha thiết với cuộc đời này như lão.

Thứ bảy 27/7/96

Đặng Tiến từ Paris về Hà Nội, có tin vậy.

Lâu nay, thấy Tô Hoài coi Đặng Tiến rất thân mật. Nào là gửi sách đi cho Đặng Tiến, nào nhận thuốc do Đặng Tiến gửi về. Hoá ra, hai người chưa gặp nhau bao giờ. Những lần trước, toàn là trong thư từ. Nhưng Tô Hoài cũng khoe:

- Một công việc ông ta đang theo đuổi là dịch *Cát bụi chân ai* ra tiếng Pháp

Sáng 1/8/96

Tô Hoài gọi điện cho biết Đặng Tiến về. Theo Tô Hoài, Đặng Tiến cũng đã đi gặp Lê Đạt, Huy Cận. Nhân nói về sáng tác, Tô Hoài kể dông dài một hồi, rồi nói đến bản thân.

- Tôi đang định viết một quyển sách, đã đóng giấy xong rồi, sẽ viết được - mang tên Những câu chuyện với *Lão Sóng*. Trong đó, tôi dành một chương nói về việc đi thực tế ra sao, một chương nói về những chuyến đi nước ngoài ra sao. Đi xong rồi về lại kể cho lão Sóng một người chả đi đâu bao giờ.

- Có phải cụ Sóng ở Thái Bình.

- Đấy, cái nhân vật tôi từng ghi nhật ký đấy. Tôi sẽ viết về nửa thế kỷ làm văn chương, làm đủ mọi thứ trên đời, viết đủ mọi thứ mà thực ra, không hiểu rằng mình là người thế nào.

- Cái đề tài ấy của anh thì hay quá rồi.

- Tay Đặng Tiến nó bảo nó cũng định viết về tôi như thế. Tức là tôi cứ phập phù chơi bời, mà cũng được một cái gì đó.

Mùa hè này, 1996, Tô Hoài sống như thế nào? Tháng bảy, từ 10-20, lên Kim Bôi nghỉ với con cái. Tháng tám, lại lên Đầm Vạc, nghỉ theo tiêu chuẩn một cán bộ lão thành. Cười trong máy điện thoại.

- Minh cứ nhênh nhang thế thôi.

15/8/96

Có một việc nhỏ, tôi thấy Tô Hoài tùy tiện.

Sau khi *Quê hương* in ra ở NXB Hải Phòng, tôi nhờ ông liên hệ với Trần Xuân Trường (con Nguyễn Tuân) - việc này do chính ông đề xuất. Nhưng rồi, ông lại nhắn cho Vạn Lịch, Vạn Lịch nhắn cô Giang đến đòi tiền tôi - trong khi trước đó Tô Hoài lại bảo tôi đừng đưa cho cô Giang. Thế là cứ loạn cả lên.

Nguyễn Đình Nghi: Tô Hoài lúc thế này, lúc thế khác, không chịu được.

Nhưng này, suy cho cùng, lúc cuối đời ông Tô Hoài ông ấy phản tính là có lợi. Vì ông ấy đã vào sâu trong giới rồi mà. Ai biết lãnh đạo văn nghệ bằng ông ấy được.

7/9/96

Tự nhiên, nghĩ về già Tô Hoài như muốn trả một mối hận là lâu nay, phải ép mình sống với mọi người cho xong đi. Giờ đây, Tô Hoài muốn để cho một con người lâu nay bị lép vế trong mình lên tiếng. Nói công khai mọi chuyện chẳng sợ mất lòng mất bề gì cả.

Nguyễn Đình Nghi: Trong Cát bụi chân ai, Tô Hoài bảo rằng Nguyễn Hồng mắng Tô Hoài (trong vụ Nhân văn) "Tiên sư thằng Câu Tiến" (hay đại khái một câu như thế). Nhưng tôi không tin, Nguyễn Hồng không nói thế, Tô Hoài nói cho sang chơi.

1/12/96

Những chuyện của Tô Hoài, ghi trong chuyến đi Tiên Yên - Móng Cái.

Đứng trước biển Trà Cổ, buổi sáng.

- Bãi biển hoang sơ tới mức mình nghĩ cứ như miếng gỗ tươi, chẳng biết dùng vào việc gì.

Mà đây là lần thứ hai tôi đến với Trà Cổ đấy nhé. Lần trước, tôi đi làm cho hãng Bata, phải ra đây cộng sổ cho nó vài tháng một lần. Ngỡ như từ lúc ấy đến giờ, bãi biển vẫn vậy.

Về các đồng nghiệp.

- Này, Nguyễn Tuân từng có một truyện ngắn đề là tặng ông Nguyễn Ngọc Côn thư ký giấy thép, nhớ Móng Cái. Nhưng hồi ấy đã đến Móng Cái đâu, chỉ nghe ông ấy nói trong thư mà viết lại. Chính cụ ấy bảo với tôi như thế.

- Hôm nọ, Tố Hữu mới đến chơi mình, ông ta chửi ghê lắm. Ông ta bảo 10 năm nay là gì, là sắp xuống hố cả một lũ.

Cái quyển *Cát bụi chân ai* này, tôi cũng chẳng mang tặng, ông ta mượn đầu của ông Bồng mang về đọc. Đọc xong nghe đầu bảo tôi (tức là Tô Hoài) toàn nói chuyện lảng nhãng. Nhưng gần đây trong một buổi họp (hình như trao giải Hồ Chí Minh), ông ấy mới bảo rằng hồi ấy bao nhiêu anh em có sáng tác của người ta, và đấy mới là cái mà một người viết hồi ký phải viết. Những khi gặp Tố Hữu, tôi cứ đứng đĩnh suy nghĩ theo cách của mình. Ví như ông ấy bảo, để nguyên mình nói về Định Công cho cậu nghe, tôi nghe một lúc rồi hỏi lại.

- Thế những thằng cũ làm sai có sao không, hay chính các ông sai hôm qua hôm nay lại trở thành ông đúng.

Thế là Tố Hữu mất hứng, lão chửi mình là cái thằng hoài nghi mà.

Nhưng tôi cũng vừa cho Tố Hữu một bài. Tôi đến rủ lão cùng Kim Lân về quê Nam Cao (nhân kỷ niệm 45 năm ngày mất của ông?). Sáng hôm nay là đi đây. Nhưng đi với các ông rồi thì còn đi sao được. Hôm qua, tôi đến viết cho Kim Lân mấy chữ, bảo rằng hôm nay tôi bắt buộc phải đi theo một chương trình nhà nước. Giờ này, chắc hai lão đã đi rồi.

Nói chuyện với Tô Hoài khi về già, thể nào cũng phải có vài câu dính tới chuyện ngủ nghề trai gái. Hình như ông không làm được nữa thì nói cho sướng miệng chẳng?

Tôi nhớ ông hay kể lại câu chuyện một lão già, sống bằng cái nghề đi kiếm rác và bảo những quả bóng cao su là làm bằng ca pốt mà trai gái ngủ nghề thải ra. Thật tởm quá.

Kể về Xuân Diệu:

- Lão ấy hay có lối bắt mình khép hai đùi lại, để lão ấy nhỏ nước bọt vào và coi mình như đàn bà.

Chính tôi (Tô Hoài) là người được Xuân Diệu mời đi dự cuộc nói chuyện văn chương đầu tiên. Đó là buổi nói chuyện thanh niên với quốc văn. Lần ấy, Xuân Diệu còn lắp bắp lắm, ngay câu đầu đã nói nhịu, tâm hồn Việt Nam thành tâm I.. Việt Nam, mình nghe sợ quá, nhưng được cái lão ấy nói giỏi, lướt ngay sang ý khác, nên cuốn được người nghe theo ngay.

Bàn chuyện in ấn:

- Nay có lẽ kỳ này vào Sài Gòn mình quăng mẹ nó cuốn *Ba người* cho một nhà xuất bản nào đó, có được không?

Nói về Nhân và Hiến:

- Hiến nhiều lúc có nhiều khía cạnh ngây ngô, nhưng cậu ta tận tụy với tư tưởng của mình. Còn Nhân thì ông *blaser* quá, tức là có nhiều ý tưởng sâu nhưng chưa làm đã chán, thì còn làm được trò gì.

23/2/97

Sau khi đi Đông Bắc về Tô Hoài viết được một cái ký, cứ rĩ rả mà kể. Gặp đâu kể đấy, vừa tả cảnh trước mắt vừa cài chen ý nghĩ của mình, vậy mà đọc có duyên lạ.

Hôm nay, nhân việc giới thiệu thể tùy bút, đọc lại *Cát bụi chân ai*, tự nhiên tôi đâm buồn. Tôi không có cái cốt cách nghệ sĩ như các nhà văn. Một người như Tô Hoài, là một cái gì lẫn lẫn lắm. Ông sống những cái hàng ngày, một cách bình thản, và ghi nhận nó trên giấy, như là gặp đâu viết đấy, ông không có cái sự cố ý muốn tổng kết muốn lý sự của bọn nghiên cứu. Cũng không lo quá những sự liền mạch, những chuyển đoạn, sang đoạn mới. Cả câu cú cũng linh tinh nữa, chỉ được cái duyên dáng kéo đi và những đoạn nhưng tuyệt nó che đi những đoạn tầm phào. Cái bản lĩnh làm người, bao giờ nó cũng quyết định văn chương. Cái điều ấy thấy đã lâu, với Tô Hoài lại càng là rõ. Sự run rẩy chỉ nên là bên ngoài, còn bên trong có cái căn cốt thật vững thì việc đời người ta mới giải quyết nổi.

Lại nhớ những lần gọi điện cho Tô Hoài. Bao giờ tôi cũng nghe đầu dây bên kia có người nhắc máy lên, nhưng không định nói. Chờ tôi nói trước đã. Tô Hoài đây rồi, chắc là ông làm thế, để nếu nghe bên này một người xa lạ với ông một người ông đang ghét, là ông bỏ máy xuống luôn. Nói chung, ông đã có nhiều thứ quan hệ quá, nên phải tìm cách tự vệ, tức là cái làm sao cho đỡ làm phiền mình. Đến nhà có việc, ông dạn nếu thấy khoá cửa cứ bấm chuông. Tức là ông vẫn ở nhà, nhưng vợ đi chợ có khoá cửa lại và chỉ những người khách có dạn trước mới tiếp. Cũng chẳng buồn rót nước mời khách nữa.

- Nhà anh có cây quất đẹp quá.

- Người ta cho đấy, chứ mình không mua bao giờ. Tuyệt đối không.

Luôn luôn là thế, một mối quan hệ dừng dừng với đời, nghĩa là không hết lòng với cái gì cả.

Đúng thế, nhưng hỏi thăm đám ma Trần Dần, ông vẫn kể là ông có đi đàng hoàng, lại có theo xuống mộ về tận Hà Đông nữa.

15/3/97

Đọc S. Zweig viết về ba bậc thầy và nghĩ tới Tô Hoài. Xưa nay những nhân vật lớn có gì quá khổ, và sự kỳ lạ của cái thế giới hiện đại này là cả những nhân vật hầu như chẳng lớn gì, cũng là những thứ quá khổ. Tô Hoài kỳ lạ lắm.

Lại Nguyễn Ân đọc lại *Tiên phong* và bảo rằng hồi đó, Tô Hoài đã hiện ra như một tay hiểu hết sự đời. Vì thế mới có chuyện bá vai bá cổ kéo nhau đi làm cách mạng, để mang về lấy một cái ghế. Trong khi đó, thì nói tới Tô Hoài hồi kháng chiến bao giờ Nguyễn Đình Nghi cũng nói rằng

ông Tô Hoài đúng quy lát lát, Tô Hoài nói về thi đua rất hay. Và cái lạ nhất theo Nguyễn Đình Nghi là trong thời kỳ ấy, Tô Hoài viết *Lão đồng chí* giống như truyện *Những người bất khuất* của Gorbатов. Có thể nói rằng nếu chất người của một số người Việt Nam ta là ma thì Tô Hoài là một thứ ma thượng thặng, ma đến tận đường gân thớ thịt. Là ma, nên sống thế nào cũng được. Nên không biết sợ là gì. Nên cảm thấy mình có mặt ở mọi nơi. Nên lẩn khuất, sợ hãi, mà lại hăm hở hưởng thụ.

Sáng nay, 15/3, tôi có công việc phải làm với con gái Tô Hoài, và tôi lại chợt nhớ ra chất ma nơi ông.

- Làm việc với ông già, chỉ có cái thú là ông không giận lâu, có cái gì ông cũng tha ngay được.
- Ủ, bố em tiếng thế mà quên nhanh lắm, có gì là quên luôn.

19/4/97

Lại Nguyễn Ân kể về làm phim *Ngày ấy bây giờ Tạp chí Tiên Phong*

- Ông Tô Hoài dị ứng với ông Học Phi lắm. Ông không ngồi chung với Học Phi. Tôi phải bố trí quay riêng.

Nhưng bố Học Phi làm sao được. Trên giấy tờ chính thức, hồi ấy Học Phi vẫn là Tổng thư ký Hội Văn hoá cứu quốc.

Ân: Nói chung, nét tâm lý chính của Tô Hoài khi nói chuyện hồi tiền khởi nghĩa, là coi cái gì cũng nhằm cả, bản thân lão ta cũng nhằm nốt.

Nhàn: Cũng có phần sự thật. Hồi ấy, Tô Hoài chỉ hoạt động chơi chơi, chứ cái chính là còn viết lách kiếm sống, rồi còn đông dài với cánh Vũ Hồng Chương, Nguyễn Bính... Khổ nỗi là có quyền lợi gì, lão cũng chẳng từ chối.

29/4/97

Thứ sáu 25/4, bọn tôi mấy người gặp nhau. Nguyễn Nguyên ở Sài Gòn ra, Hoàng Ngọc Hiến, Lại Nguyễn Ân. Nhân đó lại bàn về Tô Hoài.

Ông Nguyễn Nguyên: Tôi chưa đọc lại những cái Tô Hoài viết sau 45 nhưng những cái viết trước 1945 ghê thật. Tôi nhớ một truyện ngắn mang tên *Xóm ao sen*, một anh chồng giận vợ đánh vợ vì có lần, gánh chèo đến hát ở làng, vợ lại cứ cười cười với cái thằng diễn Sở Khanh.

Nhàn: cái chính là Tô Hoài tả được cái vô lý của cuộc đời. Hoặc những trang rất nồng nhiệt trong *Xóm giếng ngày xưa*, cái đó ghê chứ. Hoặc *Quê người* toàn những cái khá cả.

Hoàng Ngọc Hiến: Ông Tô Hoài hơi thiệt vì người ta chỉ nói đến *Đế mèn phiêu lưu ký*. Chứ thực ra, *Trăng thề* của ông ấy là một kiệt tác.

21/5/97

Giữa lúc có mặt mọi người nhân kỷ niệm 40 năm thành lập Hội Nhà văn, Lê Đạt nhắc lại câu đùa mà tôi đã được nghe mấy lần:

- Tất cả già đi, và trông anh nào cũng đều giả, chỉ có lão Tô Hoài là đều thật.

Tô Hoài cũng cười. Rồi Tô Hoài nói nhỏ với Lê Đạt cái gì đó. Thì ra Tô Hoài nhắn là ít hôm nữa 100 ngày Trần Dần, nên gặp nhau một bữa.

Quay ra phía tôi, Tô Hoài cất giọng: Thằng Trần Dần lạ lắm, có gì nó cũng gọi mình, hôm nó được Hội Nhà văn khôi phục, nó cũng đến mình, báo cho mình biết.

Hay là thằng Doãn Quốc Sĩ. Mấy năm trước ở tù ra, trước khi vào Sài Gòn, nó cũng đến thăm mình đấy chứ, nhưng không gặp.

14/8/97

Vũ Quần Phương kể:

- Ông có một cái gì không biết sợ tự nhiên lắm. Trên Thành uỷ họ bảo Hội Văn nghệ phải làm cuộc mít tinh giới trí thức thử đi phản đối Campuchia phân biệt đối xử với Việt Kiều. Mình than phiền với ông làm thế nào bây giờ, trên không cho tiền, mà quỹ Hội thì tiếc tiền. Ông nghĩ một lúc rồi bảo: Thôi được, để việc này mình làm cho.

Thế rồi, mấy hôm sau, trên báo Hà Nội mới đọc được mấy dòng tin:
“Hội Văn Nghệ Hà Nội mít tinh phản đối nhà cầm quyền Campuchia”.

Đoán ra thắc mắc của mình, ông bảo:

- Xưa nay tôi vẫn làm thế .

- ...

- Cậu bảo không khôn sống sao được. Sau vụ *Nhân văn*, tội mình còn to bằng mấy tội bọn ấy, thế mà chúng nó đều phải đi cải tạo tận những Lào Cao, Yên Bái mình cứ ở giữa thủ đô làm đến Bí Thư Đảng uỷ Hội Nhà văn. Phải biết sống chứ.

Vũ Quần Phương kể tiếp:

- Tôi hỏi anh nhận cái chân trường ban nếp sống mới thành phố làm gì. Ông bảo tội quá gì không nhận. Hợp hành có mất thì giờ mấy tí, người như mình không hợp chỗ này thì hợp chỗ khác. Năm có dăm chục triệu tiền, tiêu cho giải thưởng một phần, còn tiêu cho mình, đi lại chơi bời tha hồ.

Hồi Nhật nó cho Phan Huy Lê cái giải thưởng, Hội Văn Nghệ Hà Nội cũng nhận được công văn.

Tô Hoài bảo: Thì đề cử luôn mình vào đấy mất gì. Và ông làm hồ sơ, đòi Vũ Quần Phương ký.

Nhiều cuộc thi, Tô Hoài vừa làm giám khảo, vừa nhận giải thưởng. Cái thế của ông, khiến cho người ta không thể từ chối khi ông đã tỏ ý muốn nhận cái gì. Mà cái gì ông cũng muốn nhận cả. Nhân: Người đó phải không một chút mặc cảm trong đời sống hàng ngày.

Vũ Quần Phương: Đúng thế, ông hay nói, với nhiều con mẹ đàn bà, vừa ngủ nghề hôm trước, hôm sau giáp mặt không thèm chào. Ông còn trắng trợn lộ bèm với mình “Đi thực tế, có phải điều tra nghe ngóng cái quái gì cho mệt. Cứ kiếm một con mẹ xinh đẹp rồi đến ở với nó, suốt ngày ngồi nghe nó nói, thế là biết hết mọi chuyện”.

2/4/98

Trần Chiến kể:

- Có một lần, báo *Người Hà Nội* phê bình một việc gì đấy, theo lời ông Tô Hoài, cô Thanh Nhân xưa nay đã, mà hôm ấy mặt còn như tờ giấy trắng, nghĩa là sợ hết vía. Tô Hoài phải cười trừ:

- Thế thì để tôi lên vậy.

Và ông xách xe đi.

Nhưng loại như Tô Hoài nào có phải vừa, nên lên tới nơi, họ đã sợ như cọp. Không tay nào dám đặt vấn đề kiểm điểm báo. Toàn loanh quanh: Bác đi đâu ạ? Bác có khoẻ không? Thế thì có cách rồi, cái cách rất Tô Hoài, nghĩa là lấy sự đùa ra đối lại. Bác đi đâu ạ, đi chơi thôi. Bác uống trà nhé, để chúng cháu đi pha. Trà thì uống làm gì, có rượu mua về đây. Cứ thế hết buổi sáng, cho đến lúc về, lão còn hỏi có việc gì không, thì mấy tay ở đấy cũng chỉ có cách bảo rằng không có việc gì cả.

Nhưng được một lần, về sau thì họ ngại. Những cán bộ tuyên huấn ấy hiểu rằng, còn dùng lão già này, còn bắt lực không chỉ huy nổi.

Tô Hoài nhận định về Lê Đạt rất hay:

- Ở cái anh chàng này không sợ chữ nhĩ.

Tôi không có mặt ở đây, không rõ ý thực của Tô Hoài là như thế nào chỉ đoán với tất cả cái ma mãnh của một người làm nghề, Tô Hoài rất hiểu rằng chữ như âm binh phù thủy. Lê Đạt không phải là loại cao tay lắm, song lại cứ lảng vảng ở đấy.

(Nguyên Ngọc: Lê Đạt có cái thú chơi chữ, nên thích Khương Hữu Dụng. Cả hai giống tính nhau. Nhân: Nhưng muốn chơi là một chuyện mà biết chơi lại là chuyện khác)

11/4/1998

Trong tháng 3/1998. Đào Vũ xoay xở để báo *Văn nghệ* kỷ niệm 70 năm ngày sinh của ông. Đào Vũ là người mà lúc nói chuyện riêng với bọn tôi, Tô Hoài vẫn tỏ ý không quý. Ấy vậy mà Tô Hoài cũng đến dự buổi sinh nhật ấy, và tìm được một cách rất khôn khéo thế nào đó, để nói, vừa chả nói gì cả, nói mà chung quanh không thấy Tô Hoài bị phụ thuộc vào Đào Vũ.

Lại nhớ những lần Tô Hoài đề tựa sách của Đoàn Minh Tuấn, hoặc Tô Hoài mớm cho Đoàn Minh Tuấn đề nghị, để Nguyễn Văn Bổng cũng được giải thưởng Hồ Chí Minh như ai. Hồi 1978, tôi mới về làm ở nhà xuất bản Tác phẩm mới (sau này đổi thành nhà xuất bản Hội Nhà văn), có lần gặp ông trên thư viện của bà Huệ, tôi hỏi thẳng:

- Có phải anh đưa tất cả nhật ký của Nam Cao cho Hà Minh Đức? Nếu đúng thế, chúng tôi sẽ ghi thành một chú thích trong cuốn sách về Nam Cao để mọi người đều biết và sau này ai muốn tìm có chỗ mà tìm.

- Không, mình không nhớ.

Có cảm tưởng con người Tô Hoài cũng giỏi - không kém những Nguyễn Tuân lúra trước hoặc một người như Lưu Quang Vũ ở lúra sau - trong việc tạo ra một triều đình quanh mình để phục vụ mình. Dùng người giỏi như dùng chữ.

Tô Hoài là người Việt Nam thực dụng và khi đã thực dụng thì vô nguyên tắc, Trạng Quỳnh Trạng Lợn một cách hoàn toàn tự nhiên.

17/4/98

Nguyễn Ngọc kể một lần Tố Hữu nói gì đấy, đại khái là chúng ta phải tự do sáng tác. Tô Hoài nói ngay (Nguyễn Ngọc nhấn mạnh thêm "mà chỉ Tô Hoài mới dám nói kiểu vậy")

- Thôi đi ông, đừng có xui dại anh em.

Chết một nỗi là đi đâu bây giờ, Tô Hoài cũng phải gặp Tố Hữu. Hôm đến Viện Goethe, Tô Hoài đang loay hoay thì nghe tiếng:

- Kia chàng Tô, chàng Tô lên đây.

Và Tô Hoài lại phải bẽn lễn lên vậy.

Một lần Nguyễn Phan Hách vụt kể:

- Này, đừng tưởng lão Tô Hoài lão ấy tha thiết với văn chương chữ nghĩa của mình đâu. Một lần, mình hỏi lão ấy có xem lại mo rít một truyện ngắn không. Thế là lão ấy buột miệng: "Thôi, không phải xem, văn chương ba vạ của mình chứ có phải nghị quyết gì đâu mà cần nhắc từng chữ thế".

23/4/98

Hôm nọ, Tô Hoài hỏi tôi là bây giờ, muốn đọc lại những tài liệu về Trung Quốc hồi cách mạng văn hoá thì tìm ở đâu. Tôi bảo không biết (không biết thật, không rõ thư viện có lưu trữ gì không). Lại nhớ cái hồi đọc cuốn Một số kinh nghiệm viết văn của tôi, so hai bản 1959 và 1960, thấy Tô Hoài xảo thật. Ông nhét thêm rất nhiều đoạn của Trung Quốc (Mao Trạch Đông, Chu Dương, Mao Thuần) vào. Đến nay lại bỏ.

Lại nhớ, năm ngoái, trong một buổi họp về Nam Cao, một nhà nghiên cứu đối chiếu bản Chí Phèo in trong *Luống cây*, với Chí Phèo về sau thấy có nhiều chỗ sai lạc sửa chữa. Chẳng hạn, những chi tiết như là Bá Kiến thấy tiếc đời, như là ông già, răng móm rồi, không ăn được thịt bò nữa vẫn thềm cái sứt sứt của nó.

Cái chi tiết sau cùng, thì có vẻ Tô Hoài quá rồi. Bản thân Tô Hoài cũng thú nhận.

- Bản thảo *Sống mòn* để hỏng, mất cả trang cuối, tôi viết lại theo trí nhớ rồi cho in.

Tô Hoài là vậy. Không biết sợ là gì. Nghĩ rằng mình làm ra văn học.

Tuy nhiên, cũng có lúc Tô Hoài nhớ sai. Khi ấy, phải có chứng cứ có thật chắc mới cãi được.

Như là chuyện Tô Hoài nói rằng, lúc kháng chiến, Nam Cao còn gọi tác phẩm của mình là *Chết mòn*, sau sửa mới chữa thành *Sống mòn*. Lại Nguyên Ân: Không, tôi đọc trong tạp chí Tiên Phong, đã thấy bảo là *Sống mòn*. Đến chỗ này, thì Tô Hoài chịu. Nói chung, Tô Hoài vẫn có cái vẻ của một người trong cuộc, người chủ nhà, muốn bịa đặt cái gì cũng không ai dám cãi.

30/7/98

Nghĩ ra, cái đề tài sự có mặt của Tô Hoài. Thử đi hiệu sách, thấy bày bán đủ thứ nào *Chuyện cũ Hà Nội, nào Mười năm*. Ấy thế mà Tô Hoài vừa đi dự trại viết ở Đà Lạt về. Hình như, lúc nào

Tô Hoài cũng đang ở đâu ấy - mà lại cũng đang ở nhà, lại có mặt trong đủ thứ sinh hoạt Hà Nội, từ một đám vui chén với bạn bè đến một buổi lễ kỷ niệm long trọng. Thoắt ẩn thoắt hiện; không trốn hẳn, nhưng biết rút lui; không chỗ nào cũng có mặt nhưng thực ra, không cái gì là qua được mặt, và bao nhiêu quyền lợi, vẫn hưởng đầy đủ - Tô Hoài là thế. Là vừa làm báo, vừa soạn sách, vừa làm cái gần, vừa làm cái xa, làm tổ chức và viết văn, và không lúc nào chịu ngồi không.

Còn nhớ một lần, cô Sông Thao bảo:

- Bỏ em ngồi là từ sáng đến trưa, chỉ thỉnh thoảng mới đứng lên, vịn lưng vài cái.

Chẳng những có mặt theo nghĩa đen mà Tô Hoài còn có mặt theo nghĩa bóng = theo nghĩa tiêu thuyết. Đó là biết hết mọi chuyện linh tinh trong giới văn nghệ và lúc nào cũng sẵn sàng viết những chuyện ấy ra.

Tô Hoài là người lao động Việt Nam, lao động với nghĩa rề rà kéo dài. Tô Hoài là người chuyên nghiệp với nghĩa ăn tạp.

28/10/98

Hôm nay bọn tôi gặp nhau để mừng ông Tô Hoài được giải thưởng Thăng Long. Làm ở một cửa hàng ăn Tây phố Huế, Tô Hoài có quen riêng. Ông chủ nhà này trước làm ở sứ quán Pháp, Tô Hoài kể. Nhà hàng nhiều khách Tây ăn cơm tháng lăm. Có gì đâu, phải biết gu của họ. Miếng thịt bít tết không cần to mà cần ngon. Sáng nào ông chủ cũng tự tay xách bị đi chợ. Trong lúc chờ ăn, Tô Hoài có vẻ chả để ý gì đến chuyện giải thưởng, mà chỉ hỏi chuyện linh tinh trong đó có tôi vừa đi du lịch bụi ở Trung Quốc.

Trong câu chuyện ai đó nói tới Nguyên Hồng và cái ý nói rằng cái ông này cũng chán lăm. Tô Hoài góp ngay, đúng thế. Tôi hay nói rằng Nguyên Hồng sẵn sàng tiêm cho người ta. Chỉ có một chi tiết phải nói thêm là tiêm xong, ông ấy lấy tiền đầy đủ, không lần nào từ chối hết.

Nhìn người ta in ra cuốn *Tác giả văn học Thăng Long Hà Nội* do Tô Hoài chủ biên vẫn thấy rờn rợn về cái khả năng làm ma làm quỷ, đi với ma với quỷ của ông ta.

Tô Hoài lạ lẫm, khi nói chuyện với người ta thì gần gũi "như ngựa bàn tay cho người ta ngồi" nhưng khi đứng xa, thì khinh bạc, chả coi ai ra gì.

Tôi nhớ, đó là một thái độ mà tôi thấy ở Lưu Quang Vũ thái độ đối với đàn bà. Tôi thường cũng muốn ứng xử khôn ngoan tài ba như vậy, mà không được.

9/1/1999

Nhìn qua tập *Chiều chiều* của Tô Hoài được phân công biên tập. Nhận ra một con người luôn tìm ra cái để viết, người có trí nhớ kỳ lạ cái gì cũng nhớ, cứ làm như là mọi việc mới xảy ra ngày hôm qua vậy. Từng câu nói, cử chỉ của người khác được ông nhớ hết.

Kể chuyện là một cái tài mà không phải ai cũng có. Tôi cảm thấy sở dĩ một người như tôi, không viết được là vì lúc kể, tôi cứ định nhằm theo một cái hướng nào đó chứng minh cho một sự thật nào đó, tính mục đích của tôi quá rõ.

Tô Hoài thì không thế. Tô Hoài nhẩn nha kể mọi việc, ghép chuyện nọ lẫn với chuyện kia, cũng không định thuyết phục ai, ấy thế mà lại đọc được. Cái chất văn của Tô Hoài nó nằm ở trong một cái gì ẩn dưới câu văn, ẩn dưới chữ nghĩa. Lẫn đi giữa các sự kiện, là những con người cụ thể, với những vui buồn. Như những đoạn Tô Hoài nói về M. Tkachev chẳng hạn, người ta thường nghĩ là Tô Hoài lợi dụng Marian, hai bên lợi dụng nhau nhưng đâu phải thế, trong lời kể về Marian, có cả những xót thương về một kiếp nhà văn, kiếp người cầm bút lận đận, cũng như những đoạn Tô Hoài nói về anh chàng say rượu Vlat, có sự thông cảm với mọi thói xấu của con người.

Cũng vì cái chất người đó, mà Tô Hoài đứng được trong nghề và quyển hồi ký này cũng đứng được. Tô Hoài tả những cuộc đấu tranh văn nghệ, những nghị quyết, những khai trừ, tổng kết tổng hợp, bằng con mắt của người bình thường và đó chính là lý do đoạn trên tả văn nghệ sĩ, đoạn cuối lại tả mấy ông người dân, hoặc bà cô đầu cũ. Thì có gì đâu, họ cũng là con người cả, ta đừng nên đề cao cái này và đìm dập cái kia, chả có gì khác giữa một ông nông dân và một

nhà văn, chả khác gì chuyện trong nước và chuyện quốc tế, cũng như chả có gì khác việc sáng tác với việc ngủ với đàn bà, hoặc làm một bữa ăn ngon.

25/1/99

Một ý nghĩ thoáng qua về Tô Hoài và cuốn *Chiều chiều*: sao toàn chuyện vặt. Xướng xã, đi làm nông nghiệp, làm phân. Xem cũng chẳng thấy có ý nghĩ gì mới về những người nông dân, về văn nghệ sĩ. Chỉ thấy những con người chả đâu vào đâu.

Những người dân, người như ông Ngải thiết thực như thế, nhưng có phải là còn mãi hay là cũng đang nhắm đi, có phải là một lý tưởng, hay chỉ là một thực thể làng nhàng, giữa cuộc đời nhiều va đập.

Sáng tác của Tô Hoài, đọc hấp dẫn mà nham nhở chắp vá như cuộc đời này. Nó không có cái thanh thoát, và nhất quán -- một thứ hoàn chỉnh nghệ thuật -- như ở Bùi Xuân Phái bên hội họa. Lại đến đoạn nhà văn này đi quốc tế thì càng thấy rõ - toàn chuyện vặt, chuyện không đâu vào đâu, văn học thế giới có nghĩa là mấy ông phiên dịch, mấy bà phục vụ khách sạn. Đọc thấy vui, viết được như thế đã là tài, nhưng trong thế giới này họ chỉ là hạt cát là ngon cỏ, khác gì người mình nhà văn mình.

Cái trời phú cho ông ở con người Tô Hoài - khả năng sống trong nước đục, sống giữa những cái nhờ nhờ, tối tối, mà vẫn sống được.

Hai thứ khả năng trời phú để làm người cho dễ dàng, đó là:

1/ Đọc ra những mưu đồ, mong mỏi, ngụ ý của người khác trong công việc. Hiểu rằng người đời là ham ăn, truy tìm tiền của, kiếm sống, chen cạnh cốt hơn người. Không cần cố gắng, không cần phân tích cũng hiểu ngay cái tầm thường.

2/ Nhưng ngay đấy, dừng lại, tức có khả năng chung sống với những cái xấu ấy, khả năng phớt lờ, mặc kệ, không móc máy mổ xẻ, không đấu tranh muốn thay đổi nó, để rồi tự làm khổ chung quanh, làm khổ mình.

Lại nhớ Đức Hậu ở Thái Bình bảo tôi: Anh có khả năng nhận ra cái xấu, nhưng không có khả năng chung sống với nó.

Tô Hoài ngược lại. Cái khả năng chung sống với cái xấu ở Tô Hoài thì tuyệt vời.

Một bên là đời sống cụ thể của đám đông, ào ạt to lớn, xô bồ, tạp nham, vụn vặt.

Một bên là cái đời sống cá nhân riêng tư, dù chỉ sương khói nhưng là những vu vơ, mơ hồ lằng đằng hư hư thực thực.

Không hiểu sao, hai cái thế giới ấy lại chứa đựng được nhau, tựa vào nhau, nó làm cho Tô Hoài sống cân bằng nhẹ nhõm, lại tự làm giàu thêm cho mình.

Vậy Tô Hoài là loại nhà văn như thế nào, loại người như thế nào?

- Nhà văn của những quyển sách tầm tầm, những tha thiết thường trực và lặt vặt, nó bao trùm lên cuộc đời chúng ta.

Những người đáng nhớ trong *Chiều chiều*:

- Ông Ngải.

- Ông coi kho.

- Ông lão với con chó.

- Marian.

v.v...

Tóm lại, toàn là những con người đã lựa ra, cô đơn, gắng mà chèo chống, vừa buồn cười vừa bi đát trong sự gắng gỏi của mình.

Con người trong Tô Hoài, cũng như cái thiên nhiên chung quanh con người mà ông hay tả, nhạy cảm mau mắn độc đáo, kỳ lạ, nhưng mờ mờ, nhạt nhạt, vơ vơ vẩn vẩn, những thứ mà nếu không được chúng ta để mắt tới sẽ chẳng bao giờ thấy cả đúng là cỏ dại, hoa hèn.

Một câu chia sẻ vu vơ của Tô Hoài hàng ngày:

- Nhiều cơ quan tặng cặp quá. Mang đi hộp, khi nào tôi cũng dùng nước bọt tẩy cho hết chữ trên mặt da.

Cái tài của Tô Hoài có thể thâm tóm trong mấy công thức:

- Tự tin đến mức nói gì thì nói, người ta cũng nghe.
 - Tàn ác một cách nhân hậu, tức là nhìn thấy cái vớ vẩn của kiếp người nhưng cũng cho qua hết.
 - Táo tợn một cách kín đáo.
 - Miên man một cách duyên dáng.
 - Tinh tế trong những cái vặt.
 - Tạp ăn, không sợ gì cả, tự tin tự tin một cách dai dẳng rằng mình trời đánh không chết.
- Văn chương này là một khối hỗn độn, ở đó đến không gian thời gian cũng xáo trộn và tất cả chỉ thống nhất lại trong ý nghĩ, trật tự duy nhất là trật tự của ý nghĩ. Tư tưởng của con người thì như đám mây là sát mặt đất. Cái ấn tượng này đến với tôi mạnh nhất khi đọc *Cát bụi chân ai* và nó đúng với toàn bộ nhà văn.

19/3/99

Ngẫu nhiên chạm mặt Bùi Hoà. Với ông bạn này, Tô Hoài tìm ngay thấy cách gần gũi, đó là những chuyện riêng về 65 Nguyễn Du. Nhắc lại Trọng Hứa, nhắc lại một người quen chung. Hình như có một cô gái nào quê Thanh Hoá, có dịp quen Tô Hoài ở Quốc Hội và hay biểu Tô Hoài các thứ nem. Tô Hoài kể:

- Các ông không biết chứ, còn có một lão điên điên khùng khùng, ở bên kia đường Nguyễn Du, xưa dọn hàng quán gì đấy, bây giờ vào tận trong Phú Yên hay Quảng Ngãi, rất hay viết thư cho tôi, trong thư bao giờ cũng hỏi thăm bà Hường, ông Tiểu, rồi có lần nghe đâu bà Hường chết rồi, thì nhờ bác cho cháu gửi lời hỏi thăm tới gia đình bác Hường.

Có một người tôi biết, là Nguyễn Quân, rất dễ làm thân với những người bán hàng bán quán rồi uống chịu, rồi trò chuyện những chuyện rất đời thường.

Tô Hoài cũng có khả năng đó, khả năng mà tôi không có. Tôi thú thật ở chỗ này, thì hình như tôi hơi giống Nam Cao, tôi có một cái mặt không chơi được, chẳng hiểu tại sao nhưng người ta cứ không tin tôi.

Tô Hoài bảo ừ, V.T.N. còn có phần giống như Nam Cao, ở chỗ khi chơi lâu, thì thấy cũng chả tội vạ gì. Nhưng mà này, mình hỏi trước lại thường hay đi đôi với Nam Cao, đi với anh có cái mặt không chơi được, mình lại dễ nổi lên hơn.

5/8/99

Trông Tô Hoài thấy già đi rõ quá. Ông kể, ông vẫn viết đều hàng tuần ông giữ mục tạp bút cho *Văn Nghệ trẻ*, mục dài sạn cho báo *Người Hà Nội*.

"Bao giờ, tôi cũng phải để đấy 4 bài để họ dự trữ".

Tôi đọc trong *Văn Nghệ trẻ*, bài *Hai cái cốc* (đi uống bia, thưởng luôn 2 cái cốc lên Hà Giang cho mấy người uống, bây giờ ở Hà Giang vẫn còn)

- Bài hay quá - Tôi khen.

- Loại ba vạ như thế, tôi viết đầy.

Mình lại vừa ngồi sửa chữa cuốn tiểu thuyết *Ba người*, để mình gửi cho cậu, ông bảo vậy.

Trong điện thoại khi nghe tôi rủ đến gặp Tô Hoài, Hoàng Ngọc Hiến bảo hình như là cụ ốm cơ mà. Ngọc Trai nói ngay: Lúc nào ông Tô Hoài ông ấy chả ốm được.

20/8/99

Khi *Chiều chiều* còn đang in báo đã nhiều người tìm, và bây giờ, theo lời những người buôn sách, thì *Chiều chiều* bán khá chạy.

Nhưng cô Thu Hà ở báo *Tuổi trẻ* bảo tôi:

- Cháu không thể thích được. Đọc sách chỉ thấy Tô Hoài ông ấy khôn quá, bao nhiêu đồng nghiệp ngã ngựa, bao nhiêu người rút lại trên đường, chỉ mình ông ấy tới đích.

15/9/99

Tôi bảo với Hoàng Ngọc Hiến, và Hiến phải nhận đúng, đó là trong *Chiều chiều* - nhất là phần đi nước ngoài - ông Tô Hoài thấp nhưng ông lại không biết cái thấp đó của mình. Đó là thảm hại. Ý tôi muốn nói đi thế mà chẳng nghĩ được cái gì cho lớn lao.
Đọc lại *Ba người khác*. Một mặt, tôi cũng phục, là sao con người này có sức sống ghê thế. Đây sức thu hút, nghe được tất cả cái nhằm nhĩ ở chung quanh. Mặt khác, càng đọc càng thấy không đủ thậm chí khó chịu. Chung quanh là sâu là kiến hết.
Tôi nhớ những nét mặt của một số con người hồi đầu cách mạng. Họ có cái kiên nghị của họ. Họ có thể đốt nát, nhưng không tầm thường, lưu manh tận chân răng như Tô Hoài miêu tả. Có thể, đây là một khía cạnh của đời sống chăng.
Nhưng tôi không nhìn thấy lý tưởng cao đẹp của tác giả ẩn đằng sau khi miêu tả.

20/11/99

Chiều chiều đang bán rất chạy ở Hà Nội, trong khi đó, bọn tôi được phổ biến là không được để các nơi viết bài khen chê gì cả.

Chiều chủ nhật, sách ở một số quán sách ở Bà Triệu bị tịch thu. Buổi tối đi qua Tràng Tiền không có một cuốn.

Ông Văn Tâm ngỏ ý khen *Chiều chiều*:

- Có hai bồ chữ mất rồi (Nguyễn Công Hoan và Nguyễn Tuân). Còn một bồ nữa sắp mất nốt.

- Thế kỷ XX này, nước mình có ba người viết ký giỏi. Ông Vũ Trọng Phụng giỏi về phóng sự, Nguyễn Tuân giỏi về tùy bút, còn Tô Hoài nhất về hồi ký.

Trong thông báo nội bộ về quyển *Chiều chiều*, có đoạn nói: Nhà văn Tô Hoài là một nhà văn lớn đã được giải thưởng Hồ Chí Minh... Quyển *Chiều chiều* của ông sẽ để dư luận và công chúng đánh giá lâu dài.

Nguyễn Văn Thành nghe ở đâu đó, về bảo nhiều người ngờ là lão Tô Hoài này đổi giọng viết như thế này để kiếm chác.

Nhàn: Tôi nghĩ không phải... Có những chi tiết mà nếu không để ý từ trước, thì bây giờ không sao bịa ra nổi. Nhưng cái tài của ông là giấu biệt ý nghĩ đó, bây giờ mới phun ra.

Những năm sau 2000

7/1/2000

Hà Minh Đức ra một tập thơ, trước khi cho in, hỏi Tô Hoài ra cái ý không biết có nên làm không. Tô Hoài bảo:

- Cậu đã ra hàng mấy chục đầu sách rồi, thì ra thêm một quyển nữa cũng có gì mà ngại.

Có cảm tưởng khi đối thoại với mỗi chúng ta, Tô Hoài luôn luôn đồng lõa với mọi hành động của ta, cả cái tốt lẫn cái xấu.

15/1/2000

Đọc lại *Cát bụi chân ai* thấy có một câu của thằng tù binh Mỹ:

- Các ông không phải là nhà báo. Có phải các ông là quan toà, các quan toà đến hỏi cung tôi, các ông sắp đem tôi ra xử, tôi xin hỏi thực?

Một cách định nghĩa chính xác về các nhà văn Việt Nam.

Cái cách viết của *Cát bụi chân ai* là lan man một cách khéo léo, không lấy không gian thời gian để phân chia các đoạn của quyển sách. Mà lấy tâm tình làm mạch chính.

Một đặc điểm của Tô Hoài thời kỳ này là không đề rõ thể loại cho sách. Hình như ông muốn người ta hiểu là thứ gì cũng được. Và cũng là một cách để tuyên bố tôi không chịu một sự ràng buộc nào cả.

6/6/2000

Tối 30/5, gặp nhau ở chỗ Ngọc Trai, để tiễn ông Hiến đi Tây. Đúng hơn là ông Tô Hoài mua gửi cho ông Đặng Tiến bên Pháp mấy quyển sách nhờ ông Hiến mang đi, thì tổ chức ra bữa ăn

nhân thể. Chưa bao giờ thấy Tô Hoài cảm động như vậy. Sau bữa ăn ông nhờ lấy cái gói. Mở ra trịnh trọng.

- Ông Hiến ạ, mai ông đi. Tôi có gửi cái này cho Đặng Tiến, một quyển sách với cái thư.

- Vàng, vàng, anh để tôi mang.

- Sách hơi dày, thôi thì cũng mong ông thông cảm (có vẻ đúng tâm lý người hay đi xa, sợ người khác gửi).

Và ngừng một lúc, rồi ông mới nói tiếp.

- Thôi đến ngày kia là Hiến đã đến với thành phố hoa lệ, thủ đô của thế giới, nơi có mỗi chị Trai đã đến. Chỉ có chúng tôi là sẽ ở lại đây thôi.

Tới chữ chúng tôi, ông nhìn tôi, Vương Trí Nhàn. Tôi cảm thấy có một chút chua chát trong lời lẽ của Tô Hoài lúc ấy. Đã là Tô Hoài mà vẫn còn những lúc phải thêm muốn điều gì đó, và có những nơi chưa đi, kể cũng khổ tâm thật.

Tôi hỏi:

- Anh đang viết gì. Cái món truyện cổ tích cho trẻ con đến đâu rồi.

(Có lần Tô Hoài nói là có nhận viết 150 truyện cổ tích)

- À, đang viết, được 60 cái rồi cả nhà *Giáo dục* lẫn nhà *Kim Đồng* đều in.

Và ông nghĩ ra một cách để pha trò:

- Ở *Kim Đồng* thì nó gọi là tranh truyện. Còn ở *Giáo dục* thì gọi là truyện tranh. *Giáo dục* đã in 60 cái, còn *Kim Đồng* mới in được 20 cái.

Khi Tô Hoài lách đi lách lại chuyện đó, Hoàng Ngọc Hiến cười ngặt nghẽo mãi không thôi. Có gì đó có hơi hướng “bài tây” trong câu chuyện về văn chương, đây là điều thú vị thường thấy ở lớp trí thức An Nam mình, dù đã sang thế kỷ XXI.

Ân hỏi: ông Vũ Ngọc Phan viết Tô Hoài là khinh bạc, cái đó đúng không?

Nhàn: Đúng chứ! Nếu trí thức hoá lên một chút, thì ý tưởng ấy của Tô Hoài gặp cách nghĩ của các nhà trí thức phương Tây. Là con người có những khía cạnh gần con vật. Nhưng ở Tô Hoài, tất cả chỉ giản đơn, bột phát, và về sau con người Tô Hoài nhà văn có phần bị lép vế, so với Tô Hoài cán bộ. Nhưng cái chất nhà văn kia vẫn cứ còn mãi.

26/9/2000

Nhân 80 năm sinh Tô Hoài tôi viết một bài báo ngắn và phát hiện ra một điều đơn giản. Chính là 10 năm nay, Tô Hoài lại khởi sắc hơn ngày trước.

Bà Đặng Thị Hạnh dạy văn học phương Tây viết một bài báo có cách viết rất lạ tức là trộn lẫn không gian thời gian đang chuyện nọ sọ sang chuyện kia, không bị câu thúc bởi cái khung câu chuyện.

Trước đó, có lần Đặng Thị Hạnh đã nhận ra cái cách viết đó ở Tô Hoài. Đọc *Cát bụi chân ai* Đặng Thị Hạnh nói thêm với mình “hơi văn đi rất mạnh”.

Đọc văn bản Tô Hoài có lẽ những cái chính, cái trần trần trên chữ nghĩa, thì cũng thường thôi, nhưng ông Tô Hoài lại có cái tầng thứ hai ẩn ở dưới, một cái gì lơ mờ, lấp ló đây đó mà lại quyết liệt lặp đi lặp lại.

Báo *Thế giới mới*, kể rằng cô Eo Sola không đồng ý đặt tài tử là nghiệp dư mà cho rằng ở Việt Nam, chữ tài tử có nghĩa rộng lắm, tài tử là ngang hàng với chuyên nghiệp là sáng tạo. Tô Hoài nghe hẳn thích lắm.

4/2/2001

Những ý mà Phạm Vĩnh Cư nói về Tô Hoài (Tôi không nghe trực tiếp từ Cư, nhưng nghe Tạ Duy Anh kể lại)

- Ông Tô Hoài có lối viết làm như ông ấy đã đi đến tận cùng sự thật, nhưng bên trong còn bao điều gian dối.

- Một ví dụ, Tô Hoài không hề dám hé ra một sự thực là Marian Tkchev nó hành ông ta thế nào. Có lần Marian Tkchev tặng Ina Zimonina một bản dịch tiểu thuyết Tô Hoài và nói thêm “Tôi xin tặng chị một cục gạch, chị chớ đọc làm gì”.

Xem cách viết của Tô Hoài, vẫn luôn luôn cảm thấy đây chỉ là giới quan sát chứ chẳng có tư duy tiểu thuyết gì cả.

Khoảng tháng 12/2000, ông Hà Xuân Trường gọi tôi lên kể một số chuyện cho xem một số thư từ, trong số có thư hoặc báo cáo của Tô Hoài. Nhớ hai cái.

Một, cái Tô Hoài báo cáo về lý lịch và thành tích của mình, để cho cấp trên biết, và chấp nhận ông về Hội Nhà văn Hà Nội (còn nhớ là Xuân Sách giễu mãi chuyện này và, Bằng Việt thì hồi hận đã lấy Tô Hoài về sau khi ông thôi ở Hội Nhà văn).

Hai, hồi đầu đổi mới, Tô Hoài viết cho Hà Xuân Trường một lá thư, phân định giới viết văn theo nhóm phái, tức là loại theo cách mạng, loại lừng chừng, loại theo dịch nays ở lại. Cũng là một thứ “báo công”.

Ở những người như Tô Hoài, ao ước về nghệ sĩ có nòng nân đến đâu thì cũng không bao giờ đủ sức áp đảo cái khôn ngoan của người cán bộ.

12/4/2001

Hai tuần trước nghe Khánh Thơ kể một chuyện đáng nhớ. Lâu nay tình nghĩa Tô Hoài Nguyễn Văn Bổng thì ai cũng biết. Nên bọn Khánh Thơ, khi làm sách các nhà văn được giải thưởng Hồ Chí Minh đưa Bổng vào, muốn đưa theo một ít nhận xét của Tô Hoài, đã in trong bài chân dung (Tô Hoài *Những gương mặt*). Không ngờ đến lúc đó, ông Bổng đang đau ốm, cũng cố vùng dậy, không nói được, chỉ giành lấy bút mà viết mấy chữ

- Không lấy một dòng nào của Tô Hoài cả.

Tôi nghĩ ở đây có sự co kéo: một bên là con người Tô Hoài cán bộ Tô Hoài đời thường sống giữ gìn, tự vệ, cần có người chuyện trò nương tựa, và trong sự chán ngán của giới văn chương chỉ tìm thấy ở Nguyễn Văn Bổng một người trò chuyện.

Nhưng phía bên kia, Tô Hoài đặt mình bên những Nguyễn Tuân, Nguyễn Bính, Tô Hoài chỉ thấy đây mới là văn chương thật hạt.

Người nghệ sĩ đã thắng.

20/3/2002

Tô Hoài, từ 10 năm nay, đã nói với tôi về bộ phim người ta làm về ông, mà ông nhận viết kịch bản. Và bây giờ tôi nhận viết thuyết minh cho nó. Không biết có nói được một số ý:

- Sức sống của cỏ dại.

- Cỏ dại thành người.

- Lam lũ, không hoàn chỉnh.

Tư tưởng chính rút ra từ cuộc đời Tô Hoài: Kể không đánh mất mình, khi hoà vào đám đông.

Vừa hòa vào vừa lùi ra. Nhưng cái sự hoà vào dễ dàng như thế lại chứng tỏ một cái gì tầm thường (?) Lúc từ bỏ đám đông trở về, con người ấy là một khối hỗn độn vỡ vụn đầy mà cũng sâu sắc đấy.

28/3/2002

Hỏi xem ông đang làm gì, ông bảo nhận viết cho báo *Lao động*. Còn cái chòm một trăm truyện cổ tích đã xong. Tôi không dám nói thẳng, nhưng hay nghĩ ông Tô Hoài hay phí đời mình vào những việc vớ vẩn. Cô Sông Thao cũng hay bảo rằng bố em quan niệm là cứ viết đi, còn cái việc thu dọn lại là việc sau. Tô Hoài thường cầu thả trong việc làm các tuyển tập của mình chả ra lẽ ra lối nào cả. Vậy cảm giác về sự bất tử ở Tô Hoài ra sao, có hay không? Có chứ. Nhưng ông không nhiệt thành lắm. Ông không làm nó với ý thức cao, như Xuân Diệu.

Tô Hoài mang cái tính chất của văn học dân gian là tự phát với đủ nghĩa như nặng về bản năng lộn xộn, không trật tự không đều, thiếu lý tính, ít nghĩ về sự sống sau khi chết.

Tôi kể với Sử: Tô Hoài là loại có sách gì tôi cũng có thể giới thiệu để ông ấy đọc, ví như sách về danh họa, sách tiếng lóng. Thế nhưng phải trừ một loại tức là những cuốn như tiểu luận về thuyết phi lý.

5/4/02

Đến nhà Tô Hoài, thì lại gặp cảnh quay phim VTV3 đến quay. Nghe loáng thoáng thì là cái chuyện ngày làm việc bình thường ông Tô Hoài trong đó có cả một người nước ngoài. Người nước ngoài ấy là một người Nga.

Nghe loáng thoáng cái tên Lêna? Lêna nào? Có bao nhiêu Lêna mà Tô Hoài đã quen và không nhớ một ai. Còn lại chỉ có Tô Hoài với Marian với Zimonina. Gần đây có tin Zimonina không đọc văn học Việt Nam nữa, không trò chuyện với ai từ Việt Nam sang, nhưng vẫn viết thư cho Tô Hoài. Đúng thế không?

Một chủ đề có thể viết, là Tô Hoài và cái gọi là “ý nghĩa quốc tế” của văn học Việt Nam những năm này.

Di sản người kể chuyện Nguyễn Ngọc

Những người gần gũi anh Tô Hoài thường nhận ra trên khuôn mặt hiền lành của anh một nụ cười mỉm, gần như thường trực, hóm hỉnh, nhìn kỹ hơi mệt mỏi và pha chút mỉa mai. Vì sao? Theo tôi, vì anh biết rất nhiều. Nụ cười mỉm của người biết rất nhiều, nụ cười mỉm mỉa mai của người biết quá nhiều. Quá nhiều “sự đời”. Tôi nghĩ rằng Tô Hoài đã tổ chức cuộc đời mình một cách rất có ý thức để có được hiểu biết như vậy. Thời chống chiến tranh phá hoại ở miền Bắc, rồi nhiều chục năm sau chiến tranh, Tô Hoài đã xung phong làm tổ trưởng tổ dân phố ở một phường trung tâm Hà Nội. Có lẽ anh là người tổ trưởng tổ dân phố kỳ cựu nhất nước ta. Lặng lẽ, kiên nhẫn, chăm chỉ, trường kỳ. Quả không còn có vị trí nào hay hơn để quan sát cuộc sống thật của xã hội, thấy, nghe, thờ, thậm chí sờ mó được hiện thực cụ thể, biết được muôn nỗi thái nhân tình, thuộc được vô số chân dung con người trong tất cả các kiểu loại khác nhau, ném trái tận cùng và rất thật cái mà phần lớn những người cầm bút chúng tôi, lãng mạn và trừu tượng, chúng tôi gọi to tát là “không khí thời đại”.

Có lần anh làm đến ủy viên trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; anh đi họp rất đều, chẳng vắng buổi nào, theo tôi đấy cũng là một thứ “tổ dân phố” thú vị nữa của anh. Tô Hoài là một trong những nhà văn hiện thực lớn nhất, chăm chỉ nhất của văn học Việt Nam, và cực kỳ chuyên nghiệp trong tư cách đó. Nhẹ nhàng, thoát tưởng tự nhiên như không, kỳ thực anh thiết lập trạm quan sát của mình trong cuộc sống hết sức chặt chẽ, chuẩn xác. Từ cái vọng hải đài độc đáo đó, anh soi một cái nhìn chăm chú suốt gần thể kỷ vào bề lớn của xã hội và cuộc đời. Có lần tôi viết về đôi mắt “nheo nheo đến là tọc mạch” của anh khi trong một trang hồi ký anh hóm hỉnh kể một chuyện riêng đã cũ của tôi mà anh cũng có dính dấp đôi chút – trong vụ này anh và tôi có thể là đồng bệnh tương lân! -, anh đọc và cười bảo: “Giỏi đấy!”. Gần trăm tuổi, đến tận buổi “Chiều chiều” của cuộc đời, anh vẫn còn nguyên cái nhìn tươi rói thuở “Để mèn phiêu lưu ký”. Đôi mắt Tô Hoài rất lạ: vừa thâm trầm, đến hiền minh, cả mệt mỏi vì từng trải, vừa long lanh tò mò như mắt trẻ con, vừa đạt đến cái bao quát chỉ có được của người đã đủ độ thời gian, đủ độ sống để có thể lùi lại, đứng ra bên ngoài đôi chút đặng nhìn được rộng và xa, vừa vẫn cực kỳ cụ thể, chăm chú, vẫn còn giữ được sức ngạc nhiên trước từng chi tiết sống động của cuộc đời. Nguyễn Thành Long, người tự coi là học trò nhỏ của Tô Hoài, thường thích kể mỗi lần ba lô lên vai “đi xuống thực tế” thầy Tô Hoài bao giờ cũng chỉ dặn đi dặn lại mỗi câu: “Long, nhớ nhé, chi tiết! chi tiết! chi tiết! ...”. Phương châm quan sát cuộc sống và viết của Tô Hoài: chi tiết là tất cả, không có chi tiết cụ thể, độc đáo, thật sắc, thật riêng biệt, thì không có gì hết! Không có cái thời đại to tát chung chung, thời đại là làm bằng những chi tiết cụ thể, riêng biệt, mỗi lần lại riêng biệt, sống động, ít nhất đối với văn học, với nhà văn là như thế, phải là như thế. Như một nhà văn lớn, Tô Hoài là người yêu say đắm cuộc sống cụ thể. Anh khao khát suốt đời được biết tường tận cuộc sống trong từng chi tiết rất riêng, đến nhỏ nhất của nó. Anh

tin rằng tinh chất của cuộc sống nằm sâu ở đó.

Và đây là một người lao động chân chính, có lẽ là một người lao động cần mẫn nhất của nước ta trong suốt gần thế kỷ qua. Bạn bè đều biết câu nói này của anh: “Minh như người thợ mộc, đục đẽo suốt ngày, ngày nào cũng đục đẽo, từ sáng đến tối. Đêm nữa. Ngày nào cũng làm ra đôi thứ đồ gỗ thông thường, khi cái ghế đầu, khi cái đôn kê, khi cái thước học trò ... May ra thỉnh thoảng được một món đồ mỹ nghệ. Và cả đời giờ lắm trời cho được đôi ba cái có thể gọi là tác phẩm nghệ thuật ...”. Tô Hoài là người biết và hiểu tường tận nghề văn, vui và buồn, vinh và nhục của nó. Nên không bao giờ anh to tiếng về cái nghề này. Anh hiểu đây là một nghề thủ công, tỉ mỉ, nhọc nhằn, dù khi đã có những phương tiện kỹ thuật hiện đại nhất thì cơ bản vẫn là một nghề thủ công. Mãi mãi là nghề thủ công. Người viết vừa phải có cái phóng khoáng đôi khi đến bất cần của người đứng trên cao và nhìn xa, vừa phải có cái chăm chú đến tận đáy của sự sống cụ thể. Mà anh cũng xuất thân là thợ thủ công, người hiểu đến cùng các vật liệu, suốt đời mân mê nó trong đôi bàn tay đã bị nó làm cho chai sạn, sứt mẻ, sần sùi. Người biết nghe được tiếng nói của vật liệu trong tay mình. Hiểu được quy luật do nó sản sinh ra. Và nghe được, hiểu được, để làm được cái việc quan trọng nhất vì nó mà anh đã sinh ra trên đời này: kể chuyện. Nhà văn được sinh ra là để kể chuyện, thế thôi. Bởi con người biết được nhiều chuyện, có được nhiều chuyện kể, càng nhiều thì càng có nhiều khả năng đến với đồng loại hơn. Sẽ vô cùng đáng sợ nếu cuộc sống không có những câu chuyện của người khác mà ta được nghe kể, được trở thành của chính ta ... Anh cũng là người đã đi qua gần hết tất cả các giai đoạn của văn học Việt Nam hiện đại, biết các bước trầm luân trôi nổi của nó, những mạnh yếu của nó, thân phận và số phận của nó. Cho nên anh rất ít to tiếng. Anh chăm chỉ sống, để chăm chỉ kể. Chăm chỉ kể lại, cố gắng trung thực nhất, cho người đời, cho nhân dân của mình, cho thế giới nữa, về cuộc sống này, con người này, đất nước này...

Vậy đó, Tô Hoài, người kể chuyện Việt Nam hay nhất của thời chúng ta. Câu chuyện Việt Nam. Có người nhận xét, so với một số người cầm bút khác, Tô Hoài ít khi xông pha vào các cuộc đấu tranh xã hội trực tiếp. Vậy mà, nhìn lại kỹ mà xem, con người sống gần như thủ thi ấy, thủ thi sống và thủ thi nói, lại có cái quyết liệt của riêng anh. Cát bụi chân ai, Chiều chiều, Ba người khác... dẫn thân bằng văn học, theo cách của văn học, bằng cách chỉ có văn học mới làm được, dựng cảm trên chính ngòi bút của mình. Cứ như Tô Hoài muốn nói: trang giấy, đây mới là chiến lũy thật sự của người cầm bút. Hôm nay người kể chuyện hay nhất của thời chúng ta đã ra đi. Cái chết đã chộp được anh. Cách đây mấy năm nó đã vồ hụt anh một lần. Lần ấy có người báo tin Tô Hoài đã hôn mê, tôi vội chạy vào bệnh viện Hữu Nghị Hà Nội. Tô Hoài vừa tỉnh, anh nắm chặt tay tôi cười: Thoát rồi, thoát được keo nữa rồi. Mấy hôm nữa về mình sẽ viết, nghĩ xong đâu đó trong đầu rồi, chỉ còn viết ra giấy thôi, truyện ngắn nhé – anh khoe -, đặt cả tên rồi, sẽ có tên là Đế mèn tự cứu, thích không? ... Hôm ấy anh vui như một đứa trẻ tinh nghịch khoe rằng mình đã đánh lừa được ... thần Chết!...

Gabriel Garcia Marquez, nhà văn Nobel khổng lồ của Colombia, có lần tâm sự rằng ông rất sợ chết. Đúng hơn, ông nhất thiết không muốn chết. Ông có một cuốn hồi ký tên là Sống để kể chuyện. Cả đời ông chỉ làm mỗi việc ấy: kể chuyện. Ông buồn rầu nói: Chết sẽ là câu chuyện duy nhất tôi không còn kể lại được cùng các bạn!

Lần trước Tô Hoài đã thoát được và đã hóm hỉnh kể lại cho ta vụ Đế Mèn tự cứu. Lần này, vụ này, anh không còn kể được nữa. Tô Hoài ơi, xin anh đừng buồn. Bao nhiêu câu chuyện anh đã chuyên cần, vô cùng hết mình chuyên cần sống, để chuyên cần và tài năng kể lại cho chúng tôi một cách tuyệt diệu, vẫn còn mãi đó, sống động, như một sức mạnh bền bỉ của chúng tôi, trong cuộc xoi đường đi tới gian nan, hiểm trở hôm nay.

Không ai, không gì giết chết được những câu chuyện đã được kể, bằng cả một đời tâm huyết, và bởi một nhà văn tài năng.

7-7-2014

Nàng ba Châu Long

Giữa tháng giêng, làng Hạ đã gọi phường chèo hát. Cả vùng bảo làng này trốn hội. Bởi vì giêng hai thì đầu cũng còn thông dong hơi hướng đôi chút tết nhất.

Nhưng ở đâu thành thơ chứ làng Hạ đã lác đác đeo giò xách thuổng ra đồng, xuống gò đào chuột. Vừa Tết ra đã phải đi kiếm miếng thịt trôi, đi như người ăn vụng, lủi ra đàng cồng đồng. Không để ai trông thấy, như muốn bay biến trong ngọn gió bắc quất vào mặt. Thì cũng lệ là có lo tối hát, như ra ngõ gặp trai, ao ước cái may năm mới đến.

Ngoài sân đình, trống gọi trò vừa gióng vài tiếng, đã nghe trong bờ ao, ở ngã ba gốc nhãn trẻ con gọi nhau ơi ới, đã rộn rã ra vui rồi.

Làng Hạ chẳng có nổi cỗ kiệu long đình. Hằng năm, đến kỵ thánh, ông từ ra đình thắp bó hương đen. Họa may mới có năm đi chợ xa tậu được con bò dắt về mổ chia ba giáp rồi ngoài sân đình có tối chèo. Thế đã linh đình rồi.

Các cụ kể: ông thành hoàng làng ta hóa thiêng lắm. Nửa đêm, người đi úp cá trộm, người thò tay khoắng vào chũm, phải con rắn lục cắn, người ngã xuống ngay trên cái nơm. Được giờ linh, chỗ ấy mỗi đùn thành gò đến tận bây giờ. Người thiêng lắm, nhà bị mất trộm, bị lừa, hay ai cầu xin thế nào, hay đem lễ ra đình khẩn.

Có được thế nào cũng chỉ nghe vậy. Cái làng Hạ chỉ uống nước lã mà chèo hát suông, ai cũng bĩu môi, ấy thế mà rồi nhiều người kéo đến xem đông thế, vui xem hát nhạt xem bói, bao giờ chả vậy.

Phường về lúc xế trưa. Cả bọn qua chợ đã ngã vào hàng cơm. Gồng gánh lội bộ từ sớm mai bên kia sông sang, đến quá bữa mới được lưng cơm. Ấy thế mà mới cạn bát rượu, bác trùm đã ngã nghiêng đứng lên.

- Hôm nay được ngày, làng đương mong, trống gọi đấy.

Đã có người ra ngóng cồng làng.

- Hát lấy may, hôm nay tốt ngày.

Mấy cô gánh dâu ở ngoài bãi về.

- Còn hát lấy duyên nữa, các cụ ạ.

Tiếng con trai con gái ở đâu cười vang động. Nhưng trong đám chẳng thấy có nữ. Phường Bắc đã được tiếng kếp nam đóng nữ khéo đến đổi tan trò rồi mà trai các làng còn quanh quẩn nhòm ngó đến khi sáng ngày ra, trông vào mái lều trong tam quan chỉ thấy toàn đàn ông còn ngái ngủ ngồi lổm nhổm.

Có chàng ngơ ngác hỏi:

- Cái cô Châu Long tối hôm qua đâu nhỉ?

Bác trùm cười hề hề nói:

- Con ma gốc gạo bắt cô ấy đi từ tan trò tối hôm qua rồi, không biết à?

Ôi chao, chẳng cứ trai làng mê vai Châu Long đêm chèo để thương để nhớ đến cả cho bao nhiêu cô gái trong làng nữa kia.

Tung, tung... Bung nhóc... Bung bung nhóc... Chiếc chiếu mộc thủng giữa đã được nhà mổ trải ra sân cửa đình. Đôi hòm gỗ nhà phường kê đàng góc che tàu lá dừa. Đào kếp thì đến đàng ấy, ngồi ghé lên mặt hòm cạnh cái đèn hoa kỳ.

Bôi phấn, vẽ râu, kẻ lông mày, thay xống áo xong rồi vào chiếu ra vai.

Nhà mổ cũng đã đóng cọc chằng thừng, kê chiếc ghế dài ra, một ông kỳ mục chít khăn mặc áo dài thâm ngồi bên cái trống cầm chầu. Cũng không ai biết cầm chầu thưởng phạt câu hát, mà chỉ thỉnh thoảng điểm tiếng tùng, tiếng các giữ nhịp cho ấm đám, lại còn ra về người bề trên ở chốn đình trung.

Trống và nhị theo tiếng hát vỡ nước đã réo rất rào rạt nổi. Chung quanh ngoài kia tùm tùm

người cha tới đám đã biết tối nay tích Lưu Bình, Dương Lễ - tích trò éo le mà có hậu được hát mở hàng.

Trời đã tối hẳn. Một chiếc đèn ba dây treo lên cành nhãn. Người ra vai đứng giữa chiếu mà bốn phía nhìn được, lại thuộc cả tích diễn, cả câu hát. Cái lúc Lưu Bình sang thăm Dương Lễ đã được bỏ về làm tri huyện sở tại. Này này thằng lính lệ sắp bưng ra cái mâm gỗ có quả cà bát làm bằng nắm đất thó lẫn lóc. Thế mà như thật. Lưu Bình cau mặt phủi áo đi. Lưu Bình vừa vào khuất thì nàng ba Châu Long đã khăn gói bước ra, quan Dương Lễ đứng trong hát với ra dặn dò vợ đi nuôi bạn.

Nàng Ba đuổi theo Lưu Bình, đến quán Nghênh Xuân thì gặp Lưu Bình đương dăm dăm nhìn dòng nước chảy, Lưu Bình phần chí định trầm mình chết trôi sao? Châu Long bước vòng qua, hát mấy câu đường trường thì vừa tới kịp.

Châu Long khuyên nhủ rồi đưa Lưu Bình về nhà. Từ đấy, canh củi và đèn sách bên nhau, hẹn bao giờ đại đặng khoa thì tiểu đặng khoa. Chỉ trên mặt chiếc chiếu, quanh quanh với bước đi và câu hát mà đủ mọi sự tình, đêm hôm và mưa nắng, mùa hạ sang mùa xuân, mấy năm qua. Luống những đầu mày cuối mắt mà ra hờ hững, mà lại dường như dính dính một câu thương nhớ ở đâu rơi xuống, đấy là Châu Long tự thân hay là ông trời xanh trong đêm đen kia than thở bỏ lời hộ người.

Những tường lúc chiều đông tựa cửa

Ngao ngán thay cho cảnh vợ xa chồng. Ngao ngán thay cho cảnh vợ xa chồng.

Ồi a... tình bằng... thế mà mê tơi lẫn lóc cả cái sân đình. Chị em cái Vối, cái Nụ thương Châu Long quá. Châu Long đẹp thế, mỗi lúc một đẹp hơn, thương hơn. Tấm áo nâu non vạt thắt quả găng, cái khăn thâm mỏ quạ mà như cô tiên, cô tiên giáng trần tu duyên tích đức. Thương quá. Nước mắt cái Vối ứa ra lúc nào, đêm tối chẳng ai trông thấy ai, Vối mặc cho nước mắt chan chứa xuống. Chốc chốc, cái Nụ lại kéo áo chị, nhất là đến những khi đêm hôm Châu Long ngồi trong khung củi, Dương Lễ nằm ngoài trường kỷ đọc sách, chốc lại buông sách xuống đứng lên những toan bước vào. Nụ lại kéo áo Vối, không biết là nó muốn Lưu Bình bước vào buồng củi hay nó bảo chàng đừng... Mà sao lúc ấy tiếng hát Châu Long trong vắt, hay thế, yêu thế. Chị em Vối cứ như người thất thần cho đến khi trống tan trò, mọi người gọi nhau tìm đóm làm đuốc về, bấy giờ mới như sực tỉnh ra.

Đêm mười sáu, trăng tháng giêng, trời mù mịt trăng sương. Đóm đuốc về các ngã, bỗng rậm rịch bọn người chạy lại.

- Bắt lấy nó! Bắt lấy nó cho ông!

Qua điểm canh, thấy mấy người bị trói giắt cánh khuỷu vào chỗ cái giá cắm đình ba, câu liêm.

- Kẻ trộm à?

- Ăn trộm người thôi!

- Thiên hạ đến chim gái làng thì cứ việc gõ cổ lại.

Một người nói to:

- Chúng ông công con phường chèo thì bận gì đến nhà chúng mày!

Thì ra lúc tan trò, lũ này háu quá chui vào kéo cô Châu Long. Bọn trai làng xông tới, bắt được trói về đây. Bây giờ không biết thế nào, đâm ra lục đục cãi vã. Người nói chõ vào: "Gái làng chẳng phải, họ hàng cũng không, khéo ghen hão". Cứ thế ầm ĩ, loạn xạ.

- Đứa nào chửi ông? Đứa nào?

Như sắp choảng nhau to đến nơi.

Chị em Vối chạy vội vào trong xóm. Nụ cười rinh rích: "Thế mới rồi hời, chẳng bận gì đến ai mà cũng nhiều sự". Vối nói:

- Nhưng mà thấy đẹp quá đâm ra đỏ mắt, tiếc của giờ.

Hai chị em tới nhà. Mẹ đã cài cửa liếp. Vách trong, tiếng tầm ăn rồi trên nong nghe rào rào. Vối và Nụ chui vào cái giường nan vầu không mễ lót lá chuối khô trong bếp. Hai đứa đắp chung cái chiếu đơn, co quắp mãi chưa ngủ được.

Vối nói:

- Cái Châu Long đẹp nhỉ, tao cũng mê.

Nụ lặng im rồi thì thào:

- Nó là thằng kếp giả gái đấy, thằng kếp thế em mới thích.

- Mà chỉ nói nhằm!

Chị em lại quần quai, trần trọc. Mỗi người một ý nghĩ cũng nên, cái ngủ khó đến quá.

Chẳng mấy lúc đã mờ sáng. Vối trở dậy đi hái dâu. Vối sắp quang sọt sớm hơn mọi khi, lúc mẹ cha dậy mở then liếp. Nụ để ý. Nụ ngờ phải. Vối không xuống bãi ngay. Vối rón rén vào góc cột tam quan, đến chỗ bọn phờng chèo nằm. Cả đêm không chớp mắt, có lúc mơ mơ màng màng ngỡ Nụ là cái Châu Long. Thế mới bơ vơ!

Nhiều người nhà phờng còn vui đầu trong ổ rơm. Một bác đã có tuổi, quần cái khăn tai chó, nhận ra bác ấy đêm qua ra vai lính hầu quan Dương Lễ bưng cái mâm gỗ với quả cà giả vờ.

Tần ngần, không biết hỏi thế nào, cứ đứng một lúc rồi Vối mới xuống bãi dâu.

Đến bên con đìa cạn trơ bùn, thấy có người lúi húi nhấc cái chũm đơm cá. Sáng sớm còn rét cắt ruột mà anh chàng giơ cái lưng trần trùng trực, có lẽ đêm ngủ cời trần. Hai con mắt sắc đuôi lá rậm, cái môi đỏ như đường ăn miếng trà cay thế kia, trông đích là cái Châu Long đêm qua.

Con Nụ tinh quá. Vối ngáy người, buông chiếc đòn gánh xuống mà không biết. Rồi ấp úng:

- Có phải... có phải...

Chàng nọ nhấc cái chũm bê bết bùn lên, nói tự nhiên:

- Phải, cái nàng ba Châu Long ấy mà. Đi đâu sớm thế?

Vối nhác thấy trên mặt người ta còn một mảng phấn hay vôi dính chỗ hàng lông mày rậm.

Nhưng miệng nhanh nhẩu thì vẫn xinh, vẫn cái duyên đêm qua.

Vối che nón lên.

- Em ra bãi hái dâu.

- ở chỗ này, con chấu con chạch cũng chẳng được. Ngoài bãi có đìa nước...

- Có đìa, nhưng chẳng biết có cá không?

- Con nhái cũng được bữa đấy.

Rồi chàng ta xoe quần lên tận bẹn, vẫn cời trần tơ hơ thế vác cái nơm. Tay đôi bước thông dong, như vẫn xuống bãi thường ngày.

Cả nửa buổi trong cánh dâu chẳng úp được con quái gì. Mà Vối thì lại quang sọt về không.

Khuya hôm ấy, Vối ôm Nụ, cời khe: - Nó không phải con gái. ừ...

- Em đã bảo thế rồi mà.

- Sao mà biết, mà là con ma xó à?

- Trông hai cái chân to như bàn cước, em biết ngay.

Vối buông Nụ ra. Quả là con bé khôn hơn con ma.

Đêm nay phờng ra chèo Trương Viên, ngày mai rã đám. Vối nói:

- Tích Trương Viên buồn lắm, tao chẳng đi xem nữa đâu.

Nụ đi một mình. Một lúc đã về, lạch cạch cạy liếp. Vối vẫn chưa ngủ. Nhưng hai chị em không nằm ôm nhau như mọi đêm. Nụ lẳng lặng xuống ổ rơm cửa bếp. Một lát, đã nghe tiếng thở rờn rờn. Nó đi cày ải cả buổi, ngủ mệt. Vối cũng xuống bãi hái dâu cả ngày, mỏi bã vai. Nhưng Vối không ngủ. Vối không muốn ngủ. Sớm mai, người ta đi rồi. Đã hện gà gáy tan canh ra cổng làng chờ nhau. Rồi bao giờ mới lại gặp? Tiếng gà xa xa mới tha thướt, còn khuya. Hai mắt Vối cứ chong chong.

Trong bóng tối, Vối chợt nghe không thấy Nụ cựa quậy trong ổ lá, im cả tiếng chập chờn. Vối lạ. Rồi Vối giật mình. Vối nhòm dậy. Thấy gian bếp như lạnh hẳn. Vối sờ cái thùng vẫn vát vát áo. Không thấy chiếc thắt lưng tam giang Vối đã để sẵn ra đấy đợi thắt.

Vối quờ tay vào ổ rơm. Chẳng thấy Nụ đâu.

Vối chạy ra ngõ. Qua điểm canh, vẫn thấy mấy người trai làng khác, không biết có bị trói không, chúng nó ngã vào nhau ngủ ngời đầu vào vách điểm. Đêm rã đám mà vẫn còn đuối đánh nhau chuyện ghẹo gái.

Cái cổng tam quan lợp lá tối lù lù như mọc cây rơm. Vừa lúc trong chân tre các xóm, tiếng gà gáy tan canh sôi lên. Trong ổ rơm đã có người lúi húi dậy, ra nhóm lửa.

Đám chèo gồng gánh đi sớm. Cho đến lúc đi hết người cũng chẳng thấy người ta đâu.

Vối về dựng cửa liếp. Mẹ ngồi trong ổ rơm, hỏi vọng ra:

- Cái Nụ đấy à?

Vối bật khóc nức nở:

- Cái Nụ đi theo thằng phường chèo rồi.

Tháng giêng năm sau, làng Hạ lại chèo hát như mọi khi. Năm nay có phường xứ Đông lên xin đám, hôm mở đầu cũng ra tích Lưu Bình, Dương Lễ cho làng nước được bói chèo lấy may. Người ta lại cứ việc cười làng Hạ nghèo rớt, năm sớm kỹ thánh chẳng lo nỗi con bò chia hàng giáp, chỉ hát chèo uống nước mưa, biết có ma nào đi xem. Thế mà rồi lại cũng như mọi năm, tối nào cũng đông bọn ngồi, và nửa đêm còn rình rập đuổi bọn trai lạ ghẹo gái làng, vừa quát chửi nhau, vừa cười hê hê.

Năm nay có cái tò mò, cái khác mọi khi là nhiều cô con gái trong làng, từ lúc bọn phường xứ Đông vừa ăn uống ở chợ xuống, đã ra nhòm ngó phường này có nàng Châu Long thật hay Châu Long giả.

Câu chuyện cái Nụ đi theo thằng Châu Long năm trước hãy còn râm ran. áp Tết vừa rồi, Nụ cùng chồng ẵm thằng cu con về tạ tội với mẹ. Có chai rượu và một canh cau bỏ trong cái tay nải, chồng đeo trên vai.

Vối vừa quấy đôi sọt lá dâu về đến ngõ. Anh chàng nhác trông đã nhận ra cô này mới phải cô hái dâu cái sáng sớm hôm mình đi đánh chũm ngoài đìa. Có chết không, lúc gà gáy ấy còn tối đất, chỉ nhớ cái thắt lưng nhiễu tam giang, thế là lòi nhau đi.

Nụ bế con ra trước mặt Vối, cầm hai bàn tay thằng cún chưa đầy tuổi tôi đỏ hồng hồng. Nụ cười cười:

- Con lạy bá đi nào!

Lấy chồng khác làng

Một phiên chợ áp Tết, những đứa trẻ phụ việc cho mẹ, chúng lớn lên được hai nhà gả cho nhau, đám cưới trong trận mưa rào đầu mùa, rồi lễ cheo ở đình làng, rồi người đàn ông đi buôn xa bị hổ ăn thịt, người đàn bà vẫn giữ lễ về quê chồng giỗ với đứa con bây giờ "chân nó dài bằng cái sào nứa"... Với bấy nhiêu tình tiết, bấy nhiêu câu chuyện dằng dặc gần cả một đời người, cùng rất nhiều những thói tục của làng Bắc Bộ xưa được gói trong truyện ngắn vẫn thênh thang rất thú vị này.

Thật thì cũng làng trên chạ dưới trong hàng huyện, chẳng xa mấy. Đứng gốc cây đề ngoài cổng đồng trông qua bờ đìa, mờ mờ trong lùm cây muỗm cổ thụ nhô lên hai cái cột trụ tam quan đình, những hôm quang trời, bên này cũng thấy được lằn đề chắn ngang tầm mắt. Thế mà ngỡ như đám mây trắng mùa hạ lững thững mãi mới sang đến bên ấy. Nghĩ ra thì là cách trở, cả đời cô Vải cứ tưởng như thế.

Mấy phiên áp Tết, chợ huyện đông như nôm cối. Bà Chồi quảy ống dang ra chợ. Vườn nhà bà có búi dang, tết nào cũng được vài gánh, đỡ tiền chợ. Vừa khéo, vào một chạp, những bụi dang vừa già ống, chẻ lạt được. Tết nhất, mái bếp nhà nào cũng giắt nắm lạt, lắm việc phải cần đến.

Ở chợ, có những mặt hàng chỉ Tết mới có bán. Bác tuần chợ xếp cả ra bãi ngoài. Gánh lá dong, ống dang, những quây thùng mật, lão hàng gáo dừa, chợ Tết người ta sắm bó dưa, cái gáo, cái muối mới, mấy con bò buộc tận ngoài rệ sông, bò rống ò ò lẫn tiếng lợn eng éc trong rọ.

Chợ trước, gánh ống dang của bà Chồi đến nửa buổi đã hết tiệt. Cũng đã đào, chặt ống cả trăm cái, nhưng còn phơi nóc chuồng lợn, chưa se mặt. Phiên này phải đi hai gánh dồn một mới có thể đủ bán. Bà Chồi nhác gánh rồi nói:

- Cái Vải ra quảy đỡ cho tao mấy được.

Vải buộc thành bốn bó dang nặng. Vải quảy, mẹ chỉ phải vác một bó. Chưa đến nửa buổi, cả gánh dang còn có mấy ống điếu, ống lép. Hàng bên kia, bà bán mật đóng không ngót muối. Hàng ống dang, hàng mật chạy tay, nhà nào chẳng gói bánh, cột bếp lại lũng liếng miếng thịt bò quán lạt, rồi nồi chè con ong, chè bà cốt ngọt lừ.

Bà hàng mật hấp tấp sang hàng bà Chòi:

- Nhờ bà để mắt trông giúp hàng nhà cháu một mảy. Quái, cái thằng chết toi, chỉ sai đi chặt mấy cái ống nửa đựng mật mà mất mật từ nãy.

Rồi bà lão chạy qua đám chọi gà đầu bãi thì thấy thằng con dựng đứng ống nửa bên nách, đương châu hầu xem đá gà - hay là nó cũng đánh gà, người chăm chú, người tíu tít cá cược. Mấy tay chủ gà loay hoay mặt đỏ lựng hay đỏ cay cú.

Con trai bà bán mật ngồi ngậy mặt ra. Bà lão kêu "Chết thật! Chết thật!". Rồi, vào lòi ngật nắm tóc đuôi hoa voi. Thằng con phải chống hai tay xuống như con gọng vó mới khỏi ngã ngửa ra.

Rồi nó đứng lên vác bó ống nửa cong cổ chạy.

Chỉ một chốc, những ống dang, những ống nửa đựng mật đã hết sạch. Hai bà lão thông thả ăn trà, môi cắn chỉ nhai bồm bẻm. Thằng con trai xách những thùng mật ra bờ sông té nước gột. Cái Vải nhà bà Chòi đã lộng quang gánh để đấy, vào trong chợ, dạo xem hàng tết.

Bà bán mật vuốt quét trâu bám mép hỏi bà Chòi: - Cái cháu quảy dang là thứ mấy nhà ta?

- Cháu thứ ba bà ạ.

Bà bán mật hỏi ngay một câu: - Bà cho tôi nhá?

Bà Chòi còn chưa biết thế nào, bà kia quét vôi lấy miếng trâu mời đon đả: - Cái thằng quảy mật ấy.

Rồi đưa bà Chòi miếng trâu mới tằm. Bà Chòi nhỏ bã trâu vào gốc cây, quay lại nhón tay lấy miếng trâu mới của bà bạn hàng. Và nói:

- Ôi chà, con Vải nhà tôi ấy à, có nhớn mà chẳng có khôn đâu. Bà xem đấy, mặt trời đã lấp bóng đa rồi mà còn lượn chợ, rõ con nhà.

Bà bán mật lại vuốt mép, nhỏ quét trâu rồi cũng nói òi òi:

- Thì cái thằng hai nhà tôi cũng như cái đụn rạ. Đấy, đi theo đỡ mẹ mà lại rúc vào đám chọi gà. Câu chuyện qua lại mắng vui mắng yêu giữa hai bà về con cái mà rồi nên duyên chúng nó.

Tháng ba năm ấy, cô Vải lấy chồng bên Lở. Bấy giờ đã có mưa mới. Những trận mưa rào đầu mùa như mưa dứ, chốc ào ào chốc tạnh; con ngòi ngoài đìa có lúc nước ngập đến gối, đến bụng.

Họ nhà trai sang đón dâu, các lão ông lão bà, các cô phù dâu thoát chỉ xống áo như người đi làm đồng. Người xắn quần, người ôm váy, bì bõm lội. Sang đến đồng Lở, đám rước dâu ghé vào cái quán gốc cây muỗm, như khách đường xa nghỉ chân. Bấy giờ mới lấy trong tay nải ra những buồng cau, những hũ rượu. Rồi thì áo the, khăn vớ của ông cầm hương, các bà váy chồi thâm lộng ngoài váy nâu da bò, các cô thì khăn vuông mỏ quạ tua dây hoa đỏ. Chú rể đi lẫn trong đám trai, áo năm thân nhuộm cày.

Đã tinh tươm ra đám đón dâu. Đi vào đường làng, ông cầm hương áo the khăn lượt chít, vừa lội ngòi quần xắn móng heo, vẫn đi chân không - cả đám rước dâu chân đất, chả cứ một ông cầm hương. Hương đen thơm nghi ngút trước hai người đội mâm cau, mâm rượu phủ vuông lụa điều.

Vào trong xóm, nhấp nhô người lớn trẻ con các ngõ đổ ra. Trẻ con cuống quýt chằng dây, vớ được dây mướp, dây gấc, cái thắt lưng dài yếm cũng chằng ra - chỉ kiêng không được chằng thừng. Chằng chịt như mạng nhện, những cái dây cản bước, như không muốn người con gái đi lấy chồng làng xa. Ấy thế nhưng đã có người nhà trai lo sẵn, xong cả. Trẻ nhỏ chỉ khó cho thêm vui. Mỗi cái dây nhận một phong bao giấy điều. Mờ ra, thấy mấy đồng chinh, đồng kẽm, đĩa nào cũng hí hửng, giựt giấy mở đường.

Đám đón dâu có lời nói trước, đôi bên đã thoả thuận từ con lợn, thúng gạo, gánh rượu, quan tiền. Nhà trai nhà gái ăn cỗ mỗi bên, bởi vì đường đất cách trở, hai họ chỉ miếng trâu và chén rượu hả hê rồi lễ tạ xin dâu về.

Đám rước dâu đã ồn ào ra đến đầu ngõ. Bà Chòi đứng trong cổng ném vốc muối theo rồi cúi

mặt, quay vào. Còn Vải thì cảm thấy đi đâu chưa biết, nhưng thế là xa nhà từ đây. Nước mắt Vải đầm cả hai bên má.

Rước dâu về, hai họ lại tay nải đeo vai, xúm xít hỗn độn như đi chợ tết. Mặt trời đã ngả đằng sau chân tre, sương mờ khắp cánh đồng. Hai bên bờ nghe tiếng nhái, tiếng chẫu.

Vải ngược mặt lên, chỉ thấy bóng tối mờ mờ. Mới vài bước đường mà xa, sao mà thật xa.

Lội xuống ngòi, đã nhá nhem tối, tiếng chân bì bõm, nhưng chẳng trông thấy chân ai. Vải quay nhìn lại bóng tối lần nữa.

Được mấy hôm, ăn cỗ lại mặt rồi, vợ chồng Vải về làng ngoại làm lễ nộp cheo. Lầy chồng làng khác, lệ phải có lễ cheo mới được làng nhận rể.

Chồng xách cái rọ mới đan nốt con gà trống thiến, con gà mái rồi ra cổng đồng, như người đi làm, chỉ khác đầu quấn cái khăn lượt, lại mặc cái áo năm thân nhuộm chày, như hôm đám cưới. Ra tới cầu ngói thì ngòi đợi vợ. Đến lúc trông thấy Vải trong khoanh tre đi ra thì chồng đứng dậy, lại cung cúc đi. Người đi trước cách quãng người đi sau, vào đến gốc đề đầu xóm Vải mới mở khăn vuông lấy cái áo dài nâu non mặc. Vạt áo thắt quả găng, lát phát bay lẫn hai dải yếm lụa. Áo váy tinh tươm rồi, Vải lại càng đi nán xa. Vải chẳng muốn ai trong làng gặp vợ chồng đi tay đôi. Vào đến cổng ngăn, Vải đã thấy chồng cắt tiết xong cả hai con gà, đương nhấc nồi nước sôi ra cầu ao gội làm lông.

Vải vào bếp. Chẳng đợi mẹ bảo, Vải cầm dao cắt tàu lá chuối lột lên cái nong rồi dỡ chõ xôi. Ngả chiếc mâm gỗ đơn xôi, mùi hương nhà trên quyện khói xôi ngào ngạt. Con gà thiến đã được vớt từ khi nãy để ghếch trên miệng nồi rồi người khĩa chân, khĩa cánh với mỏ, đặt nguyên cả con lên đỉnh mâm xôi để ra miệng vại dưới gốc cau. Trên mỏ con gà, từ lúc nào ai đã cài ngậm cái hoa đơn đỏ.

Bây giờ, vợ chồng lại khăn áo chỉnh tề. Vợ đội mâm xôi, chồng hai tay bưng hũ rượu, hai người đem lễ ra đình. Vào tam quan, vợ hạ mâm xôi xuống cửa bên. Chồng ấn lại vành khăn lượt trên đầu cho chặt, vợ từ từ đưa mâm xôi lên. Chồng trịnh trọng đội mâm, một tay nắm cổ hũ rượu nút lá chuối khô.

Vợ bước theo, vào trước bậc cửa đình thì đứng lại đấy, đàn bà con gái xưa rày không được đặt chân vào chốn đình trung. Vợ đứng nhìn băng quơ ra ao làng. Năm xưa mùa này, những hôm nắng to cả lũ đem sào ra bắt ốc nhồi nổi lên tránh nóng trong chân bụi cúc tần.

Nghe tiếng người rì rào, không phải tiếng quát lác. Mùi hương đưa ra có lẽ nắm hương chồng vừa thắp thêm. Vải cũng không dám ngoảnh mặt nhìn vào.

Người mõ ở ngoài lều bờ sông tắt tươi bước tới. Đòn gánh xỏ một bên quang có chiếc thúng trong để con dao phay với cái thớt. Chỉ vậy, nhưng bởi vào nơi trang nghiêm phải có ý, không dám khua múa con dao cái thớt.

Chồng hai tay đặt hũ rượu lên hương án cùng với mâm xôi con gà. Rồi quỳ xuống lễ thánh, xong xuôi bước ra vái hai bên các ông chức việc, các quan viên rồi cứ chấp hai tay, cúi đầu so vai lom khom bước lùi qua bậc cửa đình.

Ở nhà, mâm rượu con gà mái đã sẵn sàng. Đám chén mời ông chú, có lão ông cầm hương hôm đưa dâu cháu.

Sáng nắng thế mà giữa trưa đổ cơn mưa. Trận mưa rào đầu mùa ào ạt một lúc lại tạnh. Hai vợ chồng trở về bên Lờ.

Có hơi rượu chệnh choáng, chồng chạy cung cúc như ma đuổi. Nước mưa đồng cao dồn về, con ngòi ngập đến thắt lưng. Nhìn lại, chưa thấy vợ, chồng ngòi đợi.

Vải đã ra khỏi cổng đồng. Trông hút đồng sâu, chỉ thấy bóng nước lấp loáng. Chắc là có khi nó lội qua ngòi rồi. Người trong xóm lác đác ra bờ tre bắt cá rô rạch. Gặp Vải, có người chào, có người hỏi chớt nhả: "Thím về bên nhà... Sang báo tin cho mẹ Chồi à... cái bụng trông ngon mắt thế kia rồi...".

Vải đỏ mặt cúi xuống vượt cái khăn vuông bọc đĩa xôi và cái tỏi gà. Lại nhớ năm ngoái, năm kia, Vải chạy trốn lên theo chúng bạn ra bờ chuôm bắt cá rạch.

Cánh đồng mù mịt trắng những nước. Con ngòi ngập cả lên bờ cỏ. Đàn đĩa trâu, đĩa hẹ lượn lên lượn xuống cung quãng tìm chân tay người thò xuống nước.

Vải đã ra đến bờ ngòi. Chồng đương ngòi úp mặt xuống đầu gối, dánh ngủ. Nhưng không, như anh ả đã đánh hơi thấy vợ. Anh ả ngẩng mặt nhìn nhờ cười, hai con mắt rượu vằn vằn đỏ.

Hỏi:

- Nhà mày có lợi được không?

Vợ lắc đầu, nhìn lại đằng xa. Chồng cười tùm:

- Công nhẻ?

Vợ lại lắc đầu, vắn tằn ngàn ngoảnh mặt trở lại. Chồng đứng lên, xoe ống quần, buộc hai dải áo vào bụng. Anh ta đương nghĩ nói thế nào để dỗ, để dọa, để vợ cho công. Thì vợ đã bít tay ôm cổ chồng, rún lên, chân đạp như trẻ con chơi hún đu. Hai tay chồng ôm chặt đít váy vợ rồi lội xuống nước.

Chồng nói lờm:

- Này này buồng xuống cho đĩa cắn nhẻ!

Vợ đá chân xuống mặt nước, như trêu tức. Những đàn đĩa dói nhao nhao lượn theo. Đã thế, ông dìm cho một cái. Nhưng chị ả đã cong chân lên làm anh ả loạng choạng suýt ngã. Thì vừa sang đến bờ bên kia.

Hai con đĩa trâu bám vào bắp chân chồng như hai quả chuối bột. Máu chảy loã lợi xuống gót, xuống cổ.

Vải tụt trên lưng chồng xuống. Nhìn hai con đĩa lủng lẳng ở ống chân chồng, ả nguýt một cái.

- Rõ đáng đời!

Chồng nhìn quanh, chỉ thấy bóng nước bóng cỏ. Chẳng nói chẳng rằng, lẳng vợ một cái ngã bệt xuống. Tóc váy vợ, làm một quẩn.

Rồi anh chàng ngủ một giấc mê mệ. Đến lúc thấy lạnh bên bả vai mới mở mắt, bốn bên vắng lặng. Ngôi sao hôm lay láy đã lên đằng kia.

Hàng năm, vợ chồng Vải về bên ngoại vào tết nhất hay các dịp góp giỗ. Cẩn thận, giữ lệ. Khi con gà, hũ rượu, lại có khi vác cả bó mía, dựng bên bàn thờ làm gậy cúng các cụ. Khi nào gặp mưa, nước ứ trong ngòi, chồng lại cõng vợ, rồi cõng cả con sang bờ bên kia.

Năm ấy, chỉ có hai mẹ con về bên ngoại góp giỗ. Nguyên vì anh theo bạn buôn lên Mường mua mía về kéo mật bán chợ tết. Khi lên theo đường bộ, về thì cho mía lên bè xuôi sông Đà. Năm nào cũng đi thế. Chuyến ấy ngược, dọc đường cả bọn ngủ lại cửa rừng dốc Cun. Nửa đêm, con hổ ra ăn thịt mất anh ấy.

Năm năm, mẹ con nhà Vải vẫn giữ lệ về góp giỗ. Khi qua ngòi, gặp nước đầy hay nước cạn, mẹ Vải cũng cõng con lội. Cu con đã lên chín, lên mười, "chân nó dài bằng cái sào nứa" - người ta cười thế, mẹ vẫn cõng con lội sang - người ta lại bảo nhà này chiều con quá.

Phụ đính I:

Một kiếp bên trời Phạm Xuân Nguyên

Chiều chiều là câu chuyện của một người già, của một nhà văn già, ngòi nhớ lại và kể lại đời mình, nhưng là đời của một nhà văn, nhưng là một nhà văn có cuộc đời dính dấp vào nhiều việc nhiều người của một kiếp cầm bút, chuyện như vậy là chuyện buồn thương nhớ tiếc xót xa ân hận quên quên nhớ nhớ, có cái quên ngày trước nhớ bây giờ có cái nhớ bây giờ quên ngày sau, đang chuyện hôm nào về chuyện hôm nay từ chuyện hiện tại ngược chuyện quá khứ, giọng kể cứ nhấn nha rõ là của một người già nhưng mà còn tinh tường còn mẫn trí còn tiếp liệp, giọng kể cứ buông thả nhấn nhá hóm hình thâm trầm, nghe thì như gặp đầu nói đấy nhớ gì kể nấy mà thông một mạch liền một chuỗi, gắp sách lại thì đã chiều chiều vắn vẳng vắn vắn bên tai tiếng gọi ghé. "Cuốn sách đời người đã đến đoạn ấy". Chuyện một đời người nhưng là đời của một thời và thời của một đời, tỉ mỉ việc tinh tường người, lắm cái hiểu được nhưng như

chưa hiểu, lắm cái chưa hiểu mà như hiểu, kết cục thì "cũng là vậy thôi", "áy đấy", "chỉ thế thôi", "cái sự đời thế vậy". Người già kể chuyện chiều chiều không của riêng mình, của bạn bè đồng nghiệp mình trong cùng một quốc gia lãnh thổ, người già này đi đã lắm gặp đã nhiều thấy đã đầy những việc những người những cảnh ngộ cả ở ngoài biên cương xứ sở mà tương liên mà thấu cảm mà vận vào mình vào người, văn chương thì cũng là cuộc đời, đời thế ấy văn thế ấy "người đọc người thương nhau", dẫu đây hay kia người cầm bút cũng một thân phận con người một nỗi niềm ngậm ngùi, người già trải nghiệm rồi chiêm nghiệm rồi nghe tiếng gọi nghe vắng vắng trong ký ức tìm về lại cái làng quê của một thời một đời, trên đường đi hôm nay lại gặp người hôm qua, người không cố nhân nhưng chuyện là cố sự, mà cố sự cố nhân hay không cũng đã trọn một đời người một kiếp sống. *Chiều chiều* nửa hồi ký nửa tiểu thuyết, người già tác giả có duyên phận viết tự truyện từ trẻ, đọc tự truyện như đọc tiểu thuyết, cảnh thực đó người thực đó việc thực đó là tài liệu lại cũng là chất liệu, xâu chuỗi số phận những con người cụ thể có tên tuổi địa chỉ lai lịch lại thành ra số phận một nhân vật có tên chung một lớp người một loại người. Người già chiều chiều ngồi lục trí nhớ ở đây thân nhiên điềm tĩnh phơi trần con người mình qua các công việc, các ứng xử, các khôn dại được mất khen chê, người già vẫn còn khéo nhún nhường nói về mình, chuyện đau mấy buồn mấy nói ra có phần anh phần tôi dưng vào trách nhiệm lấy không đổ cho ai được mà đổ cho ai được, để mèn là chuyện ngày nào ngày nao giờ là con ếch "tôi là con ếch Cu Ba, ở rừng thì da xanh thắm lá rừng, ở ruộng mía thì lỏ đỏ màu lá mía, đến mùa hoa, lưng ếch chấm đỏ, chấm vàng như cánh hoa rơi", người già nói thế biết thế, tin thì tin không tin thì thôi, nghe thì bỏ cho ai không nghe thì thiệt cho ai, ai biết, người già đây có bạn là ông Ngải xóm Đồng rồi "ông nói cái gì ông cũng theo, nhưng thật ra xưa nay ông chỉ theo ông, theo bàn tay ông mà thôi", người già quý ông Ngải là vì thế, tìm về với ông lão nông dân đó như để học một cái gì ngấm một cái gì ngấm một cái gì là vì thế, suốt hơn bốn chục năm qua từ cái đận đi thực tế sau một cuộc đấu tranh tư tưởng lớn, qua cái đận đi thực tế của một khóa học, đến cái đận chỉ về thăm về chơi không thôi. Đọc *Chiều chiều* là đọc một tự thuật một hồi ký một bút ký như đọc già Hêm (Ernest Hemingway) mà trong sách già Tô (Tô Hoài) có nhắc đến có bình phẩm, nó là một tiểu thuyết-hồi tưởng, *roman-mémoire*, đó là nhan đề (xin nhấn mạnh là nhan đề) tác phẩm cuối cùng kịp hoàn thành của nhà văn Nga Anatoly Rybakov (1911-1998), người đã mang nặng đẻ đau (theo đúng nghĩa đen của từ này dùng cho một tác phẩm văn học) "những đứa con phố Arbat" ròng rã suốt ba mươi năm trời, cuốn sách Rybakov có nhiều nhân vật lịch sử cụ thể, chính khách và nhà văn, - Stalin và Khrushchev, Gorbachev và Yeltsin, Kaverin và Tvardovski, Triphonov và Okudjava..., nhưng nhân vật chính là Thời Gian, một Thời Gian không hề bị thêm thắt tô vẽ, đích thực và vĩnh hằng, đang sống và đang thở, con người đối thoại với Thời Gian với những người đã sống đang sống những người cùng thời để nhận thức cái đã trôi qua cái đang xảy ra cái sẽ đi đến để hiểu thế nào vì sao thế kỷ này nhân loại này, Rybakov muốn nước Nga nhớ nhiều đến quá khứ để "suy nghĩ nhiều hơn, nhận thức bản thân sâu sắc hơn và vì vậy tìm cho mình đường đi đúng đắn hơn". "Tiểu thuyết-hồi tưởng" nằm trong tủ sách "Thế kỷ 20 của tôi" của nhà xuất bản Vagrius, cũng trong tủ sách đó có cuốn "Tám hộ chiếu sói" của nhà thơ nhiều danh tiếng tai tiếng Evgheni Evtushenko mà tác giả gọi là "cuốn tiểu sử đúng lúc", mở vào sách ông thú nhận "Suốt cả cuộc đời, với sự nhanh nhạy chính xác như một chiếc máy ghi địa chấn, tôi đã hào hứng ghi lại tất cả những cơn chấn động và động đất của thế kỷ hai mươi, do đó đôi khi tôi đã không ghi lại được nhịp đập trái tim mình. Người ta gọi tôi là kẻ tự kỷ trung tâm, thực ra tôi là người chấn tâm. Nhưng những gì tôi viết ra - thậm chí không phải viết về mình - cũng là tôi. Còn những cái tôi viết như chỉ là về mình - đôi khi lại trở nên lớn hơn chỉ là tôi. Điều đó giống như bảng điện tâm đồ kép - của tôi và của thế kỷ hai mươi". Nhà văn Brazil Jorge Amado có cuốn "Hải trình ven bờ" ("*Navigacion de cabotage*") phác thảo những hồi ức không bao giờ viết ra, nói không viết nhưng phác thảo cũng đã là viết, mà không viết không được, những người những việc khắp thế giới ông đã gặp đã trải trên những nẻo đường văn chương của thế kỷ đời phải được ghi lại, dù là dưới dạng những mảnh vụn hồi ức, góp thêm một lời cắt nghĩa cuộc sống thế kỷ đầy biến động xáo trộn này. Ví như hồi ức của ông về cảnh tại nhà Ilya Erenbua ở

Moskva đang trong bữa tiệc chào đón mình Quách Mạt Nhược đã điềm nhiên đặt cả hai tay lên bộ ngực hở của Valentina vợ K. Simonov trước mặt mọi người. "Tôi là con người và không cái gì thuộc về con người lại xa lạ với tôi", "gửi em thế kỷ chúng ta niềm vui nỗi khổ đều qua vội vàng", câu đầu là một châm ngôn câu sau là một câu thơ tôi cũng chẳng nhớ hai câu của ai lúc nào chợt hiện về trong đầu lúc này thấy hợp cảnh hợp sách hợp người. **Chiều chiều** (và trước đó *Cát bụi chân ai*) vậy là nằm trong cùng một dòng chảy đặc biệt của văn chương thế giới thế kỷ, "không nỗi đau nào riêng của ai". Người già nhà văn già viết chuyện đời mình dụng công lắm mà cứ như không như bỡn, một tiếng gọi nghe trên đồng đủ để xâu chuỗi liên kết mọi chuyện kể trên gần sáu trăm trang sách tưởng như rời rạc lan man không đầu không cuối, "tôi lại về xóm Đồng", con nghe bông nghe hoa ngày nọ *ông khách hỏi mua nhà ta chẳng bán ông khách hỏi hoạn nhà ta chẳng cho* đã qua thuở chơi dựng phải đi cày từ lâu đi *cho đến bờ đêo lại đập rọ vào lưng là vật bước vào đi cho thẳng đường cày cho ngay đường bờ chân đi tai nghe dạ nhớ lấy chớ đi quàng phải đờn*. Tiếng gọi nghe vắng vắng trong cánh đồng, cái tai người già còn thính, nhưng ông đã già, "Bốn phía phẳng lặng đồng không. Chẳng trông thấy ai gọi nghe. Chỉ là tai tôi phảng phất tưởng nhớ mà thôi". Kia bóng ai như bóng người đang quay gánh đi trên đường làng nhạt phênh. Đã qua đi rồi tuổi thơ, giọng hát khàn của ca sĩ trẻ đang ăn khách Phương Thanh tràn lan trên trang sách nhà văn bát thập Tô Hoài tôi đang đọc. Và câu thơ Huy Cận thuở hoa niên vọng lên trong một nét nhạc trầm của người cùng hội cùng thuyền đầu xa *nắng chia nửa bãi chiều rồi*. Và khúc ngâm đùa chơi của chàng lãng tử cố đô Hoàng Phủ Ngọc Tường đùa *thôi né thiên đường mộng ảo thế giới vỡ tan ngoài chân mây cảm giác mơ xanh vàng tím đỏ ngoảnh lại nhìn - nắm mọc đầy tay*. Chàng Giang Châu Tư Mã áo xanh và nàng ca kỹ tay đàn che nửa mặt hoa trên bến Tầm Dương đêm ấy cùng là *một kiếp bên trời lận đận*. Đọc Tô Hoài thấy ra nhiều liên tưởng lắm. Đó là sách Văn cũng là sách Đời.

Tôi mong được sống nhiều những *chiều chiều* trong văn học.

Hà Nội những ngày đẹp thu 1999

Tô Hoài Trước 1945

Hoàng Yên Lưu

Đề cập tới Tô Hoài trước 45 nhiều người mỗi khi nhắc tới Quê người, Xóm Giếng ngày xưa, Giăng thề, O chuột, Dế mèn phiêu lưu ký... đã mỉm cười thích thú. Không ít độc giả ở miền Nam giai đoạn 55-75 vẫn có cảm tình với tác giả tập hồi ký Cỏ dại (1944). Sau 1945, khi nghe đâu đó cái tên Tô Hoài, nghĩ tới Nhân văn giai phẩm, Vợ chồng A phủ, Cát bụi chân ai, Chiều chiều và Ba người khác... không ít độc giả cau mày ngẫm nghĩ, "Tô Hoài của năm xưa hay một người khác xa lạ trùng bút hiệu". Mỉm cười, cau mày tùy độc giả, ở đây chúng ta chỉ gọi lại hình ảnh nghệ sĩ và chân thực của Tô Hoài ở tuổi hai mươi mà thôi.

Tô Hoài sinh năm 1920 là nhà văn trẻ của thế hệ 32-45 và trước Thế chiến II, với một số tác phẩm kể cả truyện dài và truyện ngắn như Quê người (1942), O chuột (1942), Dế mèn phiêu lưu ký (1941), đã chinh phục được khá nhiều độc giả ở nhiều lớp tuổi. Khi ấy, Vũ Ngọc Phan trong Nhà văn hiện đại khi giới thiệu tác phẩm Quê người đã ca ngợi cây bút trẻ: "Quê người là một tiểu thuyết có tính chất đặc thôn quê. Phải là một nhà văn có tài quan sát lại sống gần gũi người dân quê mới viết được về cái xã hội ấy những trang có giá trị. Từ ngôn ngữ, cử chỉ, thói tục cho đến những cách sinh hoạt của những người dân quê sống về nghề dệt cửi ở vùng Bưởi, Tô Hoài đều đã tả với một nghệ thuật chân xác". Còn về tác phẩm truyện ngắn O chuột của Tô Hoài, nhà phê bình họ Vũ nhận xét: "Tập O chuột là tập truyện ngắn đầu tiên của Tô Hoài và cũng là tác phẩm tiêu biểu cho lối văn đặc biệt của

ông, một lối văn dí dỏm, tinh quái, đầy những phong vị và màu sắc thôn quê. Cái tinh ma và cái thực có lẽ gặp nhau ở đây”.

Ngày nay đọc lại Quê người và O chuột cũng như Dế mèn phiêu lưu ký, ai cũng phải công nhận bước đầu của nhà văn có tên thực dễ thương “Nguyễn Sen” đã gặt hái được nhiều thành tựu hơn hàng trăm tác phẩm ông cống hiến cho đời sau 1945.

Tô Hoài xuất thân trong hoàn cảnh nghèo khó, học ít nhưng lại ham học. Thế hệ 32-45, khi nền văn học chữ quốc ngữ phát triển vượt bậc, nghề văn bút được coi trọng cho dù “nhà văn an nam khổ như chó” như Nguyễn Vỹ từng than. Khổ nhưng mà đẹp. Nhiều trí thức trong ngục tù nô lệ thời đó tìm tới văn học và hưởng thụ như một lối thoát. Không ít người mơ tưởng một cuộc sống giang hồ, di chuyển đó đây và sinh nhai bằng ngòi bút hay sân khấu. Hình ảnh Tản Đà ra Bắc vào Nam, cuộc sống của Nguyễn Tuân, trong Một chuyến đi, bóng dáng người chinh phu, người chiến sĩ trong thơ mới và tiểu thuyết của Nhất Linh đã lôi cuốn biết bao thanh niên thành thị.

Tô Hoài thông minh, tài hoa và nuôi giấc mộng, xê dịch và sinh nhai bằng văn bút, nhưng không có cơ hội nhiều năm cấp sách tới trường và cũng không đủ điều kiện vào thư viện thời Pháp để đọc sách. Trong hồi ký, nhà giáo Nguyễn Đăng Mạnh kể lại theo lời Tô Hoài tâm sự: “Thời Pháp thuộc đọc sách tại thư viện lớn ở Tràng Thi phải có bằng thành chung (diplôme). Tô Hoài chỉ học hết cấp tiểu học. Ông đến Vũ Ngọc Phan nhờ giới thiệu với thư viện Hà nội để đọc sách. Vũ Ngọc Phan có một biệt thự ở Thái Hà Ấp. Phan nói cứ đến đọc sách tại thư viện riêng của ông, ông hướng dẫn cho. Tô Hoài thành ra rất thân với gia đình Vũ Ngọc Phan, nhiều khi cùng ăn cơm với gia đình. Nhà Vũ Ngọc Phan cũng gần nhà cụ Lê Dư-Sở cuồng là bố vợ của Phan. Mấy chị em Hằng Phương, Hằng Huân, Hằng Phấn... con cụ Lê Dư đều rất đẹp. Các cô ngồi xe nhà đi học, bao nhiêu thằng bám theo. Bọn Đình Hùng ghen với Tô Hoài về cái số may mắn của ông. Nhưng lúc bấy giờ Tô Hoài chỉ là một chàng trai nhà quê, mặc áo dài thâm đi guốc, ăn thua gì! Ở nhà Vũ Ngọc Phan, Tô Hoài đã đọc được nhiều tiểu thuyết Pháp”.

Bước vào nghề viết, đồng thời tập tành nghề ăn chơi, Tô Hoài theo cánh đàn anh là Vũ Hoàng Chương (sinh 1916) và Nguyễn Bính (sinh 1918), đều là những nhà thơ đã có tên tuổi và có khả năng tài chính, thường rộng rãi với bạn văn. Nên nhớ, thưở ấy nhà văn cho rằng muốn ngòi bút của mình sâu sắc thì phải nếm trải đủ mọi mùi sương khổ. Nhưng muốn từng trải “cực nhân gian chi phẩm giá phong nguyệt tình hoài, tối thế thượng chi phong lưu giang hồ khí cốt” như Trần Tế Xương từng viết, thì phải có tiền. Vũ Hoàng Chương lúc đó đã đi làm “sếp ga”, lại thuộc gia đình giàu có ở Nam Định nên thường là đầu tàu kéo theo mấy bạn làng văn tuổi nhỏ như Nguyễn Bính và Tô Hoài vào bước “giang hồ vật”.

Trong hồi ký “Ta đã làm chi đời ta”, nhà thơ lừng danh thế kỷ XX đã kể lại một giai thoại lý thú giữa ba cây viết trong một lần đi tìm thú “lạc phách” với ả đào và ả phù dung như sau: “Không nhớ rõ năm 1942 ấy đã đi đến tháng thứ bao nhiêu. Chỉ nhớ chắc rằng chuyện xảy ra khoảng mùa Hạ. Vì, nếu không phải mùa Hạ, thì sao có mục “dạo mát trên bờ sông Thương” và mục “ngồi quạt cho người đẹp tỉnh Đông” chứ!

Chiều hôm đó, Hoàng định lên Bắc Ninh, thăm “Biệt phòng” ở xóm Niềm. Mà đã phải nghĩ tới chuyện này, là trong túi đã xu hào không còn rủng rinh nữa. Cần một chỗ nằm yên, có người cung phụng đủ thứ, và rủ rỉ đôi lời ân ái suông!

Ai ngờ, cái số thật trở trêu! Vừa ra khỏi căn nhà phố hàng Cót, để tiến tới ga Đầu Cầu, thì đụng ngay hai gã: Tô Hoài, Nguyễn Bính.

Tác giả Lỡ bước sang ngang tự mắc luôn vào Hoàng, điều này đâu có lạ gì đối với nhà thơ cát bụi ấy. Lạ là lạ ở chỗ anh chàng học trò mặt trắng, hiền lành như con gái kia, là Tô Hoài, cũng nhất định xin kết thành bộ ba “Giang hồ vật”.

Hoàng cảm thấy hơi nguy, cái nguy của một đầu tàu đang lúc cạn than, củi. Không lẽ chạy toàn bằng nước lũ hay sao?

Nhưng, đã đi thì phải đi cho trót. Đến đâu thì đến đâu. Hãy biết một điều: Không mất tiền mua vé cũng cứ “đi” và cứ “đến” được. Hoàng quen khắp mặt các “xếp tanh” (Chef de train) trên quãng đường sắt này mà.

Bính và Tô lang thì thích thú lắm, mặc dầu riêng chàng Tô có hơi run...

Bánh sắt quay thông thả, chừng 30 cây số một giờ, nhưng rồi thoáng cái đã đến ga Bắc Ninh lúc nào không biết.

Trên sân ga chỉ thừa thớt mấy chục hành khách; Hoàng nhận ra ngay trong số những tà áo màu tung bay phấp phới một dáng vẻ quen quen. Thì vừa đúng kịp đôi mắt lá răm nhìn lên, và tiếng reo lớn được ném ra, át cả tiếng “xình... xịch” của máy hơi nước.

“Anh Hoàng đây hả? Chị Tuyết vừa xuống Hà Nội rồi. Em ra đón người quen nhưng chưa thấy bóng vía đâu cả. Anh xuống chứ?”

Hoàng đẩy vội hai ông bạn quý vào trong toa rồi cũng vào theo; và ló đầu ra ngoài khuôn cửa, nói một cách ưỡ ỏi lừng khừng:

“Xuống làm gì bây giờ? Thôi để ít hôm nữa Tuyết nó về hẵng hay”.

Cô đào rượu ở nhà hát của Tuyết xóm Niềm nhe răng cười, có vẻ thông cảm lắm.

Cờ lại phất. Còi lại thổi. Và chuyến xe lại tiếp tục lên đường, đem theo ba gã hành khách bất đắc dĩ...

Nhưng chỉ một giờ đồng hồ sau thì đến chỗ “sơn cùng thủy tận”. Vì chuyến xe lửa này chỉ đi đến Phủ Lạng Thương là hết nhiệm vụ. Mà đây, Phủ Lạng Thương rồi. Nguy chưa!...

Đàn kéo nhau xuống vậy. Mặt trời cũng đang xuống. Màu nắng quái lè thê trên tỉnh lỵ Bắc Giang. Ngày mùa Hạ dài thật. Và như thế, đêm nay sẽ ngắn. Lời tục nói “Tháng năm chưa nằm đã sáng”; âu cũng là một điều may cho Hoàng.

May nữa là Tô Hoài chợt nhớ ra một người, chắc chắn đang có mặt trong dãy phố yên tĩnh của phủ Lạng, sông Thương. Người ấy là Bàng quân Bá Lân, có nhiều thơ đăng báo và in thành sách, lại có nhà cửa rộng nường, đồn điền trang trại, khét tiếng vùng này.

Khốn nỗi cả ba đều chẳng ai từng có dịp nhất kiến với ông Bá họ Bàng cả. Không biết đến quấy rầy người ta có tiện chăng?

Nhưng suy đi xét lại, đằng nào cũng là trong văn giới với nhau. “Tương phùng hà tất tăng tương thức”. Bạch Cư Dị chẳng đã bảo thế là gì!...

Quả nhiên khi gặp nhau, chẳng một ai bỡ ngỡ; khách thì rất tự nhiên, mà chủ thì cười nói liên hồi, ra chiều thích thú, an nhiên tự tại lắm.

Rồi cơm được bưng ra, khả dĩ ăn no bụng. Câu chuyện thơ văn cũng được đề cập, khả dĩ thêm hương vị cho chén trà mạn đàm...

Và rồi chủ nhân mời khách cùng ra đường:

“Chúng ta đi dạo phố một lát cho tiêu cơm. Đến cầu sông Thương sẽ quay về ngủ cũng còn sớm chán!”.

Câu nói giản dị này đã tác động với ba chiều hướng khác nhau trong tâm lý rất phức tạp của bộ ba Hoài, Hoàng, Bính.

Chàng Tô thì mẫn ý quá. Nhà văn thơ sinh này chỉ phiêu lưu theo kiểu Dế Mèn. Bỗng nhiên được ngao du không mất tiền, lại được ăn ngon và hứa hẹn một giấc ngủ kỹ; thế là nhất rồi! Còn Hoàng, chẳng vui chẳng buồn. Công trình dự định đã sai bét cả, thôi đành lẽ phó cho định mệnh đẩy đưa. Đối với Hoàng, cái tỉnh lỵ Bắc Giang này quá quen thuộc. Cả đến con sông Thương nước chảy đôi giòng kia, đục phía nào trong phía nào Hoàng cũng nhắm mắt mà thấy được. Lại thấy cả trong ký ức những nhà ai nơi xóm hát bên kia cầu! Nhưng thôi, gió chưa lên, hãy dạo mát đôi ba vòng rồi về ngủ cũng tạm ổn. “Đáo giang tùy khúc, nhập gia tùy tục” mà! Tuy nhiên, Bính thì hận lắm. Nhà thơ này cứ tưởng thế nào chủ nhân cũng đãi một châu hát linh đình, gọi là đánh dấu cuộc hội ngộ “Tứ bất tử” mới đích đáng chứ! Đi khắp thiên hạ, mòn

gót giầy gầy bánh xe để tìm “tri kỷ”, mà “tri kỷ” lại bảo dạo phố rồi về ngủ sớm, trước mười giờ tối; hỏi có ức không?

Thế rồi linh kinh suốt đêm hôm ấy, Bính cứ ngồi dậy hút thuốc ào vật hoài.

“Lắm muối quá, Hoàng nhỉ?”

“Ừ thì lắm muối. Ở đây gần rừng rồi mà! Phũ Lạng còn khá đầy, chứ lên chút nữa, như Bó Hạ, Bắc Lệ thì phải biết, thiếu màn, không nhắm mắt được yên đâu!”

“Thế mà Tô Hoài nó ngả lưng xuống là “kéo gối” liền. Chịu thật!”

“Thì đang sức ăn sức ngủ của người ta”.

“Đành rồi! Nhưng chúng mình khác”.

Làm thế nào cho qua được đêm nay đây?... À, Bính với Hoàng liên ngâm một bài chơi đi. Thử lấy vần điệu làm binh lực phá cái thành Sầu này xem sao!

“Phá thì phá. Ra quân trước đi! Cho nó “Lỡ bước...” một thể”.

“Khó gì. Đây câu đầu: Tô Hoài, Nguyễn Bính, Vũ Hoàng Chương”.

“Vần này dễ. Hoàng nói đây này: Còi thét vào ga Phũ Lạng Thương”.

“Hay! Tiếp câu ba luôn đi; rồi Bính sẽ đối cho thành câu bốn và ném câu năm ra liền”.

“Thong thả! Ý thì sẵn nhưng vận dụng chữ nghĩa hơi khó. À, đây rồi: Sở tại bàng quan châu xuống xóm”.

“Chữ “bàng quan” nhẹ quá, nhưng chữ “Sở tại” thì hay, hay!... Bính đọc tiếp câu bốn câu năm nhé!”

Nói vậy thôi chứ Bính loay hoay mãi, hút đến cả chục mồi thuốc ào, và bị Hoàng giục đến lần thứ ba rồi Bính mới cười vang lên, và lấy giọng đọc:

“Thì nhân bá ngọc chuyển lên đường.

Hai giòng trong đục thêm ngao ngán”.

Hoàng trầm ngâm một phút:

“Dùng chữ “bá ngọc” người ta tưởng mình là sư thì sao? À mà... “Anh hùng mạt lộ án vi tăng [1]”; làm sư một nửa thì “bá ngọc” được lắm!

Nhưng “Hai giòng trong đục”, khó đối cho Hoàng quá! Đề nghị sửa thể này:

“Giòng trong giòng đục thêm ngao ngán,

Và Hoàng sẽ đối:

“Chùm chín chùm xanh uổng vấn vương”.

Bính nhảy dựng lên:

“Tài lắm. Gọi cảm đến chết người! Hoàng làm cho Bính càng hận vô tả. Nghe rõ từng tiếng đàn đáy đang “chùm chín chùm xanh” ở bên tai...”

Thế rồi cả hai cùng nằm xuống giường nghĩ nốt hai câu kết. Loanh quanh thế nào ngủ quên mất. Chắc chắn là Bính ngủ sau Hoàng.

Mãi đến khi cáo biệt Bàng quân ra ga Phũ Lạng để “hồi đô”, mới hoàn tất được bài Liên ngâm, trước sự ngạc nhiên của tác giả O Chuột và Đế mèn phiêu lưu ký.

Chép lại toàn bài như sau:

Tô Hoài, Nguyễn Bính, Vũ Hoàng Chương

Còi thét vào ga Phũ Lạng Thương.

Sở tại bàng quan châu xuống xóm,

Thì nhân bá ngọc chuyển lên đường,

Giòng trong giòng đục thêm ngao ngán,

Chùm chín chùm xanh uổng vấn vương.

Nằm muối qua đêm chờ sáng dậy:

Còn xe Phong hỏa xé màn sương!”

Lại thịt chó

Ở Cầu Khâu (...) thịt chó đến suốt sáng. Ai quen qua lại đường này mà chẳng biết tiếng thịt chó Cầu Khâu. Cửa hàng mùa đông là những cây rơm rỗng ruột, khách ăn chui vào bụng cây rơm, gió hú bốn phía. Trong cây rơm, thổi thì thịt luộc, sáo chó, rượu ty, rượu ngang. No say rồi nằm lăn ngủ cho đến sáng bạch mới thò cổ trông ra (tr. 283)

Bàn về thịt chó không bao giờ có thể dứt, tưởng như thế (...) Chỉ có thể thỏa thuận với nhau rằng thịt chó là một món ăn chơi (tr. 619)

Không phải chó nào cũng đem mỡ thịt được. Chó béc-giê cao cẳng, chó Nhật, chó cảnh bé bỏng như nắm bông, thịt tanh. Chỉ có giống chó đầu cũng có ở nước ta, những con vàng, con vện, con đốm, con khoang, con mực thấp cun cún, chân trước chân sau không dài, không ngắn ngắn hoăn mà tòi chân sau về chân nổi bắp tròn trành trành. Thịt chó ấy mới đậm (tr. 621). Năm chiêu cổ điển (...) 1. Thịt và lòng gan luộc. 2. Chả. 3. Rựa mặn. 4. Giả cày 5. Sáo chó. (tr. 622). Tiết canh chó (...) những trang cụ phách xừng xỏ mới xơi được. Ít ai đưa vào thực đơn món tiết canh chó. (tr. 622). Thịt chó luộc ngon nhất phải kể lối nấu cách thủy: thịt chó hấp (tr. 622)

Rựa mặn được chuộng nhất. Chẳng thế rựa mặn đã biến ra cả món riêng, món phở. Dọc đường miền trung du, nhiều hàng quán bán phở rựa mặn, bún rựa mặn. Rựa mặn, một món nửa sào nửa hầm. Miếng thịt rựa mặn đúng cung cách nhất phải là miếng thịt gồm ba thành phần thịt, mỡ, bì. Cái bì tôn hẳn đặc tính rựa mặn. Rựa mặn thiếu bì kém vị và tro trên như bò thui ăn tái chám tương gừng mà không có da. Miếng rựa mặn nổi màu nâu bóng nhẫy giữa bát nước mỡ tiết ra quánh đặc (tr. 623)

Không có thịt chó, thềm thịt chó, bèn nấu chân giò lợn cũng pha riêng mỡ, gọi là "giả cày". Miếng thịt bóp riêng mỡ, nấu lửng như om, với đậu phụ. Xô bỏ hơn, thêm chuối xanh. Thịt dai nấu kèm mấy miếng đu đủ, rằng móm cũng nhai được (...) Đã đành là giả, nhưng đến lúc làm món bằng thịt chó hẳn hoi, vẫn giữ cái tên "giả cày" (tr. 624)

Món sáo chó cũng ví tương tự món "thắng cố" của người Mông trên núi cao. Trong con chó, những phần xương xẩu đầu thừa đuôi thẹo được dồn hết vào một nồi - một thứ nước suýt chó. Món này cũng được thành tục ngữ: ngon như sáo chó. Có nghĩa là việc ấy dễ ợt, làm "ngon như sáo chó ấy mà" (...) Sau cùng, gọi bát sáo. Nhà hàng bung lên cái liễn sáo nghi ngút khói, thơm hành răm, trong liễn thả hai cái chân sau con chó. (tr. 624)

Các món rựa mặn, giả cày và sáo, người cầu kỳ thích ăn "hai lửa", nấu hai lần, thịt chó hai lửa có cái đậm đà khác thường. (tr. 625)

(Tô Hoài, Chuyện cũ Hà Nội, nxb. Hà Nội, VN, 2000)

Có phải trên thế giới chơi điều nhiều nhất là các dân tộc ở phía đông và đông nam châu Á?

Người Nhật vừa chơi điều khổng lồ dây điều to bằng dây chèo neo thuyền, vừa chơi điều bé bằng cái móng tay dây điều làm bằng một sợi tóc phụ nữ! Điều to dĩ nhiên thả ngoài trời, còn điều tí hon thả trên bếp lửa!(1)

Cái điều Việt Nam to cũng có hạng, nhưng nét nổi bật nhất là bộ sáo chờ theo. Điều truyền thống của ta hình dáng, màu sắc không trau chuốt, cầu kỳ, bù lại nó biết thổi sáo: gặp gió, bộ ba chiêng-đầu-còi cùng phát tiếng, âm thanh “bồng trầm hòa khéo vào nhau như phường bát âm ngồi trên trời”!

Nghe Tô Hoài kể mà thêm: “chập tối, cả lũ chúng tôi xúm vào kéo dây đưa điều về đồng cao, người lớn đóng cọc buộc lại cẩn thận, chắc chắn. Đêm mùa hè sáng trăng (...) bác hương Cang và mấy người lớn cời trần ra, uống rượu. Thức nhắm là một rổ ốc vặn luộc ban trưa lên hồ Tây xúc được một mẻ. Chúng tôi cũng nhể ốc ăn rồi kênh ra nằm nghe sáo điều, có đưa ngủ trong tiếng sáo ngay trên bãi cỏ.”

Bé được ngủ trong tiếng sáo, thảo nào lớn “tôi vẫn nhớ tiếng sáo chiêng, sáo đầu, sáo còi đồ chiêng, đồ trống, đồ còi vi vu trên cánh đồng giữa ánh trăng”!

(Thu Tứ)

Cái điều sáo quê ta

Vùng tôi chơi điều sáo (...)

Trong làng có ông tôi và bác hương Cang chơi điều nghề nhất. Bây giờ mà còn thú chơi ấy tôi chắc cũng khó ai có công phu và đam mê bằng (...) trẻ nhỏ chơi cái điều con con ngoe ngoảy trong gió dưới. Còn như cái điều đại, trường khoát như hai cánh phan thì chỉ khi trời lộng gió trên, điều mới lên được. Dù cho dưới cánh đồng im ắng oi ả nóng bức, cái gió trên vẫn giữ được cánh điều và tiếng sáo lưng trời.

Cả năm, bác hương Cang và ông tôi, mỗi mùa mỗi thứ, sắm sửa cho cái điều.

Phải mảy mò lên Mường châu Lương Sơn trên Hòa Bình mới kén được cái thân điều làm bằng giống hóp đá cứng nhất. Hóp đá nhỏ con, rắn mặt, ruột đặc. Nói rõ mua hóp đá làm khung điều, người Mường mới tìm cho cây hóp chết dóc (?), đồ tía, nhẹ như cái đòn tay, vác mấy cây về chọn, chẳng phí đi đâu. Cây hóp đá bữa đôi mà làm đòn gánh thì mềm và bền cố hỷ.

Cây tre, cây hóp ngả vào mùa lạnh mới chắc thớ không bao giờ mọt. Hóp đá và tre đục ngâm vào bùn trong ao cả mùa, cả năm. Vót lên, đẽo vót qua loa rồi đem gác bếp cả bộ sườn, bộ khung. Cuối tháng giêng, dỡ xuống, thanh hóp đá và những mảnh tre cật đã được khói hun óng đỏ, dẻo như cái lạt.

Bác hương Cang lên rừng mua hóp, mua tre, ông tôi ngồi nhà vót, ngâm, gác bếp. Đến đận phiết giấy thì hai người cùng làm. Phiết giấy dán điều cũng tỉ mỉ vất vả (...) những tờ giấy bản tháo ở sách viết phóng xin được của ông đồ Huych (...) Giấy bản có gân vỏ dó, khi seo tờ giấy lại pha gỗ mò, bền không rách được. Dán chập cả chục tờ rồi đem phiết cật. Quả cật thì bác hương Cang vào trong Mễ Trì quảy về cả thúng. Vỏ cật già nhỏ, cầm cái chổi thông lấy nước cật phiết lên giấy bản, rồi phơi hàng chục lượt, kỹ bằng máy làm quạt thóc hay nhuộm vải nâu non, nâu già. Chẳng bao lâu, ngoài hiên đã xếp đứng những mảnh giấy to cứng bằng cái nia đại, mặt cật lên màu nâu sẫm. Phất giấy ấy có mưa xuống như đổ nước vào mo nang, sáo điều vẫn vo vo lơ lửng giữa mưa rào.

Hai ông con cứ rỉ rả bện dây điều, tháng nào lúc nào cũng được. Cuộn thừng đay phải tháo

từng để ra xem bọn buôn thường điều toa có tráo lẫn thớ nửa vào không. Cái dây điều chỉ cần ba để đay thì vừa nhẹ. Ông tôi và bác hương đánh lại, bện lại sợi thường đay, xếp lên mỗi cuộn to bằng bắp chuối, bỏ vào nồi ba mươi, luộc suốt một ngày hai đêm.

Xong việc điều, bây giờ bác hương Cang đi thừa sáo. Các vùng ven bên sông Cái hay chơi điều. Có lẽ vì ở nơi sông nước nhiều gió. Mây mù lên đây mới kiếm được sáo tốt, không phải sáo hàng chợ, nhưng cũng chỉ chuốc được cái lưỡi sáo và đôi miệng sáo đeo bằng mảnh gỗ tre đực. Còn khoét ra cái thân sáo thì đi thợ tiện phố hàng Tiện ngoài Kẻ Chợ hay về làng Nhị Khê, quê gốc nghề tiện. Gỗ thị cũng không được, chỉ có gỗ thông mực dẻo dai mới làm nên thân sáo. Có ba thứ sáo điều: sáo còi nhỉnh hơn đốt tay cái. Sáo đầu như ống nửa. Sáo chiêng - còn gọi là sáo tù và, to bằng đốt vầu, ống dài nửa thước, hai miệng loe, nom cái sáo to tướng mốc thếch như con trăn gió. Hôm nào gió nhỏ, lấp sáo còi; gió lừng thì chơi đầu; có gió trên mới đóng sáo chiêng.

Người ra đồng thả điều từ đầu hạ sang cuối mùa thu, bấy giờ trời quang mà lắm gió trên. Cả xóm xúm lại xem cái điều của ông tôi và bác hương Cang đã bày ra sân. Những cuộn thường đay bó thành vác đặt lổn nhổn như những con lợn tháu. Bác hương đã gọt sẵn cả chục vè tre đực để làm cọc. Cọc mà không đóng cẩn thận, gặp gió lớn thỉnh thoảng, có thể cả tảng đất bị lồi bật. Cái điều màu cật nâu sẫm, đồ sộ, lắm liệt, dang hai cánh dài hai sải tay như con điều hâu, con đại bàng khổng lồ. Có đêm, hốt nhiên bị bão không cuốn kịp, đứt dây, phải đuổi theo hướng gió qua mấy cánh đồng lên tận bãi dâu ven sông Cái mới tìm được chỗ điều lao xuống. Có khi điều đâm, sạt mái nhà, đổ cả bụi chuối.

Bấy giờ, chỉ trông cái điều dựng ngoài sân tôi đã sờ sợ. Ngỡ như con quái vật ghê gớm chốc nữa bay đâm lên tít mù xa. Tiếng sáo điều vắng vắng liên hồi suốt đêm. Các cụ và trai làng ngồi bên gốc dây bàn tán, đánh cược và cho ngôi thứ, cái điều nào mà tiếng sáo hay thì được đem cãi cộ trước nhất. Gió nhỏ nhỏ, sáo còi lạnh lớt trong không. Khi sáo đầu rền rền, biết là điều sắp lên tới gió trên, tiếng đầu chuyển gió dưới lên gió trên có êm không. Có gió (trên), sáo chiêng mới lên tiếng và cả bộ ba chiêng, đầu, còi trong thỉnh thoảng hòa vào nhau lan ra vang lừng bầu trời. Không trông thấy điều, nhưng biết điều có lên đứng, có giải các tiếng sáo mới tròn, điều không chao chát, nghiêng ngả. Giải thi điều chằm ăn thua ở cái điểm tiếng sáo bỗng trầm hòa khéo vào nhau như phường bát âm ngồi trên trời.

Một người lực điền vác điều ra giữa cánh đồng, đâm điều lên. Hai bàn tay bác hương Cang thoăn thoắt tháo dây. Nghe chừng điều hết chao, lên cao dần, đến lúc vào gió, mới thông thả cánh tay. Lên đến gió trên thì coi như cái điều oai hùng đứng thành thời một mình giữa trời. Đến chập tối, cả lũ chúng tôi xúm vào kéo dây đưa điều về đồng cao, người lớn đóng cọc buộc lại cẩn thận, chắc chắn. Đêm mùa hè sáng trăng. Không nhìn thấy điều, nhưng sáo chiêng rúc đổ hồi tù và, sáo đầu rền vang, sáo còi lạnh lạnh nỉ non thì thành rõ như nước nở trong tai, đêm ngủ còn nằm mơ nghe sáo. Bây giờ cái điều lẫn bóng trăng, cả lũ đổ nhau đưa nào nhìn thấy.

Chúng tôi ngồi quanh cọc dây, ngẩng đầu, cố tìm. Chỉ có trẻ con tò mò, còn ông tôi, bác hương Cang và mấy người lớn cởi trần ra, uống rượu. Thức nhắm là một rổ ốc vặn luộc ban trưa lên hồ Tây xúc được một mẻ. Chúng tôi cũng nhể ốc ăn rồi kèn ra nằm nghe sáo điều, có đứa ngủ trong tiếng sáo ngay trên bãi cỏ. Sáng ra trở dậy, chỉ còn trơ mấy thằng trẻ con lăn lóc. Từ gà gáy, bác hương Cang đã cuộn dây thu điều xuống. Sáng sớm ai nấy lại mỗi người một việc, vào khung cửi, đi chợ. Đến chiều đem điều ra thả, cuộc chơi lại như đêm qua trong sáng trăng.

Ông tôi và bác hương Cang mất đã lâu. Không còn ai trong làng giỏi chơi điều sáo. Nhưng tôi vẫn nhớ tiếng sáo chiêng, sáo đầu, sáo còi đổ chiêng, đổ trống, đổ còi vi vu trên cánh đồng giữa ánh trăng.

(Tô Hoài, Chuyện cũ Hà Nội, nxb. Hà Nội, VN, 2000, tr. 404-409)

Ba bài viết ngắn về Tô Hoài Vương Trí Nhàn

Ở các nhà trường hồi tôi đi học người ta thường đưa ra một luật lệ của sự sáng tác: hãy xây dựng điển hình. Về một giai cấp, một tầng lớp, một con người hãy cố tìm ra một hình ảnh duy nhất. Như tạo ra một bức ảnh thờ vậy.

Nhưng về sau đọc rộng ra, tôi thấy có một thứ lý luận khác và tôi rất thích, tôi cho là nó phát huy hết sức mạnh của người viết. Để hiểu về một con quạ, văn chương cần đưa ra 11 hình ảnh khác nhau, và bạn đọc sẽ từ đó hình dung ra hình ảnh thứ 12, đó là con quạ của họ.

Trong phê bình cũng vậy. Với mỗi nhà văn, người phê bình có thể đưa ra nhiều hình ảnh khác nhau, và tổng hợp lại bạn đọc sẽ tìm thấy hình ảnh nhà văn của mình.

Về Tô Hoài, tôi đã viết hai bài tổng hợp, một là *Tô Hoài và những nghiêm chỉnh của kiếp phù du*, in trong *Cây bút đời người*, 2002 và hai là bài ghi chép *Tô Hoài nhìn từ một khoảng cách gần*, đã in trong tạp chí *Nhà văn*, 2009.

Cả hai bài trên, cùng với một loạt bài khác, đã đưa vào blog này. (xem trang mặt của blog, mục *Chân dung nhà văn*)

Nhưng trong quá trình làm việc, tôi còn một số bài khác, ít được đọc hơn, xin giới thiệu dưới đây.

Con mắt Tô Hoài bóng dáng Nguyễn Tuân

Khi được mời viết hồi ký, không ít nhà văn ở ta thích trả lời: Khi nào già tôi sẽ viết. Nhưng trong phần lớn trường hợp, họ không giữ được lời hứa. Hoặc già, theo nghĩa đen, không đủ sức thực hiện ý định. Hoặc già theo nghĩa rộng, già cả, cũ kỹ đi, chỉ sợ người ta quên, nên khi viết ra sức tô vẽ cho mình. Những thiên tự thuật kiểu đó đánh mất đi gần hết giá trị chúng có thể có.

Về phần mình, Tô Hoài quan niệm hơi khác. Ông viết hồi ký từ khi còn rất trẻ. Cuốn *Cổ đại* ra đời năm 1944 khi ông mới 24 tuổi.

Bước sang tuổi năm mươi, ông công bố *Tự truyện* (in báo từ 1971, in thành sách 1978, từ đó về sau nhiều lần tái bản). Nay ở tuổi bảy mươi, ông lại có *Cát bụi, chân ai*. Sống đến đâu, viết đến đó - dường như ông muốn nói vậy. Và các cuốn hồi ký của ông chỉ tự nó trần trần đối diện với bạn đọc, người viết ra nó không cần nhân danh tuổi già, nhân danh năm tháng, kinh nghiệm để... "bất nạt" ai cả.

Một cách nhìn, một cách viết

Thông thường ở ta hồi ký được hiểu là những cuốn sách người viết tự kể về đời mình. Có nói về những người khác cũng là nhân tiện mà nói, nói tạt ngang cho đậm câu chuyện. *Hồi ký* của Đặng Thai Mai hay *Những năm tháng ấy* của Vũ Ngọc Phan. *Từ bến sông Thương* của Anh Thơ hay *Bốn mươi năm nói láo* của Vũ Bằng v.v đều chung một kiểu viết như vậy. Cho tới *Tự truyện* Tô Hoài cũng không ra ngoài thông lệ vốn có.

Chỉ tới *Cát bụi, chân ai*, nhà văn mới tạo cho thể tài một sự xô đẩy nho nhỏ. Khi còn trích in trên báo, người ta tưởng đây là loại hồi ký với nhiều chân dung liên tục xuất hiện, trong đó, mỗi người bạn từng đi lại thân quen với tác giả được ông dành riêng một chương: Nguyễn Bính, Nguyễn Hồng, Xuân Diệu. Nhưng đọc cả quyển mới vỡ lẽ ra Tô Hoài viết về Nguyễn Tuân là chính, chẳng qua học theo A. Malraux (trong *Phân hồi ký*) ông cũng gặp đâu viết đấy, nên ngồi bút mới đôi khi sa đà viết thêm về những người khác ít trang. Vẫn là hồi ký - chân dung, nhưng *Cát bụi chân ai* là bức tranh truyền thần khuôn mặt Nguyễn Tuân, như Tô Hoài được

biết, một thứ Nguyễn Tuân nhìn gần ở khoảng cách rất gần, không bị tô vẽ, bị thiêng liêng hoá, có điều không vì thế mà mất đi vẻ khả ái và nhất là những nét đáng thông cảm.

Chỗ giống người của "kẻ khác người"

Tuy luôn luôn không quên điểm xuyết đôi nét về con người Nguyễn Tuân giai đoạn tiền chiến, thậm chí đi ngược lại mãi về một thời rất xa, khi Nguyễn Tuân cùng một người bạn định trốn qua Xiêm theo đường Campuchia rồi bị bắt, nhưng trên nét lớn, *Cát bụi chân ai* là để nói về cuộc đời dần thân của Nguyễn Tuân như Tô Hoài biết từ sau 1945 tới nay. Đường đời sự nghiệp khác nhau, tâm tính càng không giống nhau, vậy mà giữa hai người đã có chung bao kỷ niệm. Hồi kháng chiến chín năm ở chiến khu sống chung trong một cơ quan đầm ấm, thân mật. Lần theo bộ đội vượt sông đánh đồn. Những năm tháng sau hoà bình 1954, đời sống văn nghệ Hà Nội ngồn ngàng bao chuyện. Dăm chuyến đi dài lên các tỉnh miền núi phía bắc những năm chống Mỹ hào hứng, lý thú cũng có, mà giá lạnh đơn độc cũng có. Ai người quen nghĩ Nguyễn Tuân khinh bạc, ích kỷ nghênh ngang tự thị sẽ tìm thấy ở đây, qua những chi tiết rất thật, những giây phút Nguyễn Tuân cũng rất nồng nàn quý trọng tình nghĩa, cũng chỉ chút trong từng việc nhỏ của đời sống gia đình và của sinh hoạt văn nghệ. Hơn thế nữa, Nguyễn Tuân cũng yếu đuối, cũng làm dáng, điệu bộ, và cũng biết sợ như bất cứ ai. Cái tài của Tô Hoài trong cuốn hồi ký này là ở chỗ phác ra rõ rệt những nét độc đáo trong tính cách Nguyễn Tuân - một câu tiêu biểu "Ồ hay, người ta ra người ta thì phải là người ta đã chứ" (tr. 7) - song vẫn cho thấy tác giả *Vang bóng một thời* thực ra rất gần với chúng ta, với tất cả những phiên luy tầm thường, những hy vọng dang dở, những trái khoáy vô lý... của kiếp người. Đã bước trong đời thì hỏi ai kia, chân người rồi cũng lẫn trong cát bụi như mọi chúng sinh mà thôi, nhất định là thế, không thể nào khác, không phải vì thế chúng tôi xa lạ, ngược lại, cát bụi khiến chúng tôi thêm gần gũi với người biết mấy!

Niềm cảm khái cuối cùng

Nhưng dẫu sao, *Cát bụi chân ai* vẫn là một cuốn hồi ký. Dù bóng dáng của Nguyễn Tuân có trùm lên cả quyển sách, thì cạnh đấy, vẫn hiện lên mòn một cái bóng dáng chính của người viết, một Tô Hoài lịch lãm, ý nhị, bất vờ hết các bậc đàn anh, biết thóp đủ mọi chuyện, khinh bạc, đáo đẽ, song cũng lại biết thiết tha với từng chi tiết trong cuộc sống hàng ngày, lại càng tha thiết trước một chén rượu quý, mấy câu tâm sự băng quơ, những lá thư cảm động. Công bằng với Nguyễn Tuân cũng tức là Tô Hoài có được công bằng với giới văn nghệ. Dẫu sao, những người này cũng đã có mặt trong suốt cuộc đời tác giả, cùng ông chia sẻ vui buồn, và suy cho cùng, giá mà chẳng tốt hơn, thì họ cũng chẳng xấu hơn những người khác. Với sự chính xác của một thứ bộ nhớ điện tử, đầu óc Tô Hoài thường khi nhớ lại vệt vãnh đủ chuyện. Ngòi bút ông sau những khoáng đạt chơi với với những cảnh tượng hùng vĩ ở miền núi, lại thân nhiên, thủng thẳng, mà vẫn không kém sinh động, quay về dựng lại những phút vắng lặng trong câu chuyện mấy bạn tri kỷ, giữa một hàng quán xô bồ của chốn thị thành.

Còn như cảm hứng cuối cùng về cuộc đời? Ở cuối chương *Một chặng đường* (in trong *Tự truyện*) Tô Hoài viết: "*Trên sóng cát cuộc đời, mình đã từng sống cái kiếp phong trần, vào đâu nên đấy, của con phù du*". Ở cuối *Cát bụi chân ai* lại vẫn cái giọng mệt mỏi và biết điều ấy "*Tôi ngồi lại đây trông vào mặt mùng nhìn thấy xa lác xa lơ một thời đã qua. Âu cũng là cái nhộn nhạo được khuấy động chốc lát*". Tiếp đó là cái hình ảnh có sức khơi gợi: "*Bãi tắm Cát Cò. Hai bên vách đá thâm đen, không có bóng người. Con kỳ đà đứng đỉnh bờ ra giữa đường hầm, bạnh mang, rướn chân nhìn quanh rồi lại nép vào mép những tảng đá... Vết chân người lẫn chân con kỳ đà in vân vân trên cát*". Một chút hư vô bàng bạc ở đây chỉ làm rõ thêm ấn tượng đã toát ra từ cả cuốn sách, ấy là dù hay dù dở thì tác giả cũng đã viết nó bằng sự thành thực và toàn bộ kinh nghiệm sống của mình, nên chi, nó đáng được đối xử một cách trân trọng và cả độ lượng nữa.

In trên *Thể thao và văn hóa*, 1993

Một nhà báo Hà Nội

Không kể thời gian kháng chiến chống Pháp và không kể những đợt đi công tác ngắn ngày, thì từ nhỏ đến giờ, Tô Hoài luôn luôn sống ở Thủ đô. Tính đến đầu 1985, ông từng viết 43 cuốn sách về Hà Nội. Ngoài sáng tác văn học, có lúc ông còn trực tiếp làm công tác đường phố. Hiện Tô Hoài đang là chủ tịch Hội Văn nghệ Hà Nội.

Những chi tiết ấy nhiều người đã biết, cũng như phần lớn chúng ta đã biết hai chữ Tô Hoài là do *Tô Lịch* và *Hoài Đức* ghép lại. Một người như Tô Hoài mà có viết nhiều về Hà Nội là chuyện đương nhiên! Giữa Thủ đô và một đời như đời văn của Tô Hoài, quả là có một mối quan hệ đặc biệt.

Tô Hoài hay kể: ông đến với nghề văn một cách rất giản dị, và bước đầu vào nghề, không thấy có gì mới lạ hơn, so với những nghề khác, như nghề bán giày ở một đại lý cho hãng *Bata* hay nghề dạy trẻ học mà bạn bè ông thường làm. Đại khái một lần, đi phủ hộ đê, thấy cảnh canh đê, “trống giục trống dồn”, “người lớn và trẻ con rúc ráy bên vệ cỏ” Tô Hoài liền viết truyện *Nước lên* gửi đăng ở *Hà Nội tân văn* của Vũ Ngọc Phan.

Nếu có thể nói vào nghề, có nghĩa là viết truyện in ra được trả tiền cẩn thận thì Tô Hoài vào nghề bằng truyện ấy. Có điều, khi đến với nó, ông vẫn có được sự bình thản, không cuống lên vì hoang tưởng, không quá choáng ngợp.

Ở đây, có những lý do thuộc về cá tính riêng của Tô Hoài. Nhưng một phần quan trọng khác cũng là do hoàn cảnh. Ông lớn lên và đi học ở quê ngoại vùng Nghĩa Đô. Từ nhỏ, không những đã quen với *Kiều*, ca dao, mà còn quen với *Tứ dân văn uyển*, *Văn đàn bảo giám*, và các loại truyện dịch *Chinh đông Chinh tây*, *Tam hạ nam đường*... Dù là gia đình chỉ làm nghề thủ công, nhưng bước vào tuổi thanh niên, Tô Hoài cảm thấy không có gì xa lạ với mọi tờ báo ở Hà Nội, và Sài Gòn lúc ấy: *Nước non*, *Cậu ấm*, *Mới*, *Tiểu thuyết thứ năm*, *Tiểu thuyết thứ bảy*.

Mới hai mươi một tuổi, ông đã viết câu chuyện nổi tiếng về chú Dế Mèn, trong đó cảnh bờ sông Tô Lịch với những vườn nhãn, ao chuôm, con gà ri, đôi chuột bạch... là những khung cảnh gần với ông ở làng Nghĩa Đô của ông. Cả tư tưởng của một chàng thanh niên mới lớn lên, thích sống độc lập lại cũng thích phiêu lưu như ông diễn tả trong *Dế mèn*... đều là tư tưởng bao trùm trong nhiều thanh niên thời kỳ 1940-41.

Tô Hoài lại sớm viết hồi ký. Trong tập *Cổ đại* in ra từ 1944, ông lấy chuyện gia đình, họ hàng mình để kể. Gần đây (1978), Tô Hoài có tập *Tự truyện*, kể lại những bước đường tư tưởng của mình khi mới đến với nghề văn.

Óc quan sát tinh tế và tỉ mỉ đã giúp cho Tô Hoài nhớ và ghi được nhiều chi tiết về cuộc sống ở Hà Nội. Ông đính chính hộ nhiều người những cái nhầm lẫn, vì như nhiều người cứ nghĩ chung quanh Hồ Gươm: nhiều liễu, hoá ra bây giờ còn mỗi một cây, v.v. Ông lại giúp cho chúng ta tự tìm hiểu thêm về những địa điểm trong sinh hoạt thành phố (chẳng hạn, tại sao gọi là Vườn hoa canh nông?). Rồi, nguồn gốc nem cuốn ở đâu? Nghề làm giấy ở Bưởi đòi hỏi người thợ thủ công trước đây phải khéo léo, vất vả thế nào?

Xét về thời gian lịch sử, ta thấy Hà Nội đã được Tô Hoài theo dõi liên tục, từ khi Pháp mới sang (*Quê nhà*) cho tới những năm ba mươi, bốn mươi và kết thúc bằng Cách mạng tháng Tám (*Mười năm*). Đó là phần ngoại thành, vùng Nghĩa Đô, Bưởi và quá lên vùng Cầu Giấy, Từ Liêm, Hoài Đức, Tô Hoài rất quen.

Về nội thành, những xóm rác ven hồ Bảy Mẫu cũ, đầu hoà bình lập lại được ông phác qua trong *Những ngõ phố* và một số nét sinh hoạt Hà Nội hồi đánh B52 được ông vẽ nên trong *Người đường phố* (cả hai tiểu thuyết đều được in ra 1980).

Viết về ngoại thành, ngòi bút ông lui tới một cách thoải mái đã đành. Ngay viết về nội thành, Tô Hoài vẫn rất ung dung. Ông không hay tả Hà Nội nhà cao cửa rộng. Trước cách mạng, khu nội thành được ông miêu tả như một nơi không thiếu gì chuyện nhảm nhí, nơi có nhiều nhân vật rất kỳ cục, nào me tây, nào nặc nô hiệu cầm đồ, đủ thứ. Từ 1954 đến nay, bà con hàng phố sống với nhau gần gũi, đầm ấm như người trong một gia đình. Thành phố nhấp nhô những dãy nhà

một tầng thấp, bên trong mỗi nhà xanh lên những giàn hoa lý, cây cảnh, cây, cây hoa mộc trong chậu.

Thành phố với những mái lợp phi-brô xi mắng trắng, hay những miếng giấy dầu đen nhoáng, cạnh cửa sổ vài hoa treo dò phong lan tai trâu xanh dày... Đây là Tô Hoài trực tiếp tả. Một đoạn khác (trong *Người đường phố*) ông còn để cho một nhân vật nói thẳng:

- Kê chợ mà đủ phố Hàng Bừa, Hàng Bún, Hàng Mụn, Lò Rèn... tức là cái gốc nhà quê rõ rồi.

Cái gốc nhà quê này của Hà Nội không làm cho nhân vật khó chịu. Trái lại, họ nói thế, dễ dàng thấy gần với Hà Nội hơn, cái Hà Nội là của mình, và cùng với tác giả, tìm ra vẻ đẹp của phố xá. Nhân vật chính trong bút ký *Nhớ quê* của Tô Hoài là một thanh niên Hà Nội đứng vào đội quân Nam tiến, và nghĩ trong lúc này: “Chúng ta còn ở Hà Nội làm gì?”

Trong tiểu thuyết *Những ngõ phố*, người đọc lại bắt gặp một trường hợp khác, một gái nhảy của Hà Nội cũ, nay đi tham gia xây dựng các công trường ở miền Tây Tổ quốc, và nghĩ rằng phải đi xa, cái tình của mình với Hà Nội mới trọn vẹn.

Bản thân Tô Hoài cũng vậy. Chúng ta đã nói bao giờ “hộ khẩu chính” của ông cũng là Thủ đô, nhưng từ trước cách mạng ông đã có nhiều chuyến giang hồ vật, đi khá xa, tận Huế, Sài Gòn. Bây giờ, ông còn bay đi xa hơn. Ngoài Hà Nội, ông còn một vùng quê nữa để viết là các tỉnh miền núi Tây Bắc, Việt Bắc. Hai cái chất thật đối lập nhau, *Hà Nội* và núi rừng. Nhưng với Tô Hoài, hai nơi đó đều gần gũi tự nhiên, như đâu cũng là quê ông. Thành thử lại có thể nói về phương diện nữa của chất Hà Nội trong Tô Hoài: Khả năng thích ứng mạnh mẽ. Có cảm tưởng đi đâu ngòi bút ông cũng hoạt động được. Tô Hoài thật đã giống như bao nhiêu người có thời gian ở Hà Nội rồi, thì đi đâu cũng khéo gây dựng cơ nghiệp, sắp xếp nhà cửa, khiến cho cuộc sống mình được nên cơ ngơi, gia đình mình trở thành có nền nếp.

Bao nhiêu người Hà Nội, sau những năm kháng chiến ở lại Việt Bắc, hay Nam Định, Thanh Hoá đã sống như thế. Lại bao nhiêu gia đình ngoại thành Hà Nội, đi xây dựng miền núi, những năm sau 1954, đã sống như thế.

Chúng ta vừa nói Tô Hoài đến với nghề một cách bình thản. Nhưng sau khi đã có một quan niệm sòng phẳng thế rồi, nghề văn ở Tô Hoài lại được nhìn nhận khá tỉ mỉ. Nói đây là chuyện để cả đời người ta làm, cũng không phải quá đáng. Từ chuyện lần đầu người ta ăn, người ta mặc thế nào, đến chuyện suy nghĩ tư tưởng một thời... đều phải lắng nghe, để mắt tới. Lúc nào cũng lo tích lũy, nhặt nhạnh. Và viết, viết rất đều tay, không chờ cảm hứng, không viết theo những cơn nóng lạnh bất thần. Chẳng hạn ai đã làm nghề văn đều biết, gọi chung là viết, nhưng công việc rải ra đủ thứ, người chuyên viết ngắn, người chuyên viết dài, người chỉ sáng tác cho người lớn đọc, người thâm canh ở khu vực viết cho thiếu nhi. Thậm chí, nói đến cùng, cũng phải thấy là trong nghề người ta hay có thành kiến: Việc này người mới vào nghề mới đáng làm, người lâu năm trong nghề không nên làm. Việc này dở, việc kia mới sang trọng v.v... Tô Hoài không thế, ông viết đủ thứ, miễn thấy cần làm là làm, không chọn việc. Đây chính là một đặc điểm của ngòi bút Tô Hoài, nó khiến cho nhiều người nhìn ông phải khâm phục. Nói cho đúng ra, trong cái việc mà chúng ta gọi một cách quy ước là “làm nghề” chăm chỉ, thành thạo, ở Tô Hoài không phải chỉ có sự đều tay, sự chuyên cần, mà còn có cái mau mắn duyên dáng, nó khiến cho ông cả khi viết những tiểu thuyết dài lẫn những bài báo ngắn đều có được cái giọng riêng. Những khi phải tả Hà Nội, Tô Hoài vừa có cái kỹ lưỡng từ trong nói ra, lại có cái tươi mới như vừa gặp vừa thấy.

Sở dĩ như vậy, theo tôi, một phần do trước sau Tô Hoài vẫn giữ được cái hóm, cái nghịch cần thiết cho những “Người ven thành” luôn luôn phải đi lên thành phố để làm đủ các loại việc, rồi ít ngày sau, lại bỏ đấy, bắt sang những công việc khác, mà lúc nào cũng giữ được cái thể của người đứng ngoài, đứng hơi xa một chút, để nhận xét cho thấu đáo, lên thành phố, những người này phải rất hoạt bát để bán được hàng, tìm được việc, mà lại khỏi bị những người hàng phố lừa. Và lên đấy phải nghe ngóng, tích lũy, phải có nhiều điều tai nghe mắt thấy, để về còn kể cho bà con hàng xóm, hoặc con cháu trong nhà. Bởi vậy, nên cái chân dung thành phố do những con người này vẽ nên bao giờ cũng tươi mới, giàu chi tiết, kích thích sự tò mò của người khác.

Trong cuốn *Người đường phố* trên kia đã nhắc (cũng như trong nhiều tập sách khác, trong đó có *Chuyện cũ Hà Nội*) Tô Hoài kể ra một số vùng ngoại ô với những nghề nghiệp cha truyền con nối, lên làm ăn ở thành phố. *Cổ Nhuế*, thợ may, hàng thêu; *Thủ Lệ*, giặt là; *Lai Xá*, thợ ảnh; *Thanh Nhàn*, cắt tóc; *Thụy Khuê*, xôi lúa, quà vật v.v... và v.v... Quả ngoại ô Hà Nội là một “thế giới” phong phú. Trong “thế giới” đó, cũng có sự phân công lao động rất tỉ mỉ, khiến cho từng người làm nghề trở thành những người nghệ sĩ tài hoa và hết lòng với nghề, được mọi người kính trọng. Từ các làng xóm chung quanh nội thành, người đi viết văn, viết báo xưa nay không phải ít, nếu kể ra các vùng quê mới cắt từ Bắc Ninh, Hưng Yên, Sơn Tây, Hà Đông để nhập vào Hà Nội, thì số tác giả của Thủ đô thật là nhiều. Song có lẽ chỉ có Tô Hoài là mang được cái chất riêng của vùng đất mà mình đã từ đó trưởng thành. Và giữ được cái chất đó, trong suốt cuộc đời cầm bút.

Đã in trong *Một số nhà văn VN hôm nay với Hà Nội* 1986

Một chặng đường lịch sử

I

Nhiều nhà văn Việt Nam hiện đại sống và làm việc gần như trong suốt thế kỷ XX, có thể nói là cuộc đời của họ vắt ngang cả một thế kỷ văn chương: Nguyễn Công Hoan 1903 -1977, Tú Mỡ 1900 -1976, Hoài Thanh 1909 – 1982, Nguyễn Tuân 1910 -1987, Xuân Diệu 1916 – 1985...

So với những nhà văn ấy, Tô Hoài (sinh năm 1920) xuất hiện trên văn đàn có phần muộn hơn, nhưng ngay từ những năm bốn mươi, ông vẫn kịp viết ra hàng loạt tác phẩm như *Đế mèn phiêu lưu ký*, *Quê người*, *Cổ đại*... khiến cho các nhà nghiên cứu văn học không thể không nhắc nhở đến tên tuổi ông mỗi khi nhắc đến cái thuở gọi là văn học tiền chiến.

Từ sau 1945, mạch sáng tác của ông giữ được liên tục, dù giữa núi rừng Việt Bắc hay hoà bình trở về Hà Nội, sách ông vẫn in ra đều đều. Cho tới những năm chín mươi, tức là khi đã ngoài bảy mươi, ngoài số sách cũ được tái bản, Tô Hoài còn cho in các tập hồi ký *Cát bụi chân ai*, *Chiều chiều*.

Sự có mặt của những cuốn hồi ký này, cùng là vô số bài báo mà ông vẫn viết cũng như các hoạt động xã hội mà ông tham gia khiến cho người ta cảm thấy Tô Hoài luôn luôn hiện diện và là một tiếng nói một bộ phận không thể thiếu trong đời sống văn học đương thời.

Vào những ngày này, Tô Hoài đã qua cái tuổi mà dân gian gọi là thượng thọ. Trong vẻ bình thản của tuổi già, ông vẫn gắng viết và dành nhiều thì giờ hơn cho việc suy nghĩ chiêm nghiệm đời sống.

II

Nghĩ tới Tô Hoài, người ta nhớ ngay tới một vùng đất mà ngay từ khi mới đến với nghề văn ông đã trở đi trở lại với nó, đã viết về mọi mặt sinh hoạt ở đó kỹ càng tỉ mỉ. Đó là vùng đất phía bắc thành phố mạn gần chợ Bưởi, với mấy làng nghề như Yên Thái làm giấy, Trích Sài Bái Ân nổi tiếng trong nghề dệt lĩnh...

Với Tô Hoài, làng Nghĩa Đô tuy chỉ là quê mẹ song đây là nơi ông lớn lên. Ngôi nhà của ông ngoại. Những cây hồng bì đậu cúc tần. Tiếng kéo kẹt của khung cửi bên hàng xóm, tiếng rao xa xôi của bà bán kẹo mạch nha... Tất cả những cái đó làm nên một tuổi thơ đầy ấn tượng mà mỗi lần có dịp về quê ông hai ông bà (bà Tô Hoài cũng là người làng) thường cùng nhau ôn lại với những cảm giác vui buồn lẫn lộn.

Từ thuở nào đến giờ những làng xóm này những cuộc đời này chưa một lần được miêu tả trong văn học. Thời xưa, người ta chỉ biết đến những câu ca dao hoặc một ít truyện nôm ở đó con người soi mãi mới thấy bóng mình. Chỉ từ đầu thế kỷ XX, với việc xã hội sống theo nếp hiện đại, và chữ quốc ngữ được dạy thay cho chữ nho, sách báo quốc ngữ trở nên phổ biến, thì mọi mặt đời sống mới bắt đầu được chụp hình lại được khắc hoạ như vốn có trong thực tế.

Truyện ngắn truyện dài của Tô Hoài cũng như nhiều tác phẩm của các nhà văn đương thời đã trở thành những tài liệu xã hội học có giá trị.

Điều Tô Hoài có thể tự hào là khung cảnh quê hương qua những trang viết của ông đã trở thành bất tử.

[*Hình ảnh trên phim—Tô Hoài bên một bức tường đá ong*]

.... Cũ kỹ xù xì nhưng chắc chắn, những bức tường như thế này như tượng trưng cho cuộc sống trầm tĩnh mà lăm lăm đa đoan của cả một vùng quê ngoại thành. Cả cuộc đời một nhà văn tưởng như tìm mãi viết mãi mà không bao giờ nói hết được những bí mật chứa trong đó.

III

Bên cạnh các làng xóm ngoại thành Hà Nội, nếu cần nói tới một vùng đất nữa trở thành đề tài thường xuyên trong các trang sách của Tô Hoài thì đó là vùng miền núi Tây Bắc Việt Bắc. Chúng ta biết rằng ngay từ trước 1945 nhà văn này đã có chân trong văn hoá cứu quốc, một tổ chức thành viên của Mặt trận Việt minh chuẩn bị cho Cách mạng tháng tám. Những năm tháng ngay sau Cách mạng, Tô Hoài trở thành phóng viên của báo *Cứu quốc* và khi nổ ra cuộc toàn quốc kháng chiến ông đã cùng với anh em trong toà soạn di chuyển cơ quan lên Bắc Cạn lo ra báo tiếp tục.

Có thể nói việc viết về miền núi sớm được Tô Hoài đảm nhận xem như một công tác được Cách mạng giao phó.

Nhưng đứng ở góc độ một nhà văn thì viết về miền núi cũng là một công việc mà Tô Hoài sớm tìm thấy niềm hứng thú. Khi đã xác định cho mình cái lẽ sống lâu dài với trang sách, cầm bút như một nghề nghiệp, ông muốn chứng tỏ rằng ở đâu mình cũng viết được. Ai đó từng nói lý do tồn tại của một ngôi bút nhiều khi chỉ đơn giản là ở chỗ ngôi bút ấy *lạ hoá* đời sống tức biết nhìn chung quanh bằng cái nhìn mới mẻ như người ta mới trông thấy lần đầu, và Tô Hoài chính là một minh chứng cho nhận xét này. Càng đến với những vùng đất lạ, lòng ham sống ham để ý quan sát ở ông càng được huy động một cách ráo riết. Tấm vải thô hiện dần lên bên khung cửa thân yêu mà người phụ nữ miền núi đang ngồi dệt. Chiếc mõ trâu ngẫu nhiên cầm trên tay. Những bước chân uyển chuyển trong một đêm xoè. Niềm say sưa mà mọi người cùng chia sẻ khi ngồi trước vò rượu cần... Tất cả, tất cả đều là những đối tượng được trí nhớ ông ghi nhớ cẩn thận để sẽ có lúc, bằng sự sinh động của ngôn ngữ, diễn tả chúng trên trang giấy.

Khi bước chân trên những con đường vắng vẻ của đồi núi hay từ khung cửa nhìn ra làng bản xa xăm, trong tâm trí ông thức dậy bao suy nghĩ về cuộc sống tự nhiên của con người. Nếu trước đây từ cuộc sống của người thợ dệt trong *Quê người*, *Xóm giếng* đến cuộc sống của mấy chú ngan con gà trống ri đôi chuột bạch trong *O chuột* -- ông đã phác hoạ người và cảnh vùng quê Nghĩa Đô với đủ vẻ tiêu điều tan nát thì nay qua những Triệu Văn Khìn, Vừ A Dính, Kim Đồng, cô Ính, anh Sạ, vợ chồng A Phủ... ông tìm thấy và muốn làm lây truyền sang bạn đọc những khao khát cháy bỏng trong con người một thời : tháo gỡ hết mọi ách áp bức, làm lại cuộc đời.

IV

Mặc dù bị hạn chế bởi bút pháp ước lệ và tượng trưng của văn học trung đại phương Đông song trong các thế kỷ trước, Thăng Long Hà Nội đã được nói tới trong tác phẩm của các nhà văn nổi tiếng : Phạm Đình Hồ có *Vũ trung tùy bút*, Hải Thượng Lãn ông Lê Hữu Trác có *Ký sự lên kinh*, cả Nguyễn Du cũng có bài thơ nổi tiếng nói về người gầy đàn ở đất Thăng Long.

Bước sang thế kỷ XX, Hà Nội càng hay được nói tới một cách trực tiếp và nhiều vẻ. Qua những trang sách của Thạch Lam Nguyễn Tuân Vũ Bằng chúng ta được biết có một Hà Nội tài

hoa lịch lãm cũng như qua Nguyễn Huy Tưởng chúng ta sống lại nhiều giây phút hào hùng của Thủ đô lịch sử. Tô Hoài đóng góp ở cái phần khác. Hà Nội trong ông hiện ra với tất cả cái vẻ bình thường của một nơi kẻ chợ, tuy không phải vì thế mà mất đi vẻ thơ mộng đáng yêu.

Ta cũng không nên quên rằng làng quê Tô Hoài là một vùng có truyền thống văn hoá lâu đời. Trên những trang sách của ông, Hà Nội có hiện ra với nhiều đình chùa hội hè, những phong tục độc đáo và thú vị, những chợ búa cầu quán rêu phong... thì cũng là điều dễ hiểu.

Hà Nội vừa cổ kính vừa năng động, qua một thế kỷ Hà Nội từng hiện ra với hàng trăm bộ mặt khác nhau và ngòi bút Tô Hoài như cũng bươn bả để tìm cách theo kịp cuộc sống vùn vụt thay đổi của thành phố. Trước sau riêng về Hà Nội ông đã có tới cả chục tập sách. Và nếu như có dịp đặt chúng bên nhau người ta sẽ nhận ra một nét đặc biệt trong tình yêu của nhà văn này với vùng đất thân yêu của mình : ông đã để tâm tìm hiểu suy nghĩ không chỉ về Hà Nội hôm nay mà cả Hà Nội trong nhiều giai đoạn lịch sử.

Hà Nội thời người Pháp mới sang và những người dân ở các làng xóm ven thị tập hợp nhau lại để chống xâm lược : *Quê nhà*

Hà Nội thời Pháp thuộc đời sống ổn định mà cũng là đang tàn lụi : *Quê người*

Hà Nội những năm chuẩn bị Cách mạng tháng tám : *Mười năm*

Hà Nội những năm sau hoà bình 1954 : *Những ngõ phố, người đường phố*

Hà Nội thời chống Mỹ : *Chiều chiều*

Hà Nội những năm từ sau 1985: các truyện ngắn như *Tình tình gió bay, Người một mình...*

Tưởng như còn viết ông còn khơi ra được những tầng đất trầm tích nằm sâu trong lòng Hà Nội.

V

Sự lịch lãm từng trải vốn là một yêu cầu có tính chất sinh tử thường được đặt ra với mọi người viết văn và Tô Hoài rất hiểu điều này.

Trong giới cầm bút thời nay ông nổi tiếng là một người đi nhiều.

Lúc trẻ đã ham đi, về già vẫn ham hồ muốn đi, ông từng để lại dấu chân trên đủ mọi miền đất nước.

Để rồi, sau những chuyến đi ấy ông lại trở về với thành phố thân yêu của mình.

Hai ba chục năm trước, thuở Tô Hoài còn gọi là trẻ, và vĩa hè Hà Nội còn rộng rãi đủ chỗ cho người đi lại, Tô Hoài (cũng như Nguyễn Tuân đã quá cố) thường thích đi bộ. Trầm tĩnh và tự nhiên, con người ông như lẫn đi giữa dòng người xuôi ngược.

Trong lòng Hà Nội, Tô Hoài sống với gia đình bè bạn. Cũng trong lòng Hà Nội, Tô Hoài trở về với cái giới sáng tác mà ông tự xem như một thành viên tích cực. Nhà văn này thuộc diện chơi rộng, bạn chuyện của ông thuộc đủ các ngành nghề thuật khác nhau.

Không có gì lạ nếu như trong số đồng nghiệp, người này thích văn ông người kia chê ông nhiều phen sa vào vụn vặt tầm thường, một người khác nữa không phục ông ở cái sự làm hàng, ai đặt cái gì cũng viết và cho rằng như thế có hại cho văn chương... Nhưng hầu như ai cũng phải công nhận đây là một ngòi bút tận tụy, một người sống trong nghề tự nhiên, như con cá bơi trong nước, hơn nữa lại có quan niệm riêng và tự tin sống theo cái cách mà mình đã chọn.

Khi ngồi với nhau, nhiều nhà văn ở ta thích khoe rằng mình viết theo cảm hứng và ngầm tỏ ý chê bai những ai chăm chỉ cần cù. Từ cách làm việc của Tô Hoài --- người vốn lớn lên ở một làng làm nghề dệt --- người ta thấy toát ra một điều : làm được người thợ thủ công trên trang giấy cũng thú vị lắm. Và chẳng cùng với sự viết, Tô Hoài thường còn tự nguyện khoác lên mình đủ thứ chức vụ trong Hội nhà văn cũng như có mặt trong nhiều hoạt động xã hội khác. Và chẳng trong lúc ấy Tô Hoài vẫn chơi vẫn hưởng thụ chẳng kém một ai. Đúng hơn có lẽ nên nói ở nhà văn này có cả một quan niệm rộng rãi về sự làm người, và ông đủ sức sống hết mình theo cái quan niệm mà ông tin tưởng.

VI

Trong hơn sáu mươi năm miệt mài sáng tạo, Tô Hoài bao giờ cũng dành một phần công sức và tâm huyết viết cho thiếu nhi. Ông đã viết loại sách này từ khi mới mười tám đôi mươi vừa bước vào nghề (*Đế mèn phiêu lưu ký*, *Võ sĩ bộ ngựa*), khi làm phóng viên báo *Cứu quốc* và theo bộ đội vào giải phóng Tây bắc (*Hoa sơn*, *Chiếc xe bí mật*), khi về Hà Nội trong nhiều năm đảm nhận công việc phó tổng thư ký Hội nhà văn (*Đảo hoang*, *Nhà Chữ*) và khi đã sang tuổi tám mươi (một trăm truyện cổ tích).

Có thể nhìn vào mảng sách viết cho thiếu nhi này để thấy một quan niệm nghề nghiệp của Tô Hoài : Ông không chê những việc nhỏ nhặt. Từng là tác giả của những bộ sách vài trăm trang song ông vẫn sẵn sàng đứng tên sau những tập sách mỏng mười lăm hai chục trang hoặc sẵn sàng viết lời cho những cuốn truyện tranh mỏng mảnh.

Thời trung đại, trong tâm trí những người cầm bút ở ta, viết cho thiếu nhi chưa thành một đầu việc. Bộ phận văn học này chỉ ra đời trong lòng xã hội hiện đại nghĩa là từ đầu thế kỷ XX trở đi, để rồi nhanh chóng thu hút được đóng góp dù ít dù nhiều nhưng đã là có của nhiều cây bút hàng đầu trong văn học Việt Nam... Trong đội ngũ khá đông đảo này, Tô Hoài thuộc loại viết nhiều nhất và trong một số trường hợp đã đạt tới trình độ có thể nói là bất tử như trường hợp cuốn *Đế mèn phiêu lưu ký* đã được dịch ra nhiều thứ tiếng. Nhà văn thường nhắc lại với bạn đọc nhỏ tuổi cũng như con cháu trong nhà : ở đây viết về giống vật mà thực ra là ông viết về con người với những mơ ước lành mạnh và sự học hỏi thường xuyên trên đường đời. *Đế mèn* sống mãi vì những tư tưởng nhân bản mà tác giả muốn thấm nhuần trong lòng mỗi bạn đọc ít tuổi cũng như nhiều tuổi.

VII

Những người có dịp cùng làm việc với Tô Hoài đều biết rằng nhà văn này thường có một vẻ ngoài chậm rãi, từ tốn. Tuy không đưa nghề chơi lên trình độ một công việc thiêng liêng như Nguyễn Tuân, song cũng có những lúc ông trầm ngâm bên một chén rượu hoặc nhẩn nha bên một lồng chim... Cả những lúc trở về tập bản thảo hoặc đánh bạn với những bộ sách dày cộp ông vẫn có vẻ thản nhiên như không.

Ấy thế nhưng đó là cái vẻ bề ngoài. Trên một trăm năm mươi đầu sách đã in và hàng ngàn bài báo đã viết làm chứng cho năng suất làm việc ghê gớm của ông. Lại như bạn bầu với sách vở, cái việc nhiều người cầm bút thời nay ngại ngần thì ông bao giờ sao nhãng, trong giới nhiều người đã biết rằng đây là một trong số ít nhà văn thượng vàng hạ cám cái gì cũng đọc. Ham đi ham sống thế nào thì sự đọc của Tô Hoài cũng quyết liệt như vậy. Đọc đến đâu tiêu hoá ngay đến đấy. Ông thường nhận viết các bài điểm sách ngắn để ghi nhận luôn những điều đã thu hoạch được cùng những nhận xét khi đọc.

VIII

Nhìn cái vẻ chăm chú của Tô Hoài khi tập theo những động tác thể dục cũng như khi lắng nghe một bản tin, người ta không khỏi kinh ngạc không ngờ một người đã ngoài tám mươi mà còn dẻo dai bền bỉ làm sao ! Song Tô Hoài là thế. Từ những trang viết thưở mười tám đôi mươi, nhà văn này đã có một giọng văn khá già dặn, ngược lại đến nay sau hơn sáu chục năm làm nghề, ông vẫn khiến cho người ta kính phục bởi trong chừng mực nào đó còn giữ được khả năng ngạc nhiên cùng là cái nhìn mới mẻ và tươi tắn của tuổi trẻ. Trong ông hội tụ những phẩm chất khác nhau đôi khi là trái ngược nhau : say mê đấy mà cũng tỉnh táo ngay đấy, tinh nhanh đáo để trong nhận xét song lại cũng rộng rãi trong cách nhìn người. Bắt tay vào việc, ông vừa biết làm vừa biết nghĩ, biết học người khác nhưng biết giữ lấy cách làm riêng của mình. Không coi việc gì là thường nhưng lại không xem việc gì quá quan trọng, lối nhìn ấy đã thành một bản năng quy định cách cư xử của ông. Bên cạnh sự thiết thực rất trần tục, ông

lại thường giữ được một thoáng hư vô nó khiến cho mọi việc với ông có được cái nhẹ nhõm và mau mắn nhiều người thấy thèm mà không học nổi. Trong chừng mực nào đó có thể mạnh dạn khái quát rằng cách sống cách nghĩ của những kiểu người như Tô Hoài mang trong mình nó cả những cái hay cái dở mà cuộc sống khắc nghiệt đã bồi đắp nên cho mỗi người dân khắp vùng đồng bằng Bắc bộ mà họ sinh sống.

IX

Ở ta, viết văn chỉ mới được coi là một nghề nghiệp từ đầu thế kỷ XX, tuy nhiên những người có cách hiểu đúng về nghề và thực sự là đã làm nghề trọn vẹn bền bỉ chưa phải là nhiều. Trong bối cảnh đó một sự hết lòng với nghề như Tô Hoài thật đáng ghi nhận. Luôn luôn ông có ý thức đặt cả đời mình vào việc cầm bút. Hoạt động của ông bao trùm trên một phạm vi rộng rãi, như người ta thường nói, mọi việc trong nghề từ A đến Z ông đều trải qua và có cách giải quyết của mình. Quen biết nhiều từng trải lắm quả thật có thể nói ông đã trở thành mộ cuốn từ điển sống của nghề văn. Qua các tác phẩm đã in của ông, mãi mãi người ta còn tìm thấy hình ảnh con người một thời, với tất cả những lo toan hàng ngày, sự phấn đấu của chúng ta cùng là những khó khăn những hạn chế hoàn cảnh đã đặt ra mà không ai trong chúng ta vượt qua nổi. Thời gian sẽ sàng lọc để chọn ra những gì tinh hoa Tô Hoài đã viết từ đó làm giàu thêm cho văn học Việt Nam. Điều có thể chắc là các thế hệ sau trong khi giải quyết những vấn đề đặt ra trong việc làm người và làm nghề của mình, khi cần tìm hiểu lại quá khứ có thể trở lại với những tác phẩm của Nguyễn Công Hoan, Ngô Tất Tố Vũ Trọng Phụng, Nam Cao... thì cũng có thể đọc lại Tô Hoài và đây là điều chính tác giả của những *Để mèn phiêu lưu ký, Miền Tây, Cát bụi chân ai, Chiều chiều...* cũng hằng ao ước.

Tô Hoài Nguyễn Đăng Mạnh

Tôi tiếp xúc với Tô Hoài rất sớm. Từ những năm 60 của thế kỉ trước. Nhưng mãi đến năm 2000, tôi mới viết được một bài về ông.

Tôi trước sau vẫn thế, khi viết về một nhà văn nào đó mà chưa hiểu tư tưởng chi phối một cách có hệ thống sự nghiệp sáng tác của ông ta, thì tôi không thể viết được. Về Tô Hoài, tôi cứ nghĩ mãi không biết tư tưởng của ông là gì. Nhiều tác phẩm của ông tôi thích, nhưng không tìm ra một tư tưởng chung. Tư tưởng Nguyên Tuân là lòng yêu nước, tinh thần dân tộc gắn với những giá trị văn hoá cổ truyền của dân tộc; Nam Cao là nỗi đau đớn trước tình trạng con người không giữ nổi nhân tính, nhân phẩm vì miếng cơm manh áo và cái chất hèn, chất nô lệ đã thấm vào trong máu không biết từ kiếp nào. Xuân Diệu là niềm khát khao giao cảm hết mình với cuộc đời trần thế này... Còn tư tưởng Tô Hoài là gì? Tôi lúng túng quá! Trong khi đó, Xuân Diệu có lần nói với

tôi: "*Tô Hoài nó chẳng có có tư tưởng gì cả. Nguyễn Đình Thi còn có tư tưởng, chứ Tô Hoài chẳng có tư tưởng gì*". Tôi lại càng hoang mang. Một nhà văn cỡ như Tô Hoài mà không có tư tưởng! Vô lý quá!

Hồi tôi biên soạn cuốn *Tổng tập văn học Việt Nam tập 30A, 30B* (1979, 1980), tôi có đến Tô Hoài mấy lần (ở Đoàn Nhữ Hài). Tôi có một anh bạn tên là Phan Ngọc Thu, phụ trách trung tâm nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn của Đại học Đà Nẵng. Anh đứng ra tổ chức các lớp bồi dưỡng chuyên môn cho các giáo viên PTTH chuyên văn ở miền Trung, miền Nam. Anh thường mời tôi và Tô Hoài vào giúp. Vì thế, tôi có dịp gặp Tô Hoài nhiều lần, khi ở Đà Nẵng, khi ở Bến Tre hay Long Xuyên...

Tôi để ý thấy Tô Hoài, ở đâu cũng thế, mua hết các báo chí hàng ngày để đọc. Cả báo trung ương và báo địa phương. Đọc cả những tin vặt vãnh linh tinh. Ông rất chăm đọc báo, nhưng không thích xem ti vi và phim ảnh, dù là phim *Vợ chồng Aphu* do ông soạn kịch bản. Ở khách sạn Long Xuyên có một cái núi non bộ lớn, người ta nuôi cá, nuôi khỉ, nuôi bò nông, cò, vạc... Cứ xích chân, xích cổ vào hòn giả sơn. Tôi thấy Tô Hoài cứ đứng hàng giờ quan sát các con vật và thỉnh thoảng lại phát hiện ra một điều gì lạ ở chúng, như chân con vạc nó thế nào đấy, hay con khỉ lại biết chơi trò thú dâm...

Thì ra Tô Hoài thích quan sát tỉ mỉ, phát hiện những cái lạ ở người hay những con vật tầm thường quen thuộc quanh ta. Cho nên ông viết nhiều về phong tục của người dân Nghĩa Đô, quê ông. Và trong thời kháng chiến chống Pháp, công tác ở Việt Bắc, ông thích viết về phong tục độc đáo của những dân tộc H' Mông, Mán... Phong tục, theo tôi, chính là những chuyện lạ đời thường của các dân tộc. Ông phát hiện người H' mông sinh hoạt có nhiều cái rất Tây: Váy áo như đầm. Gọt khoai, gọt củ, quay ngược lưỡi dao vào trong. Ăn bánh bột ngô để nguội hàng tuần như người Tây ăn bánh mì, dùng thìa gỗ hoặc bốc, không dùng đũa. Theo đạo tin lành. Ông đọc sách của Sabina nói người H' mông đi từ phương Tây, qua Đông Âu, Bắc á rồi bị dồn xuống phương Nam. Thuyết của Tàu thì cho người H' mông vốn ở vùng sông Dương Tử di cư xuống. Tô Hoài cho thuyết của Tây đúng hơn. Người Mèo rất kháu tính, bị xúc phạm là tự tử (bằng lá ngón). Nhà có con gái đẹp, thanh niên kéo đến quấy nhiễu đông quá, có khi ông bố đem súng ra bắn để giải tán. Thời Tây, công sứ Châtel thi hoa hậu chỉ thi con gái dân tộc thiểu số như gái Hmông, gái Mường, gái Mán... Tô Hoài, ở Hà Giang, đã gặp hai người đàn bà từng thi hoa hậu ở Hà Nội thời Pháp thuộc. Người Mán khi ăn xong, cả nhà tắm nước nóng rồi lại mặc quần áo cũ và đi đất. Về chuyện chợ tình Sa Pa, Tô Hoài cho biết, sự thực, đối với người Mèo, người Mán, chợ là nơi ăn chơi, nơi gặp gỡ người quen, trong đó có chuyện trai gái. Nay ta biến thành chợ tình. Rất nhảm!

Tô Hoài hay tả kỹ loài vật và cũng thấy ở chúng có lắm "phong tục" lạ như người vậy thôi. Sở trường tả loài vật, ở Tô Hoài, xét ra cũng nằm trong cảm hứng phong tục. Mà hình như về phương diện này, ông cũng chẳng phân biệt người hay vật. Trong tập truyện *O chuột*, ông viết về toàn loài vật quanh ta, nhưng lại xen vào đó một truyện về người (*Cu Lặc*). Truyện này Nguyễn Minh Châu rất thích. Ông kể chuyện Cu Lặc không khác gì con vật. Vợ chồng gặp nhau, lấy nhau do bản năng tình dục. Và họ bỏ nhau vì cả hai đều ăn khỏe quá, không sống nổi với nhau được.

Tô Hoài khác với phần lớn văn nghệ sĩ, không ngại làm những công việc sự vụ hành chính, những công việc vặt vãnh chẳng "văn chương" chút nào. Ông nhận đủ việc, từ đại biểu quốc hội, chấp hành Hội nhà văn trung ương, chủ tịch Hội văn nghệ Hà Nội, đến tổ trưởng khu phố. Việc gì cũng làm. Cũng đi tuần tra ban đêm, cũng đôn đốc "triệt để chó", cũng đến từng gia đình kiểm tra hồ xí hai ngăn... Về hưu, ông không sinh hoạt chi bộ ở cơ quan Hội nhà văn như hầu hết các nhà văn cao tuổi khác, mà sinh hoạt với chi bộ địa phương. Và ông không muốn người ta biết mình là nhà văn. Vì ông thích nói chuyện với mọi người như một người thường nói chuyện với người thường về những chuyện thường.

Tôi để ý đến cặp mắt của ông: nhỏ, dài và hẹp. Gọi là mắt ti hí. Mắt như thế là tinh quái lắm. Cái gì cũng biết, không gì qua mắt được. Mà toàn phát hiện những điều ngộ nghĩnh, buồn cười ở người ta và diễn đạt bằng một vài từ rất gọn và đích đáng. Người nào bị phát hiện ở khía cạnh ấy lập tức trở thành tầm thường. Ngay – danh nhân, vĩ nhân cũng vậy. Thí dụ, ông cho *Nhật kí trong tù* của Hồ Chí Minh chỉ là một tập thơ kêu oan. Kể ra cũng đúng:

Ta người ngay thẳng lòng trong trắng

Lại bị tình nghi là Hán gian

(Đường đời hiểm trở)

Hôm nay xiềng sắt thay giày trời

Mỗi bước leng keng tiếng ngọc rung

*Tuy bị tình nghi là gián điệp
Mà như khanh tướng về ung dung
(Đi Nam Ninh)*

Những bài thơ như thế thì đúng là thơ kêu oan. Nhưng coi *Nhật kí trong tù* chỉ là tập thơ kêu oan thì quả là đã tầm thường hoá tập thơ của cụ Hồ. Phạm Tiến Duật khi nói thì đúng là khua môi múa mép, ông gọi là thằng lái trâu. Còn Chế Lan Viên thì ông gọi là thằng “nặc nô” của Đảng. Ông phát hiện Huy Cận ngày nào cũng ra trụ sở Hội Liên hiệp văn nghệ (51 Trần Hưng Đạo), tuy chả có việc gì cả, chỉ cốt được ăn một bát phở miễn phí. Huy Cận rất tham, đi đâu cũng vợ vét, cảm cấp. Tô Hoài kể chuyện, một lần ông và Nguyễn Ngọc tình cờ gặp Huy Cận ở sân bay quốc tế Mạc Tư Khoa. Tự nhiên Cận lân la đến vỗ vai nói chuyện thân mật với Nguyễn Ngọc. Tô Hoài vội bấm Nguyễn Ngọc lòng đi: *“Này nó sắp gạ ông xách đồ cho nó đấy!”*. Quả nhiên, sau đấy Huy Cận hai tay xách hai cái cặp nặng, lại buộc giầy kéo một cái thùng giấy lệt xệt đằng sau. Buồn cười nhất là ông phát hiện Nguyễn Xuân Sanh sờ dĩa bị Tố Hữu ghét, vì chỉnh huấn, chuyển biến nhanh quá, không đúng quy luật -đấu tranh tư tưởng thì phải lâu dài gian khổ chứ! Còn Hoàng Cầm thì hồi bị tù, hết hạn người ta cho ra, lại xin ở lại thêm để viết nốt bản kiểm thảo. Ông cho biết Thọ Rèn sờ dĩa nổi tiếng là vì lúc đầu người ta tưởng là Cụ Hồ, là bút danh của Cụ Hồ. Thanh Tịnh thì ai đến chơi cũng đem đồ cổ ra khoe. Nhưng theo Tô Hoài, ông ta cứ tán ra thế thôi, chứ nhiều cái ông ta bê ở Bát Tràng về. Bùi Giáng thì rất mê Kim Cương, chỉ ước khi chết, được Kim Cương đá lên mồ... Trương Tửu là tay huênh hoang thế thôi, thực chất chỉ là trôtkit mồm... Mấy ông Chế Lan Viên, Hoài Thanh, Đồ Phồn, Huyền Kiều thì tự thấy trước cách mạng có tội nên ra sức nịnh đảng...

Có những chuyện có lẽ chỉ có Tô Hoài mới đi kể với người khác. Vì là chuyện rất nhếch nhác, rất bẩn. Mà là chuyện của bản thân ông. Tôi nhớ hồi ở khách sạn Traphaco, Đà Nẵng, tự nhiên ông kể với tôi chuyện ấy. Chứ tôi có hỏi đâu, có biết đâu mà hỏi: *“Hồi hoạt động Văn hoá cứu quốc ở Hà Nội, bị lộ, nó bắt bốn người: Tô Hoài, Nguyễn Đình Thi, Nguyễn Hữu Đang, Như Phong và đưa về Nam Định xử. Vì Vũ Quốc Uy bị bắt ở Nam Định khai ra. Nguyễn Đình Thi, Như Phong, gia đình có tiền chạy án nên được tha. Tôi và Nguyễn Hữu Đang nhờ thế cũng được tha. Trước khi thả ra, nó giam chúng tôi ở nhà lao Nam Định, bốn thằng giam chung một phòng. Ngồi buồn tình, bốn thằng tụi quần rathi cái ấy xem cái cửa thằng nào to. Cửa Thi dài đuồn ra như quả chuối tiêu, được nhất, Nguyễn Hữu Đang nhì, nhưng Đang không chịu vì Đang cho củamình ngắn hơn nhưng to hơn. Tô Hoài và Như Phong bét.*

Đấy, gặp Tô Hoài một hai buổi là biết đủ mọi thứ chuyện linh tinh như thế. Và nghe ông nói một chập, thấy con người ta, nói chung đều tầm thường cả thôi, đều là người thường vậy thôi. Mà cuộc đời không có ai là thần thánh thì cũng vui, thì càng vui chứ sao! Tôi chắc Tô Hoài nghĩ như thế. Vì khi kể những chuyện ấy, ông có vẻ lấy làm thú vị.

Nhận xét văn của người khác, Tô Hoài cũng thường phát hiện rất tinh những nhược điểm. Thí dụ, văn Anh Đức là thứ văn cải lương, có lúc viết anh hùng là “hùng anh”. Nguyễn Khải xây dựng nhân vật theo lối ghi chép rất sáng tạo, nhưng văn Nguyễn Khải vậy mà chưa thoát được lối biên ngẫu. Nguyễn Đình Thi là anh sinh viên, rất xa đời sống, nên mắt không chọc thủng được tờ giấy để nhìn vào hiện thực. Thi tả cảnh chùa có cây bạch đàn. Xưa làm gì có bạch đàn ở chùa! Thơ Bùi Giáng, theo ông cũng là một thứ thơ Bút Tre. Thơ Hoàng Cầm thì là thứ vàng mã trang kim. Một thứ thơ trang sức hoa lá cành, sơn son, giát vàng, thực chất không có gì. Phan Cự Đệ, Hà Minh Đức viết văn học sử, tuy có tài liệu đấy, nhưng không có hồn. Lưu Trọng Lư giờ hết thời rồi. Tài năng cũng chỉ có một thời thôi. Thơ Huy Cận và thơ Tố Hữu giờ chỉ còn là thơ thù tạc. Vậy mà Huy Cận cứ tuyên

bổ: *“Chưa bao giờ tôi sáng tác dồi dào như bây giờ”*... Tô Hoài biết rõ cả lai lịch Bút Tre. Bút Tre tên thật là Đặng Văn Đăng, sáng tác trước cả Tô Hoài, ký tên *Lục Y Lang, Chàng áo xanh*, có bằng tú tài Tây. Bút Tre định lăng xê một kiểu thơ sử dụng rộng rãi enjambement, chứ không

phải anh vô học làm thơ... Tô Hoài đọc cả những cây bút trẻ. Ông cho bọn này có học. Viết được. Nhưng thiếu một cái gì đó. Thiếu chữ của riêng mình, thiếu phong cách. Hồ Anh Thái, viết mới đấy. Nhưng rắc rối, khó hiểu. Chưa thấy hay. Bọn trẻ nói chung rất kiêu ngạo. Nguyễn Huy Thiệp giỏi viết cái ác. Phạm Thị Hoài rất trí thức, đồng thời lại muốn dân dã... Một điều lạ là Tô Hoài biết cả những chuyện đời tư, rất riêng tư, thậm chí cả những chuyện thầm kín của người ta một cách rất cụ thể. Biết có đầu có đuôi, có ngành có ngọn, nói ra vanh vách. Ông nói, do phụ trách đảng uỷ văn nghệ nên biết nhiều chuyện, nhất là qua những đợt kiểm tra đảng.

Một vài ví dụ: Ngân Giang từng lấy nhiều chồng, có nhiều con. Hồi kháng chiến ở vùng tự do dinh tê vào thành. Giải phóng Hà Nội là viên chức lưu dụng. Vì thế có mặc cảm, nên hay khoe mình đã tham gia kháng chiến.

Anh Thơ lấy một bác sĩ tên là Vịnh, người miền Nam tập kết, công tác ở bệnh viện Việt Xô. Bà Trường và Nguyễn Đình Thi làm mối. Anh Thơ có thời gian vào Nam, làm tập thơ *Quê chồng*. Sau lại bỏ ra Hà Nội. Chồng theo ra và chết ở Hà Nội. Hồi kháng chiến Anh Thơ định lấy Tây địch vận. Hồi ấy có phong trào phụ nữ xung phong lấy hàng binh làm địch vận cho ta. Sau có người theo chồng sang Pháp, tự hào là đã tham gia công tác cách mạng, như diễn viên múa Thuý Cẩm... Lấy Tây cũng là hy sinh vì nước, như Chiêu quân cống Hồ trong truyện cổ... Anh Thơ viết hồi ký bịa ra nhiều chuyện cụ thể như thật. Vì có mặc cảm mình xấu nên cứ bịa ra là mình ngày xưa rất đẹp, lắm người mê, như Nguyễn Bính chẳng hạn. Tô Hoài nói: *"Bà ấy mà mê Nguyễn Bính, chưa chắc Bính đã xúc động gì. Bính nó có hàng trăm gái theo ấy chứ. Anh Thơ lúc trẻ cũng xấu, lợt lợt như miếng thịt trâu. Tính thì đồng bóng. Sang Liên Xô với Nguyễn Văn Bổng, Thanh Tịnh, lại hỏi thăm Goocki, tưởng ông ấy còn sống. Anh Thơ mà đẹp thì chết với tôi rồi!"*

Nguyễn Bính xấu giai thế mà lắm vợ. Bính là con một ông có Hán học, phụ trách trạm ngựa. Nhà khá nhưng sa sút. Giống gia đình Nam Cao. Vì thế Trúc Đường là anh thì được học hành tử tế (như Nam Cao), còn Bính thì không được học mấy.

Bính vào Nam, từ trước 1945. Năm 1954, không có tiêu chuẩn tập kết vẫn cứ ra Bắc. Trước khi ra Bắc có lấy một người vợ để ra cô con gái nay phụ trách Sở Giáo dục Bến Tre. ở Hà Nội, Tố Hữu bày ra tờ báo tư nhân *Trăm hoa* giao cho Bính. Bính làm trái ý Tố Hữu, bị phê phán, Bính bực mình bỏ đi Nam Định. Bính có hai vợ chính thức. Hiện cả hai đều làm bảo tàng lưu niệm Nguyễn Bính.

NTNT trước dạy học ở Sơn Tây, có mối tình đầu với Nguyễn Quang Sáng, Sáng giúp T viết văn. T có lần tặng Sáng một bó hoa bảo là vừa tự tay hái ở vườn về. Sáng xem hoa thấy không có cuống, cảm tấm, tức lắm, tìm T, tát cho một cái. T hay viết nhật ký, Chánh là chồng, bắt được, lộ hết chuyện bồ bịch. NTTH lắm lúc chất vấn mẹ: "Con là con ai? Con Nguyễn Quang Sáng, Thu Bồn, Nguyễn Đình Thi, Hoàng Văn Bồn, Xuân Trinh... hay ông Chánh?"

H cũng đã có hai đời chồng.

PTTN cũng có hai đời chồng. Sau yêu một bồ nhí, có cưới hẳn hoi, nhưng sau nó bỏ. Không có con. (Tôi hỏi Tô

Hoài: *"Dương Thu Hương bảo tôi, YN thì mê Nguyễn Đình Thi, còn PTTN thì mê Tô Hoài, có đúng thế không?"* Tô Hoài nói: *"Cô ấy xấu, tôi không thích"*.

Bạch Diệp lấy Xuân Diệu. Vì cao tuổi mới lấy chồng nên thiết thực và cảnh giác. Đám cưới tổ chức to nhưng không đăng kí kết hôn. Xuân Diệu chắc do thủ dâm nhiều nên bất lực. Như gà nhảy lên là tuột ngay. Bạch Diệp bỏ luôn, sau có lấy chồng khác nhưng không có con.

Nguyễn Đình Thi lấy vợ sớm, có ba con, hai trai, một gái: Lễ, Chính, Như. Thi ở gửi rể. Vợ chết, gia đình vợ định gả cô em tên là Nghĩa cho. Nhưng cô này bị sốt ác tính chết. Hoà bình lập lại, Thi cần có vợ, định nhằm con gái cụ Ngô Tất Tố hay cô Hồng con Nam Cao. Sau người ta làm

mối lấy bà Trường, nhưng không có con. Thi nam tính mạnh, người đen, nói chuyện có duyên, đàn bà thích. Nhưng Thi là tay bạc tình, ngủ với cô này đã nghĩ đến cô khác. Gia đình Nguyễn Đình Thi như cái địa ngục. Thi hay bỏ bịch, còn bà Trường thì ghen ghê gớm. Gia đình cụ Ngô Tất Tố cũng thế, cụ sống với hai bà vợ suốt ngày xung đột...

Chế Lan Viên trước cách mạng, có thời gian dạy học ở Đà Nẵng. Có một nữ sinh tên là Giáo rất mê. Giáo nhà giàu, gia đình không cho lấy Chế Lan Viên. Cô cứ đến ở với Chế Lan Viên, mãi đến cách mạng tháng Tám mới cưới.

Hoà bình lập lại ở miền Bắc, hai vợ chồng sống ở Hà Nội. Chế Lan Viên ốm, phải sang chữa ở Trung Quốc. Giáo ngoại tình với một tay làm mi báo tên là Quang. Chế Lan Viên chữa bệnh về, biết chuyện nhưng định bỏ qua. Hai vợ chồng đêm nằm đắp chung chăn, nói chuyện. Giáo nói, cái đầu của em thì thuộc về anh, nhưng thân mình em thì thuộc về Quang. Vậy là họ không trở lại với nhau được. Sau Chế Lan Viên lấy Vũ Thị Thường, cán bộ phụ nữ, quê Thái Bình, đã quá lứa lỡ thì. Thường xui Chế vào Sài Gòn ở, một là Thường có bà con di cư ở trong ấy, hai là vì vợ cũ của Chế hay đến bám quấy nhiễu, xin tiền...

Đúng là chẳng có chuyện gì đâu ông được. Ông biết cả chuyện Lưu Trọng Lư túng tiền, ăn cắp xe đạp của Chế Lan Viên bán; Học Phi thi hủ hoá nhiều quá, biết tội nên xin đi B. Còn Trần Huyền Trân thì sờ dĩ bị khai trừ, vì lấy vợ nghệ sĩ, hai vợ chồng cứ dặt nhau đi lang thang biểu diễn, không sinh hoạt đảng. Lê Văn Trương thuộc thế hệ đàn anh của ông, nhưng ông có đến nhà. Ông rất sợ, vì trên bàn Lê Văn Trương có bày hai cái đầu lâu. Lê Văn Trương, Đình Hùng thích chơi đầu lâu. Lê Văn Trương tiêu sài rất hoang vì viết khoẻ, có tiền. Ông quen cả hai tay nhà văn tên là Hiến và Hồng viết thuê cho Lê Văn Trương vì túng tiền. Tô Hoài không thích văn Lê Văn Trương nhưng thích nhân vật người hùng của Lê Văn Trương. Triết lý sức mạnh của Lê Văn Trương là do Trương đọc bản dịch Nietzsche của Phạm Ngọc Khuê. Khuê và Trương Tửu là trótkit...

Về vụ Nhân văn – Giai phẩm, thế mà không phải ai cũng biết rõ. Tô Hoài thì nắm được từ gốc đến ngọn. Theo Tô Hoài, đó thực chất là một vụ án chính trị, nhưng vì quàng vào một số nhà văn nên người ta cứ tưởng là một vụ án văn chương. Nhân sai lầm của cải cách ruộng đất và ta chuẩn bị cải tạo tư sản ở Hà Nội, hai thằng Tây, một là Tổng giám mục ở nhà thờ Hà Nội tên là Dudley, hai là tay tùy viên văn hoá của Sứ quán Pháp tên là Durand Fischer, bèn xúi giục mấy ông đảng xã hội: Hoàng Văn Đức, Đỗ Đức Dục, Vũ Đình Hoè đòi ngang quyền với đảng Lao động. Fischer có liên hệ với Nguyễn Hữu Đang, Thụy An, Minh Đức (Trần Thiếu Bảo). Lúc này tư nhân ra báo không phải xin phép (hồi ấy ta vẫn còn theo chế độ của Pháp). Ta bắt ba người có dính đến Pháp là Đang, An và Bảo. Còn hai thằng Tây thì ra lệnh trục xuất khỏi Việt Nam sau một tuần lễ. Còn Hoàng Văn Đức, Đỗ Đức Dục, Vũ Đình Hoè thì lạng lẽ cho thôi thứ trưởng. Chuyện có thể thôi, có thể tổng kết rõ ràng, nhưng chẳng có ai làm cả. Bây giờ sửa sai thì cứ lạng lẽ kết nạp lại vào Hội nhà văn và tặng giải thưởng Nhà nước cho mấy ông Lê Đạt, Trần Dần, Hoàng Cầm... Cho nên vụ án văn mù mờ chưa mấy người hiểu rõ.

Tổng chỉ huy chống nhân văn là Hoàng Văn Hoan. Tố Hữu chỉ là người thừa hành.

Ta có một trại giam tù chính trị ở Quảng Bạ (Hà Giang). Có người bị giam suốt đời ở đó như Chu Bá Phượng. Còn Nguyễn Hữu Đang thì bị giam 15 năm. Khi ra tù, phụ cấp cho 40 đồng một tháng. Đang khi ra tù không hề biết có cuộc chiến tranh chống Mỹ và sự kiện giải phóng miền Nam 30.4.1975.

Đúng là Tô Hoài cái gì cũng biết. Mà toàn thiên về phía mặt trái của cuộc đời, mặt trái của người đời.

Những hiểu biết tỉ mỉ, thóc mách như thế, ông cứ nhả nha, đều đều kể lại với tôi. Có lẽ vì ông thấy tôi khoái những chuyện ấy và ông cũng thích kể những chuyện ấy.

Vậy là đã rõ. Tôi bèn viết bài *Tô Hoài với quan niệm con người là con người*. Tôi cho rằng tư tưởng chi phối mọi tác phẩm của Tô Hoài là thế. Nghĩa là trên đời này chẳng có ai là thần thánh

gì hết. Cho nên Tô Hoài có cảm hứng đặc biệt viết về đời thường, người thường, chuyện thường. Cứ đều đều một giọng sành sỏi lọc lõi, cố che dấu một nụ cười tinh quái, có phần khinh bạc. Tô Hoài có lúc còn chủ trương viết những chuyện chẳng cần có chuyện, càng nhạt càng hay – có lần ông nói với tôi như vậy và tự thấy là một thuyết kì quặc của mình. Nhưng ông từng nghĩ như thế. Mỹ học của Tô Hoài là như vậy chăng?

Tất nhiên trong thời chiến tranh, ông không thể không phải khuôn theo xu hướng chung của nền văn học cả nước, nghĩa là phục vụ chính trị, ca ngợi chủ nghĩa anh hùng. Nhưng ngay thời ấy, đôi khi ông cũng cho xen vào ít nhiều khía cạnh “người thường” ở những nhân vật anh hùng. Như nữ cán bộ cách mạng Hai Tâm đa dâm, lẳng lơ trong tiểu thuyết *Mười năm* chẳng hạn. Tác phẩm này vì thế đã từng bị phê phán kịch liệt. Thậm chí dân Hà Đông còn kéo đến phản đối tác giả, cho là ông đã bôi nhọ người quê mình.

Còn những tác phẩm

như *Truyện Tây Bắc*, *Tuổi trẻ Hoàng Văn Thụ*, *Kim Đồng*, *Vũ A Dính*, *Miền Tây* thì đúng là chuyện anh hùng. Nhưng ông tự đánh giá chỉ có những trang tả cảnh miền núi là đáng kể, ngoài ra không có gì đặc sắc. Cảnh chiến đấu viết không bằng cảnh phong tục.

Nhưng truyện Tô Hoài viết sau 1975, nhất là sau 1986, mới thực sự là Tô

Hoài: *Chiều chiều*, *Cát bụi chân ai*, *Ba người khác*, *Giấc mơ ông thợ diu...* Chuyện đời thường, người thường nổi trội hẳn lên. Nhưng thường mà vẫn lạ mới là văn Tô Hoài. Phát hiện những cái lạ trong những chuyện vặt vãnh đời thường chính là chỗ sắc sảo, lọc lõi, tinh quái của ông. Vì thế tôi gọi Tô Hoài là “*Nhà văn của chuyện lạ đời thường*”.

Nhớ hồi ông làm nhóm trường nhóm nghiên cứu một đề tài khoa học (đề tài

“*Văn hoá và phát triển*”), có Hoàng Ngọc Hiến, Vương Trí Nhàn, Ngọc Trai tham gia. Hoàng Ngọc Hiến kể rằng, ông đưa Ngọc Trai vào chẳng qua là để tổ chức những bữa liên hoan cho tốt, vì Ngọc Trai người Huế, nấu ăn rất giỏi. Mỗi lần họp nhóm, Hiến để ý thấy ông tỏ ra khó chịu khi anh đến đúng giờ. Rút kinh nghiệm, lần sau anh đến muộn, quả nhiên thấy ông tươi vui hẳn lên. Đúng ông rất ghét quan trọng hoá. Đến đúng giờ tức là quan trọng hoá. Chắc hẳn, ông nghĩ, làm khoa học ở cái nước này là chỉ làm chơi, cốt tiêu tiền nhà nước cho vui thôi mà. Có gì quan trọng đâu!

Đối với chuyện viết văn, Tô Hoài cũng không hề quan trọng hoá: Viết văn khó, nói thế thì đúng, nhưng nói là một nghề đặc biệt khác thường thì không phải. Cũng như các nghề khác thôi, như làm ruộng, làm mộc, làm rèn hay chài lưới vậy thôi. Ông không tán thành tác phong tài tử, viết phải đợi có cảm hứng. Tại sao không làm như các nghề bình thường khác vẫn làm! Không hứng cũng cứ viết. Còn viết hồng, bỏ đi, lại là chuyện khác.

Mà nghề văn đâu phải là nghề khổ nhất. Nguyễn Vỹ làm

thơ: “*Nhà văn Annam khổ như chó*”. Nguyễn Vỹ có bằng tú tài, hẳn có khổ gì lắm đâu! Nhiều nghề khác khổ hơn chứ!

Nhưng đã là nghề thì phải học nghề. Nhiều anh viết chưa có nghề. Phải chuyên môn hoá, thành nghề hẳn hoi. Đừng viết nhiều thể văn khác nhau. Làm chơi thì được, như thỉnh thoảng ông có làm thơ. Nhưng làm thật thì không nên.

Về mặt học thì Tô Hoài rất chịu khó. Cái học nhà trường của ông không nhiều, nên ông phải gắng tự học. Ông học tiếng Pháp Nam Cao. Ông có bà dì tên là Phượng dạy trường Tiểu học tư thục Công Thành ở dốc Tam Đa. Nam Cao cũng dạy ở đấy. Bà Phượng (nguyên mẫu của nhân vật Oanh trong *Sống mòn*) giới thiệu Nam Cao dạy tiếng Pháp cho Tô Hoài. Lúc ấy trò đã có tên tuổi rồi, mà thầy thì chưa.

Hồi Pháp thuộc, đọc thư viện lớn ở Tràng Thi, phải có bằng thành chung (diplôme). Tô Hoài chỉ mới học hết cấp tiểu học. Ông đến Vũ Ngọc Phan nhờ giới thiệu với thư viện Hà Nội để đọc sách. Vũ Ngọc Phan có một biệt thự ở Thái Hà áp. Phan nói cứ đến đọc sách ở thư viện riêng của ông, ông hướng dẫn cho. Tô Hoài thành ra rất thân với gia đình Vũ Ngọc Phan, nhiều khi

cùng ăn cơm với gia đình. Nhà Vũ Ngọc Phan cũng gần nhà cụ Lê Dư - Sở Cường là bố vợ của Phan. Mấy chị em Hằng Phương, Hằng Huân, Hằng Phấn... con cụ Lê Dư đều rất đẹp. Các cô ngồi xe nhà đi học, bao nhiêu thằng bám theo. Bọn Đình Hùng ghen với Tô Hoài về cái số may mắn của ông. Nhưng lúc bấy giờ Tô Hoài chỉ là một chàng trai nhà quê, mặc áo dài thâm, đi guốc, ăn thua gì! ở nhà Vũ Ngọc Phan, Tô Hoài đọc được nhiều tiểu thuyết Pháp.

Ông cũng chịu khó đọc tác phẩm của các nhà văn khác, đọc cả sách lý luận phê bình, sách văn học sử, đọc từ Phan Cự Đệ, Hà Minh Đức, Nguyễn Đăng Mạnh đến Phong Lê, Trần Hữu Tá, đọc cả Văn Giá... Đọc và có nhận xét hần hoi.

Đến thời kháng chiến, lên Tây Bắc, để hiểu người Hmông, ông học tiếng H'mông. Một lần đi cùng vợ chồng A Phủ từ Phù Yên lên Điện Biên, ông vừa đi vừa học tiếng H'mông. Ông còn đọc nhiều sách nghiên cứu về các dân tộc Hmông, Mán, sách về tục ngữ Mường... Nguyễn Tuân cũng đi Tây Bắc, nhưng theo Tô Hoài, chủ yếu là đi xem vườn hoa cây cảnh, còn ông mới đi sâu nghiên cứu các dân tộc, tuy bên cạnh đó cũng có thú giang hồ, xê dịch, thú exotique chẳng kém gì Nguyễn Tuân.

Ông đặc biệt rất chú ý học chữ. Ông chê nhiều người viết văn bây giờ thiếu chữ và dùng chữ rất ầu. Nhiều chữ họ không hiểu. Làm văn thì phải học chữ. Có cách học và chịu khó thì lúc nào cũng học được. Ngôn ngữ Việt Nam rất phong phú về những từ tế nhị như những từ chung quanh chuyện ăn, uống, chết... Ông cho nên biên soạn một cuốn từ điển về từ ngữ các nghề nghiệp. Ông thấy tiếng Việt ta có chữ “ăn nằm” rất hay, tránh nói thô. Ông phân biệt “mồm” với “miệng”. Nói “miệng” sang hơn nói “mồm”. Cờ nhà chùa thì phải gọi là cờ “điều” chứ không phải là cờ đỏ, sơn đen thì phải gọi là sơn “then”, quần đen thì phải gọi quần “thâm”... Ông khoe học được một từ nghề nghiệp mới: “thầy diu”. Thầy diu là thầy dạy khiêu vũ, diu dắt (entrainer) người tập khiêu vũ. Theo ông “tai vách mạch rừng” vốn là “tai vách mạch đứng”. Còn “run như cây sậy”, Xuân Diệu cho đúng ra phải là “run như cây sậy”. Nhưng Tô Hoài cho thế là Tây nói chữ không phải ta nói1...

Tô Hoài chủ trương chỉ viết về cái gì đích thân mình có sống, có quan sát được, viết bằng thực tế và tình cảm của mình, không thích viết những cái chỉ nghe người khác kể lại. Một đầu óc rất tinh táo, chỉ tin ở sự thể nghiệm của bản thân mình. Ông đi cải cách ruộng đất bốn lượt, từng làm đội phó phụ trách toà án. Vậy mà ông kết luận trái hẳn với đường lối giai cấp của Đảng ở nông

thôn: *“Cơ sở cách mạng trước 1945 phải là trung nông trở lên, chứ dựa vào bản cổ nông, nó đói, nó “bán” cách mạng ngay”.*

Viết văn, Tô Hoài không băn khoăn về chuyện thể loại, chỉ cốt nói được rõ ràng ý định của mình. Nhưng tôi thấy dù viết tiểu thuyết, truyện ngắn hay ký, dù viết về đề tài gì, tác phẩm của ông cũng có tính chất hồi ký, tự truyện – Hình như ông có một thói quen có thể gọi là *tư duy – hồi cố hay cảm hứng hồi tưởng*.

Tô Hoài nói, ông tán thành quan niệm của A. Maurois rằng sự thật của quá khứ khi hồi tưởng lại không tách biệt với cái hiện tại – quá khứ, hiện tại lẫn vào nhau như là đồng hiện vậy. Tôi đọc bài ký *Ông già ở Agra*, thấy đúng như thế. Tôi rất thích tác phẩm này của ông. (André Maurois đề tựa cuốn *Đi tìm thời gian đã mất* của Marcel Proust, có câu: *“Sự cập đôi cảm giác hiện tại với kỉ niệm sống lại đối với thời gian, cùng chính là kính hội tụ đối với không gian”.*)

Tô Hoài cho viết truyện thì phải lấy nhân vật làm gốc. Chữa văn là chữa nhân vật. Thừa hay thiếu cũng là từ nhân vật. Ông tán thành kinh nghiệm của

Fadéev: *“Viết một câu, rồi câu thứ hai, câu thứ ba cùng đều đều như câu đầu tiên tức là tuột dần vào một thứ tê nhạt khó chịu. Phải tránh đặt câu giống nhau, phải làm sao cho câu văn nổi bật, nổi gân lên”. Phải viết sao cho người ta đọc văn mình, đọc đi đọc lại, vẫn thấy hay. Có truyện đọc c lần đầu thấy hay. Đọc lại không thấy hay nữa. Văn phải đọc đi đọc lại, phải thử đi thử lại mới đáng tin.”*

Tô Hoài đi nhiều, xê dịch còn hơn cả Nguyễn Tuân. Trước cách mạng tháng Tám, ông đã đi khắp Bắc Trung Nam. Vừa đi vừa viết. Bài gửi về cho nhà Tân Dân, và nhận nhuận bút qua bưu điện. Ông cho biết, truyện *Trăng thề* viết ở Dầu Tiếng...

Nhưng ông cho rằng, mỗi người có một quê hương. Đi khắp nơi để lại càng hiểu sâu hơn quê hương mình. Vậy là thực tế tự nhiên và những vui buồn của quê hương ông vẫn là nguồn chất liệu chính đã bồi đắp nên tâm hồn các nhân vật của ông và những trang viết của ông. Ông vẫn là nhà văn của Nghĩa Đô, của sông Tô Lịch và phủ Hoài Đức – Ông là Tô Hoài.

Tô Hoài còn có một trí nhớ tuyệt vời. Ông lên Đà Lạt viết *Chiều chiều*, không đem theo một tài liệu nào hết. Viết xong về nhà mới kiểm tra lại tư liệu.

Ông không thích trực tiếp nói tình cảm của mình, muốn nói tình cảm qua những cái mình mô tả. Có người xui ông viết tiếp *Đế mèn phiêu lưu ký*. Ông nói, tôi không viết. Tôi không đại như Lưu Trọng Lư, viết *Tiếng thu II*, *Tiếng thu III*, chẳng ra gì cả. Đúng là Tô Hoài rất tỉnh. Nhìn người khác hay nhìn mình đều rất tỉnh. Tỉnh đối với mình, không dễ đâu!

Tô Hoài quê ở làng Cát Động, huyện Thanh Oai. Nhưng sinh ở Nghĩa Đô. Mãi đến năm 20 tuổi mới về quê nội. Mà cũng chỉ thỉnh thoảng thôi. Ông thân sinh bỏ đi Sài Gòn biệt lập từ khi ông còn nhỏ. Nhà có khung cửi. Ông cũng biết dệt. Nghĩa Đô có nghề dệt lĩnh, dệt lụa và làm giấy. Ông lớn lên trong cảnh tàn tạ của làng quê. Nghề dệt, nghề giấy đều lụi dần. Năm đói (1945) người chết la liệt. Nội thành được phát bông gạo. Nghĩa Đô thuộc ngoại thành nên tuy chỉ cách có một con đường mà cả làng chết đói – người ta chỉ phát bông gạo tới Thụy Khuê thôi.

Đấy, quê hương, nơi đi về của kí ức ông là như thế. Cho nên truyện của Tô Hoài nói chung là buồn. Chuyện nhà, chuyện cửa, chuyện làng xóm đều buồn. Toàn kí ức buồn. Mà kí ức tuổi thơ bao giờ cũng sâu đậm và lâu bền nhất. Bản thân ít được học. Lang thang lêu lổng, bắt chim, đúc đế... Lớn lên, có thời gian làm anh bán hàng cho hiệu giày Ba ta, mỗi tháng đầu được dăm, sáu đồng. May mà có nghề làm văn, làm báo là cái nghề không cần vốn liếng gì, cũng chẳng cần bằng cấp để bám vào. Nhưng cũng như Nguyễn Hồng, Nguyễn Bính, Trần Huyền Trân..., Tô Hoài thuộc loại nhà văn lặn lội với đời. Có thể nói là "rất bụi", khác hẳn với cánh viết văn, làm báo sang trọng như Nhất Linh, Khái Hưng, Vũ Ngọc Phan, Nguyễn Lương Ngọc hay có trí thức như Nguyễn Tuân, Đoàn Phú Tứ, Thạch Lam, Hoài Thanh... hoặc ăn lương viên chức, lương giáo học như Nguyễn Công Hoan, Bùi Hiền... Thời trước, loại làm văn làm báo như thế, xã hội viên chức nên nếp, sạch sẽ rất khinh bỉ, cho là loại vô học, vô nghề nghiệp... Nhưng cuộc sống như thế lại là cái vốn liếng độc đáo của họ mà các cây bút kia không có. Tô Hoài là nhà văn của đời thường, người thường, chuyện thường, và ông cũng thích sống như một người thường. Mình là gì mà cao đạo! Mà cần gì phải cao đạo! Cho nên đời cho hưởng cái gì, hưởng cái đó, không chê – chắc ông nghĩ thế!

Về mặt này, ông cũng chẳng dẫu tôi điều gì. Và tôi cũng tranh thủ hỏi ông một cách thoải mái:

– *Gái H'ông thế nào?*

– *Anh đã biết mùi đầm bao giờ chưa?*

– *Hỏi cái cách ruộng đất, cán bộ hủ hoá thoải mái. Anh thì sao?*

– *Nguyễn Khải cho tôi biết, anh có chuyện với L.M. Có đúng không?*

Tô Hoài trả lời cũng rất thoải mái:

-

Gái H'ông nguy hiểm lắm! Nó ngủ với cán bộ, hôm sau đi khoe cả làng, cả bản. Nhiều anh bị kỷ luật, có anh bị xử bắn vì chuyện ấy.

-

Tây đầm nó quấn nhau, đùa nhau rất mệt. Ta không chịu nổi. Lĩnh tập, bồi bẻ ở bên Tây, dính với đầm, sợ lắm!

Tôi có lần sang Rumani, có một cô phục vụ đòi hỏi ghê quá. Mình phải xin giấy chứng nhận huyết áp cao mới thoát được.

– *Hỏi cải cách ruộng đất ấy à: có! có!*

–

Chuyện ấy sao Nguyễn Khải nó biết được nhỉ? Tay N.D chồng L. M có lần mắng vợ: “Đi mà ở vớ ới thằng Tô Hoài!”.

Tô Hoài rất thích bia rượu. Thỉnh thoảng tôi tìm đến ông, ông hay rủ uống bia. Ông yếu bụng nên cũng hay uống rượu mạnh. Ly rượu mạnh ông chỉ làm một hơi.

Tô Hoài nay đã cao tuổi. Sức khoẻ xem chừng ngày càng xuống. Tiểu đường thời kì thứ hai. Huyết áp không ổn định. Lại bị gút.

Ông là một pho từ điển sống về giới nhà văn, về đời sống muôn mặt, về kinh nghiệm viết văn.

Ông là một kho chữ nghĩa... Người như thế bây giờ là của hiếm lắm đấy!

Một trong những may mắn của đời tôi là được tra cứu vào cuốn từ điển Tô Hoài. Không biết đến bao giờ mới khai thác hết được. Mà ông thì tuổi đã cao, tôi cũng tuổi đã cao.

Láng Hạ. 9. 6. 2007

Có một chuyện rất vui là, vào những năm 60 của thế kỉ trước, Phạm Văn Đồng có đề xướng một cuộc vận động gọi là “Gìn giữ sự trong sáng của tiếng Việt”. Ông triệu tập một số nhà văn, nhà ngôn ngữ đến trao đổi về vấn đề này. Tô Hoài không được mời vì bị coi là viết sai tiếng Việt, sai ngữ pháp, nghĩa là vi phạm vào sự trong sáng của tiếng Việt (!). Chính Tô Hoài nói cho tôi biết chuyện này).

Nhà nghèo

Họ thường cãi nhau vì những chuyện rất nhỏ nhen, không có nghĩa. Cái đó cũng đã thành một thói quen. Lúc nào họ ngửa miệng, muốn to tiếng, là to tiếng liền. Hàng xóm bốn bên bị nghe chán cả tai, không buồn nghe nữa.

Cũng như thế, hôm nay hai vợ chồng anh Duyện cãi nhau làm ầm lên. Đầu tiên, có gì đâu!

Khốn nạn, câu chuyện rắc rối chỉ chớm như thế này:

Anh Duyện thì nằm trong nhà, ghéch hai chân lên cột, ư ử mấy câu Kiều lầy: Trăm năm trong cõi người ta. Chữ tài chữ mệnh mấy là ghét nhau. Anh ngâm đương có hứng. Cái cột nhà rung lạch cạch với hai bàn chân. Chị Duyện ngồi đụp áo ngoài sân. Bỗng nhiên, không hiểu việc gì, chị ta muốn tìm cái Gái. Trông ngoài đầu ngõ không có. Chị gọi:

- Gái ơi!

Không có tiếng đáp. Chị réo:

- Ối... Gái ... ời ời ... Gái ...

Vẫn im. Chị lại réo:

- Ối ... Gái ... Cha đẻ mẹ con chết dẫm, ngã xuống ao xuống chuôm nào rồi !

Đương ngâm vịnh có người làm rằm rĩ, hồng mắt thú. Anh Duyện nói trở ra:

- Làm cái gì mà nặng lên thế! Có im đi không?

Chị không im. Chị nói thêm:

- Người ta gọi nó mà cũng cấm hả?

Chưa thôi, chị lại đay:

- Nằm chổng lên đấy, hát với hồng, được cái tích sự gì !

Cái chỗ này mới là cái tức. Vợ anh bảo anh nằm chổng lên đấy, hát với hồng. Ra ý mĩa anh không đi làm bữa nay, vô tích sự đấy. Nay, trời ! thực con đàn bà kia ăn nói những điều phụ công phụ của quá đỗi. Cả năm anh đi làm quần quật. Họa có ngày “đăng ấy” người ta hết việc, mới được nghỉ như hôm nay. Rồi rãi thì anh nằm một tý, chứ sao. Nó láo quá. Anh ta bèn mắng:

- Tao bảo cho con què biết rằng hai cái bàn tay này mà rời việc ra độ mười bữa, thì mẹ con nhà chúng mày rã họng ra! Đừng có...

Anh cũng không biết “đừng có” thế nào nữa. Anh im. Chị Duyệt đáp rằng:

- Người ta làm lắm người ta ăn nhiều chứ! Đây què thì đây cũng làm sao. Thử sờ lên gáy mà xem.

Thế là người ta đã nói cạnh nhau. Chị Duyệt vốn có tật ở chân bên phải từ thuở lọt lòng. Không bước được ngay ngắn chị đi tập tống, tập tống như con vịt què. Đã mang tật lại là con nhà nghèo, nên ngót ba mươi tuổi chị mới lấy chồng. Mà chồng cũng chẳng được ra hồn chồng. Anh Duyệt nguyên là người ở đầu đến ngụ cư ở đấy. Ngụ cư đi làm mướn, chứ cũng chẳng danh giá gì, lại thêm lưng có cái bướu. Bướu đi thực ưỡn ngực mà nom vẫn như đeo thè lè chiếc nệm rọu giữa lưng. Khi anh gặp chị, thì đôi bên đã là cảnh xế muộn chợ chiều cả rồi, cũng dư dãi mà lấy nhau tự nhiên. Và họ sinh con đẻ cái với nhau cũng thực là dư dãi và tự nhiên. Hai năm một, ba năm đôi thắm thoát có mấy lú mà đã riu rít được những ba đứa. Con Gái, con bé đầu lòng. Rồi thằng Cường, thằng Chân. ấy là bỏ mất hai đứa về sau, nếu không, còn lít nhít những năm đứa. Thêm ba miệng con ăn, cũng đã là khổ lắm rồi. Nhiều khi vợ chồng cãi nhau om sòm lên cũng chỉ vì vấn đề mấy đứa trẻ nhãi ăn không ngồi rồi đó. Con Gái nhớn, đã biết nhiều lần cha mẹ cãi nhau, nó hóc thút thít. Thằng Cường thì dất thằng Chân, xúm lại xem. Chúng nó đứng tây ngậy. Mắt ghéch lên, hai tay chấp ngoặt sau mông, ra điều nghe ngóng. Bữa nay, hai vợ chồng cãi nhau, thì chúng đi chơi vắng. Nhưng đến lúc cơn bão cãi nhau nổi hăng chúng ở đâu lù lù dẫn nhau về. Con Gái cũng thằng Chân. Thằng bé ngất ngưỡng ngủ, ngoẹo một bên đầu, dãi và nước mũi chảy lòng thòng. Thằng Cường chấp chững đi sau lưng chị. Nó giả cách đương làm quan. Cầm cái roi lá nó cứ phết đen đét vào cánh tay chị Gái, và chửi rầm rĩ. Nhưng vào đến trong sân, nghe tiếng bố mẹ nói to, Gái đứng yên mà Cường thì tung hứng, Chỉ có thằng Chân vẫn ngủ khò khè. Lúc ấy, câu quá anh Duyệt vừa nói nặng vợ một câu.

Anh vừa nói xong, thì người vợ vừa trông thấy lũ con dẫn nhau vào, chị ta liền lu loa:

- Ấy đấy, chúng mày về mà nghe bố chúng mày chửi tao.

Cáu, anh Duyệt văng:

- Ừ, ông chửi cha con què đấy.

Lập tức mẹ Duyệt ôm mặt, khóc tỉ tỉ. Rồi mẹ lên điệu kể lể. Nhưng không phải là kể lể với chồng, hay với ba đứa con, mà là kể lể nỉ non với cái bức vách trước mặt. Mẹ khóc kể rằng:

- Ôi thiên địa trời đất ơi! ôi cha ơi! ôi mẹ ơi! tôi ăn ở với người ta chẳng gì cũng năm bảy mặt con, con sống, con chết có, mà nữ nào người ta réo ông réo cha tôi lên. Cái thân tôi cực nhục trăm đường.

Tôi buộc bụng nuôi con... hu ... hu ...

- Mày đẻ lắm thì mày nuôi nhiều

- Ôi ông cả bà lớn ơi! ... A bấy lâu tôi nằm (ở) với ... chó đấy a ...

Anh Duyệt dùng dùng chạy ra, định thui.

- Chó này!

Nhưng anh chưa thui, vợ anh đã lăn kên ra. Tay chân múa lên đành đạch. Miệng rên rĩ:
- Anh đánh chết tôi đi! Anh đánh chết tôi đi !

Hai đứa con thấy bố làm dữ, sợ quá ôm díu lấy nhau khóc inh ỏi. Nằm trên vai chị, bị thức giấc, thằng Chân cũng bật khóc theo. Cả một góc xóm vắng lên những con chó, nằm rồi chẳng biết chuyện gì, cũng hóng mồm cắn xuống. Anh Duyệt tức lắm rồi, cơn nóng kéo đến đầu anh. Những chiếc gân xanh ở xung quanh trán và cổ nổi chiếc đũa lên. Giậm hai chân bạch bạch, anh quát:

- Ông giết chết cả lũ! Ông giết chết cả lũ, rồi ông đâm cổ ông xau. Những của nợ kia, ông xử chúng mày trước, rồi đến con mẹ chúng mày.

Những của nợ khiếp vía, bủ nhau, chạy miết. Chị Duyệt cũng lật đật trở dậy, ôm váy lạch đạch ra ngõ. Duyệt quay vào bếp, tìm được con dao phay hồng học chạy ra, thì cái sân đã không còn ai. Anh quẳng con dao đánh “choeng” một tiếng xuống đất.

- Từ giờ đến chiều ông bắt được đứa nào thì ông giết chết tươi. Ồi trời ôi! Chúng mày làm khổ ông! Ông mà đến nỗi thân tàn ma dại thế này, cũng vì chúng mày. Chứ một mình ông đâu đến nỗi.

Ngoài ngõ có tiếng nheo nhéo đáp vào:

- Nào tôi ăn tàn phá hại gì của ai? Nào tôi bòn rút của chìm của nổi gì của ai? Một lời nói một đọi máu, ăn nói còn có trời đất, có quỷ thần hai vai chứ!

Thế này thì Duyệt uất đến chết được. Nó cứ núp ngoài kia mà dội vào từng tiếng. Anh đuối, nó lại chạy. Anh uất quá, uất quá. Uất run mười đầu ngón tay bần bật. Anh phải đập một cái gì cho đã. Trong nhà chẳng có thứ gì khả dĩ đập được. Cái giường, cái án thư, cái cột, toàn những đồ gỗ đau tay. Có con dao, thì anh đã đập lên đập xuống nhiều bận rồi. Ngoài cửa, con mẹ lắm điều lại la trời, la đất. Trời ở đâu mà la. Đất thì giẫm dưới chân đó. Kêu lắm mỗi miệng. Nhưng mà như chọc dao vào trong óc anh. Vụt một ý, anh Duyệt cũng kêu rất lớn:

- À, mày đã khỏe to hòng, ông đốt nhà cho mà xem.

- Anh đốt nhà thì hàng xóm bắt vạ anh.

- Thì ông đi ngòi tù cho chúng mày đi ăn mày cả lượt....

Mụ vợ đứng ngoài bờ rào, ngó thấy chồng hăm hờ, hục hặc đi tìm lửa, vội kêu chóc:

- Ôi ông cả bà lớn ôi! Nó đốt nhà... Thằng Duyệt nó đốt nhà ... Nó ...

Chẳng có ông cả bà lớn nào chạy đến. Ai cũng đi làm muộn, cửa ngõ đóng trở ra. Nhưng rồi loanh quanh mãi vẫn chưa thấy anh Duyệt đốt được nhà.

Thì ra, bởi vì nhà không có một chút lửa. Đã hai năm nay, chưa mua được một bao diêm nhỏ. Mỗi bận thổi cơm, cái Gái vẫn phải ra tận đầu xóm xin lửa. Và tối thì đi ngủ cùng mặt trời. Biết vậy, chị Duyệt yên trí, lại sắp hờ trời hờ đất. Xong đã nào thôi.

- Mày tưởng ông sợ? Ông đi xin lửa cho mà xem.

Có lẽ anh toan chạy đi xin lửa thực. Và chị vợ cũng sửa soạn kêu nữa. Nhưng trên không trung, từ ban nãy, ông trời bao la đương đau bụng, xám xịt lại. Bụng ông sôi ục ục, reo róc róc. Bấy giờ bỗng nổi gió giật, lạnh ngắt, rồi đổ xuống một trận mưa lớn.

Bấy giờ là đầu mùa hè. Trời đất rất ít mưa. Những đã có trận nào thì mưa rõ cho ra chuyện.

Trận mưa đó thực to. Trời đen kịt. Nước xối xuống rào rào, trắng xóa. ở những vườn chuối,

nước dội lũng bùng như trống đánh. Từng cơn gió chạy dài rít lên đập đùng đùng. Những mảng sần thấp, nước ngập lưng thềm. Được độ một lúc lâu, mưa dần dần ngớt. Những đám mây nước tăng mỏng bay nhanh như biển. Mặt trời ló ra. Trời đất sáng ngời. Màu lá cây xanh mướt. Những con chim sáo sậu nhanh nhẩu bay linh tinh, hót từng hồi véo von thực dài. Mưa tạnh.

Bấy giờ khắp làng bày ra một cảnh lạ mắt. ở các ngõ lối nhỏ chạy ra từng đám người. Đàn ông thì cỡi trần trụi, đánh chiếc khố đơn. Đàn bà phong thanh cái yếm, đội sùm sụp chiếc nón. Còn trẻ con thì trần truồng như những viên đá cuội. Người ta chạy đồ xô ra các ngạch cổng, các bờ ruộng và các luống vườn. ở tay mỗi người cầm một cái giỏ. Họ chen nhau, chạy tới tấp. à, trời vừa mưa xong. ở những mặt sân đất, sỏi bong bóng. Trong các lỗ giun ngập nước quần quai tòi lên. Trong các bụi cây rối và ướt, từng đàn nhái và từng đàn chấu nhảy ra. Nhờ có trời mưa ngập nước, con giun con sâu nhoi lên, chúng ra kiếm ăn. Những con nhái cồm mình lấm tấm xanh. Những con nhái chỉ dòng dọc trắng chạy suốt lưng. Những ông nhái cụ, to và đen nhũ con cóc, nhảy oai vệ và chậm chạp. Chấu cũng đủ các hạng to nhỏ. Những chúng lớn hơn nhái, da dề bóng mỡ, thân hình có chạnh, có góc rõ ràng. Đôi mắt lồi cườm lơ lảo. Vòng chân xếp lại, nhảy thoăn thoắt, rất nhẹ. Chúng đớp kiến và giun nhanh quá. Cái mồm há ra đỏ hồng, tép một cái lại ngậm. Tép, tép, tép. Chúng đớp nhoay nhoáy. Chúng kéo ra kiếm ăn.

Và người ta cũng kéo đi cả đàn cả lũ để bắt nhái và bắt chấu.

Không hẹn, mà cha, con, chồng, vợ nhà Duyên cũng ập nhau trong cái đám đông đi bắt nhái bắt chấu này. Mưa tạnh, chị Duyên chẳng biết trú ở đâu xon xon chạy về lấy giỏ. Thì chị đã thấy khuyết hai cái rổ treo trên đầu bếp. Anh Duyên và cái Gái đi ra vườn rồi. Thằng Chân và thằng Cẳng đã được con bé nhốt cẩn thận vào bảm phẫn, bốn bề chắn gỗ kín đáo. hai đứa trẻ loanh quanh cứ bò lúp lỏ như hai con chó con. Chị và bố chúng đi bắt nhái. Anh Duyên đã quên giặt vợ, nghĩ đến bữa cơm chiều nhiều hơn. Bữa cơm mà cái thịt nhái nướng thơm phức, chấm với muối ớt, nhai dòn rau rầu, ngon tuyệt.

Chị Duyên cung cúc vác giỏ chạy. Người ta đã đồ ra nhiều quá không bắt mau, hết mắt. Chị gặp chồng. Cái thằng phải gió đó chịu khó vồ nhái ra ráng. Mặt nó không sưng sĩa lên nữa. ấy vậy mà lúc nãy nó đã hùng hổ định giết con, giết vợ và đốt nhà.

Chị Duyên gặp cái Gái. Nó giơ giỏ lên khoe với u. Cái giỏ đã được lưng lưng. ở trong nhái xô nhau oe oé. Con Gái nhe hai hàm răng súa đen xỉn, cười toét. Rồi nó lại lư mư vác giỏ xuống một vệt ao gần đấy. Trong khi mẹ nó tất tả đi ra miệt đầu đình.

Gái rón rén bước. Nó vạch xem từng ngọn cỏ. Những cây cỏ nước xanh om, vươn cao ngọn, lòa xòa cửa vào người, khiến nó ngứa ngáy khó chịu. Nhưng mỗi lần túm hoặc vồ được một chú nhái bẻ gãy hai chân sau bỏ tót vào giỏ, thì nó lại cười tùm tùm một mình. Nó lần theo vệt ao, khuất sau mấy rặng dứa dại lờm chờm. Nhái nhảy lồm bồm xuống nước. Những chòm dứa xòe những cẳng tay gai góc ra xung quanh.

Cuộc bắt nhái đã vãn. Ai nấy ra về. Anh Duyên xách giỏ về trước. Thứ đến chị Duyên. Thằng Chân và thằng Cẳng phải tù trong gảm phẫn đang khóc be be. Chị Duyên đưa cái giỏ nhái của mình cho chồng rồi chạy lại gỡ gạch, bế hai đứa con ra. Chị nựng con cho chúng nín. Anh Duyên ngồi ngẩn ngơ nhìn hai giỏ nhái. Nét mặt anh mờ đẫn. Có lẽ anh đương tưởng tượng đến bữa nhắm thú vị chiều nay. Bỗng chị Duyên nói:

- Này, con Gái chưa về nhỉ? Nhà đi gọi nó xem...

Giọng chị ả dịu lại. Chính anh Duyệt cũng không còn tưởng tượng được rằng lúc nãy mình vừa cãi nhau kịch liệt với vợ. Anh đứng dậy, đi ra ngõ. Vừa đi, anh vừa lầm bầm: “Tiên nhân con tuyệt tự, đi đâu thì chết dấp ở đấy”. Rồi anh gọi:

- Ó! Gái!....

ở trong sân, vợ anh nói với ra:

- Nó đi về phía ao nhà ông cả Tràng ấy. Để mẹ con ranh con!

Anh Duyệt lội xuống bờ ao nhà ông cả Tràng, về phí có nhiều cây dứa dại, thì anh trông thấy cái Gái. Nhưng anh thấy cái Gái nằm gục trên cỏ, hai tay ôm khư khư cái giỏ nhái. Lưng nó trần xám ngắt. Chân tay nó co queo lại. Vừa lúc ấy, miệng nó ngoáp ngoáp mấy cái; đôi mắt lộn lòng trắng lên mấy lần. Rồi nhắm hẳn. Chân tay nó duỗi ra. Con bé giãy chết rồi. Người bố nhìn đứa con giãy chết rú lên một tiếng quái gở. Tuy cuống lảo, nhưng anh cũng còn nhìn thấy ở ngay bên vệ ao trên lớp bùn phẳng mới nguyên một lối bò dài như cái sào lúa còn hẳn lại.

Duyệt cúi lay xác con bé. Anh nghĩ chợt rằng bấy lâu nó vào cửa vợ chồng anh, cực khổ trăm đường. Trong người nó có bao nhiêu xương sườn, giờ hết cả ra. Thương ơ! bây giờ nó bỏ nó đi. Hai hàng nước mắt nhỏ rùng rùng. Anh ghé vai, xúc con bé lên. Hai tay nó còn mềm hơi nóng. Nhưng hai chân đã cứng ngắt. Anh cống xác con, chạy về.

Bắt rượu

Năm ấy tôi về ăn tết quê nội Cát Động trong Hà Đông. Chưa đến hăm ba Tết ông Công. Đã qua lễ sắp ần. Cảnh đồng Thanh Oai phẳng lặng xám ngắt phát phơ, khói từng cuộn suốt sang tận làng Mai. Chẳng biết khói đốt gốc rạ sưởi ấm hay khói hun chuột.

Tôi theo u tôi về nhà bác Cả tôi ngoài xóm Động. Nhà nhà quanh co, kè bên ruộng vào xóm. Không phải qua cửa đình đàng bờ đê sông Đáy, mà người ra vào xóm đi tắt ngoài cổng đồng lên. Có lẽ ngày xưa, đây cũng là ruộng, rồi có người ra làm trại ở mới thành xóm, mà tên là xóm Động.

Đứng đây trông thẳng lên đường cái tây vẫn còn nghe vòng bánh xe sắt lăn rào rào trên mặt đường đá và tiếng lá cọ xột xoạt theo nhịp chân chạy của người kéo xe tay bánh sắt đội nón mê khoác chiếc áo tơi lá như con cò lẻo khoèo bị hai cái càng tay xe đóng gông ngang ngực.

Bên kia, nước đồng chiêm trắng bong xuống tận Chuồn he, đồng Vàng giáp vùng trũng Ưng Hòa Phú Xuyên... Tiếng còi tàu hỏa tận cuối xa nghe như thuồn dài dưới làn nước lạnh. Tới bờ ao đã nghe táo tác, nheo nhéo trong cổng ngăn tiếng trẻ con học bài. Những cậu học trò vừa học quốc ngữ, vừa học chữ ta, có cái đầu cạo học, đầu mới để ăn tết, đuôi tóc hoa rơi dài thông lóng xuống giữa lưng.

Bác Cả tôi ngồi giữa đám trẻ con lau nhau nháp nhò. Có đứa đang mài son mài mực trong cái nghiên. Có đứa nằm chổng mông, viết phóng. Có đứa ê a... a... òa... i.... oai... u... i... uếch.... uyếch... Cái roi mây của bác Cả dứ lên dứ xuống, lặng lẽ ghé rợn. Hai con mắt muốn bặt con người của mỗi cậu học trò liếc trộm cái roi.

Giữa lúc ấy ngoài đầu đồng có tiếng nhón nháo. Người trong xóm nghễnh mắt lên trên rào bờ dưới trông ra. Rồi giật thót mình, ngơngác. Từ ngoài đường cái giữa đồng, đương lúp cụp chạy vào một đám người. Mũ trắng quần áo vàng lố. Lính đoan (tiếng pháp: douane, cơ quan thu

thuế, bắt thuế thời Pháp) trên tỉnh về. Gần đến đầu bờ ao, trông rõ ra người Tây đoan đi đầu cao lênh khênh. Người Tây mặc áo vàng, quần vàng, tay cầm ngang cái thuôn sắt dài.

Đám người trong xóm luống cuống, sững sờ, không biết làm thế nào. Cho đến lúc chẳng biết ai ở trong bờ rào nào hét to tướng lên:

- Tây đoan về khám rượu!

Bấy giờ dường như mới nhớ ra, sợ quá. Tất cả ù té chạy. Trong lúc, Tây và lính đoan đã ập đến nơi.

Đám học trò quanh bác Cả đương thi nhau học gào từng chữ bỗng im bật. Nhưng các cậu ấy hãi Cái roi của bác tôi vẫn không dám góc đầu trông ra.

Bác Cả đứng phất dậy. Bác bước lại trước án thư. Bác nghiêng chiếc mâm bông lấy ra trong chân mâm một cái chai dài ngoẵng. Trong chai đựng độ hơn cút rượu ngấn lên già lụng chai. Bác bỏ chai rượu lậu vào túi trong cái vạt áo nằm thân ngay trước bụng. Rồi bác lại ngồi xuống chỗ cũ, chum lên vai tấm chăn khổ tái xum xè. Cầm chiếc roi mây - lại như lúc nãy, gõ đẹt đẹt xuống mặt chiếc phản mọt, nói đồng dục:

- Đứa nào cứ yên chỗ ấy. Học đi!



Bọn lính đoan đã vào giữa sân. Người Tây đoan, tây lai, nói sôi như ta:

- Ông đồ ngồi bảo học à?

- Vâng ạ.

- Phải chấp tay nói: “Bẩm quan lớn nhà đoan vâng ạ” mới lễ phép chứ!

- Bẩm quan lớn nhà đoan...

- Nhà ông đồ có nấu rượu lậu không?

- Bẩm quan lớn nhà đoan, không ạ.

- Quan khám thấy rượu thì ông đồ đi tù mười tám tháng nhé. Sắp tết rồi mà phải ra tỉnh ngồi nhà pha, khổ vợ con lắm đấy!

Bác tôi chẳng biết nói thế nào, chỉ thỉnh thoảng buông một câu “vâng ạ” đánh nhịp ngẩn ngơ.

Người Tây đoan cầm chiếc thuôn sắt chọc lên bàn thờ. Cái thuôn nhọn hoắt như người được hơi rượu, tinh thể. Nó đẩy nghiêng đế mâm bông. Nhưng đế rỗng, chẳng có gì cả.

Tôi biết thế rồi, mà tôi vẫn run cầm cập. Có lẽ mặt tôi tái mét. Bởi vì chai rượu lậu vừa ở để mâm bông chui vào trong áo bác tôi, ngay cạnh đây thôi. Nó ngửi thấy hơi rượu thì nguy to. Tây đoan quay lại, hỏi u tôi:

- Cái nhà chị này đến cất rượu lậu về bán tết à?

Bác tôi nói:

- Không thím nó là người nhà ở ngoài tỉnh về chơi.

Tây đoan quát:

- Người nhà cũng khám.

Rồi Tây đoan nhắc cái tay nải nâu của u tôi lên. Đầu thuôn sắt gõ vào. Chỉ nghe tiếng lịch bạch sóng áo vải. Tây đoan buông cái tay nải xuống. Rồi trở ngọn thuôn sắt vào bác Cả.

- Thày đồ giả vờ, thày đồ giấu rượu trong chăn. Chúng mày khôn lắm. Ông đã bắt được chúng mày cất rượu trong chăn nhiều lần rồi. Muốn sống thì bỏ cái chăn ra.

Nom bác tôi lúc ấy cứ như con gà mái ấp xòe cánh. Chưa kịp nhắc cái chăn trên vai, đầu thuôn của thằng Tây đã quều xuống. Bây giờ thì cái thuôn sắp chọc đến chỗ, chỗ chai rượu ở bụng áo bác tôi. Tôi cuống queo nắm quanh váy u tôi.

Cái chăn rơi xuống rồi mà bác tôi vẫn ngồi trơ ra đấy. Tôi càng sợ.

Tây đoan ngấm nghĩa, rồi lại quát:

- Thày đồ đứng dậy!

Bác Cả tôi từ từ đứng dậy. Hai con mắt toét nhoèn viền vải tây điều của bác tôi vẫn gập gáy nhìn thẳng, chẳng khác lúc nãy. Người Tây đoan im một lát rồi lạnh lùng nói:

- Chỉ làm mất thì giờ các quan!

Rồi Tây đoan xách cái thuôn bước ra. Nhưng còn như nghi ngờ như tinh nghịch như quen tay lại thọc thuôn lên mái một cái nữa. Tàu lá cộhùng, trông thấy lỗ tròn tròn lên trời. Tây, lính và các người xem ra cả rồi, bác Cả lại ngồi xuống. Nhưng đám học trò quanh phản đã biến mất từ lúc nào. Bọn lính đoan đi sục thuôn lấp các vườn và bờ rào quanh xóm. Xem có chỗ nào chôn giấu rượu, bã rượu. Không thấy gì cả bọn dùng dùng kéo vào xóm trong.

Đến tận trưa, đám lính nhà đoan khám rượu mới trở ra đường cái tây lồi theo nhiều thứ bắt được ở xóm dưới bãi. Cái nồi đồng ba mươi với lưng nồi bã. Một thúng gạo nếp đã vo sẵn. Mấy cái bong bóng trâu, có chiếc bẹp rúm, có chiếc đã phòng rượu. Đủ đồ nghề, cái cần trúc xe điều chuyên nước cất, cái mai rùa gỗ, cái chõ... Nhà ai lắm đồ nghề nấu rượu thế mà không tâu tán kịp? Chúng nó bắt được tuốt. Đứa nào báo Tây đoan mà để hại người ta thế. Tết nhất đến nơi. Bắt rượu được đích xác, chỉ bởi có đứa báo thôi. Định làm mếruợu bán tết mà hóa ra sạt nghiệp. Lại còn tù tội nữa.

Bọn lính đoan đi trước. Đằng sau lũ lượt người cung cúc theo. Không biết người nhà hay tuần phiên khiêng các thứ nhà đoan vừa bắt được.

Có cả chú bếp Mỡ hớt hải từ trong xóm ra chạy lẫn vào đám bắt rượu.

Nhiều người gọi:

- Chú bếp

Chú bếp Mỡ quay lại trông thấy tôi, nói to:

- A thằng cu Bưởi về quê ăn Tết à? Chú đi tù rượu đây. Mẹ con cháu ở nhà chơi nhé.

Đi tù rượu? Câu nói cứ ngọt như không. Tôi vẫn nghe kể ngày trước chú bếp Mỡ đã đi lính sang Tây. Khi về, chẳng có lon đọi lon ách gì, chỉ được người ta gọi chức bếp, bếp Mỡ.

Sang tận bên Tây về rồi chú lại vẫn đi cày thuê, đào ao, rào vườn cho nhà người ta. Vẫn như ngày trước. Những buổi chần trâu chú toàn kể các chuyện bên Tây. Về quê bao giờ tôi cũng đến nhà chơi nghe chuyện đường xa của chú bếp Mỡ. Chú ấy nói thế nào? Chú tù rượu. Chú đi tù rượu? Chú vừa rào chân vừa xỏ tay khoác cái khổ tải cười hí hí và nói thế.

Thím bếp Mỡ với lũ con đứng đầu xóm nhìn theo. Đến lúc cả bọn với các người nhà đoan khuất vào gốc những cây muỗm, thím bếp Mỡ trở vào, đi giữa đám người đang cười hê hê. Qua các ngõ nghe người ta nói cợt: "Thế là tự dưng giờ cho nhà bếp Mỡ cái tết nhé sướng nhé." Chẳng biết thím bếp Mỡ đùa hay thật, thím cứ chép miệng lẩm nhẩm: "Sướng, sướng quá!"

Thì ra Tây đoan khám rượu bắt được cái lò nhà ông Lý hào * (người bỏ tiền ra mua chức lý trưởng được gọi là Lý hào) ngoài bãi ngô dưới bờ sông. Rõ ràng có đũa xấu bụng đi báo ăn thưởng. Nồi rượu còn đang đun. Không tẩu tán được mảy may.

Ông lý hào phải vội nhờ người đi báo chú bếp Mỡ theo tang vật lên tỉnh. Nói một câu thế chú đã biết lẽ. Có gì thì chú bếp cứ đứng ra nhận nhà chú nấu rượu rồi chú vào ngồi nhà Pha. Qua tết đã, sang giêng còn phải tù hay được về, đọi ra tòa xong rồi cái ấy sẽ liệu với nhau sau. Ở nhà, vợ con chú bếp được ông lý hào hăng đưa món tiền chục bạc ăn tết đã. Bên làng Mai nhiều nhà nấu rượu lậu, có những người đã quen đi ở tù thay người bị bắt rượu như thế. Tù mấy ngày mấy tháng, đã có giá cả hăn hoi. Có người ngồi tù thuê đến mười tám, hai mươi tháng. Chủ rượu ở nhà phải nuôi vợ con, lại đóng thuế thân cho người tù thay đến hai năm. Thôi thì đằng nào cũng vậy người khôn của khó ở nhà cũng phải mửa mặt mới kiếm nổi miếng.

Cánh đồng vẫn im phắc. Không biết tại rét quá, người ta rúm lại hay vì giá buốt đến cọng cá mà tưởng ra như thế. Đám khói gốc rạ vẫn nghi ngút đằng xa càng vắng ngắt vắng ngơ. Bỗng một cậu học trò bấy giờ mới thò đầu chui trong gầm phên ra. Bác tôi điềm nhiên bảo anh trưởng tràng: Sang giêng, ngoài rằm khai trường nhé. Bảo chúng nó thế.

Rồi bác Cả rút chai rượu lậu trong bụng áo ra, lại cất vào dưới lỗ hổng ở chân mâm bồng, như lúc nãy.

Tô Hoài trước 1945 Hoàng Yến Lưu

Đề cập tới Tô Hoài trước 45 nhiều người mỗi khi nhắc tới Quê người, Xóm Giếng ngày xưa, Giăng thề, O chuột, Dế mèn phiêu lưu ký... đã mỉm cười thích thú. Không ít độc giả ở miền Nam giai đoạn 55-75 vẫn có cảm tình với tác giả tập hồi ký Cổ đại (1944).

Sau 1945, khi nghe đâu đó cái tên Tô Hoài, nghĩ tới Nhân văn giai phẩm, Vợ chồng A phủ, Cát bụi chân ai, Chiều chiều và Ba người khác... không ít độc giả cau mày ngẫm nghĩ, "Tô Hoài của năm xưa hay một người khác xa lạ trùng bút hiệu".

Mỉm cười, cau mày tùy độc giả, ở đây chúng ta chỉ gọi lại hình ảnh nghệ sĩ và chân thực của Tô Hoài ở tuổi hai mươi mà thôi.

Tô Hoài sinh năm 1920 là nhà văn trẻ của thế hệ 32-45 và trước Thế chiến II, với một số tác phẩm kể cả truyện dài và truyện ngắn như Quê người (1942), O chuột (1942), Dế mèn phiêu lưu ký (1941), đã chinh phục được khá nhiều độc giả ở nhiều lớp tuổi.

Khi ấy, Vũ Ngọc Phan trong Nhà văn hiện đại khi giới thiệu tác phẩm Quê người đã ca ngợi cây bút trẻ: “Quê người là một tiểu thuyết có tính chất đặc thôn quê. Phải là một nhà văn có tài quan sát lại sống gần gũi người dân quê mới viết được về cái xã hội ấy những trang có giá trị. Từ ngôn ngữ, cử chỉ, thói tục cho đến những cách sinh hoạt của những người dân quê sống về nghề dệt cửi ở vùng Bưởi, Tô Hoài đều đã tả với một nghệ thuật chân xác”.

Còn về tác phẩm truyện ngắn O chuột của Tô Hoài, nhà phê bình họ Vũ nhận xét: “Tập O chuột là tập truyện ngắn đầu tiên của Tô Hoài và cũng là tác phẩm tiêu biểu cho lối văn đặc biệt của ông, một lối văn dí dỏm, tinh quái, đầy những phong vị và màu sắc thôn quê. Cái tinh ma và cái thực có lẽ gặp nhau ở đây”.

Ngày nay đọc lại Quê người và O chuột cũng như Dế mèn phiêu lưu ký, ai cũng phải công nhận bước đầu của nhà văn có tên thực dễ thương “Nguyễn Sen” đã gặt hái được nhiều thành tựu hơn hàng trăm tác phẩm ông cống hiến cho đời sau 1945.

Tô Hoài xuất thân trong hoàn cảnh nghèo khó, học ít nhưng lại ham học. Thế hệ 32-45, khi nền văn học chữ quốc ngữ phát triển vượt bậc, nghề văn bút được coi trọng cho dù “nhà văn an nam khổ như chó” như Nguyễn Vỹ từng than. Khổ nhưng mà đẹp. Nhiều trí thức trong ngục tù nô lệ thời đó tìm tới văn học và hưởng thụ như một lối thoát. Không ít người mơ tưởng một cuộc sống giang hồ, di chuyển đó đây và sinh nhai bằng ngòi bút hay sân khấu. Hình ảnh Tản Đà ra Bắc vào Nam, cuộc sống của Nguyễn Tuân, trong Một chuyến đi, bóng dáng người chinh phu, người chiến sĩ trong thơ mới và tiểu thuyết của Nhất Linh đã lôi cuốn biết bao thanh niên thành thị.

Tô Hoài thông minh, tài hoa và nuôi giấc mộng, xê dịch và sinh nhai bằng văn bút, nhưng không có cơ hội nhiều năm cấp sách tới trường và cũng không đủ điều kiện vào thư viện thời Pháp để đọc sách. Trong hồi ký, nhà giáo Nguyễn Đăng Mạnh kể lại theo lời Tô Hoài tâm sự: “Thời Pháp thuộc đọc sách tại thư viện lớn ở Tràng Thi phải có bằng thành chung (diplôme). Tô Hoài chỉ học hết cấp tiểu học. Ông đến Vũ Ngọc Phan nhờ giới thiệu với thư viện Hà nội để đọc sách. Vũ Ngọc Phan có một biệt thự ở Thái Hà Ấp. Phan nói cứ đến đọc sách tại thư viện riêng của ông, ông hướng dẫn cho. Tô Hoài thành ra rất thân với gia đình Vũ Ngọc Phan, nhiều khi cùng ăn cơm với gia đình. Nhà Vũ Ngọc Phan cũng gần nhà cụ Lê Dư-Sở cuồng là bố vợ của Phan. Mấy chị em Hằng Phương, Hằng Huân, Hằng Phấn... con cụ Lê Dư đều rất đẹp. Các cô ngồi xe nhà đi học, bao nhiêu thằng bám theo. Bọn Đình Hùng ghen với Tô Hoài về cái số may mắn của ông. Nhưng lúc bấy giờ Tô Hoài chỉ là một chàng trai nhà quê, mặc áo dài thâm đi guốc, ăn thua gì! Ở nhà Vũ Ngọc Phan, Tô Hoài đã đọc được nhiều tiểu thuyết Pháp”.

Bước vào nghề viết, đồng thời tập tành nghề ăn chơi, Tô Hoài theo cánh đàn anh là Vũ Hoàng Chương (sinh 1916) và Nguyễn Bính (sinh 1918), đều là những nhà thơ đã có tên tuổi và có khả năng tài chính, thường rộng rãi với bạn văn.

Nên nhớ, thuở ấy nhà văn cho rằng muốn ngòi bút của mình sâu sắc thì phải ném trải đủ mọi mùi sương khổ. Nhưng muốn từng trải “cực nhân gian chi phẩm giá phong nguyệt tinh hoài, tối thể thượng chi phong lưu giang hồ khí cốt” như Trần Tế Xương từng viết, thì phải có tiền. Vũ Hoàng Chương lúc đó đã đi làm “sếp ga”, lại thuộc gia đình giàu có ở Nam Định nên thường là đầu tàu kéo theo mấy bạn làng văn tuổi nhỏ như Nguyễn Bính và Tô Hoài vào bước “giang hồ vật”.

Trong hồi ký “Ta đã làm chi đời ta”, nhà thơ lừng danh thế kỷ XX đã kể lại một giai thoại lý thú giữa ba cây viết trong một lần đi tìm thú “lạc phách” với ả đào và ả phù dung như sau:

“Không nhớ rõ năm 1942 ấy đã đi đến tháng thứ bao nhiêu. Chỉ nhớ chắc rằng chuyện xảy ra khoảng mùa Hạ. Vì, nếu không phải mùa Hạ, thì sao có mục “dạo mát trên bờ sông Thương” và mục “ngồi quạt cho người đẹp tỉnh Đông” chứ!

Chiều hôm đó, Hoàng định lên Bắc Ninh, thăm “Biệt phòng” ở xóm Niềm. Mà đã phải nghĩ tới chuyện này, là trong túi đã xu hào không còn rủng rinh nữa. Cần một chỗ nằm yên, có người cung phụng đủ thứ, và rủ rỉ đôi lời ân ái sông!

Ai ngờ, cái số thật trớ trêu! Vừa ra khỏi căn nhà phố hàng Cót, để tiến tới ga Đầu Cầu, thì đụng ngay hai gã: Tô Hoài, Nguyễn Bính.

Tác giả Lữ bước sang ngang tự mắc luôn vào Hoàng, điều này đâu có lạ gì đối với nhà thơ cát bụi ấy. Lạ là lạ ở chỗ anh chàng học trò mặt trắng, hiền lành như con gái kia, là Tô Hoài, cũng nhất định xin kết thành bộ ba “Giang hồ vật”.

Hoàng cảm thấy hơi nguy, cái nguy của một đầu tàu đang lúc cạn than, củi. Không lẽ chạy toàn bằng nước lũ hay sao?

Nhưng, đã đi thì phải đi cho trót. Đến đâu thì đến đâu. Hãy biết một điều: Không mất tiền mua vé cũng cứ “đi” và cứ “đến” được. Hoàng quen khắp mặt các “xếp tanh” (Chef de train) trên quãng đường sắt này mà.

* * *

Bính và Tô lang thì thích thú lắm, mặc dầu riêng chàng Tô có hơi run...

Bánh sắt quay thông thả, chừng 30 cây số một giờ, nhưng rồi thoáng cái đã đến ga Bắc Ninh lúc nào không biết.

Trên sân ga chỉ thừa thớt mấy chục hành khách; Hoàng nhận ra ngay trong số những tà áo màu tung bay phấp phới một dáng vẻ quen quen. Thì vừa đúng dịp đôi mắt lá răm nhìn lên, và tiếng reo lớn được ném ra, át cả tiếng “xình... xịch” của máy hơi nước.

“Anh Hoàng đây hả? Chị Tuyết vừa xuống Hà Nội rồi. Em ra đón người quen nhưng chưa thấy bóng vía đâu cả. Anh xuống chứ?”.

Hoàng đẩy vội hai ông bạn quý vào trong toa rồi cũng vào theo; và ló đầu ra ngoài khuôn cửa, nói một cách uể oải lừng khừng:

“Xuống làm gì bây giờ? Thôi để ít hôm nữa Tuyết nó về hẵng hay”.

Cô đào rượu ở nhà hát của Tuyết xóm Niềm nhe răng cười, có vẻ thông cảm lắm.

Cờ lại phát. Cờ lại thổi. Và chuyến xe lại tiếp tục lên đường, đem theo ba gã hành khách bất đắc dĩ...

Nhưng chỉ một giờ đồng hồ sau thì đến chỗ “sơn cùng thủy tận”. Vì chuyến xe lửa này chỉ đi đến Phủ Lạng Thương là hết nhiệm vụ. Mà đây, Phủ Lạng Thương rồi. Nguy chưa!...

Đàn kéo nhau xuống vậy. Mặt trời cũng đang xuống. Màu nắng quái lê thê trên tỉnh lỵ Bắc Giang. Ngày mùa Hạ dài thật. Và như thế, đêm nay sẽ ngắn. Lời tục nói “Tháng năm chưa nằm đã sáng”; âu cũng là một điều may cho Hoàng.

May nữa là Tô Hoài chợt nhớ ra một người, chắc chắn đang có mặt trong dãy phố yên tĩnh của phủ Lạng, sông Thương. Người ấy là Bàng quân Bá Lân, có nhiều thơ đăng báo và in thành sách, lại có nhà cửa ruộng nương, đồn điền trang trại, khét tiếng vùng này.

Khốn nỗi cả ba đều chẳng ai từng có dịp nhất kiến với ông Bá họ Bàng cả. Không biết đến quấy rầy người ta có tiện chăng?

Nhưng suy đi xét lại, đằng nào cũng là trong văn giới với nhau. “Tương phùng hà tất tăng tương thức”. Bạch Cư Dị chẳng đã bảo thế là gì!...

Quả nhiên khi gặp nhau, chẳng một ai ngỡ ngàng; khách thì rất tự nhiên, mà chủ thì cười nói liên hồi, ra chiều thích thú, an nhiên tự tại lắm.

Rồi cơm được bưng ra, khả dĩ ăn no bụng. Câu chuyện thơ văn cũng được đề cập, khả dĩ thêm hương vị cho chén trà mạn đàm...

Và rồi chủ nhân mời khách cùng ra đường:

“Chúng ta đi dạo phố một lát cho tiêu cơm. Đến cầu sông Thương sẽ quay về ngủ cũng còn sớm chán!”.

Câu nói giản dị này đã tác động với ba chiều hướng khác nhau trong tâm lý rất phức tạp của bộ ba Hoài, Hoàng, Bính.

Chàng Tô thì mẫn ý quá. Nhà văn thơ sinh này chỉ phiêu lưu theo kiểu Dế Mèn. Bỗng nhiên được ngao du không mất tiền, lại được ăn ngon và hứa hẹn một giấc ngủ kỹ; thế là nhất rồi! Còn Hoàng, chẳng vui chẳng buồn. Công trình dự định đã sai bét cả, thôi đành lẽ phó cho định mệnh đẩy đưa. Đối với Hoàng, cái tỉnh lý Bắc Giang này quá quen thuộc. Cả đến con sông Thương nước chảy đôi giòng kia, đục phía nào trong phía nào Hoàng cũng nhắm mắt mà thấy được. Lại thấy cả trong ký ức những nhà ai nơi xóm hát bên kia cầu! Nhưng thôi, gió chưa lên, hãy dạo mát đôi ba vòng rồi về ngủ cũng tạm ổn. “Đáo giang tùy khúc, nhập gia tùy tục” mà! Tuy nhiên, Bính thì hận lắm. Nhà thơ này cứ tưởng thế nào chủ nhân cũng đãi một châu hát linh đình, gọi là đánh dấu cuộc hội ngộ “Tứ bất tử” mới đích đáng chứ! Đi khắp thiên hạ, mồn gót giày gầy bánh xe để tìm “tri kỷ”, mà “tri kỷ” lại bảo dạo phố rồi về ngủ sớm, trước mười giờ tối; hỏi có ức không?

Thế rồi linh kinh suốt đêm hôm ấy, Bính cứ ngồi dậy hút thuốc ào ạt hoài.

“Lắm muối quá, Hoàng nhỉ?”

“Ừ thì lắm muối. Ở đây gần rừng rồi mà! Phũ Lạng còn khá đấy, chứ lên chút nữa, như Bó Hạ, Bắc Lệ thì phải biết, thiếu mặn, không nhắm mắt được yên đâu!”

“Thế mà Tô Hoài nó ngả lưng xuống là “kéo gối” liền. Chịu thật!”

“Thì đang sức ăn sức ngủ của người ta”.

“Đành rồi! Nhưng chúng mình khác”.

Làm thế nào cho qua được đêm nay đây?... À, Bính với Hoàng liên ngâm một bài chơi đi. Thử lấy vần điệu làm binh lược phá cái thành Sầu này xem sao!

“Phá thì phá. Ra quân trước đi! Cho nó “Lỡ bước...” một thể”.

“Khó gì. Đây câu đầu: Tô Hoài, Nguyễn Bính, Vũ Hoàng Chương”.

“Vần này dễ. Hoàng nói đây này: Còi thét vào ga Phũ Lạng Thương”.

“Hay! Tiếp câu ba luôn đi; rồi Bính sẽ đổi cho thành câu bốn và ném câu năm ra liền”.

“Thong thả! Ý thì sẵn nhưng vận dụng chữ nghĩa hơi khó. À, đây rồi: Sở tại bàng quan châu xuống xóm”.

“Chữ “bàng quan” nhẹ quá, nhưng chữ “Sở tại” thì hay, hay!... Bính đọc tiếp câu bốn câu năm nhé!”

Nói vậy thôi chứ Bính loay hoay mãi, hút đến cả chục mỗi thuốc lào, và bị Hoàng giục đến lần thứ ba rồi Bính mới cười vang lên, và lấy giọng đọc:

“Thi nhân bá ngọc chuyển lên đường.

Hai giòng trong đục thêm ngao ngán”.

Hoàng trầm ngâm một phút:

“Dùng chữ “bá ngọc” người ta tưởng mình là sư thì sao? À mà... “Anh hùng mạt lộ án vi tăng [1]”; làm sư một nửa thì “bá ngọc” được lắm!

Nhưng “Hai giòng trong đục”, khó đối cho Hoàng quá! Đề nghị sửa thể này:

“Giòng trong giòng đục thêm ngao ngán,

Và Hoàng sẽ đối:

“Chùm chín chùm xanh uổng vấn vương”.

Bính nhảy dựng lên:

“Tài lắm. Gọi cảm đến chết người! Hoàng làm cho Bính càng hận vô tả. Nghe rõ từng tiếng đàn đáy đang “chùm chín chùm xanh” ở bên tai...”

Thế rồi cả hai cùng nằm xuống giường nghĩ nốt hai câu kết. Loanh quanh thế nào ngủ quên mất. Chắc chắn là Bính ngủ sau Hoàng.

Mãi đến khi cáo biệt Bàng quân ra ga Phũ Lạng để “hồi đờ”, mới hoàn tất được bài Liên ngâm, trước sự ngạc nhiên của tác giả O Chuột và Dế mèn phiêu lưu ký.

Chép lại toàn bài như sau:

Tô Hoài, Nguyễn Bính, Vũ Hoàng Chương

Còi thét vào ga Phũ Lạng Thương.

Sở tại bàng quan châu xuống xóm,

Thi nhân bá ngọc chuyển lên đường,

*Giòng trong giòng đục thêm ngao ngán,
Chùm chín chùm xanh uổng vẫn vương.
Nằm muỗi qua đêm chờ sáng dậy:
Còn xe Phong hỏa xé màn sương!”*

Ký của Tô Hoài

Với gần nửa thế kỷ lao động nghệ thuật Tô Hoài đã có những đóng góp rất quan trọng cho nền văn học nước nhà ở cả giai đoạn trước và sau cách mạng Tháng Tám. Con số gần 200 tác phẩm đã xuất bản chứng tỏ ở Tô Hoài một sức sáng tạo mạnh mẽ, dài hơi, kiên nhẫn, đều đặn và liên tục, đủ để đưa ông trở thành một trong những cây đại thụ của nền văn học Việt Nam. Ở mảng sáng tác nào, ông cũng có những thành công và ghi được dấu ấn riêng. Riêng ở thể hồi kí, ông cũng đã khẳng định được tài năng và sức sáng tạo mãnh liệt của mình. Tìm hiểu năm tập hồi kí: Cỏ dại, Tự truyện, Những gương mặt – chân dung văn học, Cát bụi chân ai, Chiều chiều, ta thấy hồi kí Tô Hoài có những đặc trưng về cảm quan nhân bản, về con người và sự kiện được nhớ lại và cả về nghệ thuật trần thuật.

Cảm quan nhân bản đời thường là cái nhìn xuyên suốt, bao trùm trong suốt trong năm tập hồi kí. Dù viết về ai, những người bạn nghệ sĩ, những con người bình thường hay chính bản thân



mình, Tô Hoài cũng xuất phát từ quan niệm: “người ta ra người ta thì phải là người ta đã chứ”¹. Có sao viết vậy, cả tốt xấu dở hay, cả những thói tật, những chuyện “bí mật riêng tư”, nhà văn cũng không hề né tránh. Chính vì thế, đọc hồi kí của ông, chúng ta một lần nữa được biết thêm rất nhiều điều thú vị về chính nhà văn, về tuổi thơ, những gì ông phải trải qua trong cuộc đời. Đó là một Tô Hoài phải lớn lên “giữa những buồn vui, những gian truân trong mọi tập tục thói quen của tầng lớp tuổi tôi ở làng”. Đó là một ông ngoại yêu

thương cháu hết mực nhưng cũng có nhiều lúc đối xử rất tàn nhẫn với bà, là thầy giáo Tỏi khắt khe với học trò nhưng hoàn cảnh cũng rất đáng thương, là ông Ngải thật thà chịu khó với những thói quen chẳng bao giờ thay đổi: uống nước chè vô đặc sánh thay cho bữa ăn sáng, ngủ ngoài bụi tre... Đến tuổi trưởng thành, Tô Hoài phải làm rất nhiều nghề để kiếm sống. Có những lúc cũng rơi vào bế tắc, thậm chí định làm tiền cả những cô gái làm tiền! Chính trong hoàn cảnh đó, ông đã được tận mắt chứng kiến sự buồn thảm, đen tối của xã hội khiến sự xót thương những con người cùng khổ bất hạnh và nỗi thương chính bản thân mình trong con người nhà văn từng ngày lớn dần lên, thấm ra ngọn bút và biến thành niềm khát khao đổi thay. Để có được Tô Hoài như ngày hôm nay, suốt một hành trình dài gần một thế kỷ, Tô Hoài đã trải qua bao khó khăn và phải luôn tự đấu tranh để chiến thắng chính mình, kể cả những lúc ông vấp ngã. Điều đáng nói là xuyên suốt các hồi kí, Tô Hoài luôn thể hiện cái nhìn chân thực về chính bản thân mình. Càng có tuổi, lời tự bạch của ông về những quãng đời đã qua càng thấm thía và sâu sắc hơn. Nói như nhà nghiên cứu Vương Trí Nhàn: “Bằng bạc trên những trang viết là một cách cảm riêng về cuộc đời, một niềm tâm sự đau đáu”² của Tô Hoài!

Trong cảm quan về hiện thực của nhà văn còn có chân dung những người nghệ sĩ mà ta rất yêu mến. Với cái nhìn nhân bản đời thường ấy, nhà văn đã rút ngắn đến mức thấp nhất khoảng cách giữa người đọc với người kể, giúp chúng ta được tiếp cận, được bước vào một thế giới đời thường phía sau thế giới nghệ thuật lung linh, huyền ảo mà ta vẫn thường biết đến qua tác phẩm của những nhà văn. Điều đáng nói ở đây là ngay cả khi viết về những thói tật của những

người nghệ sĩ lớn, Tô Hoài vẫn viết bằng tất cả tấm lòng chân thành của một nghệ sĩ chân chính, bằng cái nhìn cảm thông chân tình nên chúng ta không cảm thấy nhà văn hạ thấp họ hay cố tình “đập vỡ” những thần tượng của bạn đọc. Trái lại, càng hiểu về cuộc đời riêng của họ, ta càng cảm thấy cần phải cảm thông, chia sẻ, hiểu người để từ đó hiểu văn của họ nhiều hơn, như Nguyễn Tuân, Nguyễn Hồng, Xuân Diệu, Nguyễn Bính....

Hồi kí là lối văn nói về chính cái tôi, nói về bản thân tác giả. Song với Tô Hoài, hồi kí của ông còn là rất nhiều những cuộc đời, những phong tục riêng ở những vùng miền mà nhà văn có dịp được đến, là cuộc sống của người nông dân có cả thời kì cải cách ruộng đất, có cả không khí sáng tác văn học rất căng thẳng thời kì Nhân văn giai phẩm... Tất cả những chuyện ấy đều phải là chuyện của riêng ông. Đó là chuyện cuộc đời. Như thế, với Tô Hoài, qua những kỉ niệm và hồi tưởng của bản thân, ông đã nhằm nói về cuộc đời chung. Những chuyện về cuộc đời riêng mà ông kể trong hồi kí bao giờ cũng gọi ra một điều gì đáng nói của cuộc đời. Chính vì thế, có người cho rằng, khó mà nói trong các mạch nguồn làm nên dòng sông chữ nghĩa của Tô Hoài, mạch nào là chìm, mạch nào là nổi. “Có chìm có nổi, nhưng nổi hoặc chìm đều dồi dào trữ lượng và mang sự sống riêng, sự sống Tô Hoài”³. Sự hoà nhập những câu chuyện riêng của đời ông vào cuộc đời chung đã làm nên đặc trưng phản ánh hiện thực của hồi kí Tô Hoài. Mỗi lần viết hồi kí là mỗi lần đấu tranh tư tưởng để nói ra sự thật. Tô Hoài đã đấu tranh, đấu tranh để vượt lên chính mình, để mở rộng tầm mắt cho tất cả sự thật ùa vào, để dũng cảm nói ra sự thật, kể cả những sự thật tưởng như chỉ có thể “đào sâu chôn chặt”. Ông viết Cỏ dại khi ông hơn hai mươi tuổi, viết Tự truyện khi năm mươi tuổi, viết Những gương mặt - chân dung văn học, Cát bụi chân ai và Chiều chiều khi đã ở vào trên dưới cái tuổi “thất thập”. Có người cho rằng ông nói ra những sự thật ấy là bởi ông đã già nhưng thực ra không phải như vậy. Có lẽ ông viết sự thật là xuất phát từ quan niệm của riêng mình “sự thật đã là đẹp rồi”⁴. Và đã là đẹp rồi thì cần gì phải thêm bớt, tô vẽ làm gì sự thật ấy. Vượt lên chính mình để trung thành với sự thật, Tô Hoài đã tạo ra được một tiếng nói riêng ở thể hồi kí, không thể lẫn với bất kì một nhà văn nào.

Ai đã từng đọc hồi kí Tô Hoài, hẳn không thể không ấn tượng với một Tô Hoài hóm hỉnh mà thông minh. Rất tự nhiên, ông đi hết từ chuyện này sang chuyện khác, có chỗ tưởng như “lan man kể cà nhưng lại không hề vô vị”⁵. Từng câu nói, từng tiếng cười, giọng điệu của từng nhân vật, từng con người ngoài đời như thế nào thì ông để cho thật tự nhiên đi vào tác phẩm như thế. Tất cả những điều ấy thể hiện một nghệ thuật trần thuật đặc sắc ở hồi kí Tô Hoài. Từ ngay chất liệu rất “tươi mới” của đời thường, nhà văn có một cách riêng khi xây dựng cốt truyện. Cỏ dại và Tự truyện được xây dựng theo trật tự thời gian từ lúc ấu thơ ở làng Nghĩa Đô cho đến khi trưởng thành đi khắp nơi kiếm sống và tìm đến với cách mạng, đến với nghề văn của nhà văn. Những gương mặt – chân dung văn học là từng chân dung những nghệ sĩ cụ thể được phân chia rất rõ ràng nhưng đến Cát bụi chân ai và Chiều chiều, nhà văn đã sử dụng một kết cấu vòng tròn rất hiệu quả.

Các câu chuyện được kể theo một mạch hồi tưởng rất tự nhiên như dòng chảy của cuộc đời thực, nhớ đến đâu nhà văn kể đến đó bằng một thứ ngôn ngữ dung dị, đời thường bằng sự kết hợp rất nhiều giọng điệu, vừa hài hước, dí dỏm, tinh quái, vừa suồng sã, tự nhiên vừa trữ tình, thậm chí tạo nên sự phức điệu trong hồi kí.

Suốt một đời văn, Tô Hoài đã tạo cho mình một phong cách riêng, một “thương hiệu” nghề nghiệp riêng đáng kính trọng. Tuy vậy, trong suốt hành trình hơn nửa thế kỉ ấy, cũng có lúc nhà văn phải nếm trải sự bùi ngùi khi không phải tác phẩm nào cũng thành công. Đó cũng là những thử thách bản lĩnh nghề nghiệp đối với một nhà văn. Tô Hoài đã vượt qua được những thử thách đó. Gần 70 năm cầm bút của ông thực sự là một cuộc chạy đua đường trường mà ông phải hết sức nỗ lực. Vị trí của ông trong lòng bạn đọc và Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học

nghệ thuật đợt 1 (1996) cao quý mà ông vinh dự được nhận chính là minh chứng sinh động nhất cho một cuộc đời lao động nghệ thuật không mệt mỏi, suốt đời phấn đấu, suốt đời cống hiến hi sinh cho đời.

Đánh giá về Tô Hoài và văn nghiệp của ông không phải là công việc làm một lần bởi một người là có thể hoàn tất. Bởi văn Tô Hoài nói chung và hồi kí nói riêng thực sự là những tác phẩm có giá trị, như một mạch ngầm trong lòng đất, càng khơi càng trong, càng ngọt ngào bất ngờ và thú vị, nói như nhà nghiên cứu Vương Trí Nhàn: “Dường như cả cuộc đời từng trải đã chuẩn bị cho những trang viết hôm nay của ông. Hồi kí là nơi cả con người tác giả cùng cái triết lí ông mơ hồ cảm thấy và đã theo đuổi suốt đời cả hai đã có dịp bộc lộ” 6

Nguồn: Hội nhà văn Việt Nam

(1) Tô Hoài. Hồi kí – Nxb Hội Nhà văn, 2005

(3) Vương Trí Nhàn – Tô Hoài với thể hồi ký – (Lời bạt cuốn Hồi ký) – Nxb Hội Nhà văn, 2005.

(4), (5), (6) Vương Trí Nhàn – Cuộc phiêu lưu giữa trần ai cát bụi – trong Cánh bướm và hoa hướng dương – Nxb Hải Phòng, 1999.

Phụ đính I:



Độc Plastic - Tặng bookmark
Nhà sách SaigonCom.vn

Tùy bút Hà Nội băm sáu phố phường

Hà Nội xưa kia không có các huyện ngoại thành. Lên đến Bưởi đã là ngoại ô. Ra Cầu Giấy, nói đầy đủ là ra đến Ô Cầu Giấy đã hết địa phận thành phố. Người Pháp định đưa huyện Hoàng Long-hầu hết quận Đống Đa bây giờ, làm ngoại thành gọi là đại lý Hoàn Long. Tri huyện Đặng Vũ Niết, vừa nhậm chức quan đại lý thì đảo chính Nhật 9-3-1945, thế là tong.

Tỉnh Hà Đông, tỉnh Bắc Ninh bọc quanh, Hà Nội hẹp toan hoản ở giữa. Xướng cuối đường Huế đã hết đất thành phố. Làng Yên Phụ bờ hồ tây thuộc Hà Đông. Đảng Kim Liên đảng sau bệnh viện Bạch Mai đã ra khỏi phố. Đường lên Bưởi, qua cửa trường Bưởi (trường Chu Văn An bây giờ) đã gặp làng Thụy Khuê ngoại ô rồi. Bãi giữa dưới cầu Long Biên giữa sông Hồng thuộc đất huyện Gia Lâm tỉnh Bắc Ninh. Đầu phố Khâm Thiên đảng này, chỗ cái Bari-e chắn đường xe lửa là hết đất Hà Nội. Xem tay bánh sắt, gọi là xe ngoại, cu li kéo hết phố Khâm Thiên, phải đổi sang xe bánh cao su mới được vào thành phố. Vùng Khâm Thiên còn gọi là Hà Đông!

Phố phường thời Tây chia từng khu khác nhau. Không có bảng chỉ dẫn, không có tường chắn, không ai ngăn cấm những người đi qua đường phải tự hiểu như thế, mà liệu bước. Các phố hàng Bài, Tràng Tiền, Hai Bà Trưng, Trần Hưng Đạo, Điện Biên, Lê Hồng Phong, Hùng Vương bây giờ là khu vực khó Tây-phần đông chỉ người Pháp hoặc nhà người "An Nam" nhưng giàu có, sang trọng. Nhà nhà vườn, tường hoa cổng sắt riêng ô tô ra. Phố Tây vắng, loáng thoáng người qua lại, phần nhiều chỉ là người đi làm đầu bếp, tài xế, các cô khâu đằm, chị Hai giữ trẻ nhà Tây.

Người như tôi lúc ấy, những thanh niên chân xỏ đôi guốc mộc, áo dài thâm, bước thút thểu, qua cửa nhà sang trọng hay nhón nhác nhóm ngó. Thế nào cũng có đội xếp rôi mắt xem có phải kẻ gian "chú thích" không. Chẳng ai dại gì lai vãng qua phố Tây.

Hàng Gai, hàng Ngang, hàng Bông, Hàng Đào, chợ Đồng Xuân, người chen chúc đông đúc qua lại bên này Hồ Gươm. Khu buôn bán sầm uất, ở đây mới lăm các tay "chích cược" (trộm cắp) và du côn du kê.

Sinh sôi theo đời sống thành phố, Hà Nội còn có 2 khu khác mà ít người nhận ra và phân biệt được.

Các phố nhỏ yên tĩnh 2 bên chợ Hôm và đường Huế. Bây giờ là đường Trần Xuân Soạn, Ngô Thời Nhiệm, Phùng Khắc Khoan, Hòa Mã và bên này, Mai Hắc Đế, Triệu Việt Vương, Bùi Thị Xuân. Mới hôm nào đi từ dốc cây Thị Hàng Kèn xuống Vân Hồ, còn bãi hoang, đằm lầy, tre pheo làng xóm lơ phơ. Trơ trọi cái trường Hàng Kèn hay Thân Trọng Huệ (trường Quang Trung bây giờ), đằng xa cũng nhìn thấy những cây bàng xanh rì mới trồng. Rồi nhà cửa, phố xá mọc dần lên. Người làm vô làm việc, người buôn bán, kẻ giàu người nghèo ở chen nhau. Vùng này, phố của những công chức, các ông ký ông thông, nhà buôn phố trên để dành tiền làm nhà tạu nhà. Thông thường ngày nay còn thấy dấu vết, nhiều ngôi nhà một hai tầng lợp ngói, nách tường có cửa bên. Tầm gác gác lên bậc thềm. Anh xe giắt cái xe cao su nhà ở sân trong ra. Xe đưa cậu đến sở. Xe kéo mợ đi chợ. Bây giờ nhà cửa các phố này còn phảng phất vẻ êm đềm phong lưu bề ngoài thời ấy.

Một vùng khác dưới dọc đê sông Hồng. Các bãi Cơ xá, nghĩa Dũng, Phúc Xá-bãi An Dương còn bỏ hoang, xuống tới bến Phà Đen toàn nhà lá-những túp lều lá. Đến mùa hanh hao (nhà nào theo câu tường thuật của các báo thời ấy bị "thần hỏa ra oai") thế là cháy luôn cả dãy. Đây là nhà những người nghèo, cu li dọn kho, bắt-tê cửa ga, kéo xe, phu phen khuôn vác, đổi thùng, thợ hồ, người các vùng quê đói rách đổ ra kiếm sống ở thành phố đều chui rúc xuống ở bãi. Có một hồi, về Hà Nội, Nguyễn Hồng cũng ở 1 gian nhà lá thuê dưới bãi Nghĩa Dũng, tôi thường xuống chơi. Khi ấy, vợ chồng anh mới có con đầu lòng- cháu Hà. Nhà vách đất tối om vào cửa phải cúi đầu. Cả gian nhà kê vừa cái giường chõng. Dưới sgầm chiếc hòm gỗ. Tất tạt, gạo nước nồi niêu, quần áo tống cả vào hòm. Bên chân giường dựng bó củi nửa và cái hỏa lò để chị ấy thổi cơm.

Lều lán và người nghèo rúc ráy cả ở dưới bãi. Đây cũng lại là vùng tụ tập sông bạc và tay chơi có hạng. Bọn trùm gá bạc như ba Sinh, Hai Cua và baonhiều bọn đầu trộm đuôi cướp khác. Sở mật thám biết rõ tổng tích mà không làm gì. Những tù xổng làm quân cướp ngày, những chúa du côn được chủ xe hàng thuê đứng bến đánh nhau tranh khách đều sinh sống ở các xóm bãi. Đứng trên đê trông xuống chỉ thấy những mái lá lươn nhưom, nhòm nhính bên đất cát lẫn lộn với mặt nước đỏ rực. Sáng sớm, người ra ỉa bãi bờ sông tha thần, con chó lùn cũn theo. Các nhà gánh nước ăn về đánh phèn đôi thùng cũng từ dưới sông lên, bước lẩn giữa mọi thứ củi mục, phân người rác rưởi. Buổi chiều, gió lạnh ngoài kia quạt lên hun hút.

Lều lán và người nghèo rúc ráy cả ở dưới bãi. Đây cũng lại là vùng tụ tập sông bạc và tay chơi có hạng. Bọn trùm gá bạc như ba Sinh, Hai Cua và baonhiều bọn đầu trộm đuôi cướp khác. Sở

mặt thám biết rõ tông tích mà không làm gì. Những tù xổng làm quân cướp ngày, những chúa du côn được chủ xe hàng thuê đứng bến đánh nhau tranh khách đều sinh sống ở các xóm bãi. Đứng trên đê trông xuống chỉ thấy những mái lá lươn nhuộm, nhôm nhính bên đất cát lẫn lộn với mặt nước đỏ rục. Sáng sớm, người ra ỉa bãi bờ sông tha thẩn, con chó lùn cũn theo. Các nhà gánh nước ăn về đánh phèn đôi thùng cũng từ dưới sông lên, bước lẩn giữa mọi thứ củi mục, phân người rác rưởi. Buổi chiều, gió lạnh ngoài kia quạt lên hun hút.

Vùng cồn chực ở và vùng bãi ngày càng chen chúc, bởi các thành phố mỗi lúc một nhiều người hơn. Dần dần, hầu hết các làng gần xung quanh đều làm các nghề phục dịch. Người ta bảo chỉ có chợ canh mới ngon thịt. Những hàng thịt chó chợ Đồng Xuân, hàng Đồng đều người trong Canh, làng Mơ có nghề nấu rượu, gọi là mơ rượu, lại còn Mơ Cơm-các hàng cơm đầu ghế trên phố hầu hết người Hoàng Mai. Người Lai Xá làm các nghề ảnh. Ước lễ giò chả, mở hàng cơm tám và hiệu may quần áo tây. Các cửa hàng này hay có chữ Ước, chữ Hương, Tân ước, Tân Việt, Tân Hương..Người Thanh Trì bán đậu phụ, đậu nướng om nghệ và bánh cuốn. Bánh cuốn Thanh Trì lá bánh mỏng soi lên được, bóc từng cánh, ăn với giò lụa chấm nước mắm cà cuống. Làng ở các cửa sông và lạch nước rãnh, nước thải ở Đại Từ, ở quanh Khâm Thiên, ngã Tư Sở, cống Đò làng, Hồ cấm rau muống bè. Nhà sành ăn chỉ chuộng rau muống sông Tô Lịch. Luộc mềm, xanh nước, ra ống, ra lá. Làng Thụy bán quà sáng, quà trưa, bún ốc, bún chả, xôi vò, chè đường...Kẻ Nhót chuyên buôn thuốc Lào bán lẻ các chợ, thành tên thuốc Lào Nhót. Đàn ông làng Thanh Nhàn xách hòm đi cắt tóc rong các phố. Trại Thủ Lệ thâu giặt chăn đệm nhà tây, trại lính, nhà thương. Người Cổ Nhuế Hoàng làm hàng thêu may cắt quần áo nhà binh.

Đời sống thành phố cò con, người ta bới bèo tìm bọ, sinh sống trên lưng nhau, nuôi lẫn nhau. Người đi ở, đi phu, đổi thùng, làm mướn phụ bồi, phụ bếp, kéo xe, kéo quạt, cu li san, làng nào cũng có. Đến đêm, bốn phía trong cánh đồng trông vào thấy trời thành phố hừng sáng, ban ngày lũ lượt nguwoif kéo ra. Người vô công rồi nghề, người thất nghiệp đầu cũng nhan nhản. Chúng tôi thất thểu đi tìm việc qua đêm qua ngày.

Việc ở đâu, cái gì Tây cũng làm cả từ bên Tây đem sang. Cái nắp cống gang, cái ống nước bằng chì, lọ thủy tinh đựng thuốc, mảnh sắt sơn xanh đề số nhà, tên phố đều làm ở Pháp, tàu thủy tải sang. Cột đèn tròn, cột dây điện vuông ở góc phố, cũng đúc tận bên ấy. Các hãng Tây buôn càng phát tài bán được nhiều thứ cho thuộc địa. Cả đến hòn gạch, hòn ngói đầu tiên cũng đóng ở Mạc Xây. Ngói gạch thời ấy đề "Làm tại Mạc Xây". Mãi nhau mới có nhà máy gạch Satic của chủ Tây đường Quán Thánh rồi mới đến gạch Hưng Ký. Những ngôi nhà được làm từ giữa thế kỷ đổ về trước, xem hòn gạch, hòn ngói, cái ống cống nước có in hiệu đều đề rõ tuổi công trình.

Cái nhà, bức tường vòm cống, bờ hè viền xi măng hay viền đá xanh đều có thể đọc ra cuộc đời và nhìn thấy tang thương Hà Nội. Những bờ hè đầu tiên bọc vữa đá xanh, thợ dẻo đá khiêng quảy ở núi Trầm núi Thầy về. Còn thấy vữa đá và đá lát ở đôi chỗ quăng giữa các phố Thành Tiền, hàng Khay, Ngô Quyền-trung tâm thành phố, nơi người Pháp ở.

Muốn biết tuổi thọ ngôi nhà, cứ trông dáng kiến trúc, hòn ngói, cái cửa sổ, hàng hiên với cái lan can và ở phố Bà Triệu, hàng Khay đôi khi ngược lên còn nhìn thấy trên đầu tường ghi hàng số ghi năm sinh dinh cơ ấy

Đừng ai nhầm những ngôi nhà mái cong tường dày, có dáng cổ kính ở đường Nguyễn Du, ở đầu trại hàng Hoa, nhà cô Bảo Đại, là những tòa ngang dãy dọc xưa cũ nhất thành phố. Các nhà ấy còn quá non tuổi đấng khác. Ấy là khi chiến tranh thế giới lần 2 nổ ra, hải quân Đức phong tỏa đường biển, phát xít Nhật đã đổ bộ lên Đông Dương, sắt thép bên tây không tải sang được, các nhà thầu nảy ra sáng kiến làm kiểu nhà cổ. Không mấy xi măng cốt sắt, vôi cát, các mái ngói và bờ tường dày bọc bích. Lại hợp với phong trào "phục cổ" bấy giờ.

Cách đây ít năm lúc chập tối, một tầng trong ngõ Trần Nhân Tông cạnh hồ Thiền Công bỗng sập xuống nguyên cả trần nhà. Như cái bẫy chuột, chết vùi mấy người. Ngôi nhà ấy xây vào thời phục cổ này, Trần nhà, đáng kể cốt thép, người ta làm bằng xi măng cốt tre.

Chúng tôi lặn lội đi tìm việc kiếm sống giữa đất Hà Nội nhốn nháo. Có lúc băng khuâng. Có lúc chạy thực mạng. Có lúc đứng lại cả buổi ngẩn ngơ ngắm tủ kính hàng vải vóc hiệu Tây Quảng cuối hàng Đường và cửa hàng tạp hóa Tây lùn mở số quay có thường ở chợ hàng Da. Có khi lang thang suốt đêm nghe tiếng đồng hồ quả lắc các phố hàng Đào, hàng Ngang đánh chuông chen nối nhau đầu phố cuối phố. Hàng đàn chuột chạy 2 bên cống. Một lúc thấy hiện ra những bóng người đứng đập cửa chan chát rồi gọi: Đổ thùng, đổ thùng!. Thật rõ đấy là tiếng gọi "đổi thùng, đổi thùng", phu đổi thùng xia của nhà thầu Năm Diện đã đi làm. Vừa đúng nửa đêm. Đến lúc trời sắp sáng, rồi trời sáng.

Quanh bờ hồ Gươm, trên chòm lá cây cọ, những đàn sếu, đàn mòng két phương xa về đậu đen ngòm, cứt lớt thướt trắng xóa xuống. Trên bờ tường đá nhà pha Hỏa Lò, nhô lên cái mặt đen sì của người lính da đen bên đầu lưỡi lê sáng trắng. Đã đến giờ đổi tan canh. Năm trước còn trông thấy cả đôi giầy người lính gác bỗng sùng đi dạo trên mặt đường chằng dây điện cắm mảnh chai lờm chờm. Bây giờ không thấy nữa. Bức tường quanh nhà tù Hỏa Lò mới được xây cao thêm, có đến 1 thước, giờ vẫn còn hằn cái ngấn xi măng.

Giữa Hà Nội quen thuộc quá mà phường phố thật xa lạ!

Độc chuyện cũ Hà Nội Đặng Tiến

Mùa này, năm xưa, nhân giới thiệu tác phẩm Chiều Chiều của Tô Hoài, chúng tôi có viết bài tổng quan về hồi ký Tô Hoài, để mừng nhà văn lên tám mươi tuổi, 1920-2000. Năm nay, nhớ lại những bài Tô Hoài viết về Hà Nội, mỗi lần tái bản đều có bổ sung, trong Chuyện cũ Hà Nội 1, chúng tôi lại mừng Tô Hoài thượng thọ chín mươi mốt tuổi, và tính theo ngày ta : anh sinh đêm Rằm 16 Trung thu năm Canh Thân, truy ra là ngày 27/9/1920, tại làng Nghĩa Đô, phủ Hoài Đức, Hà Đông, nay thuộc quận Cầu Giấy, Hà Nội. Vào tuổi "thieu quang chín chục", sau 170 đầu sách, ngòi bút Tô Hoài vẫn dạt dào xuân sắc. Vẫn một dòng suy cảm, một khối u hoài. Duy niềm u hoài bên Xóm Giếng ngày nay nhẹ phần mơ mộng, thêm phần tự lự . Chuyện cũ Hà Nội là niềm hoài cựu miên man về một thành phố, đồng thời là khối trầm tư ray rứt một đời người về thân phận làm người.

Về Chiều Chiều, tôi đã từng viết : « Nói chung, kể cả những truyện hư cấu, truyện lịch sử,... Tô Hoài viết cái gì thì cũng ra tự truyện ». Chuyện cũ Hà Nội thật ra là Chuyện Cũ Tô Hoài, những mảnh đời cụ thể, những mảnh tình cảm, suy tư non một trăm năm dâu bể. Tư liệu và tư duy. Nhân chứng và tâm chứng. Nghiệm cho cùng, tác phẩm Tô Hoài là chuyện về con người trong tình đời không bao giờ cũ.

*

Chuyện cũ Hà Nội in lần đầu năm 2000, là một tập ký sự về Hà Nội. Bản in 1986 gồm 42 chuyện, bản in 1994 gồm 64 chuyện, bản in mới gồm 114 chuyện, có chuyện lấy lại từ Hà Nội và Hà Nội (1996), như Vườn Hoa, tên cũ là Vườn và Hoa, cây hoa. Nhưng đây vẫn chưa phải là toàn bộ những bài viết của Tô Hoài về Hà Nội, ví dụ không có bài xuất sắc Đôi Nét Hồ Tây trong Hà Nội và Hà Nội. Ấn bản 2000 không phải là 'có bổ sung' mà còn có sửa chữa và có thể nói toàn bộ mang một nội dung mới : hai ấn bản trước mang tính cách hồi ký, có giá trị xã hội

hoặc dân tộc học về địa phương Hà Nội, thì ấn bản sau này mang dụng công dân tộc học rõ ràng hơn, theo gương người xưa : « Các danh sĩ Lê Quý Đôn, Phạm đình Hồ, thời các cụ chưa có các môn xã hội học, phong tục học, nhưng các cụ đã ý thức ghi chép cẩn thận về mũ áo và cái nón , bởi cái nón cũng tỏ ra phân biệt địa vị con người » (tr. 509) . Tô Hoài đã mở rộng đề tài Hà Nội sang địa hạt văn hoá dân tộc trên cả hai chiều lịch sử và thời sự, như bài Đất nói về những dụng cụ làm bằng đất, công dụng hòn đất trong đời sống dân tộc hay bài Tiếng Trống, Đình Làng, nón Xưa vượt ra khỏi chu vi Hà Nội. Những bài như Dung và Quyền nói lên thân phận con người chìm nổi trong lịch sử : hoạ sĩ Ngô thức Dung, tốt nghiệp Cao Đẳng Mỹ Thuật cùng khoá với Nguyễn Đỗ Cung, sau 1954 bán vé tàu điện đường Bưởi, không còn nhận ra bạn bè « chán đến nỗi không còn muốn nhận ra nhau nữa » (tr.727).

Trong Hà Nội và Hà Nội, Tô Hoài viết : điều lạ lùng là tôi không thể bao giờ cắt nghĩa hết được sự nổi tiếp chìm nổi của những cuộc đời con người trong thế kỷ vừa qua trên đất nước ta (tr. 153). Chuyện cũ Hà Nội là thân phận trầm luân của những kiếp người dập dềnh giữa ánh sáng và bóng tối. Ấn bản 2000 so với hai ấn bản trước vừa nâng cao gấp đôi số lượng, vừa nói rộng chất lượng chuyện và rọi sáng tâm hồn tác giả, vậy chữ bổ sung không chính xác. Tô Hoài, người và văn, qua sáu mươi năm vẫn vậy, mỗi ngày một sắc nét, dù giọng nói có trầm xuống.

*

Chuyện cũ Hà Nội ghi lại những biến đổi trong nếp sống của một thành phố, qua cuộc biến dâu của đất nước suốt thế kỷ XX và sự chuyển động văn hoá trên toàn thế giới, trên con đường Âu hoá, đô thị và công nghiệp hoá. Dòng chuyển hoá chung của xã hội loài người lại va phải những ghềnh thác trong lịch sử Việt Nam qua cuộc chiến đấu dai dẳng kéo dài hơn nửa thế kỷ – cuộc tranh chấp – phức tạp, qua nhiều giai đoạn, giữa nhiều thế lực, khi tiềm ẩn, khi thô bạo. Tô Hoài sinh hoạt , quan sát, suy ngẫm, hồi tưởng và ghi chép trong ý thức thâm trầm và sáng suốt về văn hoá và nhân đạo. Đã nhiều người viết về Phở, thậm chí viết hay hơn Tô Hoài. Nhưng những bài viết của Tô Hoài, từ tiếng rao đêm ‘ngưu nhục phần’ của người Hoa, đến gánh Phở chợ ngoại ô những năm 1930, đến Phở không người lái thời chống Mỹ, cho đến tô phở Vịt, phở Chó ngày nay, món ăn đã phản ánh những biến thiên của đất nước. « Vỉn phở, nhưng phở đã thay đổi nhiều, theo thời gian và thời thế » (tr. 616). Đĩa bánh cuốn cũng biến dâu : « con sâu, cái kiến, và chiếc bánh cuốn cũng có bước đường đời của nó » (tr. 596). Bên cạnh những nổi chìm của Chả Cá những gian truân của món Thịt Chó, bài Cháo là đặc sắc. Xưa kia, Vũ Bằng chỉ dừng lại ở bát cháo lòng, Tô Hoài viết cả một chương xã hội học về món cháo.

Nói chung, ngòi bút Tô Hoài ưu đãi nếp sống dân già. Chuyện cũ Hà Nội chủ yếu là chuyện người nghèo, bắt đầu từ dân quê trôi giạt về thành phố kiếm ăn, ở đợ, may thuê, gánh mướn, làm đào hát, đào rươi. Tô Hoài ghi lại nếp sống thành phố, từ cái xe đạp, cái Tàu điện, đến Chiếc xe kút kít qua Phố Hàng Đào, Phố Hàng Ngang, từ cảnh chợ buôn người đến cơm đầu ghế.

Những niềm vui của trẻ em nghèo, của Tô Hoài thời cỏ dại : bầy chim, chơi chim, trèo me, trèo sấu, cho đến sinh thú của người lớn, những Hội hè đình đám, đặc sắc là thú chơi Diều sáo. Là người hiện đại, Tô Hoài lưu tâm đến đời sống kinh tế, mức thăng trầm các nghề thủ công và viết nhiều về Chợ, từ những chợ xép ven đô, đến những chợ trung tâm, chợ trâu bò. Anh đếm, cuối năm 1995, Hà Nội có 135 cái chợ quy mô, không kể chợ xanh chợ cóc (tr. 504). Anh đã ghi lại những phong tục lớn nhỏ, không nhất thiết là thuần phong mỹ tục. Những tập quán như Giỗ Tết, Cưới hỏi, Đón Giao thừa, không riêng gì Hà Nội. Đặc biệt Hà Nội là những nhân vật hằng ngày, có tên tuổi trong đời sống vô danh ; Bà Viết, Ông Phó Ngạc khâu thuê, Bác Khán goá vợ, Ông ám làm môi giới, Cô Ba Tý lên đồng, Ông Đồ Huych bị Tây bắt ... là những hình bóng linh động và cảm động của một thời. Những hình ảnh khẳng định Chuyện Cũ Hà Nội, ký

sự xã hội, là một tác phẩm văn học trong ý nghĩa đầy đủ của chữ văn học.

*

Người ta vẫn quen nghĩ rằng : văn học là một tác phẩm sáng tạo, chủ quan, ít nhiều hư cấu. Không đơn giản như vậy. Một tư liệu về thổ ngơi, như Chuyện Cũ Hà Nội vẫn có thể là một tác phẩm văn học khi tác giả, ngoài lo âu viết đúng sự thật theo ý mình, còn cố công viết một câu văn, một bài viết một cuốn sách hay, trong cách chọn chữ, đặt câu, gạn lọc chi tiết, sắp xếp tình huống. Trong tinh thần đó Chuyện Cũ Hà Nội ấn bản 2000 « văn học » hơn hai lần in trước. Có lẽ Tô Hoài ý thức rõ ràng hơn về giá trị nghệ thuật. Mới hay : ở tuổi nào người ta cũng có thể « vỡ lẽ » và tiến bộ.

Bài Điều sáo, mới bổ sung là một ví dụ. Trước tiên, đây không phải là một đề tài riêng cho Hà Nội. Tác giả tả rất kỹ cung cách và vật liệu làm điều : Thân điều làm bằng hóp đá cứng nhất ... ngã vào mùa lạnh mới chắc thớ. Hóp đá và tre đực ngâm vào bùn trong ao cả mùa, cả năm. Vớt lên, đểo gọt qua loa rồi đem gác bếp cả bộ sườn, bộ khung (...) Phiết giấy dán điều cũng tỉ mỉ vất vả ... giấy bản có gân vỏ dó, khi seo tờ giấy lại pha gỗ mò, bền không rách được. Cái dây điều chỉ cần ba dẻ đay thì vừa nhẹ ... xong việc điều, đi thử sáo ... Có ba thử sáo điều ... hôm nào gió nhỏ lấp sáo còi, gió lừng thì chơi đấu, có gió trên mới đóng sáo chiêng. Sáo còi lạnh lốt, sáo đấu rền rền... Có gió, sáo chiêng mới lên tiếng... Tiếng sáo bỗng trầm hoà khéo vào nhau như phường bát âm ngồi trên trời. (tr. 405-408).

Tô Hoài dụng văn kỹ càng, dụng chữ cũ càng như thế là để nghe tiếng mình nói, nghe lời mình nói, sống lại những âm hao xưa cũ và thơ đại. Đồi sau sẽ quý nguồn tư liệu về điều sáo, qua nghệ thuật mô tả của tác giả nhưng động cơ của Tô Hoài khi viết đoạn văn này là để sống lại một thoáng hanh hao xưa vắng.

Tác giả tiện dịp cũng nhắc lại những khúc quanh trong đời mình, đồng thời cũng là của lịch sử : lớp truyền bá quốc ngữ 1940, ngày toàn quốc kháng chiến, tháng 12/1949, những ngày chống Pháp, chống Mỹ. Và thường gọi lại những hình ảnh quen thuộc trong tác phẩm của mình, những đàn chim, những vòm cây, những trận mưa rào, những vòng hoa cải. Người đọc Tô Hoài từ 70 năm qua, dạo bước trên con đường xưa, thỉnh thoảng giật mình vì một mùi hương cũ. Và chợt thương, chợt nhớ văn Mùa hạ tiếng chim. Những mùa hạ. Những tiếng chim.

Thành phố này đã bắt ăn hết cả chim trời ... Tôi đã đếm trong các phố chỉ còn chim sẻ, đôi ba con chích bông, con vành khuyên trốn chỗ nào thỉnh thoảng bay qua và ban đêm chỉ còn có con éc lợn (...) chỉ thương những lá sung. Lá sung non ăn chát mà bùi, hái lá sung ăn gỏi, ăn mắm, bọc nem chạo. Sao mà thương, ấy bởi người ăn được thì sâu bọ gặm tốt, lá sung làm mọi ngon cho sâu róm, bây giờ mới đầu mùa hạ mà những cây sung đã bị sâu ăn trụi hết lá (... Chẳng còn con chim nào về bắt sâu cho cây, mùa hè nắng chói chang, sâu bọ đã chén hết lá, cây sung ghẻ bị tróc đầu, trơ trụi, tiều tụy (tr. 532).

Ca dao có câu : đói lòng ăn nửa trái sim, uống lạng bát nước đi tìm người thương. Bây giờ nghe Tô Hoài xót lòng thương những lá sung, không biết ông ấy có còn thương nhớ cái gì khác nữa không đây. Còn nhớ có lần, mới đây -1995- ông ấy viết « nhớ thế, nhớ đến nỗi không biết nhớ cái gì » (Hà Nội và Hà Nội, tr. 197). Nghe Tô Hoài thương những lá sung mà lòng những nao nao.

Tô Hoài chủ trương dùng từ phải chính xác. Gần đây, anh hay dùng từ ngữ và cách nói ngày xưa, dụng tâm phục hồi ngôn ngữ cổ. Ví dụ « Số bác Khán cao, phải lấy vợ thiên hạ » có nghĩa là tìm duyên ở làng khác (tr. 180), đi làm mướn kiếm cơm thiên hạ (tr. 545), người thiên hạ đến cày cấy (tr. 568), cùng nghĩa khác làng. Ngày nay, chúng ta chỉ dùng động từ cưới trong nghĩa

kết hôn, Tô Hoài khôi phục từ cưới trong nghĩa khai trương, khánh thành : cưới chợ (tr. 368, 501) , cưới tàu điện (năm 1899, tr.724). Ngược lại trong bài Cưới, anh dùng chữ lấy vợ, lấy nhau, tổ chức đăng ký kết hôn nhưng không một lần dùng chữ « xây dựng » đang thời thượng. Anh còn dùng chữ bảo học thay vì « dạy học », đôi năm mươi để nói người cao tuổi qua đời, thường dùng chữ seo giấy , thợ seo ít thông dụng. Làm điều cùng một trang, anh dùng ba động ngữ : phết giấy, phết (quả) cây, phết giấy (tr. 406). Tuy nhiên, trong bài Nón xưa anh dùng nhiều lần động ngữ làm nón, có khi khâu nón, lợp nón mà không thấy dùng chữ « chằm nón » là chính xác nhất. Anh bỏ công giải thích một số từ cổ ngày nay thông dụng nhưng đã mất nghĩa, như cầu cống : cống có khi nghĩa là cầu, như Cống Đổ, cống Mọc ; còn cầu có khi là nhà trạm, có cột và mái ngói, thường gọi là Cầu Chợ. Cầu Giấy là chợ bán giấy. Cầu không nhất thiết phải qua sông (tr. 506). Bài Hội Hè Đình Đám giải thích cận kề hội và đám khác nhau ra sao. Nói chung, Tô Hoài đã làm sống lại nhiều phong tục hội hè đình đám bằng phong cách văn học, đọc vui mà trau dồi thêm kiến thức.

*

Tô Hoài là nhà văn nổi tiếng công tâm. Mỗi lần tái bản một tác phẩm, anh thường đọc lại, sửa chữa ; thường là mài dũa cho câu văn gọn gàng, chính xác, có khi thêm bớt đôi ba chi tiết. Nhưng không phải lúc nào cũng đạt.

Lấy Chuyện Cũ Hà Nội để so sánh : ấn bản 1986 gọi là A, bản 1994 gọi là B, bản 2000 là C cho tiện việc. Chuyện Ghi Lại : Thôi Hữu kể về cái chết của Trần Đăng : bản A và B ghi 1949 là đúng, bản C sửa lại 1951 là sai. Ít nhất câu : cũng trong trận ấy, Trần Đăng đã hy sinh (tr. 288), không chính xác : Trần Đăng bị quân Tàu Tưởng xử bắn, vùng biên giới, ngày 26.12.1949. Thôi Hữu bị máy bay Pháp bắn chết ngày 16.12.1950 tại Thái Nguyên. Cái năm 1951 nhất định là sai. Cũng bài này, bản A câu kết thật hay, rạt rào tình cảm.

Còn Trần Đăng, ồ chọt như đầu mùa hạ vừa rồi, ở chiến dịch sông Thao, chúng ta đã cùng đi lên mặt trận phố Ràng (tr. 166). Tô Hoài trực tiếp nói chuyện với Trần Đăng y như là bạn mình còn sống. Chữ ồ cảm động, chữ chúng ta thân thiết, chữ đã hoài niệm cái chết. Bản B, Tô Hoài bỏ chữ ồ chữ đã, bản C đổi chúng ta thành chúng tôi. Mỗi lúc một lạnh lùng. Tình nghĩa bạn bè phai nhạt đi chăng ?

Về năm tháng, bản B : « Năm ấy tôi khoảng mười ba, mười bốn tuổi, đương học lớp nhì » (tr. 350), Bản C, hạ xuống 12 tuổi (tr. 372) là sai, vì một đoạn khác anh kể « đến năm 1933 tôi đương học lớp Ba tiểu học, nhà giáo Trần trọng Kim, được bổ đốc học » (tr.428). Mười ba tuổi lớp ba, 14 tuổi lớp nhì là hợp lý.

Sở dĩ lẫn lộn như vậy là vì Tô Hoài không có trí nhớ niên lịch. Thậm chí, ngày sinh cũng chẳng nhớ. Các tư liệu văn học, khi ghi tiểu sử Tô Hoài thì mỗi nơi mỗi khác. Xin miễn dẫn chứng. Cái nhớ cái quên đều có lý do. Anh kể tuổi thơ : « không mở xem ngày tháng trong lịch, thấy bỗng dựng lá mít vàng ối từng chiếc trong chòm cây xanh thắm và quả gấc chín đỏ trên giàn, cũng không biết là đến tháng mấy, mùa nào » (tr. 589). Trong một thời gian dài, tôi đã thắc mắc : vì đâu mà một người có trí nhớ kỳ diệu như Tô Hoài lại hay quên ngày quên tháng. Bây giờ mới hiểu ra : trí nhớ là một nguồn sáng tạo, nhưng sự quên cũng là một phương tiện cấu tạo nghệ thuật. Điều lạ lùng này cần được nghiên cứu thêm. Một ví dụ khác, câu văn hay : « Khi chim tu hú giống giả xa xa, biết tu hú đã về thì quả vải chín đỏ rộ và nắng gắt » (tr. 526). Biết thế thôi, chứ không ghi mùa, ghi tháng, không như Nguyễn Bính, bạn anh, ghi rõ là « cuối tháng Ba ».

Tất cả mùa xuân rộn rã đi ...
Chưa hè trời đã nắng chang chang
Tu hú vừa kêu, vải đã vàng

Hoa gạo tàn đi cho sắc đỏ
Nhập vào sắc đỏ của hoa xoan ...

Lại một tiếng chim, người bạn thân thuộc, đồng tuế, huê tình, Hoàng Cầm :

Anh đi xa em mới biết nói thầm
Đường đê chợ Trầm sang mùa tu hú ...

Các nhà thơ này, dù đăng trí, vẫn nhớ tháng nhớ năm. Riêng Tô Hoài nhớ cảnh nhớ người mà quên năm quên tháng.

Việc chữa lại văn xưa, là một vấn nạn. Nhiều người đã tiếc cho Nguyên Hồng : Những ngày thơ ấu ấn bản về sau có sửa chữa không hay bằng bản in lần đầu. Về Tô Hoài, không có việc ấy. Nhưng đôi nơi làm tôi băn khoăn. Ví dụ bài Đường Về Quê, nhắc đến những cô đầu công tỉnh, cô đầu phố huyện ... Cô đầu nhà quê - người ta gọi thế. Bản A tiếp theo : « Các cô, đêm hôm khách khứa, ban ngày lại cấy gặt » (tr. 160). Bản B : « Các cô, đêm tiếp khách khứa, ban ngày lại cấy gặt » (tr.230). bản C : « các cô đầu rượu, đêm tiếp khách khứa, ban ngày lại ra đồng cấy gặt » (tr. 281). Theo tôi, bản A trội nhất, cô đọng, tinh tứ. Thêm vào đôi ba chữ, tình cảm loãng đi. Đây là cảm giác chủ quan , không dựa vào bằng cứ, nhưng tôi vẫn đưa ra để người đọc văn, viết văn cùng suy ngẫm, mà không sợ Tô Hoài giận. Thường thường thì câu văn sửa lại âm vang hơn. Cùng bài ấy, mở đầu, bản A và B « Đường về quê nội (tôi) không xa mấy », bản C bỏ đi chữ tôi, bớt chính xác nhưng mang âm giai câu thơ bảy chữ cổ điển. Và đoạn cuối, tác giả sửa chữ đương bản A thành chữ đang đồng nghĩa, nhưng khác âm vang : « Tôi đang đi trong chạng vạng chiều cầu Nây » (tr. 285). Câu văn thường thôi, nhưng điển hình cho phong cách Tô Hoài, từ ngôn ngữ, âm điệu đến những tình chim ý nổi. Câu văn thường thôi, nhưng để đạt tới chỗ thường đó, nhà văn thuộc loại tác gia tài hoa và uyên bác nhất của nền văn xuôi quốc ngữ đã phải bỏ ra sáu , bảy mươi năm ngày ngày dày công khổ luyện.

Tóm lại Chuyện cũ Hà Nội, ký sự địa phương, là một tư liệu văn hoá dân tộc, một chứng từ thời đại và là tác phẩm có văn học có giá trị cao về ba mặt nghệ thuật, sử liệu và nhân đạo.

Nói chuyện Tô Hoài không bao giờ hết. Nói lắm thì cũng là Chuyện cũ.

Chán chuyện rồi, tôi đi nhờ đây.

Chẳng biết có gặp ai chẳng...

trong chạng vạng chiều cầu Nây...

Orleans, 25/8/2000
Trung Thu Tân Mão-12-9-2011

Phố Hàng Đào

Một tháng sáu phiên, ngày một và ngày sáu, là phiên chợ tơ lụa – ở Hàng Đào, Hà Nội, cũng như trong chợ Đơ. Từ sáng sớm, nhà nhà trong làng đeo đũa lụa đi chợ. Các khung cửi, các vầy tơ chỉ lách cách đến cơm trưa xong, rồi thợ tơ, thợ cửi đứng đình, thoang thả nghĩ đến tối.

Ở Hàng Đào, ở Hàng Gai khác trong chợ Đơ, không có các nhà buôn bày chõng ngồi đo lụa chiếm một gian đầu cầu chợ mà có những cửa hàng, các thổ mua lụa ở trong nhà. Lụa khung

cửi đồ ra từng tấm năm bảy chục thước, nhà buôn người ta mua cả tấm, bán mộc vào Sài Gòn. Rồi lại những nhà buôn lụa có tơ bán luôn cho người có khung dệt. Tơ ấy của các làng nuôi tằm ươm tơ đem về bán cho các nhà buôn lụa. Tơ Tứ Tổng, tơ Phùng, tơ Hưng Yên – lớp sau này có cái tơ dứa cuộn trắng bên Hồng Kông nhập vào. Cuộn tơ Tàu đã đánh chết con tơ của ta. Các nhà buôn lụa rồi bán tơ. Tay đo lụa xong khẩu luôn tiền tơ. Cửa hàng được tiếng buôn bán lớn, nhưng cũng là thu cửa này phát cửa khác, cứ thế mà phát tài. Chỉ có các làng tơ cũ lo sốt vó. Giá hàng theo tàu Sài Gòn ra vào, lên xuống từng phiên. Một đay lụa cũng chỉ mua được nén tơ, còn lại ít đồng về trang trái công sá thợ cũ, thợ hồ, và lo liệu cơm nước cho đến phiên chợ sau.

Ở chợ, hàng họ các làng tơ cũ thì xiêu liêu thế, nhưng dần dần, trên Hàng Ngang, Hàng Đào mọc ra những nhà buôn ba bốn tầng giàu có. Hiệu Lê Thuận Khoát, đứng buôn lại của các nhà buôn lụa ở Hàng Đào, Hàng Gai. Không phải gửi đi Sài Gòn, mà mua góp lại rồi bán ngay đấy. Nhà Vũ Văn An dựng mấy trăm khung dệt ở nhà Tam Đa đầu làng Thụy. Nhà Lợi Quyền, xưởng dệt Hàng Ngang, lại còn xưởng trên Bưởi. Nhà Mỹ Bảo đương xây nhà máy dệt ngay cổng làng Đông.

Chẳng biết những nhà buôn to còn ghê gớm đến như thế nào. Chỉ những như các cửa hàng buôn lụa Hàng Đào, Hàng Gai này cũng đã làm tao loạn được cả mấy làng tơ cũ rồi. Bởi vì, bao nhiêu con người cả xóm cả làng hong hóng trông vào cái khung cũ. Chỉ một nhà tôi cũng đủ rõ. Anh Năm thợ dệt bên Bái. Cô Thìn làm hồ. Mấy ả thợ tơ Thái Bình. Bà Mùi trong Noi bán gạo. Bà Viết khâu vá. Nửa cú rượu ngữ buổi chiều của ông tôi. Cái váy, cái yếm bà tôi. Vành khăn nhiễu hoa bỏ đuôi gà của các dì tôi. Ngày giỗ, ngày tết, việc mừng, việc phúng...Lại rau cỏ, chợ búa...Tất tật chờ đợi ở mấy chục thước lụa ngày phiên đem xuống bán cho hàng mợ Hai Hàng Đào.

Tôi cũng được biết cái quang cảnh ngày phiên ở Hàng Ngang, Hàng Đào thế nào rồi. Nhiều phiên tôi được đi tàu điện xuống phố theo bà tôi, dì tôi. Trẻ con phải ngồi vào xó bạc cửa nhà người ta. Tôi ngồi đấy, cứ việc ngắm nghía. Gian ngoài vuông vắn. Phòng giữa là cái sân con tun hút tối mờ mờ thấp xuống, trên mảnh đất lát gạch vuông lộ thiên lấp kính, cái bể cạn giữa có hòn núi non bộ, cây si uốn giả cổ thụ tí hon. Nắng lên hắt vào cửa. Anh xe trong nhà ra, cầm chiếc sào bằng cái lao màn móc tấm màn cửa vải tây vàng sẫm lên, những người bán lụa tránh nắng chen chúc trong bóng râm quay lại.

Mợ Hai ngồi xếp bằng giữa cái sập. Mợ chít khăn nhung vành dây, mặt phấn tròn húp híp. Tai đeo hạt ngọc xanh. Cổ quấn dây chuyền vàng, tay mấy tầng vàng ngọc thạch, lại thêm cái mặt lập lắc vàng lóng lánh, áo nhiễu trắng, tám quần lụa trắng tôn người mợ Hai lên thành một ụ lụa, lút vào trong những bó lụa mộc mọi người lấy trong đay ra từng chồng xếp cao lù lù quanh sập, cả dưới mặt gạch hoa.

Người bán lụa ngồi xổm từ ngoài cửa vào kín lối đi. Người đến sau bước rón rén, nói nịnh vu vơ một câu: Nhà lát đá hoa thế này mà được ngả lưng một cái còn mát bằng vạt cái giường thổ tả nhà tôi, các ông các bà ạ. Rồi cúi đầu, đảo mắt nhìn xung quanh. Có người đứng dậy, vào rút đệp lụa nhà mình đặt lên trên hết. Rồi cầm cái quạt lông, khê phẩy một bên tóc mai mợ Hai. Ý muốn nhắc khéo mợ đo cho nhà cháu trước. Lại quạt thái sư thêm mấy cái. Mấy người ngồi gần đấy nguyệt dài ngoảnh đi.

Mợ Hai vẫn điềm nhiên giờ thước lần lượt đo từng bó. Mợ soi mặt hàng lên, tìm cái gùn, cái gút. Để còn mặc cả bót chiết chứ chẳng phải giỡn. Nhà nào sắp đặt khéo, biết giấu lá lụa kém phía trước vào trong. Mợ Hai giờ xem mấy thước, thấy mặt hàng phẳng, mép biên gọn ghẽ. Thế là được, mợ vút toạch xấp lụa xuống chân sập. Anh thư ký xưởng tên chủ lụa, số thước rồi ghi vào sổ cái. Bà bán được lụa nét mặt tươi hơn hớn. Chỉ còn đợi lấy tiền rồi bà bước ra, te tái

lên Đồng Xuân, ù một cái vào chợ xách ra xôi lòng, quả dưa ta rồi đứng đợi tàu điện trước cửa chợ, hôm nay may mắn được về sớm.

Mợ Hai thông thả đo từng thước. Trên trần, cái quạt máy quay lọc cọc, khật khưỡng như ngái ngủ. Người ngồi ló nhỏ tận ngoài chen vào lại nịnh khéo, xuyt xoa kêu mát quá. Bà bên cạnh chép miệng: rõ hươu vượn khen phò mã tốt áo. Cái người vừa nhích lên, ngồi phải chỗ hắt nắng, vẫn nói: hầy hầy thế này mát quá, mát quá. Làm như khôngg để ý câu nói mỉa. Mà cả Hà Nội, có lẽ các phố Hàng Ngang, Hàng Đào này chật hẹp nhất, nóng nhất.

Từ Hàng Giấy xuống hết Hàng Đào, ngang Hàng Bồ lên cổng Đục, sang Hàng Bạc ra hẻm Phất Lộc, các phố các ngõ trụi không một bóng cây – trừ mỗi cây đa cửa miếu trong Ngõ gạch. Hai bên hè, đen nhẻm cột dây điện, tàu điện, nắng chang chang vàng rực đường. Người xách ấm nước vối, nước gạo rao ời ọi. Màn che cửa các nhà bên này đường tỏa xuống lòng nhùng trên đầu người đi. Người qua lại nhón nháo dưới hiệu Tây đen bán vải màn cửa sòng sọc đỏ. Hiệu thuốc người Tàu có gương hình soi lùn người, cái màn màu lục. Các nhà buôn ta, sọc xanh, trắng vàng. Tàu điện Bờ Hồ lên từ từ giạt chuông “keng ầm” như con trâu ghé ngo qua giữa phố đông

Ai đến phố Hàng Đào, Hàng Ngang cũng phải quen mặt một anh chàng dở hơi. Người thông thả ngồi trong nhà cả ngày ngóng ra lại càng nhẩn mặt anh ấy. Ngoài đường lữ lượt ăn mày dong phố. Có người bôi lầy nhầy, khắp mình như mụn mọc. Làm cho người ta khiếp phải cho tiền ngay. Có người lòa đi hát. Kia cái anh điên hiền lành đi tới.

Không biết anh dở hơi ấy ở đâu mà đến sớm, hôm nào cũng thế. Anh đã đến kia. Mặt ngăm ngăm đen, áo trắng dài khuy cổ đóng cẩn thận, đi đôi guốc mộc. Nếu trông thấy anh một lần, chỉ tưởng là người nghiêm nghị đi đâu có việc, vừa đi vừa nghĩ ngợi, suy tính, như mọi người ngoài đường. Nhưng suốt ngày anh ngược xuôi tha thần hai bên phố Hàng Đào, Hàng Ngang lên Hàng Đường rồi quay lại, nét mặt vẫn dăm dăm.

Lạ sao, cứ nhà nào có con gái anh đều thuộc và anh chỉ thuộc những nhà có con gái đẹp chưa chồng ngồi hàng. Đến trước cửa, anh dừng lại. Anh đứng rón rén cạnh thạp đường, thạp chè, hay cái tủ kính bày tạp hóa. Sáng sớm, cô gái trong nhà ra dỡ cánh cửa xếp ngang xuống, rồi vào ngồi phẫn trong ngoảnh mặt ra, trông hàng. Anh ấy liếc cặp mặt tro trở nhìn cô. Anh nhếch môi cười. Một tay giơ lên xốc khuy áo cổ, sửa lại cho ngay ngắn, đứng đắn. Cái áo trắng mặc đã đã dầu dãi, cứ chốc lại mó đến, cái mép cổ đã thành vệt vàng mờ. Anh lại mỉm cười. Anh cứ cười tùm như thế, mắt nhìn cô gái ngồi trong hàng đến lúc nào mỉm cười lại với anh một cái, anh mới hý hửng bước đi. Anh đi sang cửa nhà khác, có cô gái bán hàng khác. Anh lại xốc cổ áo, đứng lại và cười tùm, nhìn vào. Tất cả các cô gái đôi bên hàng phố đều nhẩn mặt cái anh dở hơi mặc áo trắng dài, đi guốc, nhìn mình cười và đợi mình cười trả lời. Thế thôi. Thế thôi. Rồi anh ấy lại nhẹ nhàng, thành thoi đi cười với người khác và đòi cái cười của người khác.

Anh như con bướm lượn, Nhưng là con bướm bướm ma. Các cô cho anh một cái cười, chẳng mất mát gì. Anh chỉ làm vui đôi bên hàng phố. Có hôm tối đã lâu, tàu điện chuyển vết đã nổi đuôi chạy ầm ầm về qua, mà còn thấy anh dở người vợ vẫn trước các cửa hàng đã lên cánh. Một người đàn bà đứng tuổi, áo dài nâu, cơ chừng vừa ở ngoài đầu ô vào. Người ta bảo bà ấy là mẹ anh. Anh lặng lẽ đi theo bà. Hàng phố dần anh đang đi học phải một cơn ồm rồi dâm ra lẩn thẩn vậy. Có người kể anh đã sắp thi tú tài. Bị người bỏ bùa, thế là hóa rồ. Cũng chỉ toàn nghe hơi, chẳng biết thật thế nào.

Chỉ biết mỗi buổi sáng thấy anh lượn phố Hàng Đào từ bảnh mắt. Cái áo dài trắng và đôi guốc mộc. Anh điên cười tinh chen giữa những du côn, kẻ cắp và bạc bịp đi rủ rê người khờ đánh

bắt, đánh xì, xem bói, cứ giờ quân bài tây, con ít xì lên đầu. Đương buổi chợ, càng đông. Không biết đâu kẻ cắp, đâu người ngay. Ai cũng cắp nấp, khư khư, trông trước trông sau, sợ đũa nào giựt mắt.

Chỉ có anh điên bước lững thững. Đột nhiên trông thấy hàm răng vàng bựa của anh nhe ra. Y như rằng, nhìn lại sau lưng, thế nào cũng thấy một cô con gái ngồi trong cửa hàng. Trong nhà, mợ Hai vẫn mãi đo lụa, cẩn thận, thông thả. Khổ lụa mộc chưa chuội, bụi hồ rụng xuống mặt sập, trắng như bột nếp. Ánh nắng đã xiên ra hàng gạch giữa hè. Thế mà người đợi lụa được đo, được mợ Hai tính tiền trả vẫn đông. Tiếng người thư ký xướng số thước và tên người bán lụa cứ khàn khàn như giọng người đói thuốc phiện.

Bỗng tiếng trẻ reo à à ập vào. Ngoài vỉa hè, chiếc xe nhà sơn then vừa hạ càng. Anh xe đeo kính râm, mặc quần thâm, nón dứa, quai nón vải hoa tím buông xuống trông như cái tua y môn bàn thờ sặc sỡ dưới cằm. Chắc không mấy ai nhận ngay ra được anh, cũng vẫn anh này lúc sáng cầm cái lao ra hè mắc màn cửa che nắng. Lũ trẻ trên xe nhảy xuống, chạy vào nhà. Các cậu đi học về, quần Tây cộc, dép trắng. Các cô mặc váy đầm, hoa lốm đốm. Dây cặp đeo trên vai. Anh xe dắt cái xe nhà gọng vàng lững thững quay ra phía đầu Hàng Dẹp. Anh cho xe vào cửa sau, lối Hàng Quạt. Mấy đũa oe con này chỉ ngồi lớp đồng ấu, lớp *ăng-phanh-tanh* [1]lớp bét thôi. Còn ông, ông đã học lên đến *moay-ăng-oong* [2] hơn chúng mày bốn năm lớp kia.

Thế mà trông thấy chúng nó đi học ngồi xe nhà, cặp đeo cặp cặp hơn hờ, mình ơ mặt, quân mất cả chữ. Tưởng chúng nó mới là học trò. Mợ Hai Hàng Đào vẫn ngồi bệ vệ đo lụa. Cũng không phải tôi trông thấy mợ Hai hàng ngày, nhưng tôi cứ luẩn quẩn mỗi khi nhớ đến phố Hàng Đào, lại hình dung ra mợ Hai. Có lẽ chỉ vì tôi cũng lây cái lo của bao nhiêu người làng tôi chờ đợi bán được lụa. Rồi lại nhớ sang cái anh dở hơi quanh năm đi cưỡi tình với con gái đôi bên hàng phố. Anh ấy cứ đi mãi, cái oan hồn không được giải oan.

[1]-Ăng-phanh-tanh (Enfantin), lớp vỡ lòng, đồng ấu.

[2]-Moay-ăng oong (Moyen 1) tương tự bậc học phổ thông trung học.

Thật là vang bóng một thời... chim!

Đọc Chuyện cũ... của Tô Hoài, mới hay “Hà Nội Mới” một thời đã là đất lành của loài lông vũ.

“Chim Hà Nội”, có chim “chủ” ở quanh năm suốt tháng, có chim “khách” chỉ ở theo mùa: “... nửa đêm kia, gió may thổi dài đem cái lạnh về, nghe trên thình không rào rào tiếng thảng thốt lạ tai. Ra nhìn trời, không trông thấy, nhưng biết thế là những đàn con giang, con sếu từ phương bắc đã bay xuống phía nam trú đông. Buổi sáng, thử ra xem. Quả nhiên, mặt hồ Tây đã đen trĩu, đã trắng bông những đàn vịt trời, những con sâm cầm, con mòng két”.

Hết rồi, hết gần sạch cả chủ lẫn khách rồi. “Thành phố này đã bắt ăn hết cả chim trời (...) Tôi đã đếm trong các phố, chỉ còn chim sẻ, đôi ba con chích bông, con vành khuyên trốn chỗ nào thỉnh thoảng bay ra và ban đêm chỉ còn có con éc lợn”.

Tô Hoài ký sự chim cũng đã lâu lâu, con éc lợn giờ còn không? Có thể hiện đại mà khỏi “tiệt cả chim” không, Hà Nội ơi.

(Thu Tứ)

Chim trời ở Hà Nội

(...) Mùa hạ, tiếng chim rộn rã nhất bốn mùa (...)

(...) chim sẽ trú ngụ trong hốc cột (...) sớm tinh mơ (...) chim sẽ cãi nhau hay trò chuyện, chẳng biết, cứ ra rả tặc tặc từng hồi rồi mới bay đi kiếm ăn. Dưới vườn, con chích bông kêu chiếp chiếp chuyền luống rau diếp sang khóm hành hoa. Đàn vành khuyên hót ríu ran lướt qua ngọn cây xoan xuống đám chuối ngự. Vành khuyên, bạc má đã ngửi thấy mùi chuối chín. Bông chuối ngự vàng hây, con chào mào, con vàng anh láo lếu đã bay đến khoét vỏ chuối từ lúc nào, ăn chưa hết, bỏ lại.

Mặt trời lên đầu ngọn tre, ấy là lúc chim ra đông vui nhất trong ngày. Giữa vòm lá cây đa đầu làng, lũ vàng anh và những con vẹt xanh thẫm (...) lại cả đàn chào mào “chào mào đỏ đít đỏ tròn”, dưới đuôi phất phơ mấy sợi lông hây hây đỏ. Chúng nó chen nhau tranh mổ quả đa chín vàng. Những con giẻ cùi to xác cũng lách vào ăn quả đa chín. Giẻ cùi bảnh bao như con bò các, vậy mà bị câu giễu rất ác “Giẻ cùi tốt mã dài đuôi. Hay ăn cứt chó, ai nuôi giẻ cùi” (...)

Kìa kìa, đàn chim bay vào cây gạo mới đầu hạ mà hoa đã nở đỏ ối bãi Cơm Thi bên sông Tô Lịch. Những con sáo đá, sáo sậu, sáo mỏ ngà lúc đậu trên cây, lúc xuống bãi cỏ gà - lại cả bọn bò các nữa. Chim nhặt sâu trong dệ cỏ, chim dũi những chiếc hoa gạo đã rụng rữa.

Đàn cò về nhiều trong bờ tre. Cò bợ mỏ xám, cò bạch mỏ ngà nhấp nhô trên nhánh tre. Con cò là chim báo bão. Sắp mưa to gió lớn, cò bay đi tìm chỗ ẩn. Con cò báo bão, con cóc, con châu “nghiến răng” trời sắp mưa, nghiệm lắm.

Con trâu to xác mà chậm hơn cả. Bão đến nơi, gió thổi bay cả người, ngọn tre là xuống quét mặt ao, bấy giờ trâu mới chồm lên dựng đứng như múa hai chân trước. Bão đấy! Bão đấy!

Giữa trưa nắng, trời cao trong xanh, những con diều hâu liệng vòng tròn, khi xa khi gần. Bất chợt, một con chim cắt như mũi tên vụt ra đuổi đánh. Diều hâu lẩn đi, chốc mới hiện ra, lại bay vòng. Chẳng phải diều hâu nhờn nhờn, nó có việc cả đấy. Dưới kia, con gà nhép mãi đũa, diều hâu chỉ rình hể nó quá chân đi ăn xa mẹ, diều hâu sà xuống quắp ngay. Đã có câu hát chọc tức: “Diều hâu xây giếng cho tròn. Mai kia tao gà gà con cho mày.”

Trưa nắng, những con quạ đen, quạ khoang chúi vào trong cây muỗm rậm lá. Cũng để tránh đòn con cắt, con chèo bẻo. Ngựa măt thì bị cắt đánh ngay. Con quạ cũng phải nháo nhác chạy đòn. Không hiểu sao người ta lại đặt ra một câu ví kỳ quặc về con quạ nháo nhác. Anh chàng mê gái, thấy gái cứ “nháo nhác như quạ vào chuồng lợn”. Tôi không thấy quạ nháo nhác bao giờ, người thì có.

Đàn chim liều diều râm rạn cãi nhau cả ngày không dứt. Khi chim tu hú giống giả xa xa, biết tu hú đã về thì quả vải chín đỏ rộ và nắng gắt. Bỗng đâu, trên cái sào phơi ngoài sân, móng chân chim gãi sột soạt, vang lên những tiếng lảnh lót khách, khách, khách... Con chim khách báo tin nhà sắp có khách.

Con chim nào kiếm mồi cũng đều có thung có thổ, không mấy khi chúng nó bay tình cờ. Bên mép nước, con chim trả xanh lướt trên cành trúc, gật gù như đậu chơi mà là rình cá. Con bói cá mình đen cánh lốm đốm trắng cũng ngó nghiêng nhòm xuống. Chàng này lượn cao cao, thỉnh linh bông mình rơi tôm xuống mặt nước, lồi lên được con cá thiếu trắng lấp lánh. Con le, con cóc lặn lội cả ngày dưới đĩa Cáo, chỉ xốc được cá bé, những con thồn bơn, con mài mài

(...)

Hàng đàn chơi chơi thoăn thoắt nhấp nhểnh cái đuôi dài, chân chim lướt trên lớp bùn loãng ở thửa ruộng nước vừa bừa lại. Chim chơi chơi nhớn nhơ ngoài đồng, chẳng khi nào vào làng. Cũng như con ri đá, ri sừng nhác trông tưởng chim sẻ, nhưng khác tính nết sẻ. Sẻ quanh năm ở mái nhà, chim ri thì chơi nhởi đâu đâu, mùa hạ mới về làm tổ trên cây vòng, đến khi chớm gió giải đồng thì bố mẹ con cái lại cuốn nhau bay lên nương, tận sang năm mới về.

Chập tối, tiếng chim chích chòe dài giọng líu lo dưới bờ ao. Chích chòe quen áp trứng trên tổ trong ống tre chết róc vừa xuống uống nước. Lúc ấy đã nhạt nắng, xa xa con cuốc kêu khắc khoải từng tiếng. “Ai xui con cuốc gọi hè. Cái nóng nung người nóng nóng ghê...” Cuốc kêu chào hoàng hôn, gọi bóng tối về. Rồi đêm đến, con cú rúc từng hồi trong cây duối cạnh miếu thần đất. Mắt cú thao láo (...) Thoạt trông thế thôi, con cú chỉ có hai quầng mắt lớn như cái bát úp, còn mắt cú nhỏ bằng mắt gà, nhưng không quáng gà mà cú tinh nhanh về đêm. Ban ngày, cú ngủ đứng lẫn xó nào không ai biết. Chẳng hiểu sao lại thành câu ca dao ngẩn ngơ đến nỗi nùng: “Bao giờ cho hết tháng giêng. Con cú, con cáo nằm nghiêng thờ dài...”

Nửa đêm, tiếng chim lợn hay chim éc lợn, tiếng éc éc như ai chọc tiết lợn kêu trên trời. Có lẽ chim lợn đã biết người ta ghét nó hôi hám ăn xác chuột chết, đêm tối mới bay ra. Chim lợn lướt qua đê sông Hồng xuống bãi, xải đôi cánh dài rộng như cánh con điều hâu.

Sang canh, tiếng vạc thưa thớt trên bầu trời thành phố mờ sương, vạc đi ăn đêm đã về, thế là sắp rạng sáng. Vạc chỉ thui thủi ăn đêm mà cũng có sự tích kiện tụng nơi cửa quan. Ngày xưa, cò và vạc cùng kiếm ăn ban ngày, nhưng họ tranh nhau một cánh đồng rồi đem nhau đi kiện. Quan xử cho cò ăn ban ngày, vạc ăn đêm, cò được giữ văn tự, cò được kiện. Nách cánh cò có đám lông nâu, đấy là cái văn tự đi ăn ban ngày cả đời cò ôm khư khư trong nách.

Không phải tiếng chim bao giờ cũng vui tai. Như chim khách báo nhà có khách là việc mừng. Nhưng ghét nhất là tiếng chim lợn báo điềm nhà có người ốm, có người sắp chết. Người chết rồi cú rúc từng hồi gọi ma về. Tiếng vạc trên bầu trời lúc gà gáy cũng không ai ưa. Chẳng có điềm xấu vạc kêu, nhưng mà buồn.

Có những con chim không biết mùa hạ trú ngụ đâu, đến tháng chín mới kéo nhau về. Tháng chín, tháng mười cớm mới, đàn chim ngói bay đờ rợp đồng chao xuống nhạt thóc ở thửa ruộng quang. Con dế giun lủi thũi xuống mò cánh đồng sâu còn xâm xấp nước.

Khi có gió heo may, những con chim hét đen tuyền như quạ, nhưng thon mình như sáo, đậu xuống cánh bãi, đậu cả trên lưng trâu bắt ruồi bọ cho trâu. Tiếp đến nửa đêm kia, gió may thổi dài đem cái lạnh về, nghe trên thính không rào rào tiếng thảng thốt lạ tai. Ra nhìn trời, không trông thấy, nhưng biết thế là những đàn con giang, con sếu từ phương bắc đã bay xuống phía nam trú đông. Buổi sáng, thử ra xem. Quả nhiên, mặt hồ Tây đã đen trũi, đã trắng bông những đàn vịt trời, những con sâm cầm, con mòng két. Dưới đồng sâu, những bồ nông, con giang, con sếu đứng rình mồi ăn nổi, lặng im như cái cọc. Hôm nào rét ngọt thì vỡ tổ từng đàn nhận nước bay lẫn với sương mù. Có hôm sương đọng và gió rét, nhận nước liệng như mắc cửi trên hồ Gươm, luồn quanh các lưng cây ven hồ. Nhiều người đem lưới ra mắc quanh gốc cây bắt nhận nước về nướng ăn, như ăn châu chấu, chim sẻ, chuột bán ở các chợ. Nhiều năm rồi, không thấy nhận nước về hồ Gươm, tuy trời mùa đông vẫn xám mờ những đợt rét đậm thế. Có lẽ con nhận nước bé bỏng cũng biết sợ chết mắc lưới.

Thành phố này đã bắt ăn hết cả chim trời (...)

(...) những chim “bắt cô trói cột”, con gà rừng, con thằn lằn thì cất tiếng than vãn lúc chạng vạng tối. Chỉ được nghe nói, không trông thấy bao giờ, những con chim ấy ở tận rừng núi miền ngược.

Những tiếng chim ngoài ngõ, đầu đồng, trên nóc nhà. Nhưng mà đây là tiếng chim ngày trước. Tiếng ríu rít chỉ còn mờ mờ trong trí nhớ. Nửa đêm về sáng không nghe tiếng con vạc. Có lẽ vạc cũng như cò, người ta đã chén thịt hết. Các thung, các đĩa ruộng sâu có cò ăn ngày, vạc ăn đêm đã bị đặt bẫy cả. Thịt vạc nấu hay xào măng cũng thơm như thịt cò. Chỉ còn con chim lợn - cái diềm xấu nhất thì đêm đêm vẫn nghe lảng vảng eng éc rừng rợn qua trên nóc nhà phía bờ sông bay vào. Buổi sáng chỉ còn đôi ba con chim sẻ lác đác đậu ngoài mép nhà mái bằng. Không biết đêm chim sẻ ngủ đâu, chẳng chỗ nào còn hóc cột, còn ống nứa ống tre thế mà cứ đúng giờ sáng sớm chim sẻ lại ra. Trời mùa hạ xanh trong, chợt nhớ con diều hâu (...) khi nào lên núi Tam Đảo mới trông thấy con diều hâu đang “xây giếng cho tròn” trên khoảng trời rừng xanh lơ. Tôi đã đếm trong các phố chỉ còn chim sẻ, đôi ba con chích bông, con vành khuyên trốn chỗ nào thỉnh thoảng bay ra và ban đêm chỉ còn có con éc lợn. Còn thì các thứ tiếng chim được kể trên kia đều biến đâu mất cả. Người ở đồng lên nhiều, chim thì vắng đi.

Chỉ thương những lá sung. Lá sung non ăn chát mà bùi, hái lá sung ăn gỏi, ăn mắm, bọc nem chạo. Sao mà thương, ấy bởi người ăn được thì sâu bọ gặm tốt, lá sung làm mồi ngon cho sâu róm, bây giờ mới đầu mùa hạ mà những cây sung đã bị sâu ăn trụi hết lá. Quanh hồ Gươm, hồ Thiền Công có cây sung cổ thụ. Chẳng còn con chim nào về bắt sâu cho cây, mùa hè nắng chói chang, sâu bọ đã chén hết lá, cây sung ghe bị tróc đầu, trơ trụi, tiều tụy. Ai còn nhớ đã có lắm câu hát, câu ví chim với người, người với chim. “Láu táu như liều điếu”; “nói như vẹt”; “bắt chước như yểng”; “hôi như cú”; “hót như khướu”; “gật gù như cò bọ”; “lủi như cuốc”; “nhảy như chơi chơi”... Cái mẫu của thằng cu tũn hai ba tuổi cũng được mẹ quí gọi là con chim!

Mai kia, rồi trong làng ngoài phố tiệt cả chim, các cô các cậu đi học còn biết con chim ấy cái lông, cái cánh, cái mỏ, cái mắt thế nào mà hiểu câu ví von, mà làm được bài văn tả con chim.

(Tô Hoài, Chuyện cũ Hà Nội, nxb. Hà Nội, VN, 2000)

Tên phố, tên đường

Tên phố là hình ảnh lịch sử, truyền thống và văn hóa, là mỹ quan bộ mặt của thành phố - góp phần giáo dục sâu rộng nếp sống và tinh thần của con người ở Hà Nội.

Ở các thành phố trên thế giới, thông thường có hai cách đặt tên cho phố. Đánh số: đại lộ 3, đại lộ 15, đường 14, phố 18... Hoặc đặt tên bằng tên danh nhân, thắng cảnh, di tích kỷ niệm, nghề nghiệp. Với cách đặt tên thứ hai, tên phố phường không chỉ là hàng chữ trên mảnh gỗ, mảnh sắt đơn thuần chỉ dẫn nơi ở, mà tên phố còn có ý nghĩa nhắc nhở giáo dục văn hóa, lịch sử truyền thống, biểu hiện văn hóa văn minh. Phố Hà Nội mới được đặt tên từ thời Pháp và thuộc loại phố mang tên hình ảnh đất nước và con người với bước đi mỗi giai đoạn lịch sử.



Hà Nội xưa.

Trước kia, Hà Nội chỉ thường có tên bao trùm các nghề, các đền chùa, miếu mạo. Hà Nội 36 phố phường, Hàng Mật, Hàng Đường, Hàng Muối trắng tinh... Tên phố như ta trông thấy bây giờ ra đời từ khi thực dân chiếm nước ta. Hà Nội thành đất thuộc Pháp. Tất nhiên tên phố do Pháp đặt. Ý nghĩa giáo dục của tên phố theo ý đồ của kẻ thống trị. Ba đường lớn ngang thành phố (Các phố Hai Bà Trưng, Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo) ngày trước gắn liền những tên tượng tá và trùm thực dân. Phố Đinh Tiên Hoàng bên Hồ Gươm là phố F.Gácniê (Viên quan ba chết trận ở Cầu Giấy). Phố Hàng Chiếu sầm uất ở quận Hoàn Kiếm là phố J. Duypuy (Người lái buôn khiêu khích cho Pháp lấy cớ đánh chiếm Hà Nội).

Cũng có tên một vài danh nhân ta được đặt tên phố. Nhưng mĩa mai thay, chỉ càng lộ cái coi khinh cố tình của họ. Phố bằng nhãn Lê Quý Đôn ở một ngõ ngách, nay lấy lại tên xưa là phố Hàng Cháo, Nguyễn Bình Khiêm bị đưa vào ngõ cụt (ngõ Trạng Trình), và phố Nguyễn Trãi dài... 180 mét, cái phố nhỏ cạnh nhà thờ Tin Lành.

Tên phố Hà Nội có những thay đổi lớn từ 1945. Đảo chính 9/3/1945, Nhật đánh đổ Pháp, trên toàn cõi Đông Dương lập chính quyền thân Nhật. Trong khi đất nước trải qua nửa năm tình thế đặc biệt và khẩn trương, toàn dân bước vào thời kỳ chuẩn bị Tổng khởi nghĩa, trước kia đánh Pháp bây giờ đuổi Nhật. Ở Hà Nội, bác sĩ Trần Văn Lai, thị trưởng thành phố của chính quyền Nhật dựng đã làm được hai việc đáng kể, là huy động người phá bỏ các tượng đài “kẻ công” của thực dân Pháp - riêng tượng nhà bác học Pátxtơ (Pasteur) và tên phố bác sĩ Yêcxanh (Yersin) vẫn được giữ nguyên.

Các tên phố và tên vườn hoa khác đều được đặt lại. (Bác sĩ Trần Văn Lai một trí thức yêu nước, sau 1954, Hà Nội được giải phóng, bác sĩ là thành viên UBND và Ủy ban MTTQ thành phố). Sau đó, hơn một năm đầu Hà Nội Tổng khởi nghĩa (19/8/1954 - 19/12/1946), chính quyền cách mạng cũng đặt lại tên phố, chủ yếu là xóa các tên vua quan và các tay sai thời nhà Nguyễn.

Rồi Hà Nội bước vào thời kỳ kháng chiến toàn quốc. Tám năm Pháp chiếm lại Hà Nội (1947-1954), cũng chỉ đổi một số tên phố. Lập lại phố có tên vua nhà Nguyễn, như phố Gia Long và thêm mấy tên phố mới, như phố Mỹ quốc (phố Tràng Thi), phố Anh quốc (phố Tràng Tiền bây giờ), phố Pháp quốc...

Từ 1954, khoảng 10 năm đầu (1954-1964) Sở văn hóa đã thành lập “Ban tên phố” giúp Sở đặt lại một số tên phố. Bỏ tên phố mang tên vua quan thời Nguyễn, đặt mới một số tên tượng trưng truyền thống, sự kiện lịch sử và cách mạng (các phố và đường Hùng Vương, Trần Phú, Hoàng Hoa Thám, Bắc Sơn, Điện Biên Phủ...). Ngoài ra, hầu hết những phố khác vẫn do tên phố từ tháng ba 1945 của bác sĩ Trần Văn Lai.

Lấy tên quảng trường Ba Đình làm ví dụ. Thời Pháp đường Điện Biên Phủ ngày nay mang tên linh mục Puyginiê. Cuối đường có một bãi trống là poäng (point: điểm bắt đầu phố) Puyginiê. Sau đảo chính 9-3-1945 chỗ ấy được bác sĩ Trần Văn Lai đặt tên là quảng trường Ba Đình. Cách mạng tháng Tám 1945 thành công, báo chí và đài phát thanh loan tin đi các nước và thế giới sự kiện vĩ đại: Ngày 2/9/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra mắt quốc dân giữa cuộc mít tinh toàn thành ở quảng trường Ba Đình. Tháng 12/1945, quảng trường Ba Đình được tên mới là quảng trường Độc Lập. Pháp chiếm lại Hà Nội đổi tên là quảng trường Hồng Bàng. Năm 1954 Hà Nội được giải phóng, lấy lại tên là quảng trường Ba Đình - dựa trên thực tế là tên quảng trường Ba Đình với ngày Quốc khánh 2/9 đầu tiên đã thành sự kiện lịch sử được phổ biến trong nước, ngoài nước từ những ngày đầu cách mạng và kháng chiến. Hai chữ Ba Đình - tên một chiến khu ở Nga Sơn (Thanh Hóa) của Đinh Công Tráng và các chiến hữu của ông chống Pháp năm 1886 - trở thành tên một quảng trường trung tâm Hà Nội đã biểu hiện một phần quá trình và đặc điểm của vấn đề đặt tên phố thủ đô. Có người không hiểu "sự tích" đoán chỗ ấy ngày trước có ba ngôi đình, nên được đặt tên là Ba Đình!

Trên 40 năm đã qua, các tên phố Hà Nội đã có một số thay đổi, vẽ nên bước hình thành của lịch sử và sự phát triển ở Hà Nội và cả nước. Nhưng thật ra từ sau lần thay đổi đầu tiên 1945, về sau và cho tới bây giờ, lần nào cũng chỉ là đổi chỗ sửa chữa - chứ thực sự chưa khi nào được xem xét tường tận mọi mặt để làm cho tên các đường phố Hà Nội thực sự chính xác, hoàn chỉnh đủ giá trị sánh kịp với đổi thay lịch sử.

Tên phố Hà Nội hiện nay dường như thế nào? Có thể nói ngoài phần tên phố ghi lại Hà Nội xưa bằng tên các đền chùa phố phường, nghề nghiệp cũng như phản ánh từ thời truyền thuyết lịch sử các triều đại Đinh, Lê, Lý, Trần rồi đến thời Pháp, xuất hiện các phong trào văn thân yêu nước, những tên phố qua các thời kỳ trên, đều là những địa danh, những nhân vật, những sự kiện đáng kính và tấm gương. Nhưng nếu so chung với chiều dài lịch sử cho đến tận hôm nay và nhiệm vụ giáo dục bằng tên phố, thì các tên phố ở Hà Nội còn so le, còn chênh lệch trước thực tế qua từng giai đoạn.

Hà Nội chưa có đường Cách mạng tháng Tám. Hà Nội mở đầu cuộc kháng chiến toàn quốc (1946- 1954), thế mà chỉ có tên đặt cho một cái chợ, là chợ "19/8", cái chợ xép cạnh tòa án thành phố, mà người ta gọi tên lóng là "Chợ Âm Phủ" (Bởi vì đấy thời Pháp chiếm là bãi tha ma chôn xác những người vô thừa nhận). Với cả nước, cuộc kháng chiến chống Pháp chỉ có mỗi một tên đường (Điện Biên Phủ).

Các chiến công thời chống Mỹ chưa được nhớ lại bằng một tên phố nào.

Hình ảnh cuộc chiến đấu chống Mỹ của cả nước cũng chỉ mới được một tên đường: đường Giải Phóng - mà người ta có thể hiểu được khi liên hệ thêm thực tế, chứ riêng hai chữ "giải phóng" thì chỉ có nghĩa chung. Không một phố, một đường, một vườn hoa nào ghi nhớ các thời kỳ lịch sử sau 1930, từ khi Đảng ra đời.

Còn các sự tích trước kia thì quá nhiều, đã có đường Hoàng Hoa Thám lại có thêm ngô Yên Thế, có đường Nguyễn Thái Học lại có thêm phố Yên Bái... Các phố mang tên những nhân vật thời kỳ cận đại, cũng là cần, nhưng có những tên phố mang tên các nhân vật rất ít tác dụng gợi nhớ: Âu Triệu, Cao Đạt, Cao Thắng, Lữ Gia, Khúc Hạo, Lê Thạch, Lê Văn Vinh, Đoàn Như Hải, Lý Đạo Thành, Nguyễn Phạm Tuân, Triệu Quốc Đạt...

Nên thêm một so sánh trong phạm vi mà tôi có am hiểu. Những phố lớn và nhỏ được đặt tên các danh nhân văn học: Lê Quý Đôn, Nguyễn Gia Thiều, Nguyễn Du, Nguyễn Huy Tự, Lý Văn Phức, Nguyễn Lai Thạch, Trần Tế Xương, Tản Đà... đều được đặt từ 1945 và do sáng kiến của bác sĩ Trần Văn Lai. Bác sĩ là một nhà khoa học, ông am hiểu vì yêu quý văn học. Nhưng tình cảm và sự quan tâm của Trần Văn Lai chỉ dừng lại ở Tản Đà và thời kỳ văn thân mà thôi.

Bây giờ, ngót nửa thế kỷ đã qua, đất nước trải những bước ngoặt lớn, đã có biết bao tinh hoa các ngành, từ chính trị, quân sự, khoa học đến văn học, nghệ thuật. Để kéo dài sự đứt đoạn

như trên ở các tên phố, sự hiểu biết và tác dụng giáo dục hàng ngày ảnh hưởng tới tâm tư người thành phố, là một thiếu sót không nên để tồn tại lâu hơn.

Quanh vấn đề tên phố ở Hà Nội, còn có những mặt khác phải quan tâm. Nhiều phố vẫn giữ tên bằng con số như thời Pháp (phố 215 chẳng hạn) ít người biết là ngày ấy người Pháp lấy con số làm tên phố, chỉ vì phố mới quá chưa được đặt tên, chứ không phải con số là tên phố.

Chẳng lẽ ta cứ giữ những con số chỉ đặt tạm từ thời Pháp? Lại nhiều phố có tên mà không rõ nguồn gốc do người phố ấy tự đặt ra từ bao giờ như các phố, các ngõ An Sơn, Đồng Tâm, Mai Hương, Tân Ấp, Thiên Hùng... Có phố đáng lẽ dùng tên thông thường, dễ hiểu, lại vẫn theo như từ khi mới đặt: những Phù Đổng Thiên Vương, những Thái Tổ, Nhân Tông, Thánh Tông đáng lẽ gọi thẳng là tên mới chính xác.

Còn có những phố, những ngõ nhỏ, ngõ Sơn Nam, ngõ Tân Hưng, dốc Tam Đa, bây giờ người ta có thể nhầm đấy là những kỷ niệm về trấn Sơn Nam, về một làng Hưng Thịnh nào đó, làng Tam Đa nào đó... nhưng cái gốc của các phố ngõ ấy chỉ là thế này: ngõ Sơn Nam là ngõ phố của nhà tư sản tên là Bạch Sơn Nam, ngõ Tân Hưng là phố của ông Chấn Hưng chủ hiệu vàng bạc “nhà đỏ” Phạm Chấn Hưng, còn tên là dốc Tam Đa là vì ngày trước có nhà Ich Phong làm dầu cù là, trước cổng có tượng tam đa: Phúc, Lộc, Thọ (bây giờ không còn) nên người ta quen gọi là nhà Tam Đa và nay là dốc Tam Đa. Thế thôi.

Thành phố cần có tên thống nhất gọi là phố, là đường, là ngõ (hẻm)... Đường Hà Nội trước kia được phân biệt: phố, đường hai bên có nhà ở, cửa hàng, đại lộ có vỉa hè rộng, cây to giao cành (đại lộ Gambetta - phố Trần Hưng Đạo bây giờ), đường, đường dẫn ra ngoài thành phố (đường Huế, phố Huế bây giờ - cuối phố đa là huyện Hoàn Long tỉnh Hà Đông), phố nhỏ: phố ngách cạnh phố lớn; ngõ: phố nhỏ chỉ có lối vào không thông qua phố khác gọi là ngõ 1, ngõ 2 của phố lớn ở ngoài (hoặc gọi là hẻm như ở Sài Gòn)... Chúng ta có thể tham khảo cách ghi trên trong khi định lại lối gọi của ta không để lộn xộn như hiện nay, ngõ hẻm, ngõ cụt cũng gọi là phố, lại có nơi dịch chữ Xitê (cité) là xóm, cho nên giữa thành phố mới có xóm Hà Hồi (ngày trước đấy là Xitê Giôrêghibery).

Hiện nay, các thành phố đang mở thêm nhiều khu vực mới. Các huyện ngoại thành và những xã, thị trấn, huyện lỵ đang trở thành những phường phố vệ tinh của Hà Nội.

Thị trấn Cầu Giấy, thị trấn Thanh Xuân, thị trấn Nghĩa Đô nhiều khu nhà mới chưa được đặt tên phố, chưa có số nhà hoặc số nhà đặt ngược xuôi tùy tiện. Trương Định, Kim Giang, Giảng Võ, Thành Công, Trung Tự, Kim Liên... chỉ là tên khu vực, mỗi khu vực đang cần có tên đường, tên khối nhà. Câu tục ngữ mới hiện nay “nhà không số, phố không tên” có ý chế giễu cái Hà Nội không Hà Nội hiện nay. Ở mỗi khu vực, mỗi khối nhà khu tập thể các đường đặt tên danh nhân, thắng cảnh, đặc điểm lịch sử hay tên tạm bằng con số 1, 2, 3... thế nào tùy theo thuận lợi, nhưng cần làm ngay.

Vấn đề tên phố còn liên quan đến nhiều mặt cụ thể của vẻ đẹp thành phố.

Không thể để cái biển phố lệch lạc, méo mó, đóng đinh vào thân cây, vào cọc, chỗ cao chỗ thấp không nhất định hoặc cả quãng dài không có biển, mất biển. Không thể trước cửa mỗi nhà tùy tiện phết phẩm xanh, đỏ ngoằn ngoèo viết số nhà to, bé và trái ngược nhau - biển số nhà của thành phố Hải Phòng thống nhất và đẹp mắt hơn Hà Nội nhiều.

Không thể để khối nhà, tầng nhà đánh số linh tinh vào chỗ cũng được hoặc không có số.

Và tên phố không in kiểu chữ cầu kỳ, khó đọc, cũng không được viết tên phố sai. Có tên phố viết sai khiến người đọc sai rồi không sửa được. Phố Quán Thánh (quán Trấn Vũ có tượng ông thánh đồng đen) gọi nhầm là phố Quan Thánh không có nghĩa. Vừa qua, vài tên phố đã được sửa đúng, nhưng vẫn còn Tạ Hiện (thành Tạ Hiện), Đồ Hành (thành Đồ Hạnh), Hà Hồi (thành Hạ Hồi)... và có người bây giờ vẫn gọi hồ Thuyền Quang là hồ Ha Le - tên một đốc lý Pháp ngày trước.

Vấn đề tên phố không chỉ là việc đặt ra mỗi khi có việc phải bàn về tên phố, mà đây là công việc của một tổ chức có nhiệm vụ rõ ràng và hoạt động thường xuyên. Tổ chức này gồm những

người trong các ngành nghề hiểu biết về Hà Nội, đề xuất được các vấn đề khi đặt tên phố, tên công viên ở nội ngoại thành và theo dõi giúp mọi việc chỉnh đốn hình thức về tên phố và số nhà. Nếu không sẽ xảy ra như đã xảy ra những tên đường, tên phố lạc lõng. Chẳng có lý do gì mà đoạn đường Bưởi đến dốc Nhật Tân thật dài lại được đặt tên truyền thuyết Lạc Long Quân. Đường Bưởi trở xuống Cầu Giấy không một chút nào dính đến vùng Bưởi. Và đường Thụy Khuê tự dưng lại chạy qua ba làng nghề giấy vùng Bưởi.

Tên phố là hình ảnh lịch sử, truyền thống và văn hóa, là mỹ quan bộ mặt của thành phố - góp phần giáo dục sâu rộng nếp sống và tinh thần của con người ở Hà Nội.

1980.

(Trích sách "Hà Nội tản văn: Làng, ngõ, vỉa hè", 2012)

Phụ đính II:

Giai thoại về Tô Hoài

Học và thi kiểu nghệ sĩ

Trong cuốn *Chiều chiều*, nhà văn Tô Hoài kể: Hồi trước, ông rất thích câu “học tài thi phận”. Bởi vì, chẳng hạn, năm thi vào trường Bưởi, mặc dù Tô Hoài chăm chút việc bút nghiên, vậy mà lúc làm bài thi vẫn trắng giấy. Dĩ nhiên lần ấy Tô Hoài cảm chắc cái sự trượt. Thúi vị nhất, phải kể đến lần thi lấy bằng Sơ học, Cao đẳng. Tô Hoài không làm được bài. Thế mà đến hôm xem bảng, lại thấy đỗ.

Nghe giảng kinh tế chính trị ở trường Nguyễn Ái Quốc, Tô Hoài tưởng mình đã hiểu cụ thể rồi, nhưng khi về thực tế ở nhà máy, mới té ra chỉ ù ù cạc cạc. Đã thế khi ngồi học, Tô Hoài thường không tập trung, nghĩ miên man, rồi thần hồn nát thần tính. Nghe nói khoá học trước có một thầy giáo già, dạy kinh tế chính trị, vừa mới lên bục giảng đã dọa “tôi ghét những người ngồi nghe mà nhỏ râu, ai nhỏ râu thì hoặc người ấy hoặc tôi phải ra khỏi đây ngay”, nên nhiều phen Tô Hoài phát hoảng khi thấy tay mình bắt giắc sờ lên cằm. Đôi khi ông ngó nghiêng tìm kiếm một ông Hoàng Trung Thông đương vật râu không. Nhưng khoá ấy thì làm gì có ông Hoàng Trung Thông nào đi học. Thì ra cái sự “vặt râu bị đuổi” đã ám ảnh Tô Hoài, đến mức khiến ông hoang tưởng đến vậy.

Tô Hoài đi học thường ghi bài một cách khoái ruồi, nhưng bù lại, ông thường liên hệ cái mớ lí luận mà ông được học với công việc giấy bút của mình. Thành thử, học đối với Tô Hoài ít nhiều cũng có ích đối với nghề văn. Tôi cứ thấy ông than, việc học của ông chẳng có hệ thống lí luận gì, và ước một ngày hệ thống hoá được chúng cho ra tằm ra món. Kể ra, sự học ở ông cũng có cái tội, chứ đâu phải toàn niềm vui.

Thích chuyện tào lao

Lớp học của Tô Hoài hồi đó lớn nhớn tuổi tác, với muôn vàn lí do. Có người học Tây, có người học Nho, có người sau 1945 mới tập ngoáy chữ. Hầu hết các học viên đầu đã bạc tóc hoặc đương bạc. Những lúc ngồi chuyện tào lao, Tô Hoài thường cùng bè bạn lôi đủ thứ ra bàn bạc trên chọc. Chẳng hạn chuyện có cán bộ mấy chục năm vui đầu công tác dân vận, thú

khoá...chưa từng bước chân vào lớp một văn hoá chính trị nào, thế mà cuối khoá học vẫn làm bài thi ổn cả. Có ông thường xuyên trốn học, nhưng cũng được ra trường với danh cao cấp. Có người đi học vì sắp được lên chức. Có người học được dăm bữa nửa ngày, thì nhận được giấy gọi đi chiến trường B. Có người bỏ vợ bỏ con về trường bồi dưỡng tri thức, sau đó cũng chỉ để về hưu.

Rồi việc ngày xưa Nguyễn Công Hoan nhờ bạn vào làm bài thi vấn đáp hộ, bây giờ thì nhờ thi viết hộ. Muôn nỗi buồn cười. Tô Hoài có cái tật ngồi lê đôi mách và hay hóng chuyện.

Khoái đi thực tế, nhưng khó chiều

Có lẽ những chuyến đi thực tế đã đem lại cho ông những bài học nhân sinh thực sự. Đi thực tế với Tô Hoài đã thành một cách học, từ học cách để ra việc đến học nghề, từ học cách sống đến học sự đời đang bày ra trước mắt. Mà cũng nhờ những chuyến đi lên rừng xuống biển ấy, sau này Tô Hoài mới có cái để kể lại, với biết bao vui buồn, và nhiều phen dở cười, dở khóc. Tham gia cải cách Tô Hoài học được nhiều cái mình sai; tham gia sửa sai, Tô Hoài biết được nhiều điều mình làm đã đúng.

Tô Hoài đi thực tế khắp nơi, nên đã chạm mặt nhiều người, thậm chí cùng công tác với họ, được học ở họ khối chuyện. Ông hay quan sát và ưa nhận xét, đã nhận xét ai thì rất tinh và quái. Ông bảo: cái anh đội chúa chỏm một xóm, ngại ra đồng thì vờ lấy sổ ra nghiên cứu, thấy có người đến thì vờ quét nhà để che miệng thế gian, lại chúa ăn vụng, kể cả ăn vụng người. Không khoái triết học, nhưng Tô Hoài cũng ham triết lí. Chán những bài giảng chính trị khô khan, song lại có những trang viết minh hoạ cách mạng hai giai đoạn khá xuất sắc. Tô Hoài nghe “người lớn” bàn chuyện đệ tam đệ tứ, cả những trên trời dưới biển, mà các chuyện ấy nào ông có hiểu cho ra ngọn ra ngành gì đâu, thế nhưng ông lại viết về thế giới đại đồng cho trẻ con đọc hay ra phết.

Tô Hoài cũng hay chấp vật, đúng hơn thì ông ấy hay ghi lại nhưng lời phát ngôn sơ hở của một vài nhà văn cùng thời, để những lúc rỗi rãi ngồi nhắc lại còn có cái mà chiêm chọc. Chẳng hạn, hỏi ông đi công tác thực tế, một số nhà văn cốt cán ở nhà để củng cố cơ quan. Nghe các ông ấy nói khéo, Tô Hoài liền chộp lấy cái câu ấy một cách rất nghề: “tớ ở nhà canh gác cho các cậu đi, khoái nhé”. Kể có vẻ dưng dưng vậy đấy, song kì thực ông Tô Hoài rất thâm và có máu kí phiêu lưu. Ông chọn cách kể tượng hứng cốt để chẳng ai bắt bẻ, vạch họa được gì. Cái việc ghi ghi chép chép và lọc lõi của ông, hoá ra có phảng phất cái thái độ gì đó. Nói cụ thể ra thì khó, nhưng dò cái ý của ông thì chắc chắn chẳng ai giống ai.

Ai cũng ngại những chuyện tẻ, và nhạt. Tô Hoài càng thế. Nên nghĩ ra đủ thứ để có trò xôm. Nguyên cái việc đi thực tế thôi, mà Tô Hoài cũng tính sao cho đủ ban đủ bộ. Có anh nhà văn gai góc thì nên có thêm anh nhà thơ thêm thơ mộng. Có anh làm xiếc vui mắt, lại cần có anh múa hát cho vui tai. Có ông Tô Hoài và Hoàng Trung Thông rồi, cần ông họa sĩ Nguyễn Sáng nữa cho nổi đình nổi đám. Chẳng nổi đình nổi đám lại không à. Giả thử, Nguyễn Sáng thỉnh thoảng làm được cái truyền thần cho bà con thì hay phải biết. Nhưng Nguyễn Sáng từ chối, không đi. Tô Hoài không bỏ qua. Ông phải làm rõ cái sự không đi ấy. Tôi nghĩ ông Tô Hoài thích cái gì cũng cụ thể, cũng có nguyên do và phải cất nghĩa được. Rồi ông cả kê bảo, Nguyễn Sáng có vẽ vờ gì đâu, tay ấy mê gái nên ở nhà cho khoẻ. Đọc Tô Hoài, thấy ông còn có cái tài tạt ngang tạt ngửa, lồng ghép thu góp đủ thứ chuyện nhỏ nhặt, chỉ nhằm làm nổi rõ tính cách của một ai đó. Rõ rồi thì ngừng bút, kể sang chuyện khác cho sinh chuyện đời.

Thời loạn văn đa tình

Viết về sự đi của bạn bè, Tô Hoài ít chú ý tới kết quả, ông để ý đến mục đích và cách đi của họ. Chuyện đi tản cư và đi làm báo được ông dẫn ra nhiều. Thâm Tâm đưa vợ con đi tản cư, Nam Cao về quê thu xếp rồi đi làm báo. Hoạ sĩ Nguyễn Tư Nghiêm, Mai Văn Hiến... sửa soạn cho chuyến thiên di gần kề. Đang chuyện nọ, Tô Hoài vắt sang chuyện kia. Nào làng xóm ráo riết đề phòng việt gian. Nào Hà Nội rồi ren từ miếng cơm đến thời sự. Từ việc Nhật Pháp choảng nhau to, Tô Hoài thu về chuyện các tổ chức công khai và bí mật liên miên tranh luận lí thuyết. Tô Hoài kể lan man, nhằng nhịt. Về một cái được một mớ sự kiện. Chắc ông cho rằng, tự những sự kiện chính trị, cá nhân kia sẽ gọi ra cái không khí chiến tranh loạn lạc thời bấy giờ.

Tôi từng nghe nói, thi sĩ thuộc nòi tình. Xem ra văn nhân cũng chẳng phải ngoại lệ. Ông Sao Mai đi tới đâu mà chẳng có gì hai nó. Tô Hoài thi thoảng lấy cớ đi mua phong thuốc Lào cho Đình Hùng, Nguyễn Bính để được nhìn mặt và chạm vào tay cô bán hàng một cái. Tô Hoài bảo: Anh Thơ lúc trẻ lợi hờ giống miếng thịt trâu, tính thì đồng bóng. Sang Liên Xô với Nguyễn Văn Bổng, Thanh Tịnh, lại hỏi thăm Gorki vì tưởng ông ấy còn sống. Anh Thơ mà đẹp thì chết với tôi. Nguyễn Đăng Mạnh hỏi: Gái Hmông thế nào? Tô Hoài bảo: Gái H'mông nguy hiểm lắm, nó ngủ với cán bộ, hôm sau đi khoe cả làng cả bản. Nguyễn Đăng Mạnh tiếp: anh đã biết mùi đầm chưa? Tô Hoài tâm sự: tôi có lần sang Rumani, có một cô phục vụ đòi hỏi ghê quá. Mình phải xin giấy chứng nhận mới thoát được. Nguyễn Đăng Mạnh gọi chuyện: Nguyễn Khải cho tôi biết, anh có chuyện với L.M, đúng không? Tô Hoài hồn nhiên trả lời: Chuyện ấy sao Nguyễn Khải biết nhỉ? Tay chông L.M có lần máng vợ: “Đi mà ở với thằng Tô Hoài”.

Khoái chuyện “làm cách mạng”

Nói chuyện văn, đôi khi Tô Hoài chỉ đại khái qua loa. Nhưng riêng chuyện làm cách mạng thì ông kể đến cùng kiệt. Bao giờ ông cũng bắt đầu từ việc quen người ấy khi nào, bối cảnh xã hội lúc ấy ra sao. Dĩ nhiên khi trả lời những câu hỏi này, ông Tô Hoài không quên tĩa một vài chi tiết đắt để làm cho cái không khí gặp lần đầu gặp gỡ thêm quan trọng, đặc biệt. Tiếp theo, ông mở rộng chiều kích liên tưởng của mình để làm cho câu chuyện về một con người nào đó có không khí. Rồi đi sâu vào con đường riêng, tính cách riêng của họ. Chuyện về điểm chung, nếu có, chỉ được nhắc một cách chiếu lệ. Cái duyên kể chuyện của Tô Hoài thế này: ông đặt nhân vật vào điểm nhìn gần, gọi gọi một tí, rồi đẩy nó ra xa; chạy sang chỗ người khác kể xong dăm câu vui miệng, lại quay về với nhân vật, đôi khi ông núp vào một chỗ quen nào đó để quan sát và dò hỏi về nhân vật; cứ thế Tô Hoài nhẩn nha kể, cho đến khi nhân vật chết. Nhân vật chết thì chuyện mời ngừng hẳn.

Tô Hoài khôn nên nắm việc rất sành. Chỉ tiếc nỗi, Tô Hoài luôn để lộ cái ý, rằng chỉ mình ông mới thạo những bí mật riêng về nhân vật. Tư tưởng của ông đã để lộ, thế nhưng đôi khi ông vẫn tung hoả mù và dùng giọng nước đôi để thuật sự. Cái cách dựng chuyện của Tô Hoài thường thế. Chẳng hạn những mẩu chuyện về Nguyễn Khắc Dực, và Nguyễn Hoạt. Tô Hoài hay so sánh ngầm. Điều đó thể hiện rõ ở việc, ông hay kể về cặp đôi nhân vật. Ông vẽ Nguyễn Hoạt cùng chân dung Nguyễn Khắc Dực; đặt Hồ Dzếnh bên cạnh hình ảnh Mộng Sơn; dùng một lăng kính để nhìn Nguyễn Tuân và Đoàn Phú Tứ; từ sự tương đồng về thái độ giữa Hồ Dzếnh với Ngọc Giao, ông lại chuyển sang chuyện Sao Mai và Đỗ Tiến Hào,...cứ thế, hễ các nhân vật có điểm gì đó gần nhau, giống nhau hoặc đối lập với nhau thì ông Tô Hoài lập tức lồng xen vào mà kể. Lắm lúc Tô Hoài chuyển mạch văn theo kiểu câu nhặng bắt nhặng câu ếch.

Chúa nói tục

Chẳng mấy khi Tô Hoài hứng thú với việc học trường ốc. Nhưng ông cũng sùng sính sổ sách giấy tờ. Đi thực tế, bao giờ Tô Hoài cũng đem theo cuốn sổ tay. Cuốn ấy ghi cả lời của lãnh tụ. Trước mỗi chuyến đi, đã thành thói quen, Tô Hoài lôi sách báo ra đọc và nghe ngóng chút ít thời sự. Ông chuẩn bị thật chu đáo cho chuyến đi của mình. Đi, với Tô Hoài bao gồm cả quan sát và nghe ngóng.

Dạo về Thái Bình, thấy một bà chít khăn vuông hoa, nói: “ôi dà, chính phủ đang thu người các nơi về làm ruộng, làng nào cũng đông. Bây giờ, mới ra cái thời nhất nông nhì sĩ các ông ạ”. Tô Hoài liền phán, cái mục ấy đã “lộn lười”. Tôi tưởng ông ngoa ngoắt, té ra Tô Hoài đã biết giữa việc làm và lời nói của bà ta có sự xộc xệch. Trước mắt Tô Hoài chỉ có dáng vóc một người chạy chợ buôn chuyến, chứ đâu phải nông hay sĩ gì đâu. Tô Hoài nghĩ ra nhiều câu chữ đắt.[...]. Tô Hoài nói tục, chửi tục, kể chuyện tục không ít lần. Tinh thần giải thiêng, tục hoá ở Tô Hoài rất mạnh.

Văn của Tô Hoài những chỗ rậm rạp sự kiện, vẫn có vẻ nhạt. Chỉ những đoạn tả cảnh, tả người đông vui nhộn nhịp mới thật sự nổi bật. Sở trường của Tô Hoài nằm ở chỗ tả đám đông. Khi tả đám đông thì thể nào ông cũng tách một người nào đó ra để mà tán chuyện. Ví dụ đang tả đoàn người đi đặt lờ, đánh te, Tô Hoài chuyển sang việc Phùng Quán gánh bún làm hồ phân xanh; đang kể chuyện xóm làng sinh hoạt, Tô Hoài dừng lại tạo ấn tượng đặc biệt về Hoàng Trung Thông. Ông bảo, Hoàng Trung Thông râu rậm, lực lưỡng cời trần, khiến mấy đứa trẻ tò mò chạy ra xem...

Thích ăn ngon, song cũng rất tạp

Hoàng Trung Thông khoẻ rệu, nhưng sợ chết. Tô Hoài thích ăn ngon và liều. Ông chẳng chừa của ngon vật lạ nào hết. Lần đi cải cách ở Quảng Xương, Tô Hoài nghỉ ở nhà một người nghèo khó. Thấy Tô Hoài đến, ông ta rất mừng. Chập tối cầm ở đâu về một bọc lá chuối. Tô Hoài hỏi: Cái gì thế? Chủ nhà đáp: Cái dái trâu. Và giải thích, ở xóm bên người ta ngả trâu nhiều vì sợ lên địa chủ, tôi hỏi họ cho tôi cái này thết anh, được ngay.

Tô Hoài đã món ấy. Cả đêm Tào Tháo đuổi. Nằm thờ rúm rỏ mà không dám rên. Sau bận ấy tưởng sợ xanh mắt. Ai dè cái miệng Tô Hoài còn to hơn. Hoàng Trung Thông dẫn Tô Hoài đến nhà Ngải. Thấy Ngải lúi húi dưới bờ ao, đương mổ vịt. Tô Hoài ưng ý ở lại. Ngải cho biết, con vịt bị rái cá cắn: tối hôm qua, con cạp bị rái nên mất đầu, may mà tôi ra kịp, không thì nó tha mất. Nói rồi, Ngải chỉ ra bờ ao, bảo: chỗ con rái cá bò ra, còn nhẩn vệt bụng trườn. Hoàng Trung Thông nhìn trước ngó sau, bảo: thì bụng con cạp nong cạp nia cũng hệt thế này. Đoạn sau Hoàng Trung Thông bịa ra chuyện bận họp xã, hoả tốc đi luôn. Tô Hoài chẳng để ý chuyện rắn cắn. Ở lại, đợi ăn. Chẳng xá gì mạng sống cả.

Kể ông Tô Hoài cũng phàm ăn tục uống. Có điểm còn hơn cả Hoàng Trung Thông. Tô Hoài từng đi bắt châu chấu bán. Ông kể: những lúc “bán không được, thì vật cánh, bóp bụng cắt, rang khan với muối, ăn vã”. Món chuột luộc, chuột rán, khen ngon. Món rắn, ông bảo chẳng khác gì thịt gà luộc. Rượu bọ hung, ông cũng từng nếm. Thịt ngựa, rượu gấu... Tô Hoài đều được hít hà. Tóm lại, Tô Hoài rất tạp. Tạp từ nhỏ.

Hay “dề ý”

Có người viết ngắn nhưng không gọn. Có truyện văn mạch dài, song nhìn toàn thể thấy vẫn ngắn. Có người tung ra mấy trang chữ, nhưng vẫn thấy thiếu một cái gì. Tô Hoài viết những đoạn ngắn thường đạt. Đối với phần nhiều đoạn dài, ông Tô Hoài dùng thủ thuật độn.

Ông độn bằng cách “lấy cái nọ đờ cho cái kia”. Sở dĩ Tô Hoài viết ngắn đạt, bởi vì văn của ông chủ yếu bám vào chi tiết nhỏ, chi tiết đời thường. Tô Hoài được nhờ trời phú cho một nhãn lực đặc biệt, nên biết cách làm những chi tiết rất nhỏ, rất bình thường và để bị mọi người bỏ qua bật ra tư tưởng sâu sắc. Tôi chắc, Tô Hoài hay soi việc. Ông thường “để ý” nhất cử, nhất động của người xung quanh. Những hay dở, xấu tốt của họ đều nằm gọn trong nhãn trường của ông. Tục truyền, Tô Hoài được liệt vào hạng sỏi.

Tô Hoài có tật tò mò. Tỉ mỉ dò tìm những bí mật của người khác. Nên giống với mẫu ma xó. Tô Hoài yên lặng để thu lại tiếng nói của đám hay chữ. Nên rất gần với kiểu gián điệp. Tô Hoài nắm được nhiều chuyện thâm cung bí sử. Thuyết này giải thích Tô Hoài biết thuật tàng hình. Số khác đề nghị khả năng khác đáng tin cậy hơn:

Tô Hoài rất giỏi bịa chuyện. Tôi thì xem Tô Hoài hao hao đàn bà, vì cái gì ông cũng để bụng. Lại đem nó ra nhỏ to với chúng ta. Nghe ông kể, vừa buồn cười, vừa đau.

(Hà Thanh Vân)

Nhà văn Tô Hoài: Con đẻ thích lang thang giờ bước đi đã chậm

Mùa xuân này nhà văn Tô Hoài bước sang tuổi 91, vợ ông, bà Nguyễn Thị Cúc cũng đã ở tuổi 85. Gần 70 năm gắn bó đời vợ chồng từ lúc cuộc sống còn nhiều vất vả cho đến lúc tóc bạc, răng long, với người phụ nữ Hà thành đài các thưở xưa, chồng bà, nhà văn Tô Hoài vẫn là con đẻ thích lang thang, nhưng say đi vì say viết chứ không say thêm điều gì khác.

Bà Cúc kể, năm nay dù mắt ông đã không còn tinh tường, muốn xem tin tức phải có người đọc báo giúp, chân tay ông làm mọi việc đều khó khăn nhưng ông vẫn khoe bà, tết này viết được hai bài báo. Bà Cúc kể, hai bài báo đó trước đây ông chỉ viết trong một ngày, nhưng giờ đây để có hai bài báo chưa đầy 3000 chữ ông phải viết nó trong cả tháng. Nhưng ông ấy hoan hỉ lắm, bà kể.

Ông ấy chẳng thay đổi gì

Người phụ nữ đài các Nguyễn Thị Cúc thưở xưa giờ vẫn đẹp. Bà kể rằng, khi nhìn thấy Tô Hoài lần đầu tiên trong dịp ông về nhà cùng với anh trai mình, bà đã nhận thấy sự khác thường của người thanh niên ấy. Nhìn đôi dép cao su mòn vẹt làm bà tin ngay lời anh trai kể, ông ấy đã đi bộ nhiều năm từ nhà lên trường ở phố Hàng Than để học. “Anh ấy chỉ mặc một bộ đồ cũ kỹ duy nhất ấy trong nhiều lần đến nhà tôi”. Và cô gái lãng mạn thích thơ và hay đọc truyện ấy hiểu rằng, người đàn ông này có chí, nhất định sẽ làm nên sự nghiệp.

Ngày quen nhau ông ấy cũng đã có *Đế mèn phiêu lưu ký*, bà Cúc kể. Nhưng ngày đó văn chương của ông chưa nổi tiếng như thời sau này. Tuy nhiên có một điều bà Tô Hoài lấy làm ngạc nhiên là từ ngày đó cho đến những ngày theo ông đi tản, những ngày hòa bình lập lại cho đến cả những ngày tháng nằm trên giường bệnh, tác giả của *Đế mèn phiêu lưu ký* chưa bao giờ ngừng viết. Bà luôn thấy ông viết khi tác phẩm được hân hoan chào đón, cả khi nhà xuất bản trả lại bản in, cả khi dư luận lên tiếng. “Mỗi ngày ông đều cầm bút và tập bản thảo của ông cứ dày theo thời gian”.

Tô Hoài là người dễ tính, lành hiền. Trong gia đình ông chẳng bao giờ cáu gắt với vợ con. Ông cũng rất dễ ăn, cho ăn gì là ăn nấy chẳng bao giờ đòi hỏi. Nếu vợ nấu món không thích, ông chỉ bảo hôm nay không muốn ăn chứ không giờ kêu ca, bà Cúc kể. Có điều đặc biệt là nhà văn không bao giờ nhớ được số điện thoại của ai, kể cả nhà mình. Bà Cúc bảo: “Cái gì ông ấy cũng cho là bình thường”. Có lẽ vì thế ngay cả những trận bút chiến nảy lửa về tác phẩm của mình diễn ra ở trên khắp mặt báo ông Tô Hoài cũng vẫn lẳng lặng ngồi vào bàn và tiếp tục viết.

Bà tiếp lời: “Ông ấy dễ tính ngay cả trong việc người ta cho là cần không gian sáng tạo. Có lần bạn đến nhà chơi, thoát cái không thấy tiếng ông đâu, và sau đó phát hiện ra nhà văn đang ngồi vắt vẻo trên một cái ghế và hí hoáy viết”.

Tô Hoài không có thói quen “quan trọng hóa vấn đề”. Việc nào xảy đến ông cũng bình tĩnh và suy xét, tự tìm câu trả lời cho những câu hỏi tại sao. Bà Tô Hoài kể, khi 10 năm, *Cát bụi chân ai*, *Chiều chiều* bị cấm in ông trở về xếp ngay ngắn tập bản thảo trên giá. Ông bảo, lúc này người ta chưa hiểu thì lúc khác sẽ phải hiểu. Thế rồi ông lại tiếp tục viết. Đối với Tô Hoài viết là việc cần phải làm mỗi ngày, cho dù ông không nhớ tất cả các tác phẩm và những câu chuyện mình đã kể trong khi có thể nhớ rất nhiều chuyện của bạn bè. “Ông ấy luôn viết trên cơ sở những suy nghĩ của mình chứ không vì những nhận xét của người khác mà thay đổi”, bà Cúc nhận xét về chồng.

Về những người bạn trong cuộc đời của Tô Hoài, bà Cúc cho biết, trong cuộc đời của ông có nhiều bè bạn, bà không nhớ hết tên những người bạn đã đến thăm ông. Bà cũng tin người như ông thì hiếm người ghét. Nhưng có một người bạn từ thưở hàn vi của ông mà bà không bao giờ quên đó là Vũ Ngọc Phan. Bà Cúc bảo: “cách mà ông ấy giúp cho chồng tôi một cái cần câu thay vì cho một con cá là cách ông Phan giúp cho Tô Hoài luôn vững một niềm tin để viết”. Chính vì thế cho đến bây giờ những người con của ông Phan như Vũ Tuyên Hoàng, Giáng Hương đều coi gia đình Tô Hoài như những người thân, bà Cúc kể.

Người đàn ông lành hiền

Nếu trong nghề viết Tô Hoài được công nhận, được rạng danh thì trong gia đình, theo bà Cúc ông chưa hẳn là người chồng, người cha lý tưởng, bởi “ông ấy lành lắm”. Sự lành hiền mà theo bà Cúc thường mang theo đi của vợ con ông nhiều cơ hội tốt. Bà Cúc kể, cái nhà ở Đoàn Nhữ Hài ông có được bây giờ là nhờ bạn, nhà ở Nghĩa Đô cũng do một người giúp đỡ tận tình mà có được. Cứ như ông ấy thì không khéo chẳng có nhà để ở, bà Cúc nói.

Cũng vì sự liêm khiết và luôn làm những điều mà mình cho là đúng nên cái thời người ta đi nước ngoài còn là cả niềm mơ ước, có thể làm giàu sau mỗi chuyến đi thì quà ông “Dế mèn” mang về cho vợ chỉ là một xâu ớt cay. Món quà giá trị nhất bà Tô Hoài nhận được từ chồng mà bà vẫn giữ đến giờ là một chiếc áo dài ông mua tặng bà sau một chuyến đi Lào.

Tất nhiên bà không giận ông về những điều đó, bởi bà hiểu không có ai hoàn hảo, và cuộc đời bà được ông bù đắp bằng những niềm tin mạnh mẽ hơn. Bà Tô Hoài kể, ông ấy thường nhận với bạn bè mình là con dế mèn, suy nghĩ cũng “dế mèn”. Và con dế ấy suốt đời lang thang. “Ông ấy đã đi không biết bao nước, đến hầu khắp tất cả các vùng ở Việt Nam”. Trước mỗi chuyến đi ông chỉ dặn bà vền vẹn một câu: “Ngày mai tôi đi bà ở nhà giữ gìn sức khỏe và chăm sóc con cái” rồi xách túi lên đường. Những ngày kháng chiến không nói làm gì, sau này hòa bình lập lại ông ấy vẫn coi những chuyến đi là tiền đề cho việc viết.

Nhà văn Tô Hoài từng cho rằng, Cervantes có được Đôn - ki - hô - tê là nhờ làm nghề đi thu thuế khắp đất nước, Cao Hành Kiện có Linh Sơn cũng nhờ những chuyến về thăm vùng phía Bắc Trung Hoa. Vì thế, cứ rảnh ông lại lên đường. Chính vì quan niệm đó sau mỗi chuyến đi Tô

Hoài đều có sản phẩm. Chuyển lên Tây Bắc 8 tháng năm 1992 ông có Tập truyện Tây Bắc, Ba người khác cũng là sản phẩm sau ba năm làm đội phó phụ trách tòa án thời cải cách ruộng đất ở Hải Dương, Thanh Hóa, Thái Bình.

Dù đi nhiều nhưng bà Tô Hoài thừa nhận: “Tôi chưa từng phải bận lòng về những chuyến đi của ông ấy”. Bà cười bôm bẻm mà rằng: “Sau những chuyến đi ông ấy vẫn trong trắng trở về”. Cho dù, nhiều bạn bè của nhà văn từng đến nhà ông to nhỏ về những người phụ nữ, những đứa con riêng. Nhưng bà Tô Hoài thì luôn tin niềm tin của mình là đúng. Chính niềm tin giản dị ấy giúp cuộc sống của ông bà luôn khăng khít cho đến tận bây giờ.

Giờ đây, ông sống với vợ chồng người con gái làm bác sĩ ở Nghĩa Đô. Ông cùng lúc mắc nhiều triệu chứng của bệnh tiểu đường, bệnh gút nên ở cùng con gái để tiện việc chăm sóc. Vào mỗi dịp cuối tuần hay lúc nhớ ông bà lại bắt xe về dưới đó thăm ông. “Ông ấy ham đọc, có bất cứ thứ gì trên tay đều đọc hết, vậy mà giờ đây muốn biết tin tức phải có người đọc báo cho nghe”, bà Cúc rưng rưng. Tuy nhiên, nhà văn Tô Hoài chưa ngừng viết. Bà Cúc kể, dù việc cầm bút đã khó khăn rất nhiều do tay ông bị run nhưng những lúc tinh thần minh mẫn là Tô Hoài ấy lại cầm bút. Bà Cúc kể, mới đây khi xuống thăm ông, ông vừa khoe bà năm nay vẫn viết được hai bài báo Tết.

Năm 2009 nhà văn phải nhập viện mấy lần, thời gian này ông vẫn phải ngồi xe lăn nhưng trong căn phòng làm việc cửa đóng kín cả ngày vẫn bẽ bộn giấy tờ trên bàn viết. Ông vẫn ấp ủ một tiểu thuyết về thời bao cấp với vốn sống 7 năm làm tổ trưởng tổ dân phố ở Đoàn Nhữ Hải. Nhà phê bình Vương Trí Nhàn đã đúng khi viết rằng Tô Hoài vẫn đặt bàn viết giữa cuộc đời.

baodatviet.vn